

TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN TUỆ CHÂN
Biên dịch



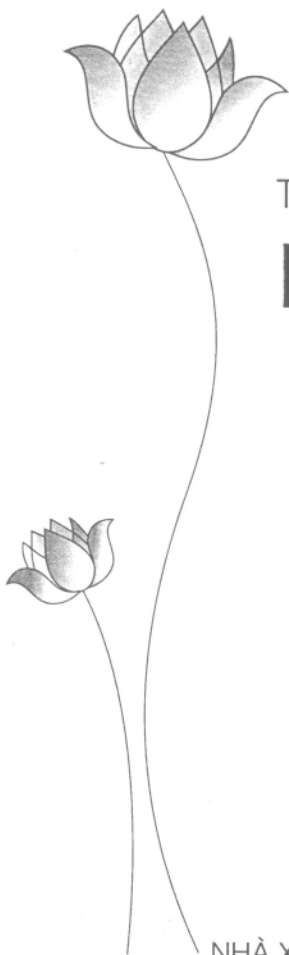
TOÀN TẬP GIẢI THÍCH PHÉP THẦN THÔNG PHẬT GIÁO



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TOÀN TẬP GIẢI THÍCH
phép thần thông
PHẬT GIÁO

TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO



TOÀN TẬP GIẢI THÍCH
phép thần thông
PHẬT GIÁO

BIÊN DỊCH

NGUYỄN TUỆ CHÂN



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TOÀN TẬP GIẢI THÍCH PHÉP THẦN THÔNG PHẬT GIÁO

Nguyễn Tuệ Chân *biên dịch*



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Nhà số 4, lô 11, Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT : 04. 5566701 - 5566719 Fax : 04. 5566702



Chịu trách nhiệm xuất bản : **NGUYỄN CÔNG OÁNH**

Biên tập : **Nguyễn Tường Long**

Trình bày : **Thanh Lan**

Về bìa : **Hs. Nguyễn Hùng**

Sửa bản in : **Trịnh Hòa**



CÔNG TY CP VĂN HÓA VĂN LANG - NS. VĂN LANG

40-42 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT : 8.242157 - 8.233022 - Fax : 84.8.235079



In 1000 cuốn khổ 14.5x20.5cm tại Cty Cổ phần Văn hóa Văn Lang.

Số đăng ký KHXB 343-2008/CXB/335-140/TG ngày 22.04.2008.

QĐXB số: 676/QĐ-TG ngày 21.08.2008.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2008.

LỜI NÓI ĐẦU



Đầu kỷ nguyên, khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, hầu như mọi học thuật, từ triết học, luận lý học, dân tộc học đến văn học, âm nhạc, kiến trúc, hội họa, ngôn ngữ học... đều chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng Phật giáo, trong đó không ngoại trừ khái niệm về “thần thông”.

Xưa nay, người ta vẫn coi “thần thông” thuộc phạm trù mê tín. Còn Phật giáo đã định nghĩa như thế nào về “thần thông”? Phật giáo có “thần thông” hay không? Quyển sách nhỏ này, trong một giới hạn nhất định, sẽ giải đáp một phần những vấn nạn đó, giúp bạn đọc có cái nhìn tương đối chính xác về “thần thông”, đúng như Phật giáo quan niệm.

Do bị hạn chế bởi kiến giải và phương pháp trình bày, nhất là đề tài sách vốn thuộc loại “huyền tượng” nên không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được bạn đọc thông cảm.



Thần thông gần như là đề tài mê hoặc nhiều người, nhưng cũng dễ gây ra tranh luận. Bởi vì rất nhiều người hiểu kỳ nhưng thiếu hiểu biết với phép thần thông, nên đã bị thần thông giả lừa bịp, gây ra rất nhiều bi hài kịch. Thật ra, thần thông trong Phật giáo vốn không giống với thần tích. Mặc dù hai loại này với một số người, có thể rất khó phân biệt, nhưng đối với những người muốn tìm hiểu chính xác về hiện tượng thần thông, tri thức này hết sức quan trọng.

Đối với phép thần thông, Phật giáo đưa ra ba loại nguyên tắc xác định:

1. *Thần thông là lực lượng tự chủ*: Phật giáo cho rằng, thần thông là lực lượng mang tính tự chủ, do tu hành mà thành, rất ít có chuyện báo đắc tự nhiên. Do đó, bất kỳ hiện tượng thần dị nào không sản sinh một cách tự chủ, Phật giáo không cho đó là thần tiên. Cũng vậy, các loại sức mạnh “thần kỳ” được hiển hiện bởi các hiện tượng như bị nhập thân, không thể tự biết..., không phải là thần thông được tự chủ.

2. *Thần thông là tác dụng của sự sáng tỏ*: Phật giáo định nghĩa rất nghiêm khắc đối với thần thông, các loại thần thông, ví dụ như thiên nhãn, tức có khả năng minh

chiếu rõ ràng chiếu ngai ngoài hiện tượng, mà vẫn có năng lực suy đoán vị lai theo hiện tượng nhân duyên. Các loại thần thông thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh... cũng thế. Vì vậy, các loại hiện tượng “thần dị” nào đó có cảm ứng không xác định, tin báo không rõ ràng, tác dụng như có như không... vốn không phải là thần thông.

3. Thần thông có thể lập lại một cách ổn định: Thần thông Phật giáo, vốn không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, để có thể không ngừng được hiển thị. Do đó, hiện tượng cảm ứng hoặc thần kỳ do ngẫu nhiên không thể lập lại một cách ổn định, vốn không phải là thần thông.

Ngoài ra, Phật giáo còn nhận định:

1. Thần thông có giới hạn: Mặc dù sức mạnh của thần thông có vẻ vô cùng lớn mạnh, nhưng vẫn chịu hạn chế của điều kiện nhân duyên không thể nào thay đổi nghiệp lực. Do đó mới có cách nói “thần thông không địch nổi với nghiệp lực”. Vì vậy, nếu như muốn dùng thần thông trừ bỏ ác nghiệp tạo nên bởi quá khứ, hoặc vô căn cứ có được phước báo, là điều không thể xảy ra.

2. Sức mạnh thần thông là tương đối: Sự tu hành khác nhau, điều kiện nhân duyên khác nhau, sức mạnh thần thông cũng sẽ khác nhau. Cùng là một người nhưng trong tình cảnh, điều kiện nhân duyên khác nhau, sức mạnh thần thông cũng có thể sản sinh nhiều khác biệt.

3. Thần thông là kỹ thuật thông qua tu luyện đạt tới thành tựu: Mặc dù phương thức để đạt được thần thông có rất nhiều loại, nhưng trọng điểm vẫn là thần thông được phát khởi từ thiền định. Nhưng, nếu nhiều người cho rằng nhập định có thể sản sinh thần thông cũng vẫn sai lầm.



Từ các chi tiết trên, có thể thấy Phật giáo định nghĩa rất nghiêm khắc về thần thông, đồng thời cũng có một hệ thống lý luận và phương pháp tu tập, đáng tiếc đại đa số mọi người không thể nhận biết về thần thông một cách chính xác, thường do mê tín phi lý nên sa vào con đường lầm lạc.

Sách này tiến hành giải thích một cách hoàn chỉnh về bản chất nguyên lý hệ thống giới hạn của thần thông Phật giáo, giúp bạn đọc có thể có một số tri thức liên quan đến thần thông Phật giáo.



Chương 1

Thần thông là gì?

Bấy giờ, vào đêm mùng 7 tháng 2, Bồ Tát dùng lực từ bi, hàng phục ma nơi bản thân, phóng hào quang rực rỡ, liền nhập định tư duy về chân lý, thiên định tự tại trong chữ pháp, biết rõ thiện ác quá khứ tạo nên, từ thân này sinh thân khác, cha mẹ quyến thuộc, nghèo giàu quý tiện, thọ yếu dài ngắn, tên họ, đều biết rõ ràng, liền khởi tâm đại bi đối với chúng sinh...

Bấy giờ, Bồ Tát vào lúc nửa đêm, đắc được thiên nhãn, quan sát thế gian, thấy rõ biết rõ tất cả, giống như có thể nhìn thấy mặt mũi trong gương sáng vậy, biết các chúng sinh, chủng loại vô lượng, sinh tử từ thân này sang thân khác, theo việc làm thiện ác mà chịu quả báo khổ vui.

“Quá khứ hiện tại nhân quả kinh”

THẦN THÔNG LÀ GÌ?

Muốn hiểu một cách triệt để về thần thông, căn bản phải từ thân của Đức Phật, mới có thể tìm ra câu trả lời hoàn chỉnh.

Mặc dù hiện tượng không thể nghĩ bàn của thần thông, vốn không phải bắt đầu từ Đức Phật, từ xưa đến nay đã có

các loại hiện tượng thần tích, thần bí cũng như các lực lượng thần thông siêu tự nhiên. Các lực lượng này có loại nguồn gốc từ tôn giáo hoặc các nguồn gốc thần bí khác, nên tìm hiểu các hiện tượng thần bí này, không phải là nguồn gốc duy chỉ Đức Phật có.

Thế nhưng, nếu muốn lìa bỏ căn do của các lực lượng này một cách rõ ràng, không phải là việc quá thần bí. Thậm chí xây dựng hoàn chỉnh hệ thống lý luận, phương pháp tu tập, nắm bắt được quy ước về sự hợp lý, không thể không bắt đầu từ Đức Phật.

Thần thông mà Đức Phật đạt được, phải được bắt đầu từ nhân duyên ngộ đạo của Đức Phật dưới gốc bồ đề. Thần thông của Đức Phật, đối lập với các thần thông bình thường, có sự đặc biệt, khác hẳn các loại khác. Thần thông của Phật đạt được khi chứng được vô thượng chánh giác, nên đầy đủ sáu loại lực lượng, tức *thiên nhân, thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh, như ý, lậu tận lực thông*. Sáu loại sức mạnh này, chỉ là phân loại cơ bản, kỳ thực, trong đó còn hàm chứa các sức mạnh có thể phát huy khác, nên trong việc tìm hiểu về Phật lực, có Phật Đà thập lực hoặc các loại bất cộng pháp của Đức Phật. Ở đây trước hết, giảng giải, tìm hiểu cơ bản sáu loại sức mạnh thần thông.

Đầu tiên, chúng ta hãy xem quá trình tu hành của Đức Phật, khi Ngài rời bỏ con đường khổ hạnh, chuyển sang tu theo trung đạo, đạt tới ngộ đạo. Từ đó, chúng ta cũng có thể hiểu được rằng, nếu thân thể quá suy nhược, ắt quá trình tu hành rất khó dẫn phát từ thiên định, cảnh giới ngộ, đến thần thông cao thâm.

Hãy trở về 2500 năm trước, với bối cảnh Như Lai ngộ đạo chứng thành viên mãn thần thông dưới gốc bồ đề, theo

dấu tích của Đức Phật, khai mở thứ tự của quá trình tu chứng thần thông.

Giác ngộ đạo và thần thông của Phật Đà

Làn gió thổi nhẹ, dòng sông Ni Liên Thiên thật trong trẻo trôi chảy rất êm đềm.

Lúc ấy, bỗng nhiên có một người, toàn thân gầy nhom như một cây khô, cơ bắp gần như đã khô queo, da bọc xương, hệt như lớp da treo trên bộ xương, run rẩy lê bước chân, đi xuống sông Ni Liên Thiên.

Toàn thân người đều biến thành màu xám đen, chỉ lộ ra một vài chấm nhỏ màu vàng nhạt, dùng hình ảnh gầy hơn que củi vẫn chưa đủ để hình dung về tình trạng thân thể của người, từng đốt từng đốt xương sườn nổi lên một cách rõ ràng, bụng hoàn toàn dán sát vào sống lưng. Con người sao lại có thể suy nhược đến mức đó vẫn không chết, thật cũng đã kỳ lạ lắm rồi.

Y dầm mình trong dòng nước tắm rửa một cách chậm chạp, tắm xong, dường như y muốn đứng lên, nhưng chợt hoa mắt, cơ thể bỗng ngã ngửa ra sau, sắp chìm ngấm trong dòng nước vô tình. Đột nhiên, lúc ấy, tay của y bám được vào một cành cây rũ xuống như một phép lạ, may không bị nước cuốn trôi, y mới có thể vật lộn leo lên bờ.

Đã sáu năm rồi, Đức Phật trước khi thành đạo, đã trải qua sáu năm khổ hạnh hơn mọi người thường, mỗi ngày Ngài chỉ ăn một hạt mạch hoặc một hạt mè, để thân thể bị dày vò đến mức độ khôn xiết. Rốt cuộc, Ngài cũng tắm



Khi Đức Phật ngộ đạo dưới gốc bồ đề, dùng thần thông như ý hàng phục ma quân, viên mãn cù túc sáu loại thần thông.

xong, rồi đi đến rừng cây ven bờ sông nhận sự cúng dường của cô gái chăn dê Nan Đà Ba La.

Sữa dê cô gái chăn dê dâng lên, khiến Ngài khôi phục được một chút thể lực. Ngài một mình bước đi đến dưới cây bồ đề trải cỏ cát tường dưới gốc, đó chính là Kim Cang thực tọa mà Ngài quyết tâm ngồi tới khi giác ngộ đạo. Ngài thề rằng: “Nếu không thành tựu chính đẳng chính giác, ta thề không đứng lên khỏi chỗ này!”.

Thái tử ngồi dưới gốc cây tiến vào thiền quán thậm thâm, Ngài cầu đạo một cách tinh cần, gây ra chấn động cực lớn nơi Ma cung.

“Chẳng lẽ thái tử Tất Đạt Đa muốn thoát khỏi tay ta sao?”.

Tức thì Ma vương phái ba cô con gái yêu mị khả ái đến mê hoặc Ngài, tìm đủ mọi cách khêu gợi để Ngài bỏ sự tu

hành. Không ngờ dung mạo tươi trẻ xinh đẹp của bọn họ, trong chớp mắt lại trở thành da mồi tóc bạc, răng cở lung lay như một lão bà, chúng tử hổ bỏ chạy.

“Thật khả ố! Không một người nào có thể thoát khỏi sự khống chế của ta!”.

Ma vương lập tức hiện ra bộ mặt hung ác, cuốn lên trận cuồng phong dữ dội, như muốn nhổ phăng rễ cây rừng, đập tan thôn ấp lớn nhỏ bốn phía hóa thành cát bụi. Nhưng khi thổi đến gốc bồ đề lại không thể làm tà áo của Đức Phật lay động.

Ma vương lập tức vận dụng pháp lực, khiến không trung nổi lên trăm ngàn lớp mây đen như mực, tuôn mưa lớn xối xả, mưa dữ dội như có thể cuốn phăng đất đai, ngập chìm rừng núi, nhưng không ướt nổi tà áo của Đức Phật.

Trên không lại trút xuống những trận mưa đá, núi phun lửa nóng, giống như núi lửa bùng nổ, dung nham từ trên không bay xuống như mưa, nhưng khi chạm đến thân Bồ Tát, đều hóa thành những đóa thiên hoa đẹp đẽ.

Lần này từ trên trời lại trút xuống đao, thương như mưa, trong chớp mắt các loại đao, thương một mũi hoặc hai mũi, phát ra lửa nóng bay loạn xạ trên không, nhưng khi bay đến bên cạnh Bồ Tát, đều biến thành những hoa báu ngũ sắc.

Ma vương dùng hết mọi tà phép, đều không thể lay động sự tinh cần của người tu đạo, cuối cùng phải rút lui.

Trong quyển 53 của bộ “A Tỳ Đàm Tỳ Ba Sa luận” đề cập tới quá trình hàng phục Ma vương, miêu tả sinh động như sau:

Lúc bấy giờ Bồ Tát nghĩ thầm: “Nếu như có tranh chấp với người thường, vẫn không thể khinh suất, huống hồ là đối đầu với Ma vương là đấng chí tôn trong Dục giới”.

Thế rồi, Bồ Tát nhất tâm quán sát con đường ly dục, mau chóng rời xa dục vọng của dục giới, sinh khởi thần thông sơ thiên, có thể biến hóa ra các loại cảnh giới tương đối ứng.

Vì thế, khi ma chúng hóa thành hình chim đến để khủng bố ngài, ngài liền hóa làm mèo rừng đuổi bắt. Ma hóa thành mèo rừng, ngài liền hóa thành chó sói để xua đuổi. Ma hóa thành chó sói, ngài hóa thành con beo hung mãnh. Ma hóa thành beo, ngài liền hóa thành cọp. Ma hóa thành cọp, Ngài liền hóa thành sư tử. Ma hóa thành sư tử, ngài liền hóa đao kiếm. Ma sinh ra lửa nóng ngài liền hóa mưa. Ma hóa mưa, ngài hóa thành dù lọng. Bồ Tát lại hóa hiện cung điện lưu ly rồi an trú trong đó để bảo hộ thân thể, nhưng không làm chướng ngại mắt. Cuối cùng Bồ Tát dùng tay đè đại địa, muốn đại địa phải chứng minh phúc đức của mình. Đại địa phát thanh chứng minh, nên Ma vương chỉ đành dẫn theo 16 ức ma quân rút lui chạy mất.

Do đó, Bồ Tát vì cần thiết hàng phục Ma vương, nên hiển thị như ý thông, thần túc thông là những thần thông tương đối khó dưới cây bồ đề để hàng phục Ma vương.

Thứ tự chứng đắc thần thông của Đức Phật

Xét thông thường, trong lục thông, thiên nhãn thông tương đối dễ tu hơn, nhưng Đức Phật trước khi thành đạo không phát khởi thiên nhãn thông trước, mà phát khởi như ý thông.

Trong quyển 28 bộ “Đại Trí Độ luận” giải thích nguyên nhân Bồ Tát đắc Như Ý thông trước: “Vì sao Bồ Tát không

đắc thiên nhân trước?” đáp: “Bồ Tát với mọi chư pháp đều dễ dàng, không hề khó khăn, những người khác căn cơ chậm chạp, nên mới có khó có dễ”. Vào lúc canh một, Ma vương hiện đến định chiến đấu với Bồ Tát, Bồ Tát dùng sức thần thông hiện ra các loại biến hóa, khiến binh khí của ma quân đều hóa thành chuỗi anh lạc. Tiếp đến, Bồ Tát lại tiếp tục nghĩ về thần túc thông, khiến cho được đầy đủ. Sau khi sinh khởi tâm niệm, lập tức chứng nhập và đắc được đầy đủ thần túc thông. Bồ Tát liền suy nghĩ vì sao bản thân lại có được thần lực lớn như thế, liền cầu túc mạng minh, hiểu biết được do sức mạnh phúc đức tích tụ hoàn thành từ nhiều kiếp”.

Ở đây Bồ Tát trước tiên đạt được như ý thông, tiếp đến thể ngộ nguyên do sức mạnh quảng đại, chứng đắc túc mệnh thông. Điều này giống như trong “Phương Quảng Đại Trang Nghiêm kinh” viết: “Vào canh ba ngài nhiếp trí tâm, chứng đắc trí huệ của việc biết không thể túc mạng quá khứ, thông quán tình trạng đầu thai thọ sinh trong quá khứ bản thân cũng như của người khác, hoàn toàn hiểu biết biến hóa nhân duyên thời gian từ một đời, hai đời đến mười đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, ức đời, bách ức đời, thiên ức đời... cho đến thành kiếp, hoại kiếp cũng như thành kiếp, hoại kiếp của vô lượng, Ngài đều hoàn toàn nhớ hết. Hết thấy trú xứ, bất luận là tên hoặc họ, tướng mạo, ăn uống, khổ, vui, sống, chết... Tất cả hình tượng, trú xứ, sự nghiệp, bất luận của bản thân hoặc của người khác đều hoàn toàn hiểu biết tận cùng”.

Bồ Tát vào lúc đắc được túc mệnh thông, ma quân rút lui, liền sinh khởi tâm của nhất thiết từ mẫn. Lúc ấy Bồ Tát không nhìn thấy ma chúng, liền tâm niệm ma chúng, nhưng

không nghe được âm thanh của chúng, cho nên lại sinh khởi thiên nhĩ thông, để nghe được âm thanh của chúng.

Bấy giờ Bồ Tát liền chứng đắc được thiên nhãn thông, bộ “Quá khứ, hiện tại, nhân quả kinh” viết: “Bấy giờ Bồ Tát giữa đêm, liền đắc được thiên nhãn thông, quán sát thế gian, hoàn toàn nhìn thấy được tất cả. Cũng giống như trong gương sáng vậy, soi thấy diện mạo bản thân, nhìn thấy hết thấy chúng sinh, có chủng loại vô lượng, chết ở nơi này và sinh ở nơi khác, tùy theo việc thiện, việc ác đã làm, thọ nhận quả báo khổ, vui”.

Bồ Tát dùng thiên nhãn quan sát, dùng thiên nhĩ nghe biết chúng sinh trong thập phương ngũ đạo. Vì muốn biết được tâm niệm của họ lại sinh khởi tha tâm thông.

Cuối cùng, trải qua bảy ngày thiền quán trên Kim Cang tọa, lúc rạng sáng, khi sao mai mọc lên ở phương Đông, Bồ Tát hoát nhiên đại ngộ, chứng được sự giác ngộ viên mãn vô thượng, thành quả vị Phật.

Ngài đạt được Túc Trụ Trí vào đầu đêm, chứng đắc Thiên Nhân Trí Minh vào giữa đêm, quan sát thập nhị nhân duyên lưu chuyển sinh mệnh vào cuối đêm, đạt đến Nhất Thiết Trí khi mặt trời mọc.

Đức Phật cùng với việc chứng ngộ được vô thượng chính đẳng chính giác, không những cụ túc dứt đoạn hết phiền não lậu tận thông, đồng thời cũng đầy đủ năm loại thần thông: Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh, như ý.

Với sáu loại thần thông trên, năm thông trước người thường đều có thể chứng được, nhưng lậu tận thông thứ sáu, chỉ những bậc thánh đã giải thoát mới đạt tới được.

Một ngày kia, Đức Phật trú tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, ở thành Xá Vệ. Cùng lúc đó tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên và A Nan, trú tại Trúc Lâm tịnh xá nơi thành Vương Xá và cùng ở trong một phòng.

Lúc bấy giờ, vào đêm khuya tôn giả Xá Lợi Phất tán thán tôn giả Mục Kiền Liên: “Đêm nay ông an trú trong thiền định thâm thâm Tịch Diệt chính thọ, tôi không nghe được cả tiếng hô hấp của ông!”. Mục Kiền Liên trả lời: “Không phải tôi chứng Tịch Diệt chính thọ, mà là Thô Chính Thọ thiền định mà thôi. Nay tôn giả Xá Lợi Phất, thật ra vừa rồi tôi đang nói chuyện cùng Đức Phật”.

Xá Lợi Phất vô cùng kinh ngạc: “Này Mục Kiền Liên, Đức Phật trú tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, ở thành Xá Vệ, cách Trúc Lâm tịnh xá của chúng ta xa thăm thẳm, làm sao nói chuyện với ông? Thật sự có phải ông vận dụng sức mạnh thần thông thần túc thông tới nơi Đức Phật, hoặc Đức Phật dùng sức thần thông tới đây, để nói chuyện với ông không?”.

Mục Kiền Liên cười đáp: “Tôi vốn không vận dụng thần túc thông tới nơi Đức Phật, Đức Phật cũng chẳng dùng sức thần thông đến đây. Nhưng chúng tôi vẫn có thể nghe thấy nhau, đó là bởi duyên có Đức Phật và tôi đều đắc được quả thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông.

“Vừa rồi tôi hỏi Đức Phật: “Thế nào là ân cần tinh tấn?”, Đức Phật đáp: “Mục Kiền Liên, nếu như một vị tỷ kheo là người tu hành, ban ngày chăm chỉ kinh hành, thiền tọa, dùng các pháp môn không chướng ngại để tự làm thanh tịnh hành vi của mình, vào ban đêm cũng vẫn an tọa, kinh hành. Nửa đêm khi đi ngủ, sau khi rửa chân vào

phòng, hai chân giao với nhau, nằm nghiêng về bên phải, trong tâm vẫn tụng niệm về mình tướng, chính niệm, chính tri. Cuối đêm khi thức dậy, cũng an tọa, kinh hành, dùng pháp không chướng ngại giúp tâm mình thanh tịnh, đó gọi là ân cần tinh tấn”.

Xá Lợi Phất liền tán thán Mục Kiền Liên: “Đại Mục Kiền Liên, ông đầy đủ sức mạnh đại thần thông, sức mạnh đại công đức. Ông cứ ngồi an tọa, tôi cũng cùng ông đều đắc được đại lực đầy đủ...”.

Đoạn truyện kể trên, nằm trong quyển 18 sách “Ly A Hàm kinh”, ghi chép đầy đủ, tỉ mỉ sinh hoạt thường ngày của Đức Phật và đệ tử Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên vào 2500 năm trước, vận dụng thần thông đối với họ, hết sức phổ biến, gần gũi.

Từ câu chuyện kể trên, chúng ta thấy được sự tu trì thiền định thường ngày, hơn hẳn điện tín, điện thoại ngày nay, vận dụng sức thần thông như thiên nhãn, thiên nhĩ hỏi đáp một cách tự tại; càng không cần bàn đến khả năng phi hành tự tại, hoặc di chuyển tới nơi khác trong chớp mắt là của thần túc thông.

Từ Đức Phật và các đệ tử Ngài, chúng ta thấy được diện mạo biểu hiện tự nhiên của thần thông. Vậy thật ra thần thông là gì? Việc tu tập, hạn chế và phạm vi của thần thông ra sao? Điều này mọi người đều tò mò muốn tìm hiểu nhưng rất khó giảng giải rõ ràng diện mạo thần bí bất khả tư nghị, sách này sẽ phần nào giải đáp những thắc mắc ấy cho bạn đọc.

Ý NGHĨA CỦA THẦN THÔNG

Thần thông, là một loại năng lực siêu việt thế gian, có tác dụng biến hóa tự tại không hề chướng ngại. Nguồn gốc của loại năng lực này, chủ yếu thông qua tu tập thiền định và trí huệ đạt tới. Từ tác dụng của thần thông quan sát, chủ yếu có thể chia thành sáu loại hình, gồm năm loại thông: Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh, như ý và sáu là lậu tận thông.

Thiên nhãn thông tức có thể tự tại chiếu kiến hình sắc xa gần của hết thấy thế gian vạn vật, cũng như các loại hiện tượng khổ, vui của lục đạo chúng sinh.

Thiên nhĩ thông tức có thể tự tại nghe thấy các loại âm thanh thế gian, cũng như hết thấy ngôn ngữ khổ, vui của lục đạo chúng sinh.

Tha tâm thông tức có thể tự tại biết được tâm niệm của lục đạo chúng sinh gồm: trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Túc mệnh thông tức có thể tự tại biết được nhất sinh nhị thế, cho đến khi túc thế nhân duyên trăm ngàn vạn kiếp của bản thân và lục đạo chúng sinh.

Như ý thông hay còn được gọi là *thân túc thông*, tức có thể tùy ý biến hiện, thân thể có thể phi hành trong hư không, bay qua núi vượt qua biển, hết thấy hành động đều không hề chướng ngại.

Lậu tận thông, “lậu” có nghĩa là phiền não, *lậu tận* là dứt đoạn hết thấy phiền não, không còn chịu sinh tử và đạt tới giải thoát, thuộc về thần thông trí tuệ, đây là thần thông chỉ có ở những bậc thánh và Phật, Bồ Tát đã khai ngộ.

Từ sự giải thích trên, chúng ta có thể hiểu được, sáu loại thần thông của Phật giáo là sáu loại năng lực do Đức Phật sinh khởi dưới gốc cây bồ đề, hàng phục Ma vương, chứng đắc vô thượng bồ đề quảng độ chúng sinh. Trong sáu loại năng lực này, quan trọng nhất và cũng chủ yếu nhất, thù thắng nhất, là thần thông trí huệ vô thượng, cứu cánh của lậu tận thông mà Đức Phật chứng đắc cuối cùng.

Lục thông căn cứ vào công dụng của thần thông để phân biệt. Nhưng từ trước đến nay vẫn còn sự phân loại khác đối với thần thông, có cách phân loại dựa vào phương thức đạt được thần thông.

Như “Câu Xá luận” viết: “Thần cảnh có năm là tu, sinh, chú, được, nghiệp mà thành vậy”.

Như vậy đã chia ra năm loại thần thông:

1. *Tu đắc*: thần thông do sức tu hành phát khởi.
2. *Sinh đắc*: thần thông có được do phước báo vừa ra đời đã có.
3. *Chú thành*: sức thần thông do trì chú tụng niệm thành tựu.
4. *Được thành*: sức thần thông nhờ uống thuốc đạt tới được.
5. *Nghiệp thành*: thần thông do nghiệp lực mà có. Ở đây lại chia thần thông sinh ra (sinh đắc) có và thần thông do nghiệp lực thành.

Ngoại trừ bộ “Câu Xá luận”, trong bộ “Thuận Chính lý luận” và bộ “Hiển Tông luận” cũng áp dụng cách phân chia như vậy.

Quyển 15 bộ “Tông Cảnh lục” dựa theo phương thức đạt được thần thông, chia thần thông thành năm chủng loại:

1. *Đạo thông*: Thần thông được phát khởi do liễu ngộ lý thực tướng, thần thông cũng tức là ngoại trừ lậu tận thông của trí huệ giải thoát, đồng thời đầy đủ ngũ thông là thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh, như ý, cùng đồng thời đầy đủ thần thông của lục thông.
2. *Thần thông*: Chỉ năng lực thần thông được dẫn phát do sức thiền định.
3. *Y thông*: Sức thần thông có được do uống thuốc, bùa chú hoặc chú ngữ.
4. *Báo thông*: Sức thần thông có được do nghiệp lực quả báo, như thần thông của trời, a tu la, quỷ thần... đều thuộc loại này.
5. *Yêu thông*: Sức linh thông của yêu quái, tinh linh.

Trong bộ tiểu thuyết nổi tiếng về các truyện ly kỳ “Liêu trai chí dị” thường có chép rất nhiều về sức linh thông của quỷ mị, yêu quái, thường gặp nhất là ghi chép về “hồ tiên” (tiên cáo). Sách chép hồ tiên cư trú trong huyệt mộ, thường dùng huyền thuật biến mộ thành nhà đẹp, người bị mê hoặc được tiếp đãi rất nhiệt tình trong nhà, cơm, rượu no say, hôm sau tỉnh dậy phát hiện ra mình nằm trong bụi cỏ giữa nghĩa trang. Loại huyền thuật này chính là loại của yêu thông.

Còn các thiên thần ở trên trời, khi sinh ra là đã có túc mệnh thông, có thể biết được bản thân chết ở đâu, có công đức gì sinh lên cõi trời, loại thần thông vừa sinh ra đã có này chính là “thần thông do quả báo mà có”, hay còn gọi là “Báo thông”.

Quyển 20 bộ “Đại thừa nghĩa chương”, thần thông được chia làm bốn loại:

1. *Báo thông*: Do quả báo được sinh ra nơi cõi trời tứ thiên tự nhiên có được.
2. *Nghiệp thông*: Tự do bay trên trời do dựa vào được lực của tiên nhân (thông lực có do nghiệp).
3. *Chú thông*: Do Bà La Môn trì chú có được.
4. *Tu thông*: Thông lực do tu thiền định đắc chứng.

Còn trong quyển 3 bộ “Hoa Nghiêm Đại số” cũng dựa vào năng lực đạt được của thần thông, chia thành ba chủng loại khác nhau:

1. *Báo đắc thông lực*: Thần thông có được do quả báo nghiệp lực, như thiên nhân, quỷ thần sinh ra đã có thần thông, loại thần thông này chính là “Báo thông” nói ở trên.
2. *Tu đắc thông lực*: Thông lực do tu trì như Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác do tính thích ứng trì tam học trì giới, thiền định, trí huệ đạt được thần thông. Ngoài ra, các tiên nhân, thuật sĩ thông thường như tiên nhân Bà La Môn, người tu luyện Đạo giáo.... cũng có khi đạt được ngũ thông nói trên nhờ tu trì.
3. *Biến hóa thông lực*: Thần thông biến hiện đủ loại của thánh nhân tam thừa Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác.

Tổng hợp các cách phân loại trên, chúng ta có thể quy nạp thần thông thành bốn loại khác nhau như sau:

1. *Thần thông của quỷ thần.*
2. *Thần thông có được do chú thuật, bùa chú, được liệu.*
3. *Thần thông do thiền định.*
4. *Thần thông do trí huệ.*

Dưới đây sẽ phân biệt giới thiệu bốn loại thần thông này, hy vọng giúp mọi người có được hiểu biết hoàn chỉnh đối với hệ thống thần thông.

THẦN THÔNG CỦA QUỶ THẦN

Như nói ở trên, thần thông của quỷ thần thuộc về thần thông có được do phước báo, cũng tức siêu năng lực mà loài người không có, nhưng hình thái sinh mệnh này cũng như thiên nhân, quỷ thần khi sinh ra là đã có.

Ví dụ một cách đơn giản hơn như so sánh giữa loài người và loài chim, chim có thể bay lượn trên không trung, đối với loài người đấy cũng là một loại thần thông. Ví dụ như loài chó đối với cảm ứng của quỷ thần là vô cùng nhạy bén. Loại năng lực cảm ứng này, loài người văn minh cũng không có. Chỉ từ các thần thông mà ta thường gặp này, đã được chúng ta an lập trong phạm vi của sự giải thích hợp lý, không còn bị quy nạp vào trong lĩnh vực thần bí.

Thực sự, năng lực thần thông của quỷ thần, cũng có nguyên lý tương đồng. Nhưng, do chúng ta không có được nhiều sự hiểu biết về sinh mệnh của các loại hình thái sinh mệnh ngoài loài người, thêm vào đó, khi bàn tới quỷ thần thường bị phủ lên một lớp thần bí, khó hiểu của vỏ bọc tôn giáo. Nên thái độ phần lớn người ta nếu không phải mê tín một cách mù quáng, lại có thái độ “kính quỷ thần nhi viễn chi”, né tránh không nói đến, hoặc kiên quyết dùng “khoa học” kiểm chứng, dù đó là phạm vi hiện nay khoa học không cách nào kiểm chứng được nên liền phủ định hết các hiện tượng này, không nhìn nhận khách quan được nữa.

Trước khi nghiên cứu thần thông của quỷ thần, chúng ta hãy xem xét về hình thái sinh mệnh của quỷ thần và vị trí chúng an lập trong toàn bộ thể giới sinh mệnh.

Quỷ thần của Phật giáo

Trong Phật pháp, nếu phân loại các hình thái sinh mệnh vốn có, chủ yếu chia thành sáu loại, tức là “lục đạo”: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a tu la, người, trời, tức sáu loại thể giới. Quỷ, thần trong Phật pháp, có phạm vi bao hàm rất rộng như: quỷ ngoại trừ chỉ chúng sinh cõi ngạ quỷ, địa ngục, còn bao gồm cả các sinh mệnh phi nhân nằm giữa cõi ma và cõi trời như dạ xoa, a tu la, ma hầu la già...

Trong lục đạo, ngoại trừ người và súc sinh, bốn đường còn lại đều có sức thần thông do nghiệp báo mà được, chính là thần thông khi sinh ra đã có.

1. *Địa ngục pháp giới*: những chúng sinh cụ túc tham, sân, si, phiền não, tạo ra ác nghiệp nặng, phải chịu cảnh giới cực khổ trong địa ngục. Chúng sinh trong địa ngục, khi sinh ra đã biết được mình tạo nghiệp ác gì từ kiếp trước nay phải xuống địa ngục chịu quả báo.
2. *Ngạ quỷ pháp giới*: sinh mệnh của cõi ngạ quỷ, trong miệng đầy lửa nóng, bất kỳ thứ gì đưa vào miệng đều biến thành than đỏ, không cách nào nuốt được; cổ họng của chúng bé nhỏ như mũi kim, nhưng bụng to như cái lu, cái bình, muốn ăn nhưng không thể ăn, do lòng tham mà sinh ra vậy. Phật giáo tiến hành phóng diệm khẩu trong lễ vu lan bốn vào ngày rằm tháng 7 âm lịch, chính là muốn tiêu trừ diệm hỏa (lửa nóng) trong miệng



Sáu nẻo luân hồi (Lục đạo luân hồi)

ngạ quỷ, khiến chúng có thể ăn uống đầy đủ no nê, vì thế dùng cam lộ rảy sạch, dập tắt diêm hỏa trong miệng của chúng.

3. *Súc sinh pháp giới*: Súc sinh là do ngu si thọ báo, đó là một thế giới ăn thịt lẫn nhau, không ngừng chịu luân hồi thọ báo. Hết thấy động vật như chim, thú, sâu, cá... đều thuộc về cõi này. Gọi là “súc sinh” tức nghĩa do loài người nuôi dưỡng, chủ yếu là gia súc, gia cầm. Chúng sinh cõi súc sinh, phần lớn mạnh nuốt yếu, chịu các loại khổ, thường bị thiên, nhân loại xem như thức ăn, hoặc là bị sử dụng cho công việc nặng nề như vác, cày bừa.... không được tự do.
4. *Tu la pháp giới*: Tu la có phước báo như cõi trời, nhưng không có đức hạnh cõi trời, bản tính ưa đánh nhau, thích sân hận. Rất nhiều Đại Tu la vương có thần thông như thiên thần, không những có thể tự tại bay lượn, mà còn có thể chạm tới nhật, nguyệt (mặt trời, mặt trăng).
5. *Nhân pháp giới*: Cõi người của nhân loại. Nhìn từ quan điểm Phật pháp, sinh hoạt cõi trời quá an nhàn, cõi Tu la lòng sân quá nặng, còn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì khổ, báo ngàn ngút, nên trong đó chỉ có nhân gian khổ và vui đều có, thích hợp tu hành, vì vậy loài người là cột trụ đứng giữa lục đạo, là chủ thể tạo nghiệp.
6. *Thiên pháp giới*: trong Thiên pháp giới, có sinh mệnh do tu tập mười loại thiện hạnh có sức phước đức được sinh lên cõi trời, cũng có người do tu tập thiện định được sinh cõi trời, đó thuộc về cõi trời Sắc giới, cõi trời Vô Sắc giới, có thể được phước báo cõi trời, thân thắng lạc của cõi trời. Thiên nhân có thần thông ngay lúc sinh ra, có thể biết được bản thân mình do công đức gì được sinh lên cõi trời, cư trú trong hư không, có thể tự tại bay lượn trên không trung.



Lục đạo nói trên còn được gọi là lục phàm, thêm vào cảnh giới của bốn bậc thánh là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác thành cái gọi là “Thập pháp giới”.

Phương thức phân loại của “Thập pháp giới” nói trên, là loại biệt chủ yếu, giữa các pháp giới này, vốn không chia biệt rõ ràng như vậy. Ví như, một số thiên thần, kỳ thực chính là Dạ Xoa vương tạo phúc đức lớn, có khi được xếp vào loại thiên thần, như Tỳ Sa Môn Thiên vương. Các quỷ thần thông thường hay nói đến như các quỷ thần cấp cao, phần lớn là thiên thần từ cõi trời dục giới trở lên; còn gần nhất với chúng ta, là các thiên thần cõi trời dục giới, các quỷ thần cấp thấp hơn, lại thuộc về loại đa tài quỷ, phần lớn phải dùng con vật để tế.

Thiên thần của Phật giáo

Thiên thần của Phật giáo, gọi là Thiên (Phạn ngữ *Deva*), dịch âm tên Phạn Đề Bà, dịch nghĩa là thiên thần, thiên đạo... Chữ *Deva* trong Phạn ngữ có nghĩa là người trời hoặc bậc tôn hiên. Thiên thần vốn có túc mệnh thông ngay từ khi sinh ra, có thể biết được kiếp trước mình đã tạo công đức gì, nên được sinh lên cõi trời hưởng thụ sự khoái lạc của ngũ dục. Và khi thọ mạng nơi cõi trời sắp hết, thân tâm họ cũng sẽ xuất hiện năm loại điềm báo để dự cảnh, đó chính là cái gọi là “Thiên nhân ngũ suy”. Trong tác phẩm của tiểu thuyết gia Nhật Bản trứ danh Tam Đảo Do Kỳ Phu, từng dùng đề tài này cảm thán một cách ẩn dụ sự mất đi cảnh đẹp của đời người.

Ngũ suy của trời là chỉ khi phúc báo của thiên thần sắp hết, lúc sắp mệnh chung, năm loại hiện tượng suy bại hiện ra nơi thân tâm.

Tướng của ngũ suy phân biệt gồm: (1) Hoa quán trên đỉnh tự nhiên tàn lụi; (2) Thiên y xuất hiện vết dầu dơ bẩn; (3) Dưới nách chảy mồ hôi; (4) Mất định lực, không còn vui vẻ nơi bản tọa; (5) Vô mùi hôi và dơ bẩn nơi thân mình, ngọc nữ bên cạnh thân chán ghét lia xa.

Ngoài tướng của năm loại suy bại kể trên, còn có những điềm báo sau: bình thường khi thiên thần chuyển động tới lui, các khí cụ mỹ diệu trang nghiêm trên thân sẽ tự nhiên phát ra năm loại âm thanh, nhưng khi thọ mạng sắp hết, không phát ra âm nhạc nữa. Và hào quang trên thân sẽ chuyển sang u ám không còn rực rỡ, bình thường hào quang trên thân của thiên thần rất rực rỡ, ngày đêm luôn luôn chiếu diệu, nhưng khi sắp mệnh chung, hào quang trên thân sẽ dần dần thu nhỏ và tối lại, giống như ngọn đèn sắp tắt.

Làn da của thiên thần rất mịn màng vì diệu, vì thế sau khi tắm, một giọt nước cũng không thể đọng trên thân, nhưng khi sắp mệnh chung, do làn da trở nên thô ráp, nước sẽ đọng trên thân.

Bình thường, thiên thần trong mọi hoàn cảnh, khí cụ sinh hoạt vui chơi đều vô cùng thù thắng vì diệu, các căn trên thân đều giống như hỏa luân xoay chuyển, không hề ngưng đọng. Nhưng khi sắp mệnh chung, do thân lực hư nhược, nên mất chớp thường xuyên không yên ổn.

Trong thế giới quan của Phật pháp, sự tồn tại của sinh mệnh có thể tạm chia thành ba thế giới có tầng lớp khác nhau, tức tam giới gồm: Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, trụ xứ của chúng sinh cõi trời, cũng ở trong tam giới này.

Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, tổng cộng có 28 cõi trời. Tứ Đại Thiên Vương mà chúng ta quen thuộc, cõi trời Tứ thiên vương nơi họ tồn tại, chính là tầng trời thứ nhất bắt đầu của Dục giới.

Còn Thiên chủ của Đạo Lợi thiên (tức tầng trời thứ 33), Đế Thích thiên, là một trong những thần hộ pháp quan trọng của Phật giáo và cũng là người thống nhiếp của cõi trời Tứ thiên vương cùng Thiên, Long, Dạ Xoa dưới mặt đất. Đế Thích thiên thường cùng các quyến thuộc dùng thần thông hóa hiện đến để thử thách hoặc giúp đỡ người tu hành.

Ví dụ, trong sự tích bản sinh Đức Phật, có một câu chuyện vô cùng nổi tiếng, chính là sự tích Đế Thích thiên và Tỳ Thủ thiên dùng như ý thông, phân biệt biến thành chim ưng và bồ câu để thử thách. Xưa kia, khi Đức Phật còn hành Bồ Tát đạo, vua một nước hiệu là Thi Tỳ Ca vương, quốc vương nhân từ khoan dung, yêu dân như con, hết lòng tinh tấn lạc cầu Phật đạo. Đương thời, Đế Thích Thiên vương là Thích Đề Hoàn Nhân và Tỳ Thủ thiên, hai vị vua cõi trời muốn thử thách tâm niệm Ngài, Thích Đề Hoàn Nhân hóa thành một con chim câu, Tỳ Thủ thiên hóa thành chim ưng, đuổi theo chim câu, chim câu hoảng hốt bay vào tay áo quốc vương tránh nạn, chim ưng thì đến trước mặt vua, yêu cầu trả lại con bồ câu.

Quốc vương liền nói: “Thệ nguyện căn bản của ta, chính là muốn cứu độ hết thảy chúng sinh, nay chim câu đến cầu cứu nơi ta, đương nhiên là ta không thể trao cho người được”.

Chim ưng nói: “Đại vương, hiện nay Ngài tu theo hạnh Bồ Tát, yêu thương hết thảy chúng sinh, đương nhiên sẽ

che chở cho tính mạng của chim câu, nhưng, nếu như ngài làm tôi mất mỗi ăn tôi cũng chết vì đói vậy”.

Quốc vương không đành lòng thấy chim câu bị chim ưng ăn thịt, nên liền rút dao bén tự cắt thịt của mình đưa cho chim ưng để đổi lấy tính mạng cho chim câu. Để công bằng, vua còn dùng cân để cân trọng lượng thịt. Kết quả, quốc vương tuy đã cắt hết thịt tứ chi, vẫn không nặng bằng chim câu. Cuối cùng, quốc vương đành phải bỏ cả người lên cân, dùng tính mạng của bản thân đổi lấy sự sống cho chim câu. Lúc đó, mặc dù toàn thân Ngài đau đớn, nhưng trong lòng lại tràn đầy pháp hỷ vui sướng.

Bấy giờ, chim ưng hỏi Ngài: “Đại vương, hiện nay Ngài đau đớn đến tận xương tủy toàn thân, trong lòng chắc hối hận?”.

Vua đáp: “Trong tâm ta không hề có chút nào hối hận cả!”.

Lúc đó, trong chớp mắt, thân thể của vua được hồi phục một cách kỳ diệu.

Trên cõi trời Dục giới, là cõi trời Sắc giới, cõi trời Sắc giới do sự nông sâu, thô diệu của thiền định chia thành bốn bậc, tên gọi cõi trời tứ thiền. Cõi này có thân hình, có cung điện. Còn chúng sinh của cõi trời Sắc giới, không còn sự tồn tại của hiện tượng vật chất, đã không còn thân, đương nhiên cũng không còn cung điện, phòng ốc... để cư trú, chỉ còn tâm ý thức hoặc tương tục hoặc ngừng lặng, cũng có thể nói là đang ở trong thiền định. Cõi trời Vô Sắc giới bao gồm bốn cõi trời: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Quỷ và la sát trong Phật giáo

Ngoài chúng sinh cõi trời, nhắc đến thiên thần, rất nhiều người liên nghĩ về quỷ thần, quỷ trong Phật giáo có diện mạo như thế nào? Thật ra, “quỷ” trong tâm của đại đa số, chỉ là một khái niệm rất hỗn độn mơ hồ, thậm chí do sợ hãi, cấm kỵ né tránh chủ đề này.

Trong Phật pháp, hoàn toàn bình đẳng đối với chúng sinh trong cõi quỷ. Quỷ cũng giống như các hình thái sinh mạng khác, được mô tả khá rõ ràng, khách quan.

Quỷ trong Phật pháp, ngoài chúng sinh có trong cõi Ngạ quỷ đã nói trên, các quỷ mị ghê rợn thường xuất hiện trong tiểu thuyết, chính là Dạ Xoa có thể ăn thịt người. Ví dụ, tục ngữ dùng “Mẫu Dạ Xoa” để hình dung người đàn bà hung ác, là một ví dụ rất sinh động.

Dạ Xoa là một trong các loại quỷ thường gặp nhất. Dạ Xoa (Phạn ngữ *Yaksa*), còn gọi là Dược Xoa, dịch nghĩa Tiệp Tật, Uy Đức... có loài ở trên mặt đất, có loài ở không trung. Phần lớn các quỷ Dạ Xoa phiền nhiễu, gây hại cho loài người, nhưng cũng có Dạ Xoa quy y Phật pháp giữ gìn chính pháp.

Thông thường chủng loại của Dạ Xoa có thể chia làm ba loại: Địa Hành, Hư Không và Cung Điện Phi Hành. Địa Hành Dạ Xoa, thường có các loại an lạc, âm nhạc, ẩm thực; Hư Không Dạ Xoa có sức mạnh đi lại như gió cuốn; Cung Điện Phi Hành Dạ Xoa có các loại thú vui và vật dụng tiện thân.

Dạ Xoa thường biến hóa thành nhiều loại hình dạng, ví dụ hóa thành sư tử, voi..., hoặc hóa ra ngoại hình có đầu rất to, thân rất nhỏ gầy, hoặc màu xanh, màu đỏ, hoặc

bụng màu đỏ, có khi một đầu hai mặt, ba mặt, bốn mặt... trên thân mọc đầy lông thô, đầu tóc dựng đứng như bờm sư tử, hoặc một thân hai đầu, hoặc không có đầu, hoặc chỉ có một mắt, răng chĩa dài như lưỡi cưa, hoặc môi dày trề xuống.. thành các loại hình mạo quái dị, khiến mọi người sợ hãi.

Trong tay chúng đôi khi cầm mâu kích, chĩa ba, hoặc cầm kiếm, hoặc cầm chùy sắt, hoặc cầm đao trượng, thường là hò hét lớn, khiến người thấy ghê rợn sợ hãi, sinh ra hoảng hốt, tâm ý sai loạn mê muội mất khả năng tự chủ dẫn tới ngông cuồng phóng dật.

Bát bộ thủ hộ thần trong Phật giáo

Trong Phật pháp thường gặp Thủ Hộ thần Thiên Long Bát Bộ, nằm ở giữa cõi quỷ thần, thuộc một trong các loại quỷ thần, có quan hệ mật thiết với nhân gian. Thiên Long Bát Bộ bao gồm tám loại Thủ Hộ thần hộ trì Phật pháp: Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La và Ma Hầu La Già. Tám loại chúng thủ hộ này đều có thần thông.

“Thiên” chỉ các thiên thần như Đại Phạm Thiên, Đế Thích Thiên, Tứ Đại Thiên vương... Quả báo của họ rất thù thắng, lại có sắc thân quang minh thanh tịnh, tràn đầy sự hoan lạc sinh mệnh, có thể phi hành trong không trung và có túc mệnh thông phước báo.

“Long” chỉ bát đại Long vương, chủ tể loài thủy tộc. Long vương có sức thần thông có thể làm mưa đúng thời gian, khiến ngũ cốc thế gian chín muồi, hóa hiện thân rất to lớn,



Trong pháp hội giảng kinh của Phật, Bồ Tát,
thường có bát bộ Thủ Hộ thần trong Phật pháp.

thậm chí có thể dùng thân quấn vài vòng quanh tòa núi lớn, phóng ra độc hỏa, sấm sét, chớp giạt... các loại thần thông biến hóa.

“Dạ Xoa” chỉ loại quỷ thần có thể bay lượn trên không.

“Càn Thát Bà” chỉ thần âm nhạc của Đế Thích Thiên vương, giỏi về gảy đàn, trong thần thoại Ấn Độ, nguyên là

nhạc sư nửa người nửa thần trên trời, dùng hương thơm làm thức ăn nên còn gọi là Hương thần.

“A Tu La” dịch nghĩa là Phi Thiên, Vô Đao Chính hoặc Vô Ích, bản tính A Tu La thích đánh nhau, thường xuyên đánh nhau với Đế Thích Thiên.

A Tu La giống thiên nhân, có thần thông quảng đại, trong kinh điển ghi sự tích vua A Tu La hóa hiện thần thông đánh nhau với thiên nhân. Một lần kia, A Tu La suất lĩnh đại quân Tu La tiến đánh Đế Thích Thiên. Tu La vương đứng giữa biển lớn, trên đỉnh núi Tu Di, dùng 99 cánh tay, đồng thời lay động Hỷ Kiến thành, nơi ở của Đế Thích Thiên và cũng lay động cả Tu Di sơn, khiến nước biển của tứ đại hải hình thành nên những đợt sóng gầm rú, thiên cung xảy ra chấn động lớn. Đế Thích Thiên hoảng hốt sợ hãi, không biết trốn đi đâu. Bấy giờ trong thiên cung, các thiên thần liền tâu với Thiên vương: “Đại vương, Ngài không nên hoảng sợ, xưa kia Đức Phật từng thuyết Bát nhã Ba la mật, đại vương nên nhất tâm trì tụng, quỷ binh Tu La sẽ tự nhiên tan rã!”.

Đế Thích Thiên vội vàng ngồi xuống Thiện Pháp đường, đốt các loại danh hương, thành tâm cầu khẩn: “Bát nhã Ba la mật là đại minh chú, vô đẳng đẳng chú, chân thực bất hủ, ta trì pháp này, sẽ thành Phật đạo, khiến A Tu La tự nhiên tan rã!”. Do sức của thần chú Bát nhã Ba la mật đa, Thiên vương vừa thốt dứt lời, trên hư không tự nhiên sinh khởi các loại vũ khí như đao, luân... và cũng tự nhiên bay xuống thân thể của A Tu La, tai, mũi, tay chân... của A Tu La trong chớp mắt bị đao, kiếm cắt chém xuống khiến nước biển của đại hải bị nhuộm thành màu đỏ. A Tu La

hoảng sợ, không nơi chạy trốn, chỉ có thể hiện khởi như ý thông biến cơ thể thu lại vô cùng nhỏ, trốn vào trong các lỗ của ngó sen trong hồ.

“Ca Lâu La”, dịch nghĩa là “Kim Xí điều” (chim cánh vàng), thân hình vô cùng to lớn, hai cánh xòe ra, có khoảng cách là 3 triệu 360 ngàn dặm, thức ăn chính là rồng.

“Khẩn Na La” giống như loài người, nhưng đầu có sừng, cho nên còn gọi là “nhân phi nhân”, hay còn gọi là Thiên kỷ thần, Ca thần.

“Ma Hâu La Già” tức Đại Mãng thần.

Tám bộ chúng này được uy đức của Phật cảm hóa, giữ gìn hộ trì Phật pháp.

Trong Bát Bộ Thủ Hộ thần, ngoài Thiên nhân, phần lớn có tướng mạo vô cùng kỳ đặc, uy mãnh, thậm chí hình tượng một số hộ pháp thần khiến người ta cảm thấy kinh khủng, nhưng về cơ bản họ đều có thiện tâm, hoan hỷ hộ trì Phật pháp và người tốt.

Nhưng, do cá tính, có khi vô cùng kỳ đặc, do đó mỗi một loại đều có kiêu mạn, sân tâm, tính cách, tham dục, si mê, nghi niệm và ngã chấp khác nhau. Thậm chí giữa họ, nhiều khi do không khế hợp nhân duyên xảy ra tranh đấu, thường xuyên phải mời Đức Phật xuống điều đình. Như câu chuyện giữa Đế Thích Thiên và A Tu La là ví dụ thường gặp nhất. Khi họ tranh đấu lẫn nhau, thường đánh nhau long trời lở đất, nhật nguyệt tối tăm, gây ra sự khủng hoảng vô cùng to lớn. Còn Ca Lâu La (Kim Xí điều) trời sinh thích ăn rồng, khiến cho loài rồng bất đắc dĩ đành phải cầu cứu Đức Phật, cuối cùng cũng phải do Phật điều đình, mới có thể yên ổn vô sự.

Phù kê (phụ đồng) và môi giới thần linh

Sinh mệnh của giới quý thần, nhiều khi thông qua sự môi giới tương ứng, khơi thông với nhân gian, “Phù kê” thường gặp trong dân gian Trung Quốc, “Linh môi” (môi giới thần linh) thường gặp ở Tây Dương, tức thần thông hoặc quý thần dựa vào lực lượng của quý thần sản sinh.

Xét về Phù kê (phụ đồng, lên đồng, người làm nghề đồng bóng) Trung Quốc, phần lớn chia “Kê” thành ba loại lớn là “Võ kê”, “Văn kê” và “Văn Võ kê”. “Võ kê” chỉ “Kê đồng tác pháp” sau khi được quý thần nhập vào thân, Kê đồng (trẻ con lên đồng), thậm chí có thể dùng mũi sắt đâm qua má, dùng lang nha bổng, thất tinh chùy hoặc đao kiếm bén đánh vào phần lưng và trán của mình, máu chảy đầy mặt đầy lưng. Sau đó, miệng nói ra một tràng ngôn ngữ, bên cạnh sẽ có những người già nghiêng tai nghe, sau đó lớn giọng tụng lại, truyền đạt ý thần linh. Đó là “Đồng kê” thường gặp nhất trong đền miếu khắp Đài Loan. Còn những người đến hỏi việc, phần lớn hỏi về bệnh tật, hoặc vì gặp việc không thuận trong cuộc sống, sự nghiệp đến cầu xin chỉ điểm giúp (tập tục này tương tự tục đồng cốt ở Việt Nam).

Đạo nhất quán cũng còn có cái gọi là “Tiên Phật mượn xác lâm đàn”, tức là người đồng kê trước hết là tỉnh xạ trong tịnh thất, đợi khi thần linh nhập xác, liền chạy ra tịnh thất, tới pháp hội, dùng phương thức truyền miệng, trực tiếp truyền đạt ý thần, đồng thời cũng có người phụ trách việc ghi chép lại lên trên bảng những lời người lên đồng nói. Hình thức này chính là “bán văn bán võ kê”.

Ngoài ra, còn có cái gọi là “văn kê” do chính người lên đồng dùng bút gỗ viết lên sa bàn, bên cạnh có người nhìn chữ viết trên sa bàn, đọc to từng chữ một, do một người khác ghi chép lại.

Trong các hiện tượng quỷ thần nhập thân, thường gây ra nhiều tranh luận nhất là ngoài việc thật, giả của người được lên đồng, còn thân phận quỷ thần nhập vào, có phải là đúng với tên quỷ thần đã tuyên xưng hay không? Thậm chí chúng ta có thể phát hiện, có những thân phận sau khi đồng kê bị nhập vào tự xưng, vốn không phải là nhân vật trong lịch sử, trong đó thường gặp nhất chính là Thác Thập thiên vương, Na Tra tam thái tử trong “bảng Phong Thần”. Các nhân vật này mặc dù không tồn tại trong lịch sử, nhưng do sự ảnh hưởng của tiểu thuyết, đã in sâu vào lòng dân chúng, nên nhiều người tin là có thật, lúc này, nếu như có thần thức ứng tương ứng nhập vào thân, sẽ dễ dàng trở thành quỷ thần như truyền thuyết. Trư Bát Giới trong “Tây du ký” là một ví dụ khá phổ biến.

Trong các thần thông dựa vào quỷ thần sản sinh, thần thông tương đối cao minh, là người chủ sự hoàn toàn tự chủ trong quá trình tư vấn, tỉnh táo và không bị quỷ thần khống chế. “Văn kê” đề cập ở trên, phần lớn có hình thái này.

Nhưng cũng có một số thần thông của quỷ thần không cách nào tự chủ khống chế, loại hình thức này, không đáng tin, thậm chí có thể nói “Mời thần dễ, đuổi thần đi quá khó”, sau khi người bị nhập vào không thể nào trở về lại cuộc sống vốn có, kết cục dẫn tới bất hạnh bị phân liệt nhân cách.

Có một phụ nữ tên Mai, là ví dụ cho trường hợp này. Cô ta vốn cùng với chồng kinh doanh chăn nuôi gia súc,

sau vì không thuận lợi, sự nghiệp suy sụp. Vì muốn tẩy trừ vận xui, cô đi khắp nơi cầu khẩn, sau đó tự nhiên cô bắt đầu nảy sinh cảm ứng thông linh, tự xưng là “Thanh Long công chúa” nhập thân, bắt đầu xây dựng pháp đàn, lại tự phong làm “Thông thiên đại pháp sư”. Cô gái tên Mai trước đây gần như biến mất hẳn, chỉ còn có xác thân, nhưng đã bị một thần thức khác chiếm cứ, như hoàn toàn biến thành một người khác, người nhà thấy nghiêm trọng, bèn đưa cô vào khoa tâm thần chữa trị. Viện y học Cao Hùng cũng từng gặp qua hiện tượng đồng kê sau khi nhập đồng không thể thoát ra trở thành án lệ giúp bệnh viện nghiên cứu. Những người này được coi như bệnh nhân, người bệnh toàn thân run rẩy, mất cảm giác, phương hướng, hôn mê, có triệu chứng nghe hoặc thấy huyền hoặc, dùng âm điệu kỳ quái tuyên xưng bản thân là tổ tiên đã qua đời của người nào đó, giống như bị lên đồng mất hết trí nhớ về thực tại.

Nhưng, bất luận vị thần nhập đồng có thật sự là thần minh, tổ tiên nào đó như họ tự nói hay không, việc người bị nhập không thể khống chế, tự chủ về thông lực đều không phải con đường đúng đắn của thần thông, có khi nghiêm trọng hơn, thậm chí sẽ tạo thành phân liệt nhân cách, hoặc chứng hoang tưởng.... Đó cũng giống như chúng ta đem xe cho người không quen biết mượn, người đó không quý trọng giữ gìn, huống hồ gì đem thân xác cho người khác mượn dùng, đối tượng là ai, bản thân vốn không rõ ràng, vả chăng quỷ thần nhập xác mình vốn cũng không cần giữ gìn, rất dễ dẫn đến người bị nhập đồng chịu kết cục đời sống theo hướng bi thảm không thể không phê phán.

THẦN THÔNG CỦA LỜI CHÚ, BÙA PHÉP, DUỘC VẬT

Sức mạnh thần bí của những câu chú

Câu chú, chú thuật, thông thường chỉ những ngôn ngữ bí mật có sức mạnh đặc thù khó dùng ngôn ngữ giải thích rõ, thông thường đó là các câu chú bí mật dùng tụng khi cầu nguyện. Nguyên do mật ngữ được tụng niệm khi cầu cáo thần minh để kẻ địch gặp tai họa, hoặc vì muốn khử trừ tai nạn, cầu phúc phù hộ.

Chân ngôn, chú ngữ do âm thanh phát triển ra, âm thanh và ngôn ngữ văn tự vốn có sức mạnh bất khả tư nghị trong quá trình phát triển của văn hóa nhân loại. Theo truyền thuyết, khi Thương Hiệt sáng tạo chữ viết, khắp đất trời quỷ thần rung động, sự sáng tạo ra văn tự và ngôn ngữ, khiến cho văn hóa Phật pháp, tâm linh sản sinh ra nhiều thay đổi tuyệt đối và sự phát triển của sinh mệnh cũng rất bất khả tư nghị, đó chính là nguyên nhân về khả năng sản sinh của chân ngôn.

Nếu như từ phương diện cao hơn xem xét, nhân loại trong trạng thái rất thâm trầm rất tịch tĩnh, cũng giống như người tu hành của Bà La Môn giáo Ấn Độ. Khi họ tu tập thiền định, ngồi trong các rừng sâu yên tĩnh không một tiếng động, lặng lẽ, cuối cùng có thể nghe được âm thanh từ trong chính cơ thể mình, nhịp đập của trái tim mình, âm thanh ở từng bộ phận của cơ thể mình đều có thể

nghe được. Trong sự yên tĩnh ngày càng sâu lắng, họ phát hiện trong cơ thể vẫn chuyển động, khí tức và thông đạo trong cơ thể cùng rung động sản sinh ra các loại âm thanh.

Theo nguyên lý này, tức là nguyên nhân khả năng sản sinh, sức mạnh của chân ngôn và chú ngữ.

Ở Ấn Độ cổ đại, rất sớm đã tồn tại chú thuật. Trước khi Đức Phật ra đời, chú ngữ đã được lưu hành ở Ấn Độ. Điểm này có thể cử ra một nhiều tên thần chú thường dùng trong kinh điển, có thể thấy một loạt, như “A Ma Thư kinh” quyển thứ 13 và “Phạm Động kinh” quyển 14 của bộ “Trường A Hàm” đã đưa ra tên các bài chú như Thủy Hỏa chú, Quỷ chú, Sát Lợi chú, Chi Tiết chú, An Trạch Phú chú, Hỏa Thiêu Thử Giáo Giải chú... còn quyển thứ 27 bộ “Tứ Thần luật” và quyển 46 bộ “Thập Tụng luật” cũng xuất hiện tên bài chú như Trị Phúc Nội Trùng Bệnh chú, Trị Túc Thực Bất Tiêu chú, Thế Tục Hàng Phục Ngoại Đạo chú, Trị Độc chú, Trị Xỉ chú... Sau khi điển tịch Phật giáo thịnh hành, Mật chú càng trở thành pháp môn cực kỳ quan trọng trong quá trình tu hành.

Chú ngữ của Phật giáo được sản sinh như thế nào? Kỳ thật, có thể nói đó là sự bộc lộ tự nhiên mang tính dân tộc của người Ấn Độ vốn là dân tộc yêu thích thần bí. Họ luôn tin vào sự tồn tại của lực lượng siêu nhiên và cho rằng siêu nhiên và nhân loại vốn không phải là hoàn toàn không có mối liên hệ nào. Nếu như loài người chuyên tâm cầu thỉnh bản thể và tâm nguyện vốn có của thế giới siêu nhiên sẽ trở thành môi giới, có thể viên mãn thành tựu nguyện vọng cá nhân, tiêu trừ cảnh khổ của hiện thực và đau khổ trong nội tâm, tiến vào cảnh giới lý tưởng của an ổn và giải thoát.

Còn khi tu trì theo quán hạnh Du Già, có khi chỉ là cầu khẩn sự giúp đỡ ngẫm của chư thiên, thiên thần, thường khiến người ta cảm thấy không được đầy đủ. Thế là, tụng đọc diệu hiệu của chư thiên, cũng như biểu đạt ý chí cầu khẩn. Dem các nội dung này tổ hợp lại, liền sinh ra phương thức tu hành trì tụng chân ngôn. Chân ngôn tương ứng với bản tôn, đích thực sẽ phát khởi sức mạnh thần thông. Thủy tổ của giáo phái “Tu Nghiệm đạo” ở Nhật Bản là Ngài Dịch Tiểu Giác, đã nhờ chú thuật sản sinh thần thông phi hành trong không trung. Ngài Dịch Tiểu Giác từ nhỏ kính tín tam bảo, rất giỏi chú thuật. Vào năm 32 tuổi, Ngài đạt tượng Khổng Tước Minh vương trong động đá, mặc áo cỏ ăn rễ cây trì chú quán pháp hơn 30 năm.

Ngài ở trong núi dùng dây leo làm áo, ăn quả rừng, trì chú Khổng Tước Minh vương, cưỡi mây ngũ sắc du ngoạn chốn tiên, sai khiến quỷ thần. Một lần, do đường đi từ khe Cát Mộc lên núi Kim Phong rất nguy hiểm, Dịch Tiểu Giác liền lệnh cho sơn thần suất lĩnh chúng quỷ thần xây cầu đá, thông đường đi.

Trong Đạo giáo, cho rằng “chú” là ngôn ngữ của thiên thần, nên gọi là “thần chúc”, “thần chú”. Quyển 50 “Thái Bình kinh” viết: “Trên trời có y ngữ thần thánh thường dùng, nay đem xuống dạy cho người, dùng để khiến thần sứ ứng khí mà tới lui vậy. Nhân dân đắc được, gọi là thần chúc. “Chú” ngữ được cho rằng có tác dụng cảm chiêu thần linh, sai khiến quỷ thần. Đạo Thái Bình ngoài việc sử dụng nước bùa phép để trị bệnh cho mọi người, cũng có sử dụng “kỳ chúc” đó chính là chú thuật. Đạo năm đầu gạo sử dụng phù chú càng rộng rãi. Sau này, chú thuật ngày càng phát triển, phạm vi sử dụng ngày càng mở rộng. Trong bộ “Đạo

Tạng” có rất nhiều kinh sách liên quan đến chú thuật. Một Đạo giáo, danh mục của thần chú rất nhiều, mỗi loại bùa đều phối hợp với một loại chú tương ứng, thần chú chỉ đơn độc sử dụng mà không phối hợp với bùa phép lại càng nhiều, trong các nghi thức trai tiêu, càng không thể tách rời các loại thần chú.

Thần thông của bùa phép được vật

Ngoài chú ngữ, bùa phép cũng là một phương pháp đạt tới thần thông. Phần lớn người khi nhắc đến bùa phép đa số sẽ liên tưởng trực tiếp đến bùa phép của đạo sĩ. “Bùa” còn gọi là “phù đồ”, “thần phù”. Căn cứ theo truyền thuyết của Đạo giáo, bùa phép là do đạo sĩ có được từ cõi trời, phương thức có được gồm hai cách: một là thiên thần đem bùa hiển hiện trên không trung như mây màu, đạo sĩ vẽ lại lưu truyền ở đời; hai là thiên thần trực tiếp truyền thụ cho một vị đạo sĩ tương ứng nào đó trên sách “Hậu Hán thư – Phí Trường Phòng truyện” chép Phí Trường Phòng vẽ một đạo bùa và nói bùa này có thể làm chủ quỷ thần trên mặt đất”, “có thể chữa các bệnh, đánh đập bách quỷ, cùng sai khiến thổ địa”. Sau này, ông “mất đạo bùa này, bị chúng quỷ giết chết”. Có thể thấy, trước khi Đạo giáo sáng lập bùa phép chính là thủ đoạn bọn phương sĩ dùng để đuổi quỷ chữa bệnh sau đó được các đạo sĩ tiếp thu sử dụng.

Quyển 1087 bộ “Thái Bình kinh” giảng, trong 24 quyết Hậu Thánh Lý Quân truyền thụ cho Thanh Đồng đại đế, có “Phục khai minh linh phù”, “Bội tinh tượng phù”, “bội ngữ thần phù”. “Phục” chính là đem bùa đốt thành tro, hòa với nước uống; “Bội” tức đem bùa theo qui định đeo bên

ngoài người. Đồn rằng uống bùa, đeo bùa đều có thể đạt công hiệu “tai nạn không thể tổn thương, tà ma không thể hãm hại”.

Đạo năm đầu gạo (Ngũ đầu mễ đạo, một nhánh của Đạo giáo) cũng như đạo Thái Bình, dùng nước bùa trị bệnh cho người, dùng bùa chú triệu thỉnh quỷ thần. Từ thời Ngụy Tấn, Nam Bắc triều, thuật bùa phép càng hưng thịnh, như Cát Hồng dù là đạo sĩ phái Kim Đan, cũng rất coi trọng bùa phép, ông cho rằng dùng đơn thư bùa tự đóng ở trên cửa hoặc kèo cột, có thể trừ tà, đeo bùa vào núi, có thể tránh sói, cọp.

Ngoài chân ngôn và bùa phép, dùng dược vật để đạt thần thông, cũng rất thường gặp.

Từ rất sớm, vào thời Chiến Quốc, đã lưu truyền sự tích Hằng Nga, do dùng thuốc bất tử của Tây Vương Mẫu bay lên mặt trăng, rất nhiều phương sĩ cũng nồng nhiệt tìm cầu thuốc tiên. Kỳ thật, cái gọi là thuốc tiên, dùng các loại cây cỏ thuộc họ linh chi chế thành thuốc. Còn lò luyện đơn Đạo giáo, là một phương thức thường dùng tìm cầu có năng lực trường sinh bất lão.

THẦN THÔNG CỦA THIỀN ĐỊNH

Thần thông là một loại năng lực kỹ thuật thành tựu thông qua tu luyện, muốn đắc thần thông, cần phải hội đủ các điều kiện nhất định, trong đó điều kiện quan trọng thường gặp nhất là “thiền định”. Nhưng, có phải vừa nhập định đã có thể sản sinh thần thông không? Không, ngoài

một số người do nhập định mà dẫn phát thần thông kiếp trước, phần lớn thần thông có được do thiên định, phải sau khi đạt được định lực từ sơ thiên trở lên, thông qua phương pháp tu tập chính xác, mới có thể dẫn phát thần thông.

Trong “Thích thiên Ba la mật” viết, có nhiều người tu hành, khi đạt đến cảnh giới sơ thiên, đã có thể thông đạt thế gian tướng dẫn phát thần thông. Thân tâm thăng hoa thành tứ đại sắc giới thanh tịnh tạo sắc nhãn thành tựu, dùng tâm của tịnh sắc này, thấu rõ sắc của hết thảy mười phương. Sự – tướng phân minh, phân biệt không loạn, sản sinh thiên nhãn thông. Còn thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh thần thông cũng vậy. Do duyên cơ chứng đắc ngũ thông, có thể thấy rõ chủng loại hết thảy chúng sinh, cùng tướng mạo của mọi thế giới, đều không giống nhau, vì thế kinh viết “Thâm tu thiên định, đắc ngũ thần thông”.

Trong các nguyên nhân đạt được thần thông, thiên định là một loại quan trọng nhất, cũng là phạm trù thảo luận chủ yếu của thần thông Phật giáo. Khi Đức Phật còn trụ thế, tỳ kheo đạt thần thông đa số đều được dẫn phát từ thiên định. Thần thông được do tự nhiên và thần thông đạt được từ cơ bản do tu học thiên định, chính là hai loại phương thức “tự phát” và “tu đắc” được đề cập trong sách “Thích thiên Ba la mật”.

Lời văn viết: “Người tự phát, khi chứng nhập sơ thiên, quán sâu ba căn bản của thế gian, có thể thông qua đạt nghĩa của tướng thế gian, khi ngộ nghĩa chân lý thế gian thì trí huệ tam muội càng sâu sắc, liền phát thần thông”. “Người tu đắc ngũ thông, kiến sự thế gian, như “Đại tập kinh” nói: “Pháp hạnh tỳ kheo khi đắc sơ thiên, sau khi nhập thiên, muốn đắc thần thông, liền tập trung tâm vào

đầu mũi, quán hơi thở hít và thở ra, thâm kiến 5 vạn 9 ngàn lỗ chân lông có hơi thở ra vào, thấy thần tức không cho đến tứ đại, cũng không. Sau khi quán thấy như vậy, liền rời khỏi sắc tướng, chứng đắc thần thông, cho đến cảnh giới tứ thiên, cũng đều như thế”.

Hiện nay, hầu hết hiện tượng thường thấy, phần nhiều phát khởi vào lúc tọa thiền, những người không hiểu thường cho các hiện tượng này là thần thông, thật ra đại bộ phận đều chỉ là những hiện tượng cảm ứng nhỏ bé. Nghiêm khắc mà nói, đó không thể được coi là thần thông thật sự. Ví dụ, khi tĩnh tọa, có người nhìn thấy ánh sáng, nhìn thấy hình Phật, kỳ thật, điều này vốn không có gì là kỳ lạ. Trong các báo cáo của y học cho biết, dùng vi điện lưu kích thích một bộ phận nào đó của trung khu thần kinh, ví dụ như kích thích khu thần kinh thính giác, thì có thể sẽ nghe được âm nhạc trước đây đã được nghe, kích thích khu thần kinh thị giác có thể nhìn thấy những cảnh tượng quen thuộc trước đây. Những điều này vốn không phải đến từ bên ngoài, mà do ký ức được ghi giữ lại trong não, nếu chịu sự kích thích nào đó, não bộ của chúng ta cũng như là máy vi tính bắt đầu vận hành, tự động hiển thị các ký ức ghi nhớ trước đây. Vì vậy, những âm nhạc chúng ta đã nghe, cảnh tượng chúng ta đã thấy, từ trong não phóng ra, có thể là ký ức của kiếp này, hoặc của các kiếp trước, tuyệt đối không phải là thần thông. Nhưng có những người sau khi ngẫu nhiên thấy được hiện tượng này, lại cho rằng mình đã được thiên khai, hoặc là hóa thân của Phật, Bồ Tát nào đó và được những người xung quanh phụ họa thêm, mất hết năng lực phán đoán lý trí, cứ mù quáng tín ngưỡng.

Họ không biết đó vốn không được xem là thần thông, cao nhất chỉ là một số cảm ứng bé nhỏ, nhưng lại bị ngộ nhận là thần thông.

Ví dụ, có người khi tĩnh tọa, đang tĩnh tọa đột nhiên nhìn thấy tháp miếu tự viện, kinh điển tam tạng, các loại cúng dường trang nghiêm, có tầng chúng thanh tịnh, vân tập pháp hội. Hiện tượng này do quá khứ, hiện tại kính thờ tam bảo Phật, pháp, tăng sinh khởi ra. Đó là thiện hạnh sở hành ở đời quá khứ, do đời này tự học thiền pháp, tâm tư tĩnh lặng, do sức mạnh của sự tịch tịnh này phát khởi ra các hiện tượng đó. Vả lại, loại sức mạnh này vốn không phải tự phát tính đạt được, cũng không thể tự chủ, mà là đột ngột có, không thuộc phạm vi thần thông do thiền định.

Thiện căn phát tướng, hoặc giả trong khi tĩnh tâm, phát khởi lòng tin tôn trọng tam bảo, tâm vui vẻ cúng dường, tinh cần dũng mãnh, không hề lười biếng, đó vốn là thiện căn phát tướng di tập nhân kính tín tam bảo kiếp trước, kiếp này mới phát khởi ra.

Có người không hiểu biết, cho rằng đó là sự hộ trì của Phật Bồ Tát, hoặc đại biểu cho thần ngôn nào đó. Kỳ thật, “ngoại thiện căn phát tướng”, chính là hạt giống của các nhân duyên tốt được lưu giữ trong kiếp trước của chúng ta, cất chứa trong tiềm thức, do chịu sự tu tập định lực hoặc một nhân duyên nào đó phát khởi lên thuần túy chỉ là ký ức trong não bộ cũng giống như nhìn thấy Phật trong giấc mơ, đều là mộng huyễn bào ảnh, như trong “Kim Cang kinh” viết: “Kiến nhất thiết chư tướng phi tướng” (thấy tất cả các tướng không có tướng), không nên chấp trước.



THẦN THÔNG CỦA TRÍ HUỆ

Ngoại trừ ba loại nhân duyên dẫn phát thần thông kể trên, thần thông cao minh nhất thuộc về thần thông của trí huệ. Thần thông hình thành do trí huệ, gồm những người triệt ngộ đã hoàn toàn giác ngộ chân tướng của pháp giới, định lực và trí huệ đều đã viên mãn đầy đủ, nên có thể dẫn phát thần thông một cách tự tại. Đó là thần thông đặc hữu của Phật pháp, đối với hiện tượng của hết thấy sở duyên, tâm đều đã hiểu biết rõ ràng, không hề lẫn lộn đối với thể tính của vũ trụ vạn tượng, đều có thể liễu ngộ hiện tiền của nó là không, là huyễn và có thể dùng các loại hiện tượng tác dụng lẫn nhau vô ngại, đó cũng chính là “Đạo thông” nói đến trong “Tông cảnh lục”.

Tổng hợp các loại thần thông do quý thần mà thành, thần thông do chú thuật, bùa phép, dược vật mà thành nói trên, bất luận người có thần thông có phải là do ngộ nhập thật tướng mà phát khởi hay không, nhưng do duyên cơ thể tính pháp giới hiện không nhất như, hết thấy hiện tượng đều có thể ảnh nhiếp lẫn nhau vô ngại, cho nên, bất luận là do thể tính ngộ nhập thật tướng mà phát khởi thần thông, hoặc là do chuyên chú sức mạnh tâm linh trong thiền định dẫn phát thần thông, hoặc do các tha lực như chú thuật, bùa chú dẫn phát thần thông, mặc dù có loại vốn không phải là cứu cánh, nhưng do không nên vô phân biệt, dựa theo đó mà duyên khởi, đều có thể dẫn phát thần thông có thứ lớp khác nhau.

THẦN THÔNG VÀ SIÊU NĂNG LỰC

Trong quan niệm của phần lớn người ta, thường coi siêu năng lực lầm tưởng là thần thông. Vậy siêu năng lực là gì? Siêu năng lực nói rộng chỉ năng lực đặc thù của một số nhân sĩ đặc biệt nào đó có nhưng người thường không có được. Siêu năng lực thường gặp như: dự đoán được những việc chưa xảy ra, thông linh... các loại hiện tượng này thường bị ngộ nhận là thần thông, thật ra thần thông và siêu năng lực khác nhau.

Khởi nguồn của siêu năng lực, có thể ngược về thời kỳ nguyên thủy, lúc đó nhân loại còn kinh sợ các sức mạnh thuộc linh vực chưa biết, cho nên có phù thủy, tế tự, đảm trách việc môi giới giữa nhân loại với các hiện tượng siêu nhiên, những người đại diện cho thần linh này, thông qua cầu khấn, chú ngữ, bói toán... cũng có thể có những năng lực thần thông mà người thường không có.

Dự đoán được tương lai không đồng nghĩa với việc có thể thay đổi tương lai

Trong thế giới hiện tượng về siêu năng lực, dự đoán được tương lai là một trong các loại thường gặp nhất. Đối với sự mờ mịt không thể biết được của tương lai và hy vọng có thể nắm được nó, khiến việc dự đoán tương lai trở thành một loại năng lực khiến con người muốn có.

Thật ra, về năng lực cảm ứng dự đoán tai nạn, từ xưa đến nay, động vật luôn có năng lực cảm ứng sắc bén hơn

so với loài người, ví dụ trong bộ “Sơn Hải kinh” nổi tiếng, có ghi chép rất nhiều về sự xuất hiện của các động vật kỳ dị vào thời đại nguyên thủy Trung Quốc và đều được xem là điềm báo cho các tai nạn khác nhau. Trong sách ghi:

“Có Thú Yên, hình dạng như khỉ bốn tai, tên gọi là Trường Hữu, tiếng của nó như tiếng ngân, nó xuất hiện thì quận huyện ắt bị lũ lụt”.

“Có Ô Yên, hình dạng như con vịt trời, nhưng chỉ có một cánh, một mắt, tương đặc liền bay, tên gọi là Man Man, nếu thấy nó thiên hạ lụt lớn”.

“Có Ô Yên, hình dạng như con gà rừng, đuôi dài màu đỏ, tên gọi Thắng Ngộ, ăn cá, âm thanh lớn, nếu thấy nó nước lụt lớn”.

Khi các loại động vật nói trên xuất hiện, đều là điềm báo trước lũ lụt.

Nhưng, loại năng lực dự biết này, có phải là đồng thời đại biểu cho năng lực có thể miễn trừ tai nạn hay không? Câu trả lời chắc chắn là không.

Tổng thống Mỹ Lincoln trước khi bị ám sát, cũng từng nằm mơ nhìn thấy cái chết của mình.

Vào một buổi sáng nọ, Lincoln trong lúc nửa ngủ nửa thức dường như trong một giấc mơ, ông nghe thấy những tiếng than khóc rất bi thương. Ông liền theo hướng phát ra tiếng khóc tìm đến, đi qua suốt tòa nhà Trắng, cho đến khi vào căn phòng nhỏ, thấy trong phòng có đặt một cỗ quan tài bằng gỗ, bên trên phủ quốc kỳ nước Mỹ. Trong mơ, Lincoln liền hỏi người vệ binh phụ trách canh gác ở đó: “Ai chết vậy?”.

“Tổng thống!”. Vệ binh trả lời: “Ngài đã bị ám sát!”.

Mặc dù tổng thống Lincoln trong mơ đã thấy cái chết của mình, nhưng không thể tránh qua kiếp nạn được.

Do đó, có thể thấy rằng, năng lực đoán biết trước tai nạn và năng lực giải trừ tai nạn, vốn không nhất định bằng nhau.

Dù thế, các loại siêu năng lực kỳ đặc, luôn khiến người ta hiếu kỳ, ở Trung Quốc hay nước ngoài không ít những ghi chép loại này. Nước ngoài có rất nhiều nghiên cứu đối với siêu năng lực, ví dụ như “Hiệp hội nghiên cứu linh lực” ở nước Anh, thời kỳ đầu vào cuối thế kỷ 19, đã thu thập được rất nhiều án lệ của niệm lực phát sinh tự nhiên. Niệm lực là một loại hiện tượng do ảnh hưởng của ý thức làm thay đổi trạng thái vật thể, ví dụ như dùng ý niệm làm di động cơ thể vật thể, bẻ cong thìa, xẻng bằng kim loại, thay đổi xác suất xuất hiện điểm số trên hạt xúc xắc.

Trong đó, nếu như sự kiện niệm lực có tính phá hoại và có liên quan đến một người nào đó, xuất hiện nhiều lần ở một thời gian nhất định nào đó, ví dụ như đồng hồ trong nhà vô cớ ngừng lại hay chuyển động, đồ vật treo trên tường đột nhiên bị rơi xuống, giá sách ngã đổ, bóng đèn hư hỏng hoặc bị nổ, các hiện tượng này liền bị khoác cho một danh từ chuyên môn là “quỷ phá phách”.

Khi siêu năng lực biến thành vũ khí quân sự

Trước đây, khi Liên Xô tích cực tiến hành nghiên cứu siêu năng lực của nhân loại, dẫn đến sự cảnh giác và theo dõi cao độ của các quan viên phụ trách về quân sự và an toàn của các nước trên thế giới.

Nghiên cứu mà họ tiến hành, bao gồm năng lực làm chuyển động của tâm linh, dùng đầu ngón tay đọc sách báo, làm cho vật thể, con người trôi dạt trên không trung, tâm điện cảm ứng năng lực... Các nhà khoa học dốc sức vào siêu năng lực tâm lý học và tâm linh học..., tương quan với các hạng mục nghiên cứu và cấu kiện của khái niệm lý luận.

Rất nhiều nơi ở Đông Âu, nghiên cứu khoa học về tâm linh cũng rất thịnh hành. Ở Tiệp Khắc thậm chí tập trung bí mật huấn luyện và thôi miên để nâng cao năng lực siêu tự nhiên của loài người. Những người thực nghiệm trải qua huấn luyện trường kỳ, khi tiến hành thực nghiệm tiên đoán đồ vật, mười người có tới chín người đoán trúng..

Khi Liên Xô (cũ) tích cực khai phát lĩnh vực siêu năng lực của nhân loại, gây ra phong trào trọng thị của các quốc gia trên thế giới, vốn không phải là không có lý do. Có tin cho biết, siêu năng lực Liên Xô theo đuổi nghiên cứu, có thể sản sinh sự ảnh hưởng đến chuyển động tâm linh đối với hành vi của mọi người và dùng nó để thay đổi tâm trạng và sức khỏe của họ, thậm chí chỉ cần dùng lực lượng tâm linh có thể lấy mạng con người từ xa.

Loại lực lượng vượt qua người thường này, có thể nói là “Nước có thể đỡ thuyền, cũng có thể lật thuyền”. Khi siêu năng lực bị vận dụng vào quân sự, chiến tranh, sẽ xảy ra chuyện gì? Và năm 1971, nhà lãnh đạo Liên Xô là Gorbachev trong một lần diễn thuyết, từng ám dụ: “Đó sẽ là một hình thái chiến tranh còn đáng sợ hơn vũ khí nguyên tử”.

Thần thông không phải thần tích

Ngoài ra, thần tích của tôn giáo cũng thường bị xem là hiện tượng siêu năng lực, nhưng trong Phật giáo, thần thông vốn không được đánh đồng với thần tích, dù phần lớn người ta rất khó phân biệt. Như đức Chúa Jesus dùng tay trị khỏi bệnh cho người là một ví dụ.

Trong “Thánh kinh”, từng nhắc tới thần tích đức Chúa Jesus thị hiện. Khi đức Jesus mới từ bên ngoài trở về chỗ cũ, có một số người bị bệnh phong, được khiêng đến nơi Ngài ở, xin Ngài chữa trị. Nhưng, bên cạnh đức Jesus mọi người chen chúc đông đúc, vốn không thể đến gần được, người nhà của các bệnh nhân đành phá bỏ nóc nhà, đem cả giường và người bệnh trên đó khiêng ra, đưa tới trước Chúa Jesus.

Lúc ấy, đức Jesus chỉ nói một câu: “Đứng dậy, thu dọn giường chiếu, rồi về nhà đi”. Điều thần kỳ xảy ra, người bệnh vốn nằm liệt giường nhiều năm, bỗng nhiên không những có thể ngồi dậy một cách nhẹ nhàng mà còn như một người khỏe mạnh, đứng thẳng dậy và đi về nhà.

Thần tích và thần thông có gì khác nhau? Về cơ bản, thần tích là những việc thần kỳ được sản sinh do nguyên nhân được cho là do sức mạnh tuyệt đối hoặc sức mạnh của thần linh, được cầu thành do thần lực từ bên ngoài, thần dị, dù thần thánh cũng không thể hiểu được. Còn thần thông Phật giáo, chỉ cần thông qua phương pháp tu học chính xác, mọi người đều có thể đạt được. Hiện tượng thần kỳ của thần thông, mặc dù có vẻ bất khả tư nghị, nhưng chỉ cần hiểu được nguyên lý sẽ biết thần thông vốn không có gì thần bí, có thể dùng lý trí lý giải. Loại thật chứng của

thành phần lý tính này, rất khác so với tín ngưỡng toàn nhiên của thần tích tôn giáo.

Sự phiền nhiễu của người có siêu năng lực

Trong các siêu năng lực thuật ở trên, chúng ta hiểu rằng phần lớn loại năng lực này vốn không ổn định, đa số đột nhiên có được nhưng không hiểu tại sao có, khi bị mất đi cũng không biết tại sao, không thể tự chủ khống chế được. Siêu năng lực không thể tự chủ, nhiều khi mang đến cho đương sự phiền nhiễu lớn, thậm chí nguy hiểm nữa.

Ví dụ, một số người trời sinh có “mắt âm dương”, ban ngày người ta tìm đến xem tướng mệnh, ban đêm quý ma tìm đến trò chuyện. Ra ngoài đường chạy trên xa lộ cao tốc, đầu đầu cũng chỉ nhìn thấy những hài cốt hồn ma trên không trung vẫy gọi kêu gào, không muốn nhìn cũng không được. Đó là việc người không có năng lực thông linh không thể tưởng tượng nổi.

Nếu một người có thần thông, cần thiết phải có đầy đủ định lực và trí huệ hơn so với người thường, mới có thể sống một cuộc sống bình thường, không những không bị thần thông mê hoặc, phiền nhiễu, thậm chí có thể dùng thần thông làm phương tiện để hóa độ chúng sinh.

Ở Trung Quốc đã từng có một kỳ nhân có công năng vận chuyển đặc biệt gây chấn động một thời, vốn là công nhân của một xưởng khai thác quặng chì, sau khi năng lực đặc thù của ông bị phát hiện, dần dần bị thần hóa thành một siêu nhân làm được mọi chuyện.

Sau này, anh bị điều đến công tác ở sở công an của thành phố, mọi người hy vọng nhờ vào công năng đặc biệt anh dễ dàng phát hiện trộm cắp, móc túi gây án bỏ trốn. Khi kỳ nhân này mới bắt đầu đảm nhiệm công tác ngoại cần, nhiệm vụ thường xuyên tuần tra trên xe điện, xe buýt. Quả thực không ít kẻ trộm hết đường lẩn trốn khi gây án.

Nhưng một hôm, ở cửa hàng bách hóa anh nhìn thấy một đôi giày cao gót, liền muốn mua để tặng cho bạn gái, nhưng lại không đủ tiền, anh mãi miết suy nghĩ, công năng chuyển vận đột nhiên tự động xuất hiện, đôi giày cao gót rơi vào trong giỏ xách đựng thức ăn và bị nhân viên bán hàng bắt được tại trận. Mặc dù anh kêu oan, nhưng vẫn bị pháp luật trừng phạt.

Ngoài ra, siêu năng lực mà không tự chủ được, không biết vì sao có, thậm chí sẽ gây ra nguy hiểm trong cuộc sống.

Tháng 11 năm 1967, trong một công ty pháp luật ở một thị trấn nọ thuộc nước Đức, thường xuyên xảy ra việc quái lạ. Như bóng đèn bóng vô cơ nổ tung, đèn điện lúc tắt lúc sáng, cầu chì luôn bị nổ đứt, thường xuyên nghe những tiếng động kỳ quái, điện thoại bị gây rối. Luật sư liền mời công ty điện và điện thoại tới để kiểm tra, sửa chữa, lắp đặt thiết bị dò xét, kết quả vẫn phát hiện điện luôn không ổn định. Sau này mới biết, hiện tượng này có liên quan đến một cô gái làm việc ở công ty, mỗi lần sáng sớm khi đi làm, khi cô gái bước vào cửa văn phòng, những bóng đèn sau lưng cô tự nhiên bắt đầu chớp sáng lên, độ sáng bắt đầu gia tăng thậm chí làm nổ bóng đèn, mảnh vụn bóng đèn cũng bay về phía cô. Mặc dù điều này mang đến cho cô sự phiền nhiễu lớn, nhưng không sao thoát ra được.

Ngoài năng lực dự biết tương lai, tâm linh chí động khả năng đứng lơ lửng trên không trung cũng là một trong những siêu năng lực thường gặp.

Vào khoảng thế kỷ 17, có vị tu sĩ chỉ cần tâm trạng kích động, lại bay vọt lên giữa không trung. Ông vốn chỉ là một nông dân chất phác ở vùng quê nước Ý, khi còn trẻ bắt đầu khổ tu tôn giáo. Đến năm 22 tuổi, sau khi trở thành tu sĩ, đột nhiên phát hiện mình có năng lực bay lơ lửng. Nhưng, siêu năng lực này lại mang đến phiền nhiễu lớn cho ông. Ví dụ, có một lần trong khi đang làm lễ Mi sa ngày chủ nhật, ông đột nhiên bay vọt lơ lửng lên không, bay đến phía trên bàn thờ có vòng đèn nến vây bọc, khiến cơ thể bị phồng nặng. Lại một lần, khi đang đi dạo, đột nhiên ông bay lơ lửng lên cây ô liu trong vườn, không cách nào xuống được, may có một vị tu sĩ khác nhìn thấy vội mang thang đến cho ông xuống.

Ngoại trừ các siêu năng lực kể trên, cách dùng sức mạnh tâm linh làm cho thìa muỗng kim loại bị bẻ cong, cũng là siêu năng lực thường gặp. Loại hiện tượng này được gọi là “siêu tự nhiên” hoặc “tâm linh chí động” bẻ cong kim loại, các nhà khoa học cho rằng có nguyên nhân do sức mạnh của tinh thần làm cong thìa muỗng, nhưng biểu hiện của năng lực này, vốn không tùy ý thực hiện bất cứ lúc nào.

Năm 1975, trong tạp chí “Tự nhiên” có ghi: “Trừ phi mỗi người tham dự thực nghiệm đều ở vào trạng thái thả lỏng, nếu không hiện tượng tâm linh chí động không thể xảy ra”.

Ở Braxin có một cậu bé, xem trên truyền hình có người biểu diễn dùng niệm lực bẻ cong muỗng, bèn bắt chước

cũng dùng siêu năng lực tâm linh chí động làm cong chiếc muỗng. Tiếp đến, cậu bé nghịch ngợm này khi được phỏng vấn, đưa ra một cách nhìn thú vị: “Suốt ngày làm chuyện này thường lãng phí thời gian, cháu thích đi đá bóng hơn”.

Hiện tượng siêu năng lực muôn màu muôn vẻ, nhưng sau khi có được siêu năng lực có ích lợi gì cho cuộc sống của bản thân và cho người khác? Đó có thể là điều chúng ta có thể suy nghĩ, ngoại trừ cảm thấy kỳ dị lạ mắt thỏa trí tò mò.

TIÊU CHUẨN KIỂM NGHIỆM THẦN THÔNG

Từ các ví dụ kể trên, chúng ta có thể phát hiện, một số hiện tượng linh dị lưu hành hiện nay, về mức độ có sự sai biệt khá lớn với định nghĩa về thần thông một cách nghiêm khắc, đa số chỉ là một loại cảm ứng linh thông hoặc tác dụng của tầng sâu ý thức.

Tổng hợp các hiện tượng siêu năng lực thuật trên, chúng ta có thể phát hiện mấy điểm tương đồng:

1. Các loại năng lực này đều đột nhiên mà có, không biết từ đâu mà đến, sau đó đột nhiên biến mất.
2. Các loại năng lực này phần lớn đều không cách nào tự chủ, không thể hiện hiện theo một cách tự tại, chỉ phát khởi trong tình huống không thể tự khống chế.
3. Siêu năng lực không thể tự khống chế có khi mang đến cho đương sự phiền nhiễu lớn, thậm chí nguy hiểm.

Còn thần thông của Phật giáo khác hẳn. Phật giáo định nghĩa thần thông vô cùng nghiêm khắc, đưa ra tiêu chuẩn kiểm chứng rõ ràng.

Chúng ta có thể căn cứ vào ba nguyên tắc cơ bản sau để phân định:

1. *Thần thông Phật giáo là sức mạnh mang tính tự chủ:*
Sức mạnh thần thông dân gian, chủ yếu do tu hành mà thành, rất ít khi do bẩm sinh hoặc tự nhiên báo đắc. Do đó, hiện tượng thần dị không tự chủ được, trong Phật giáo vốn không được xem là thần thông. Dựa theo quy tắc này, rất nhiều sức mạnh thần kỳ như bị nhập thân, không thể tự biết, đều không thuộc về thần thông.
2. *Trong “Pháp Hoa kinh” từng ghi chép, hành giả do công đức trì tụng kinh Pháp Hoa, có thể khiến cho nhân căn, nhĩ căn đạt được công năng cực kỳ vi diệu, ví dụ: có thể thấy được các loại hiện tượng trên trời, dưới đất, có thể nghe thấy hết thảy âm thanh trên thế giới, mà không hề bị hỗn tạp. Mặc dù loại hiện tượng này rất giống với thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, nhưng trong kinh viết một cách rõ ràng rằng, như vậy vẫn chưa chứng thành thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông. Bởi vì loại sức mạnh ấy có, chỉ là hiện tượng cảm ứng do trì tụng kinh điển, không đạt được một cách tự chủ, do đó không thuộc phạm trù của thần thông, từ điều này có thể chứng minh sự nghiêm khắc của Phật giáo với định nghĩa thần thông.*
3. *Thần thông là tác dụng của minh triết:* Các loại thần thông Phật giáo như thiên nhãn thông, dùng năng lực minh chiếu rõ ràng hiện tượng bên ngoài không bị chướng ngại, cũng như dựa vào nhân duyên của hiện

tượng hiện tại đạt tới năng lực dự đoán tương lai và thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh.. các thần thông khác cũng đều như thế, thần túc thông cũng có tác dụng chân thật thay đổi hiện tượng vật chất, chứ không phải do tự mình tưởng tượng. Do đó, cảm ứng không xác định được, tin tức không rõ ràng tác dụng như có như không của các loại hiện tượng thần dị, vốn không phải thần thông.

4. *Thần thông có thể tái hiện hay lặp lại một cách ổn định:* Thần thông Phật giáo, vốn không phải hiện tượng ngẫu nhiên, phải được không ngừng hiển hiện lặp đi lặp lại. Do đó, cảm ứng hoặc hiện tượng thần kỳ do ngẫu nhiên, không thể tái hiện một cách ổn định, vốn không phải là thần thông.

Ba nguyên tắc kiểm nghiệm nêu trên, có thể giúp chúng ta phân biệt sự thật giả của thần thông một cách rõ ràng, không bị trộn lẫn thật giả với các hiện tượng cảm ứng không ổn định.

Do ngày nay nhiều người hiểu kỳ với các hiện tượng thần dị, nên luôn có những người hoặc tôn giáo được sản sinh kết hợp dùng thần dị kêu gọi giáo đồ, họ cũng có thể tập hợp được một số quần chúng. Trong lịch sử cũng thường xảy ra việc ấy, nhưng hiện tượng này, giống như hoa quỳnh nở trong chốc lát, rất nhanh tan biến mất. Từ phương diện khác mà xét, sự lưu hành của hiện tượng thần dị, đã tố cáo sự trống rỗng về tinh thần của nhân loại hiện nay.

Các tôn giáo và đạo đức xưa cũ, không thể cung cấp nơi an thân lập mạng, mà cất giấu nơi sâu thẳm trong tâm linh của nhu cầu tôn giáo, cũng không hề biến mất, do đó, phát

triển thành một hình thức mới để tìm kiếm nơi nương tựa. Nếu như đi theo nội tạng của sinh mệnh, truy tầm sự tiến hóa của sinh mệnh là điều đáng mừng; nhưng nếu như biểu hiện của hiện tượng thần dị của loại hành vi tôn giáo thô thiển này, chẳng những không ích lợi với nhân sinh, trái lại còn hy vọng dùng các siêu năng lực đặc thù để giải quyết khó khăn đời sống, tức là đi vào con đường mù quáng sinh mệnh.



Chương 2

Quan niệm của Phật giáo về thần thông

"Bọn ngoại đạo cầm trượng đuổi đánh thánh giả Đại Mục Kiền Liên, xương thịt khắp thân nát vụn như tương. Bấy giờ Xá Lợi Tỳ dùng áo mình bọc lấy, bỗng như trẻ sơ sinh, vừa tới trong vườn, chỉ còn chút hơi tàn, không lâu sẽ chết".

Vua nghe tin, vô cùng đau xót trong lòng liền dẫn nội cung, thái tử, tể tướng và mọi người trong thành, tất cả đi đến trong rừng trúc.

"Thánh giả vì sao sơ suất để đến nỗi như vậy?"

Đáp: "Đại vương! Đây là nghiệp quả kiếp trước tạo tác đã chín muồi, biết làm sao được!"

Vua phẫn nộ nói với đại thần: "Các khanh lập tức chia ra các hướng tìm bắt bọn ngoại đạo, đem về nhốt vào nhà trống dùng lửa đốt chết cho ta!"

Tôn giả can: "Đại vương! Không nên làm vậy, trước kia ta tạo nghiệp nhiều như thác đổ, nay thân phải trả, không phải là chịu thay cho ai đâu".

... Vua nói: "Thánh giả há không phải bậc đại sư sao? Trong chúng thanh vân, tôn xưng tôn giả thần thông đệ nhất, sao không bay đi, đành phải chịu đau khổ như vậy?"

Đáp: "Đại vương! Đại sư cũng vậy thôi, nay nghiệp lực đến, đến chữ "thần" ta còn không nhớ, huống chi phát thần thông được ư! Lời đức Như Lai vốn không nhị ngữ, thân thuyết Ca Đà rằng: 'Giả sử như khiến trải qua trăm kiếp, nhưng không hết tạo nghiệp khi nhân duyên hội ngộ, quả báo vẫn phải tự chịu'. Nay ta phải chịu quả báo đâu cần phải nói là biết bay không".

"Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tỷ nại gia tạp sự", quyển 18.

Sức mạnh bất khả tư nghị của thần thông quảng đại khiến người ta ngưỡng mộ, do đó, một số người gấp rút muốn đạt được thần thông, để thỏa mãn hứng thú hoặc kỳ vọng ảo tưởng bản thân. Thực sự người có thần thông cũng giống người hiện đại có các phương tiện giao thông như ô tô, máy bay, xe lửa hoặc các khí cụ hiện đại khác mà thôi. Khi sử dụng các loại khí cụ này đương nhiên có quy tắc và điều kiện hạn chế, chứ đâu phải hoàn toàn muốn làm gì cũng được, không cần chịu trách nhiệm. Nếu như hoàn toàn không dựa theo nguyên tắc và hiện tượng cơ bản không chú ý giới hạn sử dụng thần thông của bản thân, rất có thể tạo ra nguy hiểm lớn cho mình và người khác. Điều này cũng giống như điều khiển ô tô hoặc máy bay một cách khinh suất, sẽ tạo thành tai nạn xe cộ và tai nạn trên không, khiến bản thân và người khác đều phải chịu đựng đau khổ hay chết chóc.

Như Đề Bà Đạt Đa do sự hiểu kỳ dục vọng của bản thân theo đuổi thần thông, sau khi có thần thông, lại sử dụng một cách bừa bãi nhằm thỏa mãn dục vọng bản thân, kết quả gây ra thảm kịch như việc vua Tần Bà Sa La bị con mình là vua A Xà Thế giam cầm đến chết, làm chia rẽ giáo đoàn Phật giáo, sát hại kẻ tu hành, rất đáng tiếc.

Do đó, chúng ta phải hiểu biết sâu sắc, thần thông do điều kiện nhân duyên cấu thành, nên thần thông có mức độ giới hạn. Mặc dù sức mạnh của thần thông có vẻ như vô cùng lớn, nhưng vẫn phải chịu hạn chế của điều kiện nhân duyên không thể thay đổi nghiệp lực, vì vậy mới cho có cách nói “Thần thông không đánh lại nghiệp lực”. Thế nên, muốn dùng thần thông để tiêu trừ ác nghiệp đã tạo từ kiếp trước, hoặc là vô cơ muốn có phước báo, là điều không thể xảy ra.

Dù tạm thời có vẻ như đạt được mục đích, thật ra có thể chỉ là thay đổi nội dung một phần, bởi vì những điều này hết thảy đều phải dựa vào quá trình tu tập của bản thân. Nếu như hiểu được điều này, chỉ thuần túy dựa vào ngoại lực, đối với sự phiền nhiễu tạo ra sau này, chắc chắn sẽ không tốt hơn điều vốn có.

HẠN CHẾ CỦA THẦN THÔNG

Thần thông không thể thắng nghiệp lực

Cho dù thần thông của Phật giáo pháp là bất khả tư nghị, nhưng thái độ của Phật Đà đối với thần thông rất rõ ràng, thần thông không phải là con đường cứu cánh, Phật Đà dùng bản thân mình là tấm gương tốt nhất để dạy dỗ chúng ta.

Vào năm 486 T.CN. Tỳ Lưu Ly vương nước Kiều Tát La ở Ấn Độ, vì muốn trả thù việc lúc nhỏ bị tộc Thích Ca làm nhục, khởi binh tiến đánh nước Ca Tỳ La Vệ của Đức Phật, thề sẽ tiêu diệt triệt để tộc Thích Ca.

Bấy giờ Đức Phật đã 79 tuổi, vì thương xót Lưu Ly vương cũng như muốn cứu rỗi quê nhà, khi Lưu Ly vương xuất chinh, Ngài đợi ở trên con đường quân đội chắc chắn đi qua, dưới sức nóng vào mùa hè của Ấn Độ, đạt đến nhiệt độ trên 40°C, Ngài rời bỏ nơi có bóng mát tán cây, tĩnh tọa dưới gốc cây khô héo không có tàn che.

Khi Lưu Ly vương thấy Đức Phật, lập tức xuống xe lễ bái và hỏi: “Thế Tôn! Vì sao lại bỏ cây có cành lá sum suê mát mẻ, mà ngồi dưới cội cây khô héo này?”.

Đức Phật trả lời: “Cây có cành lá sum suê đương nhiên mát mẻ, nhưng bóng râm của họ tộc thân thích càng lớn hơn bóng râm đó”.

Lưu Ly vương hiểu được hàm ý trong lời nói của Đức Phật, liền lui quân. Sau này, Lưu Ly vương lần thứ 2, thứ 3 khởi binh, đều gặp lời khuyên răn của Đức Phật.

Nhưng, cuối cùng nghiệp báo của tộc Thích Ca đã chín muồi, cuối cùng Lưu Ly vương cũng tấn công thành Ca Tỳ La Vệ, triển khai hành động tru diệt toàn thành rất đáng sợ, trong thành máu chảy thành sông, vài trăm người bị chôn sống, tiếng rên rĩ khắp mọi nơi, như vọng từ địa ngục. Đệ tử của Đức Phật nhìn thấy, vô cùng bi thương bất nhẫn, chỉ có tâm Thế Tôn vững trãi như núi.

Thần thông đệ nhất là tôn giả Mục Kiền Liên, biết được Lưu Ly vương đem đại quân bao vây thành Ca Tỳ La Vệ, liền

hỏi Đức Phật: “Phật Đà! thành Ca Tỳ La Vệ bị xâm lược bởi Lưu Ly vương, chúng ta có biện pháp nào không?”.

Đức Phật từ tốn trả lời:

“Mục Kiền Liên! Tộc Thích Ca phải chịu báo ứng của nghiệp tộc kiếp trước, đó là cộng nghiệp sở cảm, việc đã vậy, quả báo nay đã chín muồi, không sám hối nghiệp tội, cứ kiêu ngạo ngang ngược, thì giống như tòa nhà mục nát, rốt cuộc phải đổ sụp!”.

Tôn giả Mục Kiền Liên nghe Đức Phật nói xong, tuy biết đó là sự thật, nhưng Ngài vẫn muốn thử, liền dùng sở trường thần thông của mình đến cứu nhân dân tộc Thích Ca.

Lưu Ly vương dùng trăm vạn đại quân vây chặt thành Ca Tỳ La Vệ, bất cứ ai cũng không thể ra vào. Mục Kiền Liên dùng thần thông bay vào trong thành, chọn 500 người ưu tú của tộc Thích Ca, bay lên trên không, dùng bình bát nhốt hết họ vào trong, rồi lại từ không trung bay ra. Sau khi ra khỏi thành, tới nơi bình an, Mục Kiền Liên giở bát trong tay ra, muốn thả 500 người có tộc Thích Ca, không ngờ những người của tộc Thích Ca trong bát đều hóa thành máu cả! Mọi người mới biết được dụng ý của Đức Phật.

Đó là sự thật về việc thần thông không thắng nổi nghiệp lực, vốn không phải là con đường cứu cánh, Đức Phật tự thân đã thuyết minh tốt nhất và cũng là thái độ cơ bản của Phật pháp đối với thần thông.

Không thể chấp trước thần thông

Vì muốn hóa độ chúng sinh, Đức Phật cho phép đệ tử thị hiện thần thông, nhưng Đức Phật cũng cảnh báo đệ tử

rất rõ ràng, thần thông không phải là cứu cánh, không nên chấp trước. Đức Phật cũng từng dùng việc thị hiện thần thông của vị đệ nhất thần thông tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc giáo hóa đại chúng.

Mẹ của Phật là Ma Gia hoàng hậu, sau khi Đức Phật đản sinh bảy ngày liền qua đời, sinh lên Đạo Lợi thiên cung. Sau khi Đức Phật thành đạo, dùng sức thần thông lên cõi trời Đạo Lợi thuyết pháp cho Ma Gia hoàng hậu nghe, do thời gian ở trên trời và nhân gian khác nhau, dù Đức Phật chỉ thuyết một bài pháp trên cõi trời Đạo Lợi, dưới nhân gian đã trải qua một thời gian khá dài, đại khái phải mất thời gian ba tháng mới trở về nhân gian, điều này khiến cho các đệ tử và đại chúng đều rất nhớ mong Ngài.

Cuối cùng, ngày mà Đức Phật quay về nhân gian đã đến, đệ tử tứ chúng vô cùng hoan hỷ, mọi người tụ họp ở Khúc Nữ thành, bởi vì sau khi Như Lai ở tầng trời thứ 33 thuyết pháp xong, sẽ từ nơi này mà quay về nhân gian. Theo truyền thuyết lúc bấy giờ, Đế Thích Thiên dùng thần lực hóa hiện ba bậc thềm vàng ròng, thủy tinh, bạch ngân, Thế Tôn sẽ hạ xuống thềm báu vàng ở giữa quay về nhân gian.

Đức Phật từ trên trời trở về, các đệ tử cũng như tứ chúng đều muốn trở thành người đầu tiên thấy Phật. Đương thời, Liên Hoa Sắc là vị thần thông đệ nhất của tỳ kheo ni, bà dùng thần thông biến mình thành Chuyển Luân Thánh Vương, dùng luân vương thất bảo dẫn đường, kẻ tùy tùng nhiều như mây trôi, như ánh sáng của mặt trời. Nhìn thấy uy thế mạnh mẽ, mọi người tự nhiên nhường ra một con đường. Bà là người đầu tiên đến trước Đức Phật, rồi trở lại hình dáng cũ, đánh lễ dưới chân Phật, mọi người bị một nữ

chúng lại là người đầu tiên đánh lễ Như Lai, ai nấy xông xao hoang mang.

Bà xin Đức Phật:

“Phật Đà! Đệ tử Liên Hoa Sắc là người đầu tiên đến nghênh tiếp thánh giá Đức Phật, xin Ngài nhận sự bái kiến của đệ tử!”.

Đức Phật mỉm cười, từ tốn đáp:

“Liên Hoa Sắc! Người không thể nói là người gặp được ta đầu tiên!”.

Liên Hoa Sắc kinh ngạc, quay nhìn trái phải, thấy các trưởng lão như Đại Ca Diếp... mới từ sau lưng mình đi tới. Liên Hoa Sắc dùng giọng hoài nghi hỏi:

“Thế Tôn! Ai đến trước hơn cả Liên Hoa Sắc mà đón được Đức Phật?”.

Đức Phật mỉm cười đáp:

“Người đón ta đầu tiên là Tu Bồ Đề, bây giờ Tu Bồ Đề đang ở trong thạch động núi Kỳ Xà Quật quán sát tính không chư pháp, ông ta mới là người nhìn thấy ta thật sự. Người thấy pháp mới là người chân thật nhìn thấy Như Lai”.

Thế rồi Đức Phật tụng bài kệ: “Không, vô, giải thoát môn, đó mới là nghi thật của việc lễ Phật. Nếu người muốn lễ Phật, bất luận là tương lai hoặc quá khứ, đều phải nên quán không, không có thực pháp có thể đắc, đó mới gọi là nghĩa của lễ “Phật”.

Lúc ấy, tôn giả Tu Bồ Đề đang may áo trong hang động ở núi Linh Thứu, ông nghe được tin Đức Phật trở về nhân gian, muốn đứng lên muốn bỏ xuống bộ áo đang may trong tay đi đón Phật, chính vào lúc ấy, trong lòng ông chợt nghĩ: “Thế nào mới thực sự là gặp Như Lai? Pháp thân của Đức

Phật, không phải mắt thịt có thể thấy được. Ta đi đón tiếp Như Lai, nhưng cái gì là Thế Tôn? Là nhân, nhĩ, thiết, thân, ý ư? Ta đến đó chỉ thấy được Như Lai do tứ đại địa, thủy, hỏa, phong hòa hợp mà thành? Chư pháp đều là Không tịch, Vô tạo, Vô tác, chính như Thế Tôn sở thuyết: nếu như có người muốn lễ kính Như Lai, phương thức thắng diệu nhất, chính là quán được tự tính của Ngũ Âm lục đại, đều không và vô thường. Phật quá khứ, Phật vị lai cũng như Phật hiện tại, tất cả đều vô thường, nếu như người nào muốn lễ Phật, bất luận là quá khứ, tương lai, hiện tại, cần nên quán tưởng pháp không; nếu người muốn lễ Phật, bất luận là quá khứ, tương lai, hiện tại, phải nên quán tưởng vô ngã.

“Trong đó vô ngã, vô nhân cũng không có hình thể dung mạo không có người dạy, không có người được dạy. Chư pháp đều là không tịch, cái gì là ta? Cái ta là vô chủ, ta hiện nay quy mệnh về nơi tự của chính pháp”. Sau khi suy nghĩ như vậy, Tu Bồ Đề trở về chỗ của mình ngồi xuống tiếp tục vá áo, do đó, Như Lai nói Tu Bồ Đề là người quán pháp thân Phật, là người đầu tiên nhìn thấy Phật vậy.

Thần thông không thể thay đổi được vận mệnh

Đức Phật dạy chúng ta rất rõ ràng, thần thông vốn không thể thay đổi được điều đã thành sự thật, nó chỉ là sản vật của duyên khởi pháp tắc, không phải là con đường cứu cánh. Sự tích tôn giả Mục Kiền Liên vào địa ngục cứu mẹ, chính là một thực chứng tốt nhất.

Mùa hạ ở Ấn Độ, cũng là mùa mưa, mỗi khi trời mưa, giống như thác đổ, đường sá không thể đi lại, thêm vào đó

sau khi mưa, rắn độc, côn trùng sinh sôi, vô cùng nguy hiểm, do đó, vào thời gian này Đức Phật liền dẫn tăng chúng ở trong tịnh xá chuyên tâm tu trì, gọi là “An cư kiết hạ”.

Bấy giờ, Ngài Mục Kiền Liên đang trong thiền định, bỗng nhớ đến mẹ: “Từ sau khi xuất gia, không hề qua nhà thăm mẫu thân, không biết mẹ có khỏe không?”. Ngài liền dùng thiên nhãn quan sát thế gian, thấy mẹ mình đã chết và bị đẩy vào nẻo ngạ quỷ, không thể ăn bất kỳ thứ gì, thân thể chỉ còn da bọc xương, vô cùng đau khổ.

Mục Kiền Liên nhìn thấy cảnh tượng này, trong lòng vô cùng đau xót, lập tức dùng bình bát đựng đầy cơm, vận dụng sức thần thông, tới nơi đút cho mẹ ăn. Bà mẹ vội vàng bốc lấy cơm nhét vào trong miệng, không ngờ, thức ăn còn chưa tới miệng đã hóa thành lửa cháy, không cách nào ăn được.

Mục Kiền Liên vận dụng hết mọi khả năng uy lực thần thông, nhưng vẫn không thể giúp mẹ ăn uống được chút gì, ngài liền bật khóc to kêu gào bản thân mình thần thông quảng đại nhưng không cách nào giải trừ được nghiệp báo của mẫu thân. Mục Kiền Liên vô cùng bi thương đau khổ, đành dùng sức thần thông, bay trở về trong vườn Cấp Cô Độc, kể lại cho Đức Phật nghe.

Thế rồi, Đức Phật dạy Mục Kiền Liên vào ngày 15 tháng 7, hãy cúng dường tăng chúng, dùng công đức tiêu tán cầu phúc cho cha mẹ 7 đời quá khứ, cha mẹ đời hiện tại, cũng như người đang bị ách nạn.

Vào ngày 15 tháng 7, bất luận thánh giả của Đại thừa, Tiểu thừa, trải qua ba tháng chuyên chú tu hành, tu chứng



Tôn giả Mục Kiến Liên dùng thần thông xuống địa ngục cứu mẹ bị đày dưới đường quỷ đói nơi địa ngục.

đặc biệt viên mãn, đều hội cùng một tâm đến thọ dụng sự cúng dường này.

Những thánh chúng cụ túc thanh tịnh giới hạnh, đạo hạnh, công đức cũng quảng đại và thâm sâu như đại dương, nếu có thể cúng dường tăng chúng thanh tịnh này, thì cha mẹ thời hiện tại, cha mẹ 7 đời quá khứ, lục thân quyến thuộc đều có thể ra khỏi địa ngục súc sinh, đạo đồ ngã quỷ và đạo đồ địa ngục... đó là ba đường đau khổ. Ngay lúc ấy họ lập tức được giải thoát, tự nhiên có được cơm ăn áo mặc.

Mục Kiền Liên tuân theo giáo huấn của Đức Phật, quả nhiên mẹ của Ngài được ra khỏi sự đau khổ của chốn ngã quỷ (quỷ đói).

Không thể dựa vào đặc điểm của thần thông

Ngoài ví dụ của Đức Phật, thì cái chết oan ức của vị đệ tử Phật có thần thông đệ nhất Mục Kiền Liên chứng minh không thể trông cậy hoàn toàn vào thần thông.

Chiều hôm đó, thành Vương Xá có vẻ âm trầm, khác lạ, đường phố vắng vẻ, nửa ngày trời mà không ai qua lại, chỉ có Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, người trước người sau đang đi trên đường. Hai vị tôn giả không ngờ đầu đường, có một nhóm ngoại đạo cầm gậy, đang bàn bạc cách tấn công hai vị tỷ kheo đang đi riêng lẻ. Nếu chỉ vô cơ mà đánh người, không khỏi làm mất tác phong đàn ông, chúng quyết định tìm cơ gây gổ.

Trước tiên, chúng gặp Xá Lợi Phất, nhưng Ngài Xá Lợi Phất dùng tha tâm thông nhìn thấu tâm tư của họ, lời của

Xá Lợi Phất quá thâm áo, bọn họ đều không hiểu, nên không cách nào hạch sách, thái độ ung dung tự tại của Xá Lợi Phất khiến chúng không có cơ gây gổ, bèn tìm tới Mục Kiền Liên

Chuyện thật đúng lúc, thật ra Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên mới từ địa ngục trở về và đã gặp đạo sư của bọn ngoại đạo là Phổ Thích Na.

Thì ra, khi trưởng lão Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên ở thành Vương Xá, thường xuyên quan sát năm chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Hôm ấy, vừa lúc tuần hành quán sát tới địa ngục Vô Gian, Xá Lợi Phất nói với Mục Kiền Liên:

“Tôn giả, xin hãy vì những hữu tình nơi ngục Vô Gian này dập tắt nỗi khổ sức nóng mãnh liệt của lửa”. Mục Kiền Liên bay vọt lên không, đứng trên địa ngục giáng mưa xuống như trục bánh xe xoay, lửa nóng mãnh liệt trong địa ngục liền tắt theo nước đổ tới của trận mưa lớn.

Xá Lợi Phất xem xong, lại nói: “Ngài hãy nghỉ một chút, để tôi thay cho”.

Xá Lợi Phất nhập vào Thăng giải tam ma địa, giáng một trận mưa, khiến toàn bộ địa ngục đều đắm ướt, mát mẻ, không còn nóng khổ nữa.

Bấy giờ, họ nhìn thấy Phổ Thích Na, đạo sư của bọn ngoại đạo, do lúc sống tuyên thuyết giáo tà ác, nên trên lưỡi có 500 lưỡi cày sắt làm chảy máu. Ông ta nhìn thấy hai vị tôn giả, liền kêu lên:

“Đại đức! Nếu các Ngài về đến Thiệm Bộ châu, xin nói cho môn đồ của tôi là: Do khi còn sống tôi giảng thuyết tà pháp, hý lộng người khác, do ác nghiệp bị đọa vào địa ngục

Vô Gián, lưỡi mọc 500 lưỡi cày chảy máu, chịu sự khổ não rất lớn. Khi các đệ tử của tôi cúng dường tháp thờ của tôi, thân tôi ở địa ngục còn chịu sự đau đớn gấp bội, xin hãy nói với họ từ nay về sau đừng cúng dường nữa, để tôi đỡ đau đớn”.

Hai người từ địa ngục trở về, nói nhau cùng vào trong thành và ở trên đường đi gặp bọn đệ tử của Phổ Thích Na.

Tôn giả Xá Lợi Phất đi trước, tôn giả Mục Kiền Liên đi chậm hơn. Bọn ngoại đạo gặp Mục Kiền Liên, Ngài liền nói lại với họ:

“Thầy của các ông là Phổ Thích Na, khi ở nhân gian giảng thuyết pháp tà ác cuồng mê hoặc người đời, nên nay bị đọa vào địa ngục Vô Gián chịu sự khổ não rất lớn về thân, lưỡi mọc 500 lưỡi cày sắt, cày kéo chảy máu rất khổ sở, ông ta nhờ tôi về nói với các ông: Ông ta khi còn sống thuyết pháp tà ác, cuồng hoặc chúng sinh, nay đọa vào nẻo ác, chịu nỗi khổ cày lưỡi. Ông ta kêu gọi các ông không nên cúng dường tháp thờ ông ta nữa, bởi vì khi có người cúng dường đau khổ của ông ta sẽ gia tăng gấp đôi”.

Đệ tử của Phổ Thích Na nghe xong, vô cùng phẫn nộ, quát mắng:

“Anh em nghe rõ chưa! Tên đầu trọc sa môn này không những dạy đời chúng ta, ngay đại sư chúng ta cũng bị hấn phỉ báng, bây giờ phải làm sao?”.

Chúng hò hét, múa gậy đánh đập Mục Kiền Liên, đánh đến khi thịt Ngài nát như tương, mới hò nhau rút lui.

Bấy giờ, Xá Lợi Phất đang lấy làm lạ vì sao Mục Kiền Liên đi chậm đến vậy, vội quay lại tìm, chỉ thấy thân thể của Mục Kiền Liên nát như văng vãi khắp mặt đất. Xá Lợi Phất đau xót kinh ngạc hỏi:

“Tôn giả! Ông làm sao ra nông nỗi này?”.

Mục Kiền Liên trả lời:

“Đó là duyên cớ của tôi vậy!”.

Xá Lợi Phất chưa hiểu liền hỏi lại:

“Trưởng giả! Ông không phải là người có thần thông đệ nhất trong Thanh Văn chúng của Như Lai ư, chẳng lẽ không thể tránh được kiếp nạn này?”.

Mục Kiền Liên trả lời:

“Khi nghiệp lực níu kéo, ngay chữ “thần” tôi còn không thể nhớ, huống hồ phát khởi thần thông!”.

Tin này đương thời cực kỳ chấn động, vị thần thông đệ nhất Mục Kiền Liên, lại chết thảm đến thế ấy. Không nghi ngờ gì nữa, đó chính là một bài học có sức lay động, cũng tiêu trừ tư tưởng mê muội rất nhiều người quá tin thần thông, không gì là không làm được và cũng chứng minh sự thật, thần thông không thể thắng nổi nghiệp lực.

TÁC DỤNG CỦA THẦN THÔNG

Thần thông, phương tiện hóa độ chúng sinh

Thần thông không phải con đường cứu cánh, tại sao lại phải học tập thần thông? Đó là do duyên cớ dùng để độ hóa chúng sinh.

1. *Thuyết pháp thần biến*: Như Lai có vô ngại đại trí hiểu biết nghiệp nhân thiện ác và quả báo thiện ác của chúng sinh. Do đó, hiện nhất thiết thần biến thuyết pháp hóa độ họ.

2. *Giáo giới thần biến*: Như Lai dạy đệ tử điều nên làm (*ưng tác*), không nên làm (*bất ưng tác*), nên tin (*ưng tín*), không nên tin (*bất ưng tín*), nên thân cận (*ưng thân cận*), không nên thân cận (*bất ưng thân cận*), tạp nhiễm pháp, thanh tịnh pháp... hiển hiện chư thần biến để khuyên dạy.
3. *Thần thông thần biến*: Như Lai vì muốn điều phục chúng sinh kiêu mạn, hoặc hiện một thân làm nhiều thân, hoặc hiện nhiều thân làm một thân, vách núi tường đá ra vào vô ngại. Thân trên phóng ra lửa, thân dưới phóng nước, hoặc thân dưới phóng lửa, thân trên phóng nước, hoặc đi vào đất như đi vào nước, xuống nước như đất... dùng các loại thần biến điều phục chúng sinh.

Trong bộ “Soạn tập bách duyên kinh” có chép sự tích về việc Đức Phật dùng thần thông giáo hóa kẻ kiêu mạn:

Một lần nọ, khi Như Lai thuyết pháp nơi Ca Lan Đà Trúc Lâm, trong thành vừa lúc có một cô vũ nữ nổi tiếng, cụ túc thông minh thế gian, biện tài vô ngại, nhưng cô ta cũng có một số nghi hoặc không thể hiểu. Có người nói cho cô biết, người có nhất thiết trí là Đức Phật đang thuyết pháp trong Trúc Lâm, cô có thể đến đó thỉnh vấn. Cô vũ nữ nghe xong, liền cùng với chúng nhân vừa ca hát vừa nhảy múa, tìm đến Trúc Lâm. Vừa gặp Thế Tôn, cô vẫn kiêu mạn phóng dật cười đùa, không có vẻ gì kính trọng Như Lai cả.

Đức Thế Tôn thấy cô ta vô lễ, liền dùng thần lực biến cô ta thành một lão bà trăm tuổi, tóc bạc như tơ, mặt đầy nếp nhăn, răng lung lay sắp rụng, lom khom đi

lại. Người vũ nữ thấy hình dáng mình bỗng nhiên thay đổi, trong lòng kinh hoảng, biết chắc chắn đó là uy thần Đức Phật. Cô vũ nữ sinh khởi tâm hổ thẹn, sám hối thưa với Phật: “Vừa rồi con ở trước mặt Thế Tôn, kiêu mạn tự đại, phóng túng buông thả. Nay xin Thế Tôn tha thứ cho con”. Thế Tôn biết tâm người vũ nữ đã được điều phục, liền dùng sức thần thông biến cô vũ nữ trở lại thân tươi trẻ như trước. Bấy giờ, các đại chúng có mặt, nhìn thấy người vũ nữ, trong một lúc biến già biến xấu, một lúc lại trẻ trung xinh đẹp, biến hóa vô thường, ai nấy sinh khởi tâm chán ghét xa lìa, tâm khai ý giải, có người liền đắc quả A La Hán, cũng có người do đó phát tâm vô thượng bồ đề.

Ngoài ra, Phật, Bồ Tát vì muốn giáo hóa chúng sinh, nên khi thị hiện đức dụng của tam nghiệp thân, khẩu, ý, cũng có ba loại chỉ dạy. Trong quyển thứ 469 bộ “Đại Bát nhã kinh” chép, Bồ Tát giáo hóa có thể chia làm ba loại: thần biến giáo hóa, ký thuyết giáo hóa và giáo giới giáo hóa.

Thần biến giáo hóa tức Bồ Tát từ bi thương xót chúng sinh nơi địa ngục chịu khổ, thị hiện thần thông, diệt trừ các loại công cụ khổ hình như dầu sôi, lửa, đao kiếm... khiến mọi chúng sinh nhờ thần biến, thoát khỏi địa ngục, sinh lên cõi trời, thọ hưởng mọi điều vui.

Trong quyển 27 bộ “Câu Xá luận”, cũng có ghi về ba loại giáo hóa: thần biến giáo hóa, ký tâm giáo hóa, giáo giới giáo hóa. Ba loại giáo hóa này thông qua ba loại trong sáu thần thông. Thần biến giáo hóa tương đương với thần túc thông, ký tâm giáo hóa tương đương với tha tâm thông, giáo giới giáo hóa tương đương với lậu tận thông. Trong đó, thần biến, ký tâm dùng để hàng phục, hóa độ chúng sinh

quy phục, tín thọ, còn giáo giới thần biến tiến thêm một bước khiến họ phát tâm tu hành.

Quyển 25 bộ “Đại trí độ luận” viết: “Bồ Tát Ma Ha Tát hành Bát nhã Ba la mật đa thời, trú trong thần thông Ba la mật, vì chúng sinh làm điều lợi ích. Tu Bồ Đề! Bồ Tát nếu là thần thông, không thể tùy theo ý của chúng sinh khéo thuyết pháp, đó là nguyên nhân vậy, nên Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát khi hành Bát nhã Ba la mật đa, phát khởi thần thông. Tu Bồ Đề! Cũng như chim không có cánh không thể bay, Bồ Tát không có thần thông không thể tùy ý giáo hóa chúng sinh. Vì nguyên nhân này, nên Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát hành Bát nhã Ba la mật, phải nên khởi thần thông, khi đã khởi thần thông, nếu làm lợi ích cho chúng sinh sẽ tùy ý được lợi ích”.

Trong kinh còn viết, Bồ Tát dùng thiên nhãn quán sát hết thấy quốc thổ nhiều nơi như cát sông Hằng, nhìn thấy chúng sinh trong quốc thổ nào, liền dùng sức thần thông đến nơi đó, hiểu tận tâm tưởng chúng sinh, tùy theo sự cần thiết rồi vì họ thuyết pháp, hoặc thuyết pháp về bố thí, hoặc thuyết về trì giới, hoặc thuyết thiền định, hoặc tuyên thuyết pháp Niết bàn. Còn nữa, Bồ Tát dùng thiên nhãn nghe hai loại âm thanh của nhân, phi nhân và dùng thiên nhãn nghe pháp thập phương chư Phật sở thuyết và đều có thể thọ trì và tuyên thuyết cho chúng sinh các pháp như mình đã được nghe vậy.

Ngoài ra, Bồ Tát đầy đủ thanh tịnh của tha tâm trí, dùng tha tâm trí liễu tri tâm chúng sinh, tùy theo sự tương ứng vì họ thuyết pháp. Còn túc mệnh trí của Bồ Tát, có thể biết được mọi bản sinh xứ, ngoài việc nhớ

về mình, còn có thể nhớ được bản sinh của người khác. Bồ Tát dùng túc mệnh trí, nhớ được hết thấy danh tự chư Phật và đệ tử chúng của thời quá khứ. Nếu có chúng sinh hoan hỷ tin túc mệnh, Bồ Tát liền thị hiện việc của túc mệnh vì họ thuyết pháp. Bồ Tát vận dụng thần thông như ý tới quốc thổ vô lượng chư Phật, cúng dường chư Phật, từ chúng thiện căn của chư Phật trở về bản quốc.

Quyển 42 bộ “Đại trí độ luận” viết: “Bồ Tát muốn hành Bát nhã Ba la mật đa, không nên trụ nơi các thần thông. Vì sao như vậy? Các thần thông, tướng của mọi thần thông là không, thần thông đã không nên không có tên gọi thần thông, nếu lìa cái không cũng không có thần thông. Thần thông tức không, không tức thần thông. Thế Tôn! Do nhân duyên này, Bồ Tát muốn hành Bát nhã Ba la mật đa, không nên trụ nơi các thần thông. “ Từ đây có thể thấy, nếu như Bồ Tát muốn hành Bát nhã Ba la mật đa, không nên chấp trước với mọi thần thông, bởi vì thể tính và hiện tượng của thần thông đều là không, huyền không có thật, mặc dù nhìn thì như có đủ loại hiện tượng, nhưng thực không có thể tính bất biến.

Do đó, trong sáu loại thần thông, Phật pháp xem trọng nhất là lậu tận thông, từ đó tu thêm năm loại thần thông trước, do thần thông này có thể tùy ý thọ sinh, đối với mọi vui, khổ đều không nhiễm trước, ví dụ như hóa thân, chư Phật biến hiện, có thể làm mọi chuyện, nhưng vẫn không nhiễm hết thấy khổ, vui. Bồ Tát khi hành Bát nhã Ba la mật đa, chính du hý thần thông như thế, có thể thanh tịnh chư Phật quốc thổ thành tựu chúng sinh.

Vận dụng thần thông để đại chúng sinh khởi lòng tin

Trong “A Hàm kinh”, thường thấy đức Thế Tôn thị hiện thần thông giáo hóa chúng sinh, khiến họ sinh khởi lòng tin. Trong bộ “Thích thiên Ba la mật” viết: “Nếu muốn giáo hóa chúng sinh, hiện hy vọng làm được việc này, khiến tâm thanh tịnh, phải nên tu tập hết thấy thần thông đạo lực”. Đức Phật khi mới thành đạo, cũng từng thị hiện thần thông, hàng phục độc xà do Ca Diếp là người theo Hỏa giáo nuôi dưỡng, khiến Ngài Ca Diếp quy y Phật pháp.

Trước kia Ca Diếp là một trưởng giả nổi tiếng ở địa phương, quốc vương, quan lại và bá tánh đều giao kết với ông, ông có 500 đệ tử, trú ở bên bờ sông Ni Liên Thiên. Bấy giờ, Như Lai quyết định khai thị giáo hóa Ca Diếp trước, khiến ông tín tâm hoan hỷ, vui vẻ tin Phật pháp, như vậy chúng nhân còn lại sẽ theo Ca Diếp quy y Phật hết thấy.

Ba anh em Ca Diếp vốn thờ bái Hỏa thần, trong gian nhà thờ Hỏa thần của họ, có một con hỏa long (rồng lửa). Đức Phật vì muốn giáo hóa, nên cố ý giả như không biết, xin vào tạm trú một Hỏa long thất. Giữa đêm, con Hỏa long phun ra khói lửa, định hại Đức Phật. Phật liền nhập vào Hỏa quang tam muội hàng phục Hỏa long.

Trong thất, lửa bỗng bốc cháy rực lên nóng bỏng, mọi người sợ Hỏa long và lửa lớn thiêu hại Đức Phật, vô cùng căng thẳng, có đệ tử thậm chí bật khóc. Nhưng Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp nói với môn đồ: “Theo quan sát của ta, chưa chắc lửa lớn thiêu được Đức Phật, có lẽ sa môn đã hàng phục được Hỏa long rồi”.

Cuối cùng, Đức Phật hàng phục Hỏa long, thu vào trong bình bát, sáng sớm hôm sau bước ra đưa cho môn nhân của ngoại đạo xem, đại chúng thán phục, liền quy y Phật Đà.

Thần thông, phương tiện Đức Phật dùng giáo hóa đệ tử

Phật pháp lấy trí huệ và từ bi làm trung tâm tu chứng, còn thần thông chỉ được xem như sản phẩm phụ thuộc. Đương nhiên nếu từ trí huệ thần thông thậm thâm quan sát, thiền định, trí huệ, từ bi và thần thông, hoàn toàn thống nhất làm một, trở thành phương tiện quảng đại cứu độ chúng sinh. Nhưng trong tu tập cơ bản, thần thông là công cụ phụ thuộc.

Thần thông ngoại trừ là một sản phẩm phụ của quá trình tu hành, có khi cũng sẽ trở thành một loại công cụ giáo hóa đặc thù, thành phương tiện để Đức Phật giáo hóa đệ tử. Đương nhiên có khi cần thiết, thần thông cũng được xem như thần biến giáo hóa, tức thị hiện thần thông bất khả tư nghị, khiến người khác tin phục, để dẫn nhập chính pháp. Do đó, xem thần thông như một loại công cụ giáo hóa một loại phương tiện truyền dạy Phật pháp.

Hiện nay, không có vùng xa xôi nào giao thông và phương tiện truyền thông không đến được, trái đất trở thành nhỏ bé như thôn xóm. Nhưng, nước Ấn Độ của hơn 2500 năm trước, khoảng cách xa xôi quả thực rất khó khăn cho việc nghe pháp. Nên thần thông ngoại trừ được dùng để giáo hóa chúng sinh, còn có thể xem như công cụ giáo hóa để truyền dạy ở khoảng cách xa xôi.

Ở chương trước, chúng ta từng nhắc về chuyện, khi Đức Phật trú ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc thành Xá Vệ, còn Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất đang du hóa ở viện Ca Lan Đà Trúc Lâm thành Vương Xá, hai người cùng ở trong một gian thiền thất, Đức Phật từng cùng Mục Kiền Liên thực hiện việc dạy học từ xa, ở đây chúng ta đơn giản lướt qua.

Ngày nọ, Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất cùng ở trong một gian thiền thất, Xá Lợi Phất có cảm giác như Mục Kiền Liên gần như không hô hấp, thậm chí trong phòng gần như không có sự tồn tại của ông ta nữa. Xá Lợi Phất tưởng Mục Kiền Liên đang nhập diệt tận chính thọ, nhưng Mục Kiền Liên lại trả lời không phải đang nhập chính định của tịch diệt tận chính thọ, mà đang dùng thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông trò chuyện với Đức Phật, thỉnh giáo các vấn đề tu hành.

Trong sự giáo hóa của cuộc đời Đức Phật, mức độ dùng năng lực thần thông làm phương tiện giáo hóa khá cao. Dùng túc mệnh trí để hiểu biết sự tích chư Phật và bản sinh của các đệ tử vào thời quá khứ, hoặc dùng thiên nhãn thông hiểu biết dự kiến về tình hình vãng sinh của chúng sinh sau khi chết, tự do tới lui tam giới, thị hiện thần biến thuyết pháp cho mọi loại chúng sinh như thiên nhân (như ý thông)..., đều là phương tiện Như Lai hóa độ chúng sinh.

Đức Phật thường xuyên dùng thiên nhãn thông để dự báo tương lai, nhưng không phải tất cả mọi người đều tin thọ. Thị giả vào thời kỳ đầu của Thế Tôn tên tỳ kheo Thiên Tinh, là một ví dụ.

Lần kia, Đức Phật cùng thị giả tỳ kheo Thiên Tinh ở tại thành Vương Xá, bấy giờ trong thành có một vị lão

hình ngoại đạo tên gọi Khổ Đắc, thường xưng ngôn thế này: “Phiền não của chúng sinh, vô nhân vô quả, giải thoát của chúng sinh cũng không có bất kỳ nhân duyên nào”. Tỳ kheo Thiên Tinh bạch với Đức Phật: “Thế Tôn! Nếu như thế gian có A La Hán, vị Khổ Đắc này nhất định là bậc đứng đầu”.

Đức Phật nhắc rằng Khổ Đắc Ni Càn không phải A La Hán, vì ông ta chẳng chút ngộ hiểu gì đạo A La Hán.

Tỳ kheo Thiên Tinh thốt ra những lời bất như pháp như vậy, Đức Phật liền trách ông ta: “Này kẻ si mê! Ta đối với A La Hán không có đổ kị, do tâm của bản thân ông sinh tri kiến tà ác nghi ngờ lung tung mà thôi! Khổ Đắc không phải A La Hán”.

Phật liền dùng thiên nhãn quan sát, biết được bảy ngày sau, Khổ Đắc sẽ bị đau bụng đến chết, sau khi chết sẽ sinh vào chốn ngạ quỷ, thì thể bị vứt bỏ ngoài rừng hoang.

Lúc ấy, tỳ kheo Thiên Tinh vội tới nơi ở của loa hình ngoại đạo Khổ Đắc Ni Càn báo tin cho ông ta: “Trưởng giả! Sa môn Cổ Đàm hiện nay dự kiến sau bảy ngày, ông sẽ mắc bệnh do ăn thức ăn để qua đêm đau bụng đến chết, chết rồi sẽ sinh vào chốn ngạ quỷ, bạn đồng tu sẽ đem thi thể ông vứt nơi rừng hoang. Trưởng lão! Ông nhất định không được để ông ta nói trúng nhé”.

Khổ Đắc vì lời dự ngôn đó, bắt đầu tuyệt thực, tới ngày thứ 7, trong lòng ông ta nghĩ chắc không còn vấn đề gì, tâm cảnh trút bỏ gánh nặng, liền bắt đầu ăn mật ong đen. Sau khi ăn mật ong đen, ông ta còn uống nước lạnh, không ngờ vừa uống xong, đột nhiên đau bụng dữ dội không thể cứu được rồi chết, khi ông chết các bạn đồng tu đem di thể ra

nơi rừng hoang và Khổ Đắc cũng sinh làm ngựa quỷ, giữ ở bên cạnh thi thể.

Tỳ kheo Thiên Tinh khi nghe tin này, lập tức tới rừng hoang, cũng nhìn thấy thân hình ngựa quỷ của Khổ Đắc.

Nhưng, Thiên Tinh vẫn chưa chịu dẹp bỏ ý định, liền trở về bạch với Đức Phật: “Thế Tôn! Khổ Đắc Ni Càn sau khi mệnh chung, sinh lên cõi trời thứ 33 của Đế Thích Thiên”. Hiển nhiên là Thiên Tinh vẫn không tin thần thông của Như Lai, nên vẫn muốn đối gạt đức Thế Tôn. Đức Phật liền nói: “Việc đến vậy sao người vẫn không biết hỏi cải, người đã chứng đắc A La Hán vốn không còn thọ sinh, cũng không có thân trung ấm, người lại nói là Khổ Đắc sinh lên cõi trời thứ 33?”.

Tỳ kheo Thiên Tinh đành phải nói thật: “Thế Tôn! Đúng như lời Ngài nói, Khổ Đắc Ni Càn vốn không sinh lên cõi trời thứ 33, hiện nay đang chịu quả báo thân ngựa quỷ”.

Đức Phật nói: “Si mê như người! Chư Phật Như Lai vốn luôn nói thật không hai, nếu như lời Như Lai nói đi nói lại là không đúng đâu”.

Đức Phật thường xuyên vì tỳ kheo Thiên Tinh thuyết pháp yếu chân thật, nhưng ông ta vẫn không có chút nào lòng tin thọ.

Dù tỳ kheo Thiên Tinh tuy trong thời gian đi theo Phật làm thị giả, nhìn thấy thần thông do Như Lai thị hiện, nhưng vẫn chỉ là vọng tưởng, không chịu tin nhận lời chân thật của Như Lai, thậm chí khi chết do phỉ báng Phật mà phải sinh vào chốn địa ngục.

Trong các đệ tử của Phật, thần thông là một hiện tượng rất phổ biến, rất nhiều đệ tử Phật đều có thần thông quảng đại.

Thần thông Như Lai, nếu y pháp tu trì, người nào cũng có thể đạt được. Trong các đệ tử Như Lai, vô số người chứng được thần thông quảng đại, cho thấy thần thông Phật pháp là một hiện tượng rất phổ biến.

Trong các đệ tử của Phật, Mục Kiền Liên vinh dự được tôn làm “thần thông (hoặc thần túc) đệ nhất”. Trong tăng đoàn, phàm là xảy ra việc khó cần phải dùng thần thông mới có thể giải quyết được, mọi người luôn nghĩ tới Mục Kiền Liên.

Quyển 19 bộ “Tạp A Hàm kinh” ghi, khi đức Thế Tôn dùng thần lực thăng lên cõi trời Đao Lợi để thuyết pháp cho Ma Gia hoàng hậu, trải qua ba tháng, vẫn chưa quay về nhân gian. Lúc ấy, tăng đoàn rất nhiều đệ tử tưởng nhớ đức Thích Tôn, nhưng đại đa số không có thần thông để có thể thăng lên cõi trời Đao Lợi, do đó họ thỉnh cầu Mục Kiền Liên lên trời xin Phật sớm trở về nhân gian.

Mục Kiền Liên nhận yêu cầu của mọi người, bay lên cõi trời Đao Lợi, nhìn thấy việc thuyết pháp của Đức Thích Ca với chúng sinh cõi trời. Sau khi đĩnh lễ xong, liền bạch lại tâm ý sư huynh đệ trong tăng đoàn, Đức Phật hứa sau bảy ngày sẽ trở về nhân gian.

Trong các đệ tử của Như Lai, những đệ tử có thần thông nhiều không kể xiết. Trong quyển 6 bộ “Hiền Ngụ kinh” ghi, sự tích Đức Phật cùng những đệ tử có thần thông lớn, thường thị hiện thần thông trước khi nhận cúng dường, khiến thí chủ sinh khởi tâm kính ngưỡng.

Đức Phật có một vị đệ tử tên Phú Na Kỳ, đầy đủ đại thần thông. Một lần kia, ông dùng thiên nhĩ nghe được anh mình là Tiễn Na kêu cứu do gặp nạn ngoài biển, Phú Na Kỳ lập tức dùng thần túc thông, kinh điển thuật, trong khoảng thời gian “như người trượng phu khỏe mạnh co duỗi tay”, ông hóa thân thành loài chuyên ăn thịt rồng Kim Xí điều vương, bay ra biển lớn, rồng thấy Kim Xí điều, hoảng sợ trốn xuống đáy biển, nhờ thế các thương nhân, bao gồm cả Phú Tiễn Na, đều an toàn trở về nhà.

Phú Na Kỳ hy vọng có thể độ được anh mình, liền dẫn anh xây một tòa tiểu đường, bên ngoài dùng gỗ chiên đàn hương trân quý tạo dựng và khuyên anh mời Phật đến cúng dường. Nhưng, lúc đó Như Lai cách họ rất xa, Phú Na Kỳ cùng Tiễn Na tay bưng lư hương, cùng lên trên lầu cao, hướng về Kỳ Hoàn, đốt hương khấn vái Phật và các thánh tăng, tâm cầu nguyện: “Cầu xin vào ngày mai, Như Lai có thể đến nơi nước hèn mọn này, từ bi khai ngộ chúng sinh ngu muội tối tăm”.

Nguyện xong, trên lư hương khói nhang cuộn lại như hiệu tâm ý hai người và theo hư không bay tới trên đỉnh Thế Tôn và kết lại thành hình của một cái lọng bằng khói thơm. Liên đó, hai người từ xa xới dùng nước rửa chân cho Thế Tôn, do sức thần thông của Phú Na Kỳ, nước cũng từ trong hư không, giống như cái trâm thẳng chảy tới rửa chân Thế Tôn.

Lúc ấy A Nan thị giả của Đức Phật, tận mắt nhìn thấy hiện tượng bất khả tư nghị ấy, cảm thấy kỳ lạ, liền hỏi Phật: “Là ai phóng khói nước vậy?”. Đức Phật nói với A Nan: “Là tỳ kheo A La Hán Phú Na Kỳ, ông ta hiện đang ở Phóng Bát quốc, khuyến hóa anh mình cung thỉnh Như Lai

đến để cúng dường, cho nên phóng khói, nước xem như tin nhắn mời”.

Do đó, Đức Phật dặn A Nan trở về tăng đoàn, báo với hết thầy các tỳ kheo cụ túc thần túc thông, hôm sau phải tập trung đến nơi theo lời mời của Tiễn Na, vì ông ta mà thị hiện các thần thông biến hóa, du hóa nước đó.

Sáng sớm ngày hôm sau, những đệ tử Phật có thần túc thông từ trong hư không cuộn cuộn bay đến nơi của Tiễn Na nhận cúng dường.

Người đầu tiên đến nơi, là vị Hỏa đầu sư trong tăng đoàn, mỗi ngày phục vụ ăn uống cho tăng chúng. Ông ngồi xếp bằng kiết già trong không trung, thân phóng ra hào quang, chiếu diệu bốn phía, sau lưng ông có các dụng cụ nấu bếp như xẻng, muỗng cán dài, nồi đồng to lớn, bay trên không phía sau, bay lượn trên hư không. Tiễn Na nhìn thấy há mồm trợn mắt ngạc nhiên, liền hỏi Phú Na Kỳ: “Đó có phải là đạo sư của em không?”. Phú Na Kỳ đáp: “Không phải, ông ta phụ trách việc ăn uống trong tăng đoàn, cho nên mang theo một loạt công cụ làm bếp đến đây giúp đỡ”.

Tiếp theo sau là 16 sa di Quân Đề, mỗi người dùng thần túc thông trên hư không biến hóa thành rừng cây, hái các loại hoa tươi trái ngọt, biến hiện đủ thứ, diễn thân pháp hào quang, chiếu sáng trời đất, ở trên hư không liên miên bất tận, lục tục kéo đến.

Tiễn Na lại hỏi: “Đây là thầy của em phải không?”, Phú Na Kỳ trả lời: “Không phải, những người này cũng như người trước đó đều là sư huynh đệ đồng môn với em, mới có bảy tuổi đã chứng đắc A La Hán, vĩnh viễn đoạn tuyệt

hết thấy phiền não, đầy đủ thần túc thông nên đến trước hái hoa quả cúng dường”.

Tiếp đến, một số đại A La Hán lớn tuổi, biến hóa thành thiên long, cuộn tròn thân thể thành bảo tòa, đầu rồng vươn ra bốn phía, gầm lớn như sấm sét, miệng rồng hóa mưa thất bảo và ở bên trên, thiết lập bảo tòa rộng lớn, bay lượn trên trời, thân phóng hào quang, chiếu sáng đất trời, bay tới. Tiễn Na lại hỏi: “Đây là thầy của em phải không?”, Phú Na Kỳ trả lời: “Không phải, đệ tử của thầy em đó, tên Kiều Trần Như, khi Đức Phật mới thành đạo, ở vườn Lộc Dã, sơ chuyển pháp luân, quảng độ chúng sinh, Kiều Trần Như được độ hóa trước tiên, trong hàng đệ tử, đứng đầu đệ nhất, đầy đủ sức thần thông, không hề có chướng ngại”.

Tiến Na nghe xong, càng thêm ngưỡng mộ Như Lai.

Tiếp đến có Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Na Luật Đề... các vị đại A La Hán, biến hóa thân thông bất khả tư nghị, trong kinh viết, cứ thế theo thứ tự đến 500 đệ tử thần túc thông, mỗi người tự biến hiện, nhiều không kể xiết”. Có thể thấy, trong đệ tử Phật việc cụ túc thần thông là vô cùng phổ biến.

GIỚI LUẬT CỦA NGƯỜI CÓ THẦN THÔNG

Thần thông là một loại kỹ thuật của đời sống, cũng là diện mạo đặc thù được biểu hiện dưới điều kiện của nhân duyên. Do đó, sở hữu thần thông không phải chỉ đạt được

một loại năng lực, trái lại nên hiểu một cách sâu sắc trách nhiệm sinh mệnh và chúng tướng nhân duyên, nếu không, thần thông không những không mang đến hạnh phúc cho đời sống, thậm chí chỉ mang đến phiền não và chướng ngại.

Thần thông cũng bị hạn chế, giống như bất kỳ hiện tượng nào trong vũ trụ, tồn tại trong nhân duyên tương đối và tự hạn chế trong tình huống đó. Vì thế, muốn dùng thần thông làm mưa, làm gió, không những là điều kiện tuyệt đối không thể, thậm chí những điều tạo thành nên còn có tác dụng ngược gây tổn hại cho bản thân, vượt khỏi tướng tượng của mọi người. Cho nên, chúng ta phải hiểu rõ hạn chế và qui phạm của thần thông, nếu không do sự hỗn loạn và chướng ngại của tâm linh tự ngã, nhẹ thì mất thần thông, nặng thì tạo ra sự tổn thương cực kỳ to lớn, hại người hại mình, được không bằng mất. Bởi những việc làm trong hết thấy nhân duyên, năng lực càng lớn, tất nhiên trách nhiệm càng lớn, quy ước càng nặng nề.

Vì vậy, Đức Phật từng không ngừng khuyên răn đệ tử, tuyệt đối không được lạm dụng thần thông, dùng thần thông một cách sai lầm. Do đó, ở đây đưa ra một số quy phạm cho người có thần thông, nhằm để người muốn học tập thần thông cũng như người có thần thông cùng gắng sức.

Không nên vì danh lợi, tư dụng biểu hiện thần thông

Một người học thần thông chỉ vì danh vọng lợi dưỡng, trong tâm chứa nhiều tham niệm, không những không thể tương kết hợp với thanh tịnh tu hành, thậm chí đi ngược

với đạo. Học tập thần thông như vậy, ắt không thể có được bất kỳ ích lợi gì, trong quá trình học tập, những tham niệm này cũng sẽ thường xuyên phiền nhiễu thân tâm. Nếu như học tập thần thông, chỉ vì muốn có danh vọng lợi dưỡng, được sự thừa nhận của người khác, ấy là do phát tâm và động cơ không đúng đắn, hiệu quả học tập tất nhiên sẽ bị giảm bớt rất nhiều.

Đề Bà Đạt Đa dùng thần thông làm công cụ, tranh thủ sự ủng hộ của vua A Xà Thế, dùng làm vũ khí tranh giành, chính là một ví dụ về sự lạm dụng thần thông.

Năm kia, thành Vương Xá bị đói kém mất mùa, đời sống nhân dân đói khổ, do đó người xuất gia khi trì bát khất thực thường ôm bát không quay về. Lúc bấy giờ, một số tỳ kheo có năng lực thần thông, liền bay lên không trung, lên trời xuống đất, tới nơi xa xin quả thơm, mỹ thực về cúng dường đại chúng tăng đoàn.

Đề Bà Đạt Đa thấy tình hình như thế, vô cùng ngưỡng mộ và muốn học tập thần thông. Ban đầu, ông thỉnh cầu Đức Phật dạy cho ông phương pháp tu tập để có thần thông, Đức Phật không đáp ứng. Sau đó, ông ta thỉnh cầu các vị thượng tọa như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nhục Kiều Trần Như..., cũng đều không thể như nguyện. Cuối cùng, ông tìm đến em mình là A Nan, mới nhận được yếu quyết tu tập thần thông.

Đề Bà Đạt Đa lập tức tinh tấn nỗ lực tu tập, một thời gian sau, cuối cùng cũng dự vào thiền định chứng đắc thần thông. Sách “Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ nại gia” chép, năng lực thần thông của Đề Bà Đạt Đa có thể thị hiện một thân biến thành nhiều thân, từ

hiều thân thu về một thân, khiến (thân thể) hoặc hiện hoặc ẩn, đi qua vách núi tường gạch không hề chướng ngại, như nơi hư không, nơi đại địa xuất nhập, giống như trong nước vậy. Xếp bằng ngôi kiết già trong hư không, giống trên mặt đất, hoặc bay vọt lên trời, như loài chim, hoặc ở dưới đất có thể dùng tay chạm vào mặt trời, mặt trăng.

Đề Bà Đạt Đa sở hữu được thần thông, liền quyết định lợi dụng thần thông tranh thủ sự ủng hộ của người thừa kế ngai vàng nước Ma Kiệt Đà là thái tử A Xà Thế.

Ông tìm đến vương cung thái tử A Xà Thế, hóa thân thành bạch tượng, từ cổng lớn vào, từ cổng nhỏ ra, rồi đột nhiên biến lại nguyên hình, thoát chóp biến thành tuần mã, thoát chóp lại hóa thành ngưu vương, thoát ẩn thoát hiện giữa cửa lớn và cửa nhỏ.

Khi gặp A Xà Thế, ông biến thành đứa trẻ ngồi lên đùi của A Xà Thế và thị hiện thân biến cùng đùa giỡn với A Xà Thế, thậm chí nuốt lấy nước miếng mà A Xà Thế nhổ vào miệng ông.

A Xà Thế nhìn thấy các thần thông biến hóa, tưởng rằng thần thông của Đề Bà Đạt Đa siêu việt hơn cả Đức Phật, thêm đó Đề Bà Đạt Đa lại biểu hiện nhiều kiểu a dua nịnh hót, nên A Xà Thế liền chuyển qua ủng hộ Đề Bà Đạt Đa, thậm chí cũng tham dự vào kế hoạch mưu sát Đức Phật.

Mặc dù Đề Bà Đạt Đa không có được thần thông quảng đại, nhưng coi đó làm công cụ cầu danh lợi cá nhân, dưới sự che lấp vì dã tâm, tạo ra ác nghiệp cực lớn, bị đọa vào địa ngục Vô Gián.

Không dùng thần thông để khoe tài

Khi tu tập thiền định, do tâm linh tĩnh lặng tập trung, thân tâm thường sản sinh uy lực rất lớn, người không hiểu biết, không tránh khỏi việc cảm thấy kinh ngạc, kỳ lạ, nhưng với một người nỗ lực tu trì, đó là cảnh giới bình thường. Rất nhiều người tu tập thiền định dẫn phát tới thần thông, do không hiểu được lý do nội tại, hoặc do lý do nào khác, khi đã được một số kinh nghiệm điềm báo, liền cho rằng mình đắc đạo, huyền kỳ mê hoặc, hiện khởi một số năng lực người thường không có và cũng thu hút được kính lễ của một số nhiều người, dẫn dắt trở thành tông sư của một phái.

Những người này hoặc trị bệnh cho người khác, hoặc tự xưng mình là Phật, Bồ Tát, thần linh nào đó, tự xưng có thể biết được nhân quả ba đời quá khứ, tương lai... khác nhau. Nhưng, nếu như chúng ta dựa vào tiêu chuẩn kiểm nghiệm thần thông đề cập ở trên, có thể phát hiện phần lớn đó chỉ là một số hiện tượng cảm ứng nhỏ bé, hoàn toàn không phải thần thông chân chính.

Người có năng lực thần thông vốn không nên dùng biến hóa thân tâm huyền hoặc lừa bịp người khác, mượn đó để có được sự tôn kính hoặc cúng dường của mọi người. Trong kinh điển từng chép sự tích Tân Đầu Lô Bà La Đa lấy bình bát, với thái độ nghiêm khắc rõ ràng của Đức Phật.

Khi Đức Phật còn tại thế, trong thành Vương Xá có vị trưởng giả tên Thọ Đề, ngẫu nhiên lượm được cây ngưu đầu chiên đàn quý báu. Ông sai thợ đeo thành cái bát, rồi treo lên một khúc gỗ to cao cách mặt đất bảy, tám trượng, sau đó tuyên bố, bất luận người tu hành nào không dùng

thang mà vẫn lấy được bát xuống, sẽ tặng bình bát cho người đó.

Lúc ấy, rất nhiều người tu ngoại đạo đua nhau muốn thử, nhưng không ai có thể lấy bát xuống được. A La Hán Tân Đầu Lô nghe tin, cũng muốn thử xem sao. Tân Đầu Lô là người có đại thần thông, quyển sáu bộ “Hiền ngu kinh” viết, ông có năng lực thần thông “mang vác mặt trời, phóng ngàn tia sáng, rục rờ khắp đất trời, bay lên hư không”, nhưng ông tự hiểu rằng, trong hàng các đệ tử Đức Phật, đệ nhất thần thông là Mục Kiền Liên. Do đó, ông liền xin phép mời Mục Kiền Liên vận dụng thần thông lấy bình bát gỗ. Mục Kiền Liên trả lời: “Tôi sẽ không vì cái bát gỗ thị hiện thần thông”.

Ngày hôm sau, Tân Đầu Lô tìm đến nơi trường giả, thị hiện thần biến, kinh chép ông: “Không cần rời tòa ngồi, chỉ vươn tay lấy bát”. Thần thông của Tân Đầu Lô thắng được cái bát gỗ và được tán thán của trường giả Thọ Đề, nhưng lại bị Như Lai quở trách, Đức Phật mắng: “Vì lý do nhỏ mọn mà thị hiện thần thông, giống như kỹ nữ chỉ vì mấy đồng tiền cởi áo quần. Vì thế nên Thế Tôn lệnh buộc suốt đời không được vào cõi vô dư Niết bàn, không được trú tại châu Diêm Phù Đề, phải đến Câu Gia Ni châu (Tây Ngưu Hóa châu) hoằng dương Phật pháp.

Vì chuyện của Tân Đầu Lô, Đức Thích Tôn đặc biệt chế định giới luật:

1. Bình bát dùng thường ngày của tỳ kheo nếu bị vỡ, không được bỏ đi lập tức, phải chữa lại tiếp tục sử dụng. Nếu vội vàng tìm bát mới, tức vi phạm “Xá đoạ giới”.
2. Khi bình bát cũ của tỳ kheo không còn dùng được, có thể dùng bát mới. Nhưng phải đem bát cũ trao trả tặng

đoàn, do tăng đoàn cấp bình bát mới. Tỳ kheo phải suốt đời dùng bát, tới khi hư vỡ, không thể sử dụng được nữa.

Thật sự, Tân Đầu Lô là một A La Hán, đã dứt được tam độc tham, sân, si, không phải tâm sinh khởi tham dục muốn lấy bát. Thế nhưng, hành vi này đã gây ra tỳ hiềm với tăng đoàn và cũng có tác dụng thị phạm không tốt đối với tỳ kheo phạm phư.

Đức Phật dùng chuyện này để khuyên răn các đệ tử trừ phi là để giáo hóa chúng sinh, không thể vì bất cứ tình hình nào thị hiện thần thông (như một cách khoe tài năng).

Người muốn sở hữu thần thông, nhất định phải ghi nhớ định lực, trí huệ, tâm từ bi, đó mới là sức mạnh bảo vệ dẫn dắt quan trọng cho người có thần thông.

Việc đạt được thần thông chủ yếu phải nương theo định lực và trí huệ, nhưng cũng có thể đạt được do phước báu, chú lực... các loại phương tiện khác. Nhưng bất luận dùng phương pháp nào đạt được thần thông, trước khi tu tập thần thông, tâm ta phải suy nghĩ xác định: “Hiện nay có phải là lúc lý tưởng để có thần thông không?”.

Vì cảnh giới thần thông vượt khỏi tình trạng và lực lượng của phạm trù kinh nghiệm quá khứ. Trong đó có cảnh giới quang minh thanh tịnh, cũng có những cảnh giới kỳ dị lạ lùng, đủ mọi màu sắc. Do vậy nếu tâm không được chuẩn bị tốt, hoặc không đủ định lực, khi thấy những cảnh giới này, nếu không tham luyện không muốn lìa, rốt cuộc sinh ra kinh ngạc, thậm chí mọi sinh hoạt, tư tưởng thời gian bình thường đều bị khống chế bởi các cảnh giới lúc nào cũng có thể hiện khởi, dẫn tới phải sống trong cảnh

giới không gian, hỗn độn, thậm chí thân tâm rất dễ bị ảo ảnh dẫn tới cuồng loạn.

Nhân vậy, khi muốn có thần thông, thông thường trước tiên nên suy xét đã chuẩn bị tốt cho việc tiếp thu hết thấy những điều chưa biết này hay chưa? Có đủ định lực để an trú tức tâm, không để ngoại cảnh chi phối, dẫn đến chịu đựng không được sự mê hoặc, hại người hại mình? Đã chuẩn bị đầy đủ trí huệ chưa, để thể ngộ hết thấy những cảnh giới như huyền ảo ấy? Có đầy đủ tâm từ bi, để dung nạp các loại sinh mệnh và hiện tượng trong cư trú chưa? Có giúp đỡ được họ không?

Sau khi chúng ta đã suy xét kỹ càng như trên, mới là bước đầu của kẻ sở hữu thần thông, tiếp theo sau càng phải dùng định lực trí huệ, từ bi thủ hộ, dẫn dắt thần thông, khiến đưa thần thông lên chỗ thăng hoa, trở thành thần thông bất khả tư nghị của đại trí, đại bi, đại định.

Vì vậy, về mặt tiêu cực, người có thần thông cần tuân thủ các quy phạm về thần thông, về mặt tích cực, càng phải dùng định lực, trí huệ từ bi tâm để tăng trưởng, dẫn dắt, thủ hộ thần thông, để thần thông trở thành ánh sáng cho đời sống bản thân và thế giới.



Chương 3

Đặc tính của thần thông trong Phật pháp

Bấy giờ, A Na Luật may áo cũ, lúc này mắt tuy bị hỏng nhưng được thiên nhĩ, không có gì trở ngại. A Na Luật dùng cách bình thường may áo, không thể xỏ chỉ trúng lỗ kim. A Na Luật liền nghĩ: “Các A La Hán đắc đạo chừ thế gian, bầy vì ta xỏ kim khâu”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe thấy âm thanh này: “Các A La Hán đắc đạo chừ thế gian, bầy vì ta xỏ kim khâu”, Thế Tôn liền đến chỗ của A Na Luật nói rằng: “Người đưa kim đây, ta xỏ giúp cho”.

A Na Luật bạch với Phật: “Người cầu xin phúc chừ thế gian, bầy xỏ kim giúp ta”.

Thế Tôn đáp: “Những người cầu xin phúc thế gian, không ai hơn được ta”.

“Tăng Nhất A Hàm kinh” quyển 31



Thần thông trong Phật pháp

Thần thông của Phật pháp, tức chỉ thiên định trí huệ hoặc tác dụng chứng đắc được do tu trì và đối với ngoại tướng của hết thảy sở duyên, tâm có thể chiếu soi rõ ràng, không hề lẫn lộn đến nỗi sản sinh ra hiện tượng diệu dụng vô ngại.

Trong Phật pháp, mặc dù biết rằng nếu y cứ nhân duyên của trí huệ cho đến các nhân duyên khác như trí chú, phước báo, nghiệp lực, đều có thể có được thần thông. Nhưng căn bản, đặc biệt tôn sùng thần thông của trí huệ sinh khởi do có thể giác chiếu hoàn toàn rõ ràng thể tính của mọi vật thập phương và liễu tri thể tính của nó là nhất như, đó mới chính là cứu cánh của cái gọi là “Thông”.

Quyển thứ 6 bộ “Diệu pháp liên hoa kinh huyền nghĩa” dẫn thuật một số kinh điển, thuyết minh về “thần thông”: “Cả 6 loại này đều gọi là thần thông, như “Anh lạc kinh” nói: “Thần là tên của thiên tâm, thông là tên của huệ tính. Thiên tâm là tâm thiên nhiên, huệ tính có nghĩa thông đạt vô ngại. Trong “Tỳ đàm luận” cũng viết: “Nếu quá khứ trừ chương thông vô tri, tức phát khởi huệ tính”. Chúng ta nên biết, thiên nhiên huệ tính, nếu tương ứng với 6 loại pháp, rất có thể chuyển biến tự tại, nên tên gọi là thần thông. Vì vậy, “Đại trì lực phẩm” viết: “Thần tức khó đoán biết, thông tức không chướng ngại”. Kiến giải như vậy tương đồng với “Anh lạc kinh”. Bởi vì “thiên tâm” chính là nghĩa khó đoán biết, còn “huệ tính” cũng có nghĩa không chướng ngại.

“Nhưng, cách tu trì của 6 pháp này không có sự phân biệt trước, sau; cũng không có nhất định thứ tự chứng đắc, khi sử dụng lúc nào cũng có thể dùng được, nên các kinh

điển liệt kê về thứ tự 6 thần thông cũng khác nhau. Trong “Thích luận” viết: “Biến hóa của kinh thuật biến hóa là phương pháp hư cuồng, thực hiện phép trên loại cây cỏ, mê hoặc mắt người ta, các vật vốn không thay đổi gì. Thần thông vốn không phải vậy, đây là phương pháp thay đổi chân chính, khiến mọi vật biến đổi thật sự. Cũng như đạo lý của việc đất hóa thành nước, ý nghĩa của việc nước biến thành đất vậy”.

“Như vàng bạc nung lửa sẽ tan chảy, nước gặp giá lạnh đóng băng, dùng lửa khử lạnh là phương pháp làm tan chảy đóng băng, đóng băng thật đóng băng, tan chảy đúng thật tan chảy. Nếu được chứng huệ tính thiên nhiên, thật sự có thể biến hóa diệu dụng tự tại như vậy, nước lửa biến hóa cũng có thể khiến người khác thật sự được thọ dụng. Nhưng đó không phải do quả báo sở hành, mà chỉ là tác dụng nhất thời của thần thông thôi”.

Dựa theo cách giải thích nói trên, chúng ta có thể hiểu được lý giải sâu sắc của Phật pháp về thần thông, do vậy cái gọi “thần” chỉ sự khó đoán biết của tâm thiên nhiên, còn “thông” là thông đạt vô ngại của tính trí huệ, nếu dùng huệ tính thiên nhiên này, tương ứng với nhân, nhĩ, ý niệm, tức thệ, thân và tâm trí ấy có thể dẫn phát 6 loại thần thông thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh, thần túc và lậu tận.

Ngoài ra, trong “Câu Xá luận” còn viết: “Dựa theo lý thú như các bộ “Tỳ Ba sa luận” giảng thuyết: “Thần” chủ yếu là việc đẳng trì thiên định của sự chú trọng và lấy đó làm thù thắng nhất, bởi vì từ đó có thể tạo duyên cơ của việc sinh khởi thần biến”. Đây là cách giải thích dựa trên quan điểm thiên định là thể của phát khởi thần thông, mà

quan điểm thần thông của Tiểu thừa nghiêng nặng về dựa vào định lực đạt tới trí huệ, đó là quan điểm căn bản.

Thần thông của Phật giáo, đa số dùng 6 loại thần thông thuật trên làm đại biểu, tức là 6 loại thần thông gồm: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mệnh thông, thần túc thông (còn được gọi là Như ý thông), lậu tận thông.

Thông thường, năm thông trước dựa vào bốn loại thiên định căn bản phát khởi, cho nên không phải chỉ Phật giáo mới có, mà những người tu hành bình thường thế gian cũng có thể có được. Nhưng thông thứ 6 lậu tận thông, giải thoát hết thấy mọi phiền não mới thành tựu lậu tận thông, chỉ Phật pháp mới có, chỉ các A La Hán đã giải thoát và Bồ Tát chứng quả vị đẳng giác Đại thừa mới đạt tới được.

Dưới đây chúng tôi sẽ phân biệt giới thiệu 6 loại thần thông, hy vọng mọi người có thể hiểu sâu hơn nội dung thần thông.

THIÊN NHÃN THÔNG

Thiên nhãn thông (Phạn văn: *divyam-caksur-jñāna*), là rõ năng lực thị giác đặc thù do nhãn căn khai triển, tên gọi đầy đủ là “Thiên nhãn trí chứng thông”, hay còn gọi “Thiên nhãn trí thông” hoặc “Thiên nhãn thông chứng”. Người có thiên nhãn thông có thể quan sát được tình trạng của Dục giới, Sắc giới. Như quyển 141 bộ “Đại Tỳ Ba Sa luận” viết: “Thiên nhãn trí thông duyên Dục, Sắc giới sắc xứ”.

Thiên nhân thông có thể nhìn xa tới đâu? Quyển 5 bộ “Đại trí độ luận” viết: “Người có thiên nhân thông mắt có thể nhìn thấy sắc thanh tinh tạo ra tứ đại Sắc giới, nên gọi là thiên nhân. Thiên nhân sở kiến, từ mặt đất cũng như chúng sinh chư vật trong lục đạo dưới đất, chư sắc hoặc gần hoặc xa, hoặc to hoặc nhỏ, đều có thể chiếu thấy”. Thiên nhân thông có thể nhìn thấy thế gian nơi thân đang ở cùng hết thấy hiện tượng của lục đạo trong thế gian bậc thấp hơn, bất luận xa gần hoặc to nhỏ, đều có thể nhìn thấy rõ ràng.

Thiên Nhân thông có thể nhìn được gì? Thiên nhân thông không những quan sát được thế giới mười phương hiện tại mà còn có thể quan sát được duyên khởi vị lai.

Quan sát mười phương thế giới của hiện tại, không chỉ nhìn thấy quỷ thần thông thường, mà còn nhìn thấy thiên nhân các tầng tầng lớp lớp cõi trời, hay còn có thể nhìn tận ngoài không gian, thậm chí không chỉ nhìn thấy một thái dương hệ mà thôi, còn nhìn thấy vô số thái dương hệ. Còn việc nhìn thấy xa tới đâu, phải xét xem sức mạnh tu trì mới xác định được.

Có thiên nhân thông, thậm chí còn có thể nhìn thấy được thế giới cực lạc như thuật trong “A Di Đà kinh”. Khoảng cách giữa thế giới cực lạc và địa cầu, theo kinh viết: “Từ đây đi về phía tây, qua mười vạn ức Phật thổ”. Khoảng cách như vậy xa đến bao nhiêu?

Một Phật thổ là một đại thiên thế giới, thường thấy nói trong kinh là “tam thiên đại thế giới”, chỉ thế giới của một Phật thổ, đại biểu phạm vi giáo hóa của một vị Phật. Tam thiên đại thế giới dựa theo vũ trụ quan Ấn Độ giáo, từ đó thăng hoa lên thêm. Hãy lấy núi Tu Di

làm trung tâm, có hệ thống nhật nguyệt dựa theo văn hóa của nhân loại phát triển lên, dùng nhân duyên của thế giới này giải thích. Dùng hệ thống của một nhật nguyệt xem như một đơn vị, một ngàn hệ thống nhật nguyệt là một tiểu đơn vị, gọi là tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới mới là một đại thiên thế giới, có ba thiên – đại, trung, tiểu thiên nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Ba thiên của đại thiên thế giới, thật ra chính là một đại thiên thế giới, đại biểu cho một quốc thổ của Phật.

Tam thiên đại thiên thế giới giống như dải ngân hà chúng ta biết, Phật pháp cho rằng dải ngân hà có mười ức hệ thống hành tinh (tức thái dương hệ), mười ức thái dương hệ này chính là một thế giới Phật. Mà thế giới cực lạc của Phật A Di Đà, là nơi “từ đây đi về phía tây qua mười vạn ức Phật thổ”. Đi về phía tây, không phải là chỉ từ địa cầu đi về phía tây, mà theo hệ thống hành tinh trước mắt, tức vũ trụ quan do mắt thường của người địa cầu chúng ta quan sát được, hướng về phía tây đi đến thế giới cực lạc, khoảng cách là nơi ta lấy mười vạn ức rồi nhân với mười ức thái dương hệ. Dù khoảng cách quá xa như vậy, nhưng thiên nhân thông vẫn nhìn thấy rất rõ ràng.

Trong “Đại trí độ luận” viết: “Thiên nhân sở kiến, từ đất và chúng sinh chư vật lục đạo dưới đất các sắc tướng, dù gần dù xa, dù lớn dù nhỏ, đều có thể thấy rõ”. Năng lực của thiên nhân thông, có thể nhìn thấy không gian nơi tự thân đang ở, cũng như chúng sinh, sự vật có địa vị thấp hơn bản thân, bất luận xa gần, lớn nhỏ... các loại vật chất, đều có thể thấy rõ hết thấy.

Ngoại trừ không gian, thiên nhân thông còn quan sát cả việc vị lai, dựa theo điều kiện và tình trạng trước mắt phát triển, tương lai ra sao? Duyên khởi này ra sao? Vị lai như thiên nhân thông quan sát được vốn không nhất thiết phải như vậy, chỉ dựa theo điều kiện vốn có phát triển lên, sự việc kết quả ra sao. Phật pháp không phải là túc mệnh luận, nên quan điểm cho rằng khi sự việc chưa xảy ra, đều luôn luôn tăng thêm sức mạnh tích cực hướng thượng, để thay đổi kết quả, nếu sự việc đã xảy ra, nên坦然 nhiên chấp nhận, không bao giờ chịu đầu hàng số phận, hãy luôn tiếp tục nỗ lực gắng gỏi.

Thiên nhân thông cũng gọi là “Tử sinh trí chứng thông”, gọi tắt là “Tử sinh trí thông”, vì thiên nhân có thể quan sát chúng sinh sinh ở đâu, chết ở đâu. Nhưng thiên nhân thông, sinh tử trí, mặc dù đều có thể hiểu biết hữu tình chết ở đâu, sinh ở đâu. Nhưng, thiên nhân thông chỉ có thể nhìn thấy hiện tượng, còn sinh tử trí quan sát được tường tận hơn. Hai việc này mặc dù không hoàn toàn giống nhau, nhưng, do thiên nhân thông có thể dẫn phát sinh tử trí, nên còn gọi là “sinh tử trí chứng thông”.

Trong các đệ tử Phật, vị có thiên nhân thông đệ nhất là tôn giả A Na Luật, quá trình ông chứng đắc thiên nhân thông có một sự tích đặc biệt.

Trong “Lăng Nghiêm kinh”, A Na Luật tự thuật về nhân duyên đắc thiên nhân thông: “Khi ta mới xuất gia, thường rất thích ngủ, Như Lai trách ta giống loài súc sinh. Ta nghe Phật trách, khóc lóc tự trách, bảy ngày liền không ngủ, nên bị mù cả mắt. Thế Tôn dạy ta lạc kiến chiếu minh Kim Cang tam muội, ta không cần mắt vẫn quán thấy mười phương, rõ ràng như thật, như nhìn vật đặt trên tay vậy. Như Lai ấn

chúng ta thành A La Hán. Phật hỏi viên thông, như sở thấy của ta là quay về cội trống không, đáng gọi đệ nhất”.

Trước kia, Đức Phật ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc thành Xá Vệ vì vô số trăm ngàn vạn chúng thuyết pháp. Bấy giờ, A Na Luật trong đại chúng nghe pháp, không ngờ ngủ quên lúc nào không biết. Đức Phật chú ý tới A Na Luật đang ngủ gật, người bên cạnh vội lay thức. Đức Phật liền hỏi A Na Luật: “A Na Luật, có phải là người sợ vương pháp hoặc sợ trộm cướp đến đây tu đạo không?”.

A Na Luật trả lời: “Dạ bạch Thế Tôn, không phải”.

“Vậy người xuất gia tu đạo vì điều gì?”.

A Na Luật bạch với Phật: “Do con chán ghét bị lão, bệnh, tử, sầu, ưu, khổ, não. Vì cái khổ làm cho phiền não, con mong có thể lìa bỏ, nên xuất gia học đạo”.

Thế Tôn lại hỏi: “Người có lòng tin kiên cố, nên có thể xuất gia học đạo. Nhưng hôm nay Thế Tôn đích thân thuyết pháp, vì sao người lại ngủ gật?”.

A Na Luật bạch với Thế Tôn: “Từ đây về sau cho dù hình thể hư hoại, con quyết không ngủ trước mặt Thế Tôn nữa”.

Ông theo lời nguyện tinh tấn tu hành, không bao giờ ngủ, sau bảy ngày, vì không ngủ nên A Na Luật bị bệnh ở mắt.

Đức Phật biết được, ôn tồn nói với ông:

“A Na Luật! Không tích cực tu hành đương nhiên không được, nhưng nếu quá tích cực cũng vẫn không được”.

Nhưng A Na Luật không chịu trái lời nguyện, vẫn không chịu ngủ, sau khi được danh y Kỳ Bá chữa, khuyên bảo A Na Luật, chỉ cần ông ngủ, bệnh ở mắt sẽ khỏi ngay, nhưng A Na Luật vẫn không chấp nhận.

Thời gian sau, mắt của A Na Luật mù hẳn, nhưng với sự dạy dỗ của Như Lai, ông trở thành thiên nhãn đệ nhất.

Trong “Lăng Nghiêm kinh”, A Na Luật tự thuật về pháp môn mà mình được lợi ích, tức Thế Tôn dạy ông lạc kiến chiếu minh Kim Cang tam muội, không dùng nhục nhãn, nhưng có thể quán thấy mười phương thế giới, chân thật rõ ràng, rõ như nhìn trái cây đặt trên bàn tay, do vậy Như Lai ấn chứng ông đã chứng quả A La Hán.

Thiên nhãn là một trong ngũ nhãn gồm: Nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn.

Nhục nhãn tức mắt người, thế gian thông thường, có thể nhìn thấy cảnh sắc rõ ràng một cách bình thường.

Thiên nhãn tức mắt của chúng sinh cõi trời hoặc do cảnh giới thiên định mà được, có thể nhìn rõ các sự vật ở xa, rộng, nhỏ bé.

Huệ nhãn tức trí huệ chiếu kiến lý không.

Pháp nhãn tức huệ lực liễu tri tỉ mỉ sai biệt chư pháp, quán rõ như huyền duyên khởi.

Phật nhãn tức huệ lực chứng tri tính thật chư pháp một cách cứu cánh.

Thiên nhãn, có thể nói là đối ngược với năng lực của nhục nhãn. Quyển 33 bộ “Đại trí độ luận” cho biết, nhục nhãn chỉ thấy được gần, không thấy được xa, thấy phía trước không thấy phía sau, thấy bên ngoài không thấy bên trong, chỉ thấy lúc ban ngày, không thấy lúc ban đêm, chỉ thấy phía trên, không thấy dưới. Nếu như đắc thiên nhãn, bất kể xa gần đều thấy, trước sau, trong ngoài, ngày đêm trên dưới đều thấy không hề chướng ngại mảy may.

Mặc dù thiên nhãn có thể thấy được vật giả danh do nhân duyên hòa hợp sinh ra, nhưng không phải là cái thấy chân thật, nên để có thể chứng đắc thật tướng, phải cầu tới huệ nhãn. Nếu đắc được huệ nhãn, tức thấy được tướng bất nhị của chúng sinh, là được chấp trước. Nhưng Huệ nhãn vốn không phân biệt, nên không thể độ hóa chúng sinh, do đó phải cầu tới pháp nhãn.

Pháp nhãn có thể quan sát mỗi một chúng sinh có căn cơ ra sao, tu ra sao, được quả báo nào, liễu tri các phương tiện của hết thấy chúng sinh, khiến tới được chứng đạo, nhưng không thể liễu tri các đường phương tiện hóa độ chúng sinh, đó là lý do phải cầu Phật nhãn. Phật nhãn không gì là không biết, dù phiền não phức chương chúng sinh dày đặc, Phật nhãn vẫn có thể thấy, biết tất cả. Trong mắt người thường có thể là vô cùng xa xăm, u ám ngờ vực, vi tế, hoặc thậm thâm, nhưng với Phật nhãn lại gần, rõ ràng, quyết định, thô cạn. Cho nên Phật nhãn không gì không nghe được, thấy được, biết được, không cần thông qua tư duy.

Thiên nhãn thông, có thể chia làm hai loại: có do phước báo và có do tu tập. Có do phước báo tức khi sinh ra đã có, bẩm sinh đã có thiên nhãn, có do tu tập tức sau một quá trình tu tập mới có. Như thiên nhãn thông trong “ngũ nhãn” có do phước báo và có do tu tập, còn thiên nhãn trong “ngũ thông” thì phải do tu tập chứ không thể do phước báo. Ngoài ra, cảnh giới của thiên nhãn thông nương dựa vào cảnh giới tu trì, cũng có sai biệt. Cảnh giới sở kiến của thiên nhãn giữa Bồ Tát, A La Hán có khác nhau. Quyển 5 “Đại trí độ luận” viết:

“Phật pháp thân Bồ Tát thanh tịnh thiên nhân nhất thiết lìa xa dục vọng phàm phu ngũ thông không được như vậy, Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng không được như vậy. Vì sao? Tiểu A La Hán tiểu dụng tâm thấy được nhất thiên thế giới, đại dụng tâm thấy được nhị thiên thế giới; Đại A La Hán tiểu dụng tâm thấy được nhị thiên thế giới, đại dụng tâm thấy được tam thiên thế giới; Bích Chi Phật cũng như vậy. Nên có tên là thiên nhân thông”.

Khi Đức Phật còn tại thế, nhiều A La Hán đều có thiên nhân thông. Như trong tăng đoàn có một vị trưởng lão tên Tất Lăng Ca Bà Sa là thánh giả cụ túc thiên nhân thông. Đương thời, luôn xảy ra việc thuyền của hải tặc vào bờ, bắt cóc trẻ con trong thôn xóm. Ngày nọ, con trai nhỏ của một thí chủ thường xuyên cúng dường cho trưởng lão Tất Lăng Ca Bà Sa đang chơi ở ven biển, không ngờ thuyền của hải tặc lạng lẽ tới, bọn hải tặc lừa gạt cậu bé lên thuyền đi chơi.

Bấy giờ, trưởng lão Tất Lăng Ca Bà Sa dùng thiên nhân thông, nhìn thấy con trai của thí chủ đang bị gạt lên thuyền, lập tức nhập thiền định, dùng sức thần thông tự mình hóa hiện lên thuyền hải tặc. Đưa con người thí chủ, ngày thường khi thấy có sa môn đến nhà, đều thành tâm đánh lễ, làm lễ tôn kính, dập đầu dưới chân sa môn, dùng hai tay ôm lấy chân của thánh giả. Lúc đó, nó nhìn thấy trưởng lão, tự nhiên cũng đánh lễ, ôm chân trưởng lão. Nhanh như chớp, trưởng lão lợi dụng khoảnh khắc đưa bé ôm lấy chân mình, liền bay vọt lên không, cứu đứa bé thoát khỏi thuyền giặc, an lành đưa trở về nhà. Đó là sự tích thánh giả dùng thiên nhân thông cứu độ trẻ em.

THA TÂM THÔNG

Tha tâm thông (Phạn văn *pṛacitta-jñānam*), tức năng lực thần thông có thể hiểu rõ tâm niệm sinh mệnh khác, hay còn gọi là “Tha tâm trí chứng thông”, “Trí tâm sai biệt trí tác chứng thông”.

Trong “Đại trí độ luận” viết: “Vì sao gọi là tha tâm thông? Do biết được tâm của người khác hoặc hữu cấu, hoặc vô cấu, khi tự quán tâm sinh, trụ, diệt, thường ghi nhớ nên có tên này. Vả chăng, quán hỷ tướng (tướng vui), sân tướng (tướng giận), bố tướng (tướng sợ), úy tướng (tướng sợ hãi); người khác nhìn thấy các tướng này liền biết tâm của họ, đó là cửa đầu tiên của tha tâm trí”. Tha tâm thông có thể hiểu biết tâm của người khác dơ bẩn hay thanh sạch, tự quán sự sinh khởi, an trụ, tiêu diệt của tâm niệm, quan sát các loại tướng mạo vui vẻ, sân nộ, hoảng sợ, khủng bố... của người khác, rồi có thể biết được tâm niệm của họ, đó là giai đoạn mới nhập môn tha tâm thông.

Ngày xưa, ở chùa Tước Ly có một tỳ kheo trưởng lão chứng đắc quả vị A La Hán. Ngày nọ, tỳ kheo trưởng lão phải vào thành, liền kêu sa di thị giả mang y bát theo sau.

Vị sa di vừa đi, vừa nghĩ: “Nhân sinh trên thế gian, không ai không chịu khổ, vậy phải làm sao thoát khỏi khổ đây? Đúng rồi! Đức Phật thường tán thán Bồ Tát đạo thù thắng nhất, ta nên phát bồ đề tâm”.

Vị tỳ kheo trưởng lão vốn có tha tâm thông nên khi sa di vừa phát khởi tâm niệm, trưởng lão nói với sa di: “Đưa y bát cho ta”. Sa di liền vội trao y bát lại cho trưởng lão.

“Người hãy đi trước”. Vị sa di nghe vậy dù không biết chuyện gì, nhưng vẫn vâng lời trưởng lão thi hành, đi lên phía trước, đổi cho vị trưởng lão mang y bát đi sau lưng mình.

Được một lúc sau, sa di nghĩ: “Bồ Tát đạo cực khổ lắm, chúng sinh muốn con mắt, ta phải bố thí con mắt, muốn cái đầu ta cũng phải bố thí cái đầu! Ta chắc không thực hành được, chỉ bằng tu thành quả vị A La Hán, cũng đủ dứt khổ rồi!”.

Trưởng lão dùng tha tâm thông biết được suy nghĩ của sa di, lập tức gọi lại, bắt mang lấy y bát đi phía sau. Cứ lặp đi lặp lại như vậy ba lần, rốt cuộc sa di nhịn không được liền hỏi trưởng lão nguyên do vì sao?

“Bởi vì vừa rồi người ba lần phát khởi tâm Bồ Tát hạnh nên ba lần ta để cho người đi trước, nhưng người lại ba lần tâm lùi sụt, nên ta bảo người mang y bát đi sau. Vì công đức phát Bồ Tát tâm, vượt hơn công đức tràn đầy tam thiên đại thiên thế giới thành tựu A La Hán!”. Đó là sự tích A La Hán dùng tha tâm thông biết được sa di phát tâm.

Ngoài ra, tha tâm thông cũng có sự sai khác về cảnh giới.

Quyển 28 bộ “Đại trí độ luận” viết: “Phàm phu thông được tứ thiên trên, dưới cảnh giới thiên tùy ý đắc thông, có thể biết khắp tâm và tâm số pháp chúng sinh trong tứ thiên hạ một thế giới, bậc Thanh Văn nếu thông đạt tứ thiên trên, trong cảnh giới thiên tùy sở đắc thông, có thể biết khắp tâm và tâm số pháp chúng sinh trong một ngàn thế giới. Bích Chi Phật... có thể biết khắp tâm và tâm số pháp chúng sinh trong bách thiên thế giới, nhưng kẻ căn cơ ngu độn ở tầng lớp trên không biết được tâm và



tâm số pháp của kẻ lợi căn ở tầng lớp dưới. Phàm phu không biết được tâm và tâm số pháp của Thanh Văn. Thanh Văn không biết được tâm và tâm số pháp của Bích Chi Phật. Bích Chi Phật không biết được tâm và tâm số pháp của Phật. Cho nên, muốn hiểu biết tâm sở thú hưởng của hết thấy chúng sinh, cần nên học Bát nhã Ba la mật”.

Từ điều này có thể biết, người có định lực và trí huệ khác nhau, khi đạt được tha tâm thông, ắt có khác biệt về cảnh giới dựa trên sức mạnh định lực và trí tuệ. Sự khác biệt này ban đầu căn cứ vào nông sâu thiền định, sau đó phân biệt do trí huệ. Vì vậy “Đại trí độ luận” viết: “Hiểu biết tâm sở thú hưởng của hết thấy chúng sinh, cần nên học Bát nhã Ba la mật”.

Khi nghiên cứu giác tri của tâm niệm, chúng ta có thể dùng ví dụ dưới đây, để lý giải vì sao tâm niệm của Phật có sai khác với Bồ Tát, Bích Chi Phật và cả A La Hán? Vì sao năng lực tâm trí của Phật siêu việt hết thấy? Khi tâm niệm chúng ta phát khởi, chúng ta không cách nào quan sát được tình huống sinh khởi tâm niệm của mình, do đó, chúng ta không phát giác được đệ nhất niệm. Không chỉ như thế, nói về đệ nhất niệm, sự thật đại bộ phận người ta không thể quan sát thấy tuyệt đại đa số niệm đầu.

Chúng ta cần thận quan sát có thể hiểu tha tâm thông hiểu biết đệ nhất niệm và hiểu biết đệ nhị niệm của chúng ta rất khác nhau. Đệ nhất niệm hiểu được cùng lúc với sự phát khởi tâm niệm của chúng sinh, còn đệ nhị niệm hiểu biết, chỉ khi tâm niệm đã phát ra thì mới nhận thấy được. Tha tâm thông của Đức Phật, đồng thời có thể hiểu biết tâm tướng của tất cả chúng sinh. Có người hỏi: “Hiểu biết tâm của một người còn dễ lý giải, nhưng, hiện nay nếu như

đồng thời có một trăm người Đức Phật có bị quấy nhiễu không? Cũng như sóng điện nhiễu loạn lẫn nhau vậy”.

Thật sự do Đức Phật là bậc hoàn toàn rỗng rang, vả lại đó là đệ nhất môn hiểu biết, niệm đầu của một chúng sinh phát khởi ra, lập tức biết được nên không có chuyện bị quấy nhiễu.

Thiền tông có công án về tha tâm thông, có thể cho biết hạn chế rất rõ của thiền nhân thông bình thường.

Vào thời Đường, Phật giáo thịnh hành, rất nhiều tăng nhân tìm đến kinh đô, trong đó có nhiều kỳ nhân dị sĩ. Có vị tăng đến từ Tây Vực tên Đại Nhĩ Tam Tạng, tự xưng có tha tâm thông. Hoàng đế liền sai ông ta tới chùa Quang Trạch, mời Tuệ Trung quốc sư xét nghiệm thật hay giả.

Tuệ Trung quốc sư hỏi: “Nghe nói ông đã chứng đắc tha tâm thông?”.

Đại Nhĩ Tam Tạng trả lời: “Không dám”.

Quốc sư hỏi: “Vậy, người hãy xem hiện nay ta đang ở đâu?”.

Đại Nhĩ Tam Tạng đáp: “Hòa thượng là thầy của một nước, sao lại đến cầu Thiên Tân xem khi làm trò?”.

Quốc sư hỏi lại: “Hiện nay lão tăng đang ở đâu?”.

“Hòa thượng là thầy của một nước, sao lại đến Tây Xuyên xem đua thuyền?”.

Quốc sư hỏi: “Vậy hiện nay lão tăng lại đang ở đâu?”.

Đại Nhĩ Tam Tạng im lặng một hồi, vẫn không biết được hòa thượng đang ở đâu để trả lời.

Quốc sư mắng liền: “Tên dã hồ tinh, tha tâm thông ở chỗ nào?”.

Thì ra, chỉ khi khởi lên tâm tưởng, mới bị tha tâm thông nắm được tung tích, còn khi tâm trụ ở chỗ trống không, tha tâm thông mất công hiệu, đó là hạn chế của tha tâm thông của phần lớn những người còn chưa đầy đủ trí huệ tính không.

THIÊN NHỊ THÔNG

Thiên nhĩ thông (Phạn văn *divyam – srotram – jnanam*), là năng lực có thể nghe thấy tin tức mười phương thế giới, tức năng lực thính giác đặc thù nhĩ căn đạt tới được. Tên gọi đầy đủ là “Thiên nhĩ trí chứng thông”, hay còn gọi “Thiên nhĩ trí thông”, “Thiên nhĩ thông chứng”.

Quyển 15 bộ “Tập Di Môn Túc luận” viết: “Dùng thiên nhĩ nghe thấy các loại âm thanh, gồm tiếng người, không phải tiếng người, tiếng ở xa, tiếng ở gần... nên gọi tên là “Thiên nhĩ trí chứng thông”. Thiên nhĩ có thể nghe các loại âm thanh của người, không phải người (*nhân, phi nhân*), các loại âm thanh xa gần.

Quyển 5 bộ “Đại trí độ luận” viết: “Vì sao có tên thiên nhĩ thông? Dùng tai thấy sắc thanh tịnh của tứ đại tạo nên sắc giới, có thể nghe hết thấy tiếng, tiếng trời, tiếng người, tiếng tam ác đạo. Vì sao đặc được thiên nhĩ thông? Tu đắc khả năng nhớ được các loại tiếng, gọi là thiên nhĩ thông”. Trong đó, thiên nhĩ thông có thể nghe thấy hết thấy âm thanh, bất luận là âm thanh của nhân gian, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đều nghe được hết.

Thời kỳ Đức Phật còn tại thế, có vị tỳ kheo tên Phú Na Kỳ, tu hành hết sức tinh cần, không hề buông thả,

cuối cùng tâm ý khai giải đặc vô lậu thông. Ông từng dùng thiên nhĩ thông nghe thấy tiếng cầu cứu từ xa của anh ruột mình. Theo ghi chép, ngài Phú Na Kỳ vốn ở chung với huynh trưởng tên Tiễn Na, sau ngài muốn đi hoằng hóa bốn phương. Các bạn của Tiễn Na xúi giục Tiễn Na đi biển để tìm kho báu, nhưng vì biển cả nguy hiểm khó lường, nên trước khi ra đi, Phú Na Kỳ ân cần dặn dò anh mình không nên ra biển và còn để lại cho ông rất nhiều tài sản để sinh sống.

Khi Phú Na Kỳ đi rồi, Tiễn Na nghe lời dặn của em, không đi biển nữa. Nhưng qua một thời gian, Tiễn Na không kiếm được khi bị bạn bè thuyết phục, bèn theo một đoàn thương nhân giong thuyền ra biển.

Hành trình lần đó, thương nhân dẫn đoàn nhiều lần căn dặn, khi tới Sa Châu trên biển lấy báu vật, cần biết tiết chế tránh làm giận dữ Long vương.

Đa số thương nhân tuân theo lời dặn của lãnh đội, chỉ một mình Tiễn Na chất đầy thuyền gỗ ngư hầu chiên đàn rất trân quý. Hành động đó làm Long vương vô cùng phẫn nộ, muốn giữ thuyền, không để bọn họ quay về. Bọn thương nhân hoảng hốt sợ hãi, trong lòng nghĩ rằng lần này chết chắc, lúc ấy Tiễn Na chợt nhớ đến em mình là Phú Na Kỳ, bèn nhất tâm cầu nguyện thầm: “Phú Na Kỳ ơi! Anh bây giờ đang gặp khổ ách rất lớn, mau đến cứu anh!”.

Lúc bấy giờ Phú Na Kỳ đang ở nước Xá Vệ xa xôi, đang ngồi tọa thiền vận dụng thiên nhĩ thông nghe thấu lời cầu cứu của Tiễn Na, lập tức dùng thần thông hóa ra Kim Xí điều là loài chuyên ăn thịt rồng, chớp mắt bay đến thuyền Tiễn Na, Long vương nhìn thấy sợ hãi, trốn sâu xuống lòng biển.

Thiên nhĩ thông là năng lực đặc thù do nhĩ căn phát ra. Nhưng tai của loài người thật ra nghe xa bao nhiêu? Kinh điển chép sự tích Mục Kiền Liên dùng thiên nhĩ thông để thử xem Phật âm xa gần của Như Lai.

Ngày nọ, Đức Phật thuyết pháp trong giảng đường của Trúc Lâm tịnh xá thành Vương Xá, Mục Kiền Liên ngồi trong thiền thất không đi nghe giảng, nhưng âm thanh thuyết pháp của Đức Phật vẫn rền vang như sấm bên tai. Ông vô cùng kinh ngạc, không hiểu tại sao ở nơi cách Phật rất xa vẫn có thể nghe thấy âm thanh của Người? Vì muốn thử nghiệm pháp âm của Đức Phật thực sự vọng tới bao xa, ông vận dụng thần túc thông, bay đến một Phật quốc ở cách xa bên ngoài vài mươi ức Phật thổ. Phật quốc này là quốc thổ của Thế Tụ Tại Vương Như Lai.

Bấy giờ, vị Thế Tụ Tại Vương Như Lai của Phật quốc thổ đó cũng đang thuyết pháp, rất hoan hỷ, ông nhẹ nhàng đi tới trước tìm một chỗ ngồi xuống nghe Thế Tụ Tại Vương Như Lai thuyết pháp.

Nhưng điều lạ không thể nghĩ bàn, Mục Kiền Liên ngoài vẫn nghe thấy tiếng thuyết pháp của Thế Tụ Tại Vương Như Lai, âm thanh thuyết pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta Bà, vẫn rền vang bên tai.

Do thân hình của chúng sinh trong quốc thổ Thế Tụ Tại Vương vô cùng cao lớn, tôn giả Mục Kiền Liên tới đó, bị tưởng lầm là một con sâu lớn.

Thế Tụ Tại Vương Như Lai nói với Bồ Tát: “Ông ta không phải là sâu, là đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta Bà, chúng ta không thể xem thường vị tôn giả

này, ông ta có đại thần thông, đại uy đức, có thể hành hóa tự tại, du hóa trong quốc thổ của thập phương chư Phật”.

Rồi đó Thế Tự Tại Vương Như Lai nói với Mục Kiền Liên: “Này tôn giả! Ông từ quốc thổ phương khác đường xa tới đây, ông hãy vì chúng Bồ Tát đệ tử của ta, thị hiện thần thông biến hóa trừ bỏ nghi hoặc của chúng nhân!”.

Mục Kiền Liên liền thừa thần lực của Phật, hiện đủ loại thần thông biến hóa, chư Bồ Tát nhìn thấy vậy sinh khởi tâm cung kính.

Từ ví dụ trên, chúng ta có thể thấy, nhĩ căn của nhân loại quả thật đầy đủ năng lực có thể nghe thấy âm thanh từ bên ngoài vô lượng thế giới. Quyển 6 bộ “Diệu pháp liên hoa kinh” có nhắc đến, người trì tụng “Pháp Hoa kinh”, có thể thành tựu 1200 công đức nhĩ căn, có thể nghe thấy hết thấy âm thanh của mười phương thế giới, nhưng Phật pháp vẫn cho rằng đây vốn không thuộc phạm trù của thần thông, mà xem như cảm ứng do trì tụng kinh điển.

Kinh viết: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải thích, hoặc chép lại ắt đắc 1200 công đức nhĩ căn. Dùng nhĩ căn thanh tịnh này, nghe thấy tam thiên đại thiên thế giới, dưới tới địa ngục a tỳ, trên tới hữu đỉnh, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng cười, tiếng nói, tiếng nam, tiếng nữ, tiếng đồng tử, tiếng đồng nữ, tiếng thuyết pháp, tiếng phi pháp, tiếng khổ, tiếng vui, tiếng phạm phu, tiếng thánh nhân, tiếng mừng, tiếng không mừng, tiếng trời, tiếng rồng, tiếng dạ xoa, tiếng càn thất bà, tiếng a tu la, tiếng ca lâu la, tiếng khấn na la, tiếng ma hầu ca la, tiếng cửa lửa, tiếng nước, tiếng gió, tiếng địa ngục, tiếng súc sinh, tiếng ngạ quỷ, tiếng tỳ kheo, tiếng tỳ kheo ni, tiếng Thanh Văn, tiếng



Bích Chi Phật, tiếng Bồ Tát, tiếng Phật. Còn như muốn nói hết thấy tất cả âm thanh trong tam thiên đại thiên thế giới, tuy chưa đắc thiên nhĩ, nhưng dùng tai thường thanh tịnh do cha mẹ sở sinh cũng đều nghe được hết. Cứ vậy phân biệt các loại âm thanh vẫn không hoại hỏng nhĩ căn”. Trong kinh nói, dựa theo duyên có của công đức thọ trì “Pháp Hoa kinh”, có thể nghe thấy các loại âm thanh trong, ngoài của tất cả thế giới, và khéo phân biệt được, nhưng vẫn không làm tổn hoại nhĩ căn.

Tuy cảnh giới đó vẫn chưa phải thiên nhĩ thông, nhưng, từ đây chúng ta có thể biết nhĩ căn của loài người, đích thực ẩn chứa tiềm năng vô cùng lớn, nên việc chứng đắc thiên nhĩ thông không có gì vô lý cả.

TÚC MỆNH THÔNG

Túc mệnh thông, hay còn gọi *Túc trụ thông* (Phạn danh *purvanivāsānusmritt – jñānam*), tức sức thần thông nhớ vào kiếp trước, một trong ngũ thông hoặc một trong lục thông, tên gọi đầy đủ là “túc trụ tùy niệm trí chính thông”, hay gọi là túc trụ tùy niệm trí thông, túc trụ trí thông hoặc túc mệnh thông chứng, thức túc mệnh thông. Quyển 15 bộ “Tập dị môn túc luận” viết: “Thế nào là túc trụ trí thông chứng? Đáp: “Có thể tùy trí nhớ việc của quá khứ vô lượng kiếp trước, hoặc chỉ một đời suy rộng ra, gọi là túc trụ trí thông chứng”. Có thể nhớ về danh tính thọ mạng, buồn vui, sinh tử... của bản thân trong một kiếp cho đến vô lượng kiếp thời gian quá khứ, nên gọi là túc trụ trí thông chứng. Túc mệnh thông chỉ có thể nhớ những chuyện

đã xảy ra, không biết trước được việc chưa phát sinh trong tương lai.

Trong kinh điển, chúng ta thường xuyên đọc thấy Đức Phật dùng túc mệnh trí tuyên thuyết nhân duyên của kiếp trước với các đệ tử.

Túc mệnh thông, là thần thông chỉ có thể hiểu biết từ đời quá khứ đến những kiếp xa xưa trước của bản thân và người khác. Khi Đức Phật còn tại thế, cũng thường dùng túc mệnh trí tuyên thuyết nhân duyên bản sinh của mình và đệ tử, để giáo hóa chúng sinh.

Tôn giả Xá Lợi Phất, người có trí huệ đệ nhất thường xuyên dùng thiên nhãn quan sát thế gian, xem có người nào đáng được độ, liền độ hóa. Ngày nọ, ông nhìn thấy đoàn thương nhân dắt theo một con chó, đang đi sang nước láng giềng buôn bán. Vào bữa cơm, mọi người dừng nghỉ ngơi, chuẩn bị dùng bữa. Con chó đói phát điên, lừa bọn thương nhân không để ý, ăn trộm miếng thịt, không ngờ bị phát hiện, mấy thương nhân giận dữ đánh đá nó một trận, đến nỗi chân con chó gãy lìa, thoi thóp sắp chết, sau đó bị vứt nơi vắng vẻ. Đoàn thương nhân ăn uống no nê rồi lên đường bỏ đi.

Xá Lợi Phất hết sức bất nhẫn, lập tức vào trong thành khát thực, rồi bay vọt đến chỗ con chó, đưa thức ăn cho nó, con chó ăn no, ông vì nó thuyết pháp giải thoát thậm thâm vi diệu, con chó ngược nhìn Xá Lợi Phất với ánh mắt cảm kích và do thọ thương quá nặng, không lâu sau nó chết.

Do công đức được nghe Phật pháp, khi chết con chó đầu thai thành con của một nhà Bà La Môn ở trong thành. Xá Lợi Phất liền tới nhà của người Bà La Môn đó thăm,

quả nhiên đứa trẻ vừa mới ra đời, gia đình Bà La Môn cũng đồng ý vào năm đứa trẻ bảy tuổi, sẽ cho nó theo Xá Lợi Phất xuất gia.

Bảy năm sau, Xá Lợi Phất đến nơi theo lời hẹn, đưa bé bảy tuổi, nhìn thấy ánh mắt từ ái của Xá Lợi Phất, phảng phất như từ trước kia cũng từng cảm thọ lòng từ ái ấm áp ấy. Nó được đặt tên Quân Đề sa di, dưới sự giáo hóa của Xá Lợi Phất, tinh cần học đạo, không lâu chứng quả thánh, đầy đủ thần thông.

Bấy giờ, đứa trẻ liền lập tức dùng túc mệnh thông quán sát nhân duyên quá khứ, để ngày gặp được bậc thầy tốt và chứng được quả thánh.

Khi nhập định, dùng túc mệnh thông quan sát, nhìn thấy kiếp trước mình khi còn là con chó đói, bị đánh gần chết, nhờ Xá Lợi Phất cứu độ, khai thị diệu pháp, kiếp này mới được thành tựu. Quân Đề quán tưởng xong, chảy nước mắt cảm kích, phát nguyện vĩnh viễn làm sa di, không thọ đại giới tỳ kheo, theo hầu hạ bên cạnh ân sư Xá Lợi Phất.

Bấy giờ, A Nan nhìn thấy kiếp trước lý kỳ của đứa bé, trong thời gian rất ngắn, được ngộ đạo, cảm thấy bất khả tư nghị, liền tìm đến hỏi Đức Phật, nhân duyên vì sao Quân Đề bị đầu thai làm con chó.

Như Lai dùng túc mệnh trí quán sát, thì ra trước kia vào thời Ca Diếp Phật, dưới tòa Ngài có rất nhiều tỳ kheo cùng tu hành, trong đó một vị tỳ kheo trẻ tuổi, có giọng nói hòa nhã mỹ diệu, vị này vô cùng khinh thường vị tỳ kheo già giọng nói khàn đục. Một ngày nọ, vị tỳ kheo trẻ tuổi nhin không được cười nhạo: “Trưởng lão, giọng nói ông thật giống tiếng chó sủa”. Không ngờ, tỳ kheo lớn tuổi

đó là A La Hán đã chứng quả. Tỳ kheo nhỏ tuổi do nghiệp tội này đã bị đầu thai làm thân chó trong 500 kiếp, nhưng cũng nhờ duyên có trì giới thanh tịnh lúc xuất gia, nên nay mới được gặp Phật, chứng ngộ đạo giải thoát.

Ngoài ra, túc mệnh thông có thể biết được nhân duyên trước kia trong khoảng bao lâu? Điều này có liên quan đến sự mạnh lớn, nhỏ của thần thông. Trong “Đại trí độ luận” viết: “Thức túc mệnh thông những chuyện thường nhớ được gồm: ngày, tháng, năm đầu thai, chuyện kiếp trước, từ một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn vạn ức kiếp, cho đến 8 vạn đại kiếp đại A La Hán, Phật Bích Chi có thể biết, còn chư đại Bồ Tát và Phật biết được vô lượng kiếp, nên gọi tên thức túc mệnh thông”. Trong đó kể đại A La Hán, Bích Chi Phật có thể quan sát được việc xa đến 8 vạn đại kiếp trước, còn chư đại Bồ Tát và Phật thì có thể biết được túc mệnh bản sinh của vô lượng kiếp trước. Từ câu chuyện sau, chúng ta sẽ biết qua sai biệt lớn, nhỏ của sức mạnh thần thông túc mệnh trí.

Khi xưa, Đức Phật đang trú tại Kỳ Viên tịnh xá, một buổi sáng nọ, tôn giả Xá Lợi Phất cùng đi kinh hành với Phật. Bấy giờ có một con chim ưng đuổi theo một con bồ câu, con bồ câu hoảng hốt, bay xuống trên thân Đức Phật. Bóng đi kinh hành của Đức Phật che phủ con bồ câu, lúc ấy thân tâm con bồ câu lập tức vô cùng an ổn, không hề còn có vẻ gì sợ hãi, cũng không kêu gào hoảng hốt nữa. Sau khi Đức Phật đi qua, bóng của Xá Lợi Phất che phủ con bồ câu, con bồ câu lại bắt đầu run rẩy lập cập, kinh hoảng sợ hãi. Xá Lợi Phất khó hiểu hỏi Đức Phật: “Phật và con đều không còn tam độc tham, sân, si, tại sao khi bóng của Phật phủ lên bồ câu, chim câu an ổn im lặng,

không sợ hãi, còn bóng của con phủ lên bồ câu, nó lại kêu gào lên vậy?”.

Đức Phật trả lời: “Đó là do người tuy không còn tam độc, nhưng tập khí chưa dứt sạch, nên khi bóng của người phủ lên, sự sợ hãi của con chim câu không giải trừ được. Xá Lợi Phất, người hãy quan sát nhân duyên tức thể của con bồ câu này, xem nó đã làm bồ câu bao nhiêu kiếp rồi?”.

Xá Lợi Phất liền nhập túc mệnh trí tam muội, quán thấy kiếp trước con chim này cũng là bồ câu, rất lâu về trước vẫn là bồ câu, nhưng quán tiếp lên thì không cách nào nhìn thấy gì nữa.

Xá Lợi Phất ra khỏi tam muội, cung kính bạch Phật: “Con bồ câu này từ rất lâu về trước đã là bồ câu rồi”.

Đức Phật đáp lời ông: “Nếu người không thể biết hết đời quá khứ của nó, hãy thử quan sát tương lai xem khi nào nó thoát được kiếp làm bồ câu?”.

Xá Lợi Phất nhập nguyện trí tam muội, quan sát một, hai, ba kiếp, cho đến rất lâu kiếp sau, chim bồ câu vẫn chưa thoát khỏi thân bồ câu, xem tiếp thì không còn thấy gì nữa. Xá Lợi Phất ra khỏi tam muội, cung kính bạch: “Con quan sát chim câu từ một kiếp, hai kiếp cho đến rất lâu về sau, đều chưa thoát được thân chim câu, còn sau thì con không thấy gì nữa, không biết nhân duyên bản sinh thời quá khứ trước khi nó trở thành bồ câu, cũng không biết trong tương lai bao giờ nó mới thoát khỏi kiếp ấy”.

Phật nói với Xá Lợi Phất: “Con chim câu này, ngoại trừ hết thấy những gì vừa rồi người nhìn thấy, tương lai còn một thời gian rất lâu làm thân bồ câu, cho đến khi nghiệp tội thanh tịnh mới giải thoát được chuyển luân trong ngũ

dạo, sau được đầu thai làm người, trải qua 500 kiếp nữa mới có thể được lợi căn. Lúc ấy có Phật độ vô lượng A Tăng Kỳ chúng sinh, sau đó nhập vô dư Niết bàn, để lại giáo pháp nhân gian và người này sẽ làm Ưu Bà Tắc thọ ngũ giới, theo các tỳ kheo Thanh Văn tán thán công đức của Phật và phát tâm nguyện thành Phật, rồi trải ba A Tăng Kỳ kiếp, hành trì lục Ba la mật, thập địa đầy đủ được thành Phật. Độ hóa vô lượng chúng sinh nhập vô dư Niết bàn.

Xá Lợi Phất của người trí huệ đệ nhất trong các đệ tử Thanh Văn của Như Lai, tuy có thể quan sát thời gian rất xa xưa, nhưng vẫn còn hạn chế. Cho nên trong “Đại trí độ luận” viết: “Các thánh giả bậc Thanh Văn, tuy có túc mệnh trí, nhưng nếu so với Đức Phật, chẳng khác nào so con nít và người lớn, không thể so sánh được.

Thần lực lớn nhỏ của túc mệnh thông, ngoài ảnh hưởng về phạm vi thời gian có thể thấy được, cũng ảnh hưởng tới tốc độ quan sát.

Người có sức thần thông rộng lớn, túc mệnh thông cũng giống như bàn vi tính trường có hệ thống sách dẫn tốt, bất luận điều chỉnh hồ sơ trong thời gian xa cũ bao nhiêu, đều có thể lập tức truy cập quan sát thấy. Còn túc mệnh thông bình thường, giống như hệ thống dẫn sách tư liệu hồ sơ kiểu cũ, phải tra từng cái từng trang cũ. Túc mệnh thông A La Hán so sánh với Đức Phật cũng có sai khác như thế. A La Hán quan sát, suy nghĩ túc mệnh như đem từng đĩa từ bỏ vào xem xét, tuy gọi là nhanh, trong một giây xem được một kiếp, nhưng nếu đằng sau vẫn còn hơn 1000 số không, xem hết số kiếp này thì phải tốn thời gian quá lâu dài.

Trong kinh điển, thường ghi chép việc Đức Phật dùng túc mệnh trí khai thị đệ tử.

Do Phật pháp là giáo pháp lấy pháp nhân duyên làm trọng tâm, việc đời đời kiếp kiếp tương tục lưu chuyển trong thế gian, chúng ta không ngừng tạo nghiệp thọ báo, nên để lại vô số nhân duyên trong quá khứ.

Trong mắt của Đức Phật, Ngài quán chiếu được rất rõ duyên khởi tự thân và đệ tử, giác chiếu dòng chảy vô tận của sinh mệnh từ vô thủy tới nay, thể ngộ một cách chân thật nhân duyên khai ngộ của đệ tử. Do đó, Đức Phật đương nhiên thường dùng nhân duyên túc mệnh giáo hóa đệ tử.

Một lần nọ, Đức Phật ở nơi vườn Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, cùng ở có các đại tỳ kheo. Bấy giờ có một vị Phạm Chí bị mê hoặc đạo thuật ngoại đạo, không tin Phật pháp, thậm chí muốn nhiều loạn Phật giáo. Lần nọ, ông ta ở trong thành từ xa nhìn thấy Đức Phật đang tới, ông không muốn gặp Phật, liền tránh vào trong nhà người khác. Nhưng Đại Thánh Phật Đà do lòng từ bi thương xót, cứ bước tới trước căn nhà đó, dùng trước mặt ông ta, Phạm Chí muốn tránh không được, muốn bỏ đi cũng không được. Thế Tôn liền thuyết kinh pháp cho ông nghe. Phạm Chí tâm sinh hoan hỷ, sinh khởi thiện tâm, bèn quy y Phật, pháp và chúng tăng, phụng trì giới cấm.

Phạm Chí nhiễu quanh Phật ba vòng, dập đầu lui ra. Về nhà lấy cái bát, đựng đầy mật, hai tay bưng đến, cung kính cúng dường Như Lai. Đức Phật dặn chư tỳ kheo, dùng bát mật, bố thí cho chúng tăng, điều kỳ lạ bát mật nhỏ bé cúng dường hết Phật và tăng chúng, mọi người đại chúng đều có đầy đủ, mật trong bát vẫn đầy không bớt giảm chút nào.

Phạm Chí dâng bát mật lên Đức Phật. Phật bảo Phạm Chí: “Người đem mật này, đổ xuống dòng sông để các loài rùa, ba ba, cá sấu, cá, sò... ở dưới sông đều được hưởng”. Phạm Chí nghe lời dạy, đổ mật xuống dòng sông, rồi trở về nơi Đức Phật, trong tâm vừa nghi vừa sợ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười, miệng phóng ra hào quang ngũ sắc, trên trời cõ trời Phạm Thiên, dưới phổ chiếu năm nẻo, soi sáng mọi nơi, rồi trở về nhiều quanh thân ba vòng.

A Nan thỉnh hỏi Đức Phật: “Nhu Lai không bao giờ cười viễn vông, ắt phải có nhân duyên, xin hỏi Như Lai vì sao lại cười?”.

Phật nói với A Nan: “Người xem vị Phạm Chí này, dùng mật dâng Phật, bố thí tỳ kheo tăng, phần mật còn dư đem đổ vào sông cúng dường, vị Phạm Chí này, trong 20 kiếp của tương lai, sẽ không đọa vào đường ác, trải qua thêm 20 kiếp nữa, sẽ chứng được quả vị Duyên Giác, tên hiệu là Mật Cự”.

Các tỳ kheo hỏi: “Bạch Thế Tôn, vị Phạm Chí này vì sao chỉ nhờ một bát mật mà được nhiều lợi ích như vậy?”.

Phật dạy: “Người Phạm Chí này không chỉ trong kiếp này nhờ một bát mật, mà được nhiều lợi ích, các kiếp trước cũng đã làm như thế. Vào thời quá khứ cách đây từ rất lâu, rất lâu rồi, có một người Bà La Môn, bản thân ở nơi vắng vẻ an nhàn, rất thích cúng dường tiên nhân. Bấy giờ có một tiên nhân, đắc ngũ thần thông, thấy được niệm của Bà La Môn, liền từ nơi gốc cây ở chỗ nhàn cư, bay vọt lên không trung, tới an trú trước mặt người này. người Bà La Môn nhìn thấy, vui mừng hoan hỷ, sinh khởi thiện tâm, lập

tức quay về nhà, dựng đầy mật vào bát, kính phụng tiên nhân. Bấy giờ tiên nhân tiếp nhận cúng dường, bay trên hư không. Bà La Môn nhờ công đức bố thí này, sau này trở thành quốc vương, tên là Mật Cự, dùng chính pháp trị nước, khi hết thọ mạng, được sinh lên trời”. Phật nói với các tỳ kheo: “Ngũ thông tiên nhân kiếp đó chính là ta, Phạm Chí chính là vị Phạm Chí ngày nay, lúc đó ông ta bố thí mật được phước báo của tiên nhân, còn ngày nay bố thí được phước báo giải thoát”.

Ngoại trừ đức Như Lai, đệ tử Phật cũng có nhiều người đầy đủ túc mệnh thông.

Các đệ tử có túc mệnh thông cũng thường dùng sức thần thông này giúp đỡ chúng sinh. Như 500 La Hán thường thấy trong kinh luận, chính là ví dụ việc ấy. Trong Phật điển, như các bộ “Phật ngũ bách đệ tử tự thuyết bản khởi kinh”, “Phật thuyết hưng khởi hành kinh” và “Pháp Hoa kinh – Ngũ bách đệ tử thọ ký phẩm”, “Niết bàn kinh”... đều nói rõ về bản sinh nhân duyên và họ ký tương lai.. của 500 La Hán. Các đệ tử thánh đầy đủ túc mệnh thông của Đức Phật, có thể tự nhớ bản sinh của mình và người khác, học theo Đức Phật dùng đó để giáo hóa thường gặp trong kinh điển. Xin giới thiệu dưới đây nhân duyên của Mục Kiền Liên.

Ngày nọ, Mục Kiền Liên hành cước đến tận bờ sông Hằng trời vừa hoàng hôn. Mục Kiền Liên thấy ban đêm hành hóa bất tiện, ông tìm một gốc cây bên bờ sông Hằng ngồi tịnh tọa.

Màn đêm buông xuống, chốc lát, bên bờ sông Hằng tụ tập rất nhiều ngạ quỷ định lấy nước uống cho đỡ đói khát, nhưng có một con quỷ hung ác canh giữ nước, tay cầm thiết

trượng xua đuổi, chúng quỷ không dám đi gần sát bờ sông. Mục Kiền Liên ngồi ngay ngắn, nhìn thấy các naga quỷ chịu tội khác nhau, liền gọi chúng đến gần. Không chỉ là người hoan hỉ hỏi nhân quả ba đời, quỷ cũng thích lắm, từng con quỷ xin thỉnh vấn về nhân duyên nghiệp tội của chúng.

Tên quỷ thứ nhất hỏi:

“Tôn giả, chúng con kiếp trước là người, nay dọa vào nẻo naga quỷ, mang thân naga quỷ, thường chịu đói khát, nghe nói nước sông Hằng trong mát, nhưng khi đến lấy nước, nước sôi nóng lên, uống một hớp, ngũ tạng lục phủ cháy nát, vả lại có con quỷ kia canh giữ, dùng thiết trượng đuổi đánh, xin hỏi tôn giả, chúng con lúc sống đã tạo loại nghiệp ác gì mà nay phải chịu khổ báo này?”.

Mục Kiền Liên dùng túc mệnh thông quan sát, rồi nói với naga quỷ:

“Nghề nghiệp kiếp trước của người, là một thầy bói, khi bói xem cát hung cho người khác người nói dối nhiều hơn nói thật, khen chê đều chỉ dựa theo suy nghĩ của người, tự xưng mình biết rõ, thực tế chỉ công cuồng lừa gạt và chỉ vì cầu lợi dưỡng mê hoặc chúng sinh không thương tiếc, nên mới bị nghiệp báo như vậy”.

Tên quỷ thứ hai hỏi:

“Tôn giả! Con thường bị một lũ chó lớn hung dữ nhai nuốt thân con, khi ăn hết thịt, gió thổi vào xương, lại sống lại, không biết nhân duyên vì sao, khiến con phải chịu khổ báo như vậy?”.

“Đó là vì kiếp trước người giết mổ gà, vịt, heo, dê tế thần tế trời, sát nghiệp quá nặng, nên phải chịu quả báo ấy”.

Tên quỷ thứ ba hỏi:

“Tôn giả! Bụng con to như lu, nhưng cổ họng lại bé như cây kim, nhìn thấy các đồ ăn thức uống thơm ngon quý báu nhưng không thể ăn được, không biết là nhân duyên gì chịu thọ khổ báo đến vậy?”.

“Đó là do kiếp trước ngươi làm quan, ý thế giàu mạnh, tư tình buông thả hưởng lạc, tùy tiện lừa gạt người khác, chiếm đoạt của cải mồ hôi nước mắt nhiều người, nên ngày nay phải thọ khổ báo đó”.

Tên quỷ thứ tư hỏi:

“Tôn giả! Trên thân con mọc đầy miệng lưỡi, máu luôn từ thân trào lên, khiến đầu con như cái chậu. Mỗi mạch máu đều căng như muốn vỡ tung vậy, mạng con giống như sợi chỉ, không biết do nhân duyên gì bị chịu khổ báo như vậy?”.

“Đó là do kiếp trước ngươi thích nói chuyện thị phi, nói xấu người khác, khi nói, không nghĩ tới lợi lạc chúng sinh, tất cả lời nói, đều làm thêm khổ não cho người khác, nên nay chịu quả báo như vậy”.

Đó là sự tích tôn giả Mục Kiền Liên từng túc mệnh thông chỉ ra mê lầm cho chúng quỷ.

Pháp nhân duyên là trọng tâm của Phật pháp, nhân duyên quả báo là sự thật tương tục của thế gian. Nhưng nhân quả không phải túc mệnh, bởi vì túc mệnh vi phạm pháp nhân duyên, cũng không phải thật tướng của nhân quả. Pháp nhân duyên thuyết minh hết thấy chư tướng, đều do điều kiện nhân duyên cấu tạo nên, vốn không có thực thể độc lập bất biến, cũng không có quả báo do phi nhân duyên hiện khởi.

Vì thế Phật pháp, giảng thuật sự thật nhân quả, nói rõ nguyên nhân sinh khởi quả báo, chứ không tuyên thuyết việc không có nhân mà phải chịu quả của túc mệnh. Hai việc này hoàn toàn khác nhau, một là vô thường luận về nhân duyên, một là luận về số mạng không cần căn do.

Do vậy bất kỳ nhân quả nào, sự thật theo Phật pháp, đều là giáo lý giúp sinh mệnh thăng hoa tiến lên, lia khổ được vui, giải thoát cứu cánh. Đề tài giáo dục nhân quả, chính là giáo bổn kết hợp thực nghiệm chính xác của sinh mệnh với thực nghiệm sinh mệnh sai lầm, dựa trên kinh nghiệm sinh mệnh như vậy tu tập tiến lên.

Túc mệnh thông, về mặt giáo lý Phật pháp, có ý nghĩa vô cùng quan trọng:

1. Có thể dùng túc mệnh thông sắp xếp rõ ràng đạo lý nhân quả của hiện tượng sinh mệnh.
2. Túc mệnh thông quan sát nhân quả, dùng làm bản mẫu kinh nghiệm học tập của sinh mệnh.
3. Túc mệnh thông quán sát được căn khí chúng sinh, tìm ra phương pháp giáo dục thích hợp nhất, giúp họ thăng hoa giải thoát.

Do vậy, túc mệnh thông Phật pháp, được vận dụng rất nhiều, nhưng nếu không lý giải chính xác tướng pháp nhân duyên và nhân quả, đưa tới nhận định túc mệnh quan sai lầm, sẽ hoàn toàn đi ngược lại thực tướng của nhân quả.

NHƯ Ý THÔNG

Như ý thông (Phạn văn *riddhi visaga - jñānam*), tức sức thần thông có thể tùy ý tự tại phi hành, tự tại chuyển biến cảnh giới, hóa hiện sức thần thông, còn gọi là thần thông, thần túc thông, như ý túc thông, thân như ý thông, thần cảnh trí thông, thần cảnh trí chứng thông, thần cảnh trí tác chứng thông.

Phạm vi như ý thông, bao gồm rất rộng, thậm chí an trú trong trí huệ, buông xả thuận, nghịch bất động, có thể sinh khởi chính niệm chính tri, như ý tự tại, đều thuộc phạm trù như ý thông.

Như ý thông còn gọi là thần túc thông, quyển 141 bộ “Đại Tỳ bà sa luận” viết, do thông này có thể như ý hết thấy ý muốn, nên gọi là “thần”, do dẫn phát từ thần, nên tên gọi là thần túc.

Quyển 5 bộ “Đại trí độ luận” chép như ý thông có ba loại hình thái: năng đáo, chuyển biến, thánh như ý.

1. *Năng đáo* (có thể đến): có bốn loại hình, một thân có thể phi hành, như chim bay trên trời không gì trở ngại; hai đời chuyển không gian xa đưa đến gần, không cần đi vẫn đến; ba biến từ nơi này hiện ra nơi khác; bốn là đến nơi cần đến trong một niệm (tích tắc).
2. *Chuyển biến*: biến lớn thành nhỏ, biến nhỏ thành lớn, biến một thành nhiều, biến nhiều thành một, hết thấy mọi vật đều có thể chuyển biến tự tại.

3. *Thánh như ý*: quán sát ở trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp những vật không đẹp, không sạch trở thành sạch, quán vật đẹp, sạch thành không sạch (bất tịnh). Loại thánh như ý pháp này chỉ Phật mới có.

“Đại Tỳ bà sa luận” cũng chia như ý thông thành năm loại:

1. *Thế tục sở hân lạc*: tức biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một.
2. *Hiện thánh sở lạc*: tức đối với các việc như ý của thế gian vẫn không trụ thuận theo cảnh tướng; đối với các việc không như ý thế gian, không trụ vì nghịch tướng. Đối với việc vừa ý, không vừa ý, đều có thể an trú xả bỏ, sinh khởi chính niệm chính tri.
3. *Vận thân thần dụng*: toàn thân bay lên hư không, giống chim bay, cũng giống tiên bay về trên tranh.
4. *Thắng giải thần dụng*: không có chỗ nào không đến được do thần túc thông. Do thần thông này, hoặc có thể an trú ở châu này (Nam Thiêm bộ châu), dùng tay níu tới nhật, nguyệt hoặc trong khoảng co duỗi tay, đã đến Sắc cứu cánh thiên.
5. *Ý thế thần dụng*: nhãn thức có thể đến Sắc đỉnh, hoặc lên tới Sắc cứu cánh thiên, hoặc vượt cả vô biên thế giới.

Khi xưa, vua Tần Bà Sa La lúc bị đứa con ngỗ nghịch giam cầm, Mục Kiền Liên và Phú Lâu Na dùng như ý thông bay tới nhà ngục thuyết pháp cho ông.

Lúc bấy giờ, Bồ Đề Đạt Đa vì muốn củng cố địa vị của mình, xúi giục người ủng hộ vua A Xà Thế nhốt vua cha là vua Tần Bà Sa La, dự định giam cầm cha mình đến chết đói.

Vua Tần Bà Sa La kính thờ Phật pháp, tâm thường thần nhiên với mọi vô thường xấu ác thế gian. mỗi ngày ông mở cửa sổ nhà ngục, hướng về hình bóng kinh hành của Đức Phật trên núi Linh Thứu, lòng tràn đầy hoan hỷ, dập đầu lễ bái một cách thành kính, mỗi ngày vẫn vui vẻ niệm Phật tu hành. Ngày nọ, ông hết lòng hướng về Đức Phật lễ bái, cầu mời Đức Phật: “Hỡi đức Thế Tôn! Đại Mục Kiền Liên là bạn tốt thân nhất của con, mong Ngài từ bi thương xót, khiến ông ta tới đây dạy con bát quan trai giới”.

Đức Phật biết được tâm niệm vua Tần Bà Sa La, lập tức cho Mục Kiền Liên tới nơi. Do ngục cấm canh giữ cẩn mật, ngoại trừ hoàng hậu, bất kỳ ai cũng không được thăm viếng, nên Mục Kiền Liên liền dùng như ý thông, trực tiếp từ núi Linh Thứu, như chim ưng bay lượn, trong chớp mắt bay tới trước mặt quốc vương vì ông thọ giới thuyết pháp, có khi là tôn giả Phú Lâu Na tới, vua Tần Bà Sa La mỗi ngày ở trong ngục chuyên tâm tu hành, cuối cùng ngay kiếp đó chứng thành cảnh giới quả vị thánh thứ ba A La Hán, không còn phải chịu sinh tử, trong pháp vui vẻ là khỏi thế gian. Mục Kiền Liên thị hiện, chính là thân phi hành của như ý thông.

Đức Phật khi giáo hóa chúng sinh cũng thường xuyên thị hiện như ý thần thông khiến chúng sinh khởi lòng tin tưởng.

Có vị trưởng giả Mãn Hiền, kính phụng Như Lai và đại chúng tỳ kheo tăng, tìm đến nơi xin thọ cúng dường, Như Lai sai đệ tử dùng thần thông đến nơi theo lời mời. Bấy giờ số tỳ kheo này, theo lời dạy của Phật, đều bay trên không đến nơi ông ta. Tới nơi, Đức Phật dùng thần lực, đem ngàn tỳ kheo ẩn thân, một mình cầm bình bát, đến nhà Mãn Hiền.

Trưởng giả nghe tin Phật đến, liền gọi 500 đồ chúng, mỗi người mang trăm món ẩm thực, nghênh tiếp Như Lai. Nhìn thấy Như Lai đầy đủ 32 tướng, 80 vẻ đẹp, toàn thân hào quang rực rỡ, như trăm ngàn mặt trời, an lành bước đi chậm rãi, đầy đủ uy nghi. Ông ta liền đánh lễ dưới chân Phật tán thán: “Thiện tai, Thế Tôn! Từ bi thương xót, xin nhận cúng dường của chúng con”. Lúc ấy, trưởng giả mới để ý thấy chỉ có một mình Đức Phật tới ứng cúng, các đệ tử tỳ kheo đều không thấy đến.

Phật bảo Mãn Hiền: “Không sao, người có thể đem các thực phẩm cúng dường, toàn bộ bỏ vào trong bát này”. Trưởng giả cùng 500 đồ chúng, đem tất cả đồ ăn thức uống, mỗi người tự tay bỏ vào trong bát của Phật, hết sức kỳ lạ, thức ăn nhiều đến như vậy, mà không thể đầy bình bát. Trưởng lão bất giác tán thán: “Kỳ diệu thay! Thế Tôn, thật là có sức thần!”. Lập tức tâm trưởng lão bị điều phục và ngàn vị tỳ kheo tăng ẩn thân cũng đều hiện ra, vây xung quanh Phật Thế Tôn, bình bát trong tay họ đều đã đầy thức ăn.

Trưởng giả Mãn Hiền khen ngợi hết lời, tự thân gieo năm vốc sát đất, phát khởi đại thế nguyện, nguyện đem công đức thiện căn cúng dường này, trong đời vị lai, sẽ giúp những chúng sinh bị mù dẫn đường họ, người không ai cứu giúp, sẽ cứu giúp họ, người chưa giải thoát, sẽ giúp được giải thoát, người chưa an ổn, sẽ giúp họ an ổn, người chưa vào Niết bàn, sẽ giúp họ vào Niết bàn. Thế Tôn liền dự ký trong kiếp tương lai, trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp, ông ta có đầy đủ hạnh Bồ Tát, tu đại bi tâm, đầy đủ sáu Ba la mật, được thành Phật tôn hiệu Mãn Hiền, chúng sinh do ông hóa độ nhiều không thể đếm xuể.

Loại ẩn hiện tự tại như đó, một hóa thành nhiều, nhiều hóa thành một, đều là thần biến tự tại của như ý thông.

Quyển 37 bộ “Du Già sư địa luận”, tiến thêm bước nữa chia thần cảnh trí thông của Phật, Bồ Tát thành hai loại năng biết thông, năng hóa thông. Trong đó, năng biến thông bao gồm 18 loại thần biến như chấn động, cháy sáng, truyền bá, thị hiện chuyển biến, tới lui, cuộn lại, duỗi ra, chúng tượng nhập thân, đồng loại vãng thú, hiện, ẩn, sở tác tự tại thần thông chế ngự người khác, trở tài biến luận, trở tài ghi nhớ, ban bố an lạc, phóng đại quang minh... Còn năng hóa thông thì có ba loại biến hóa là hóa thân, hóa cảnh, hóa ngữ.

Từ đây có thể thấy, phạm vi tác dụng thần lực như ý thông bao hàm rất rộng.

Lúc bấy giờ, khi Đức Phật ở cung trời Đao Lợi, vì Phật mẫu Ma Gia hoàng hậu tuyên giảng “Địa Tạng kinh”, có hóa thân thập phương vô lượng Địa Tạng Bồ Tát tu tập đến, hết thấy Bồ Tát không cách nào tư duy hiểu hết số lượng, chỉ có Như Lai mới có thể hiểu hết, cuối cùng vô lượng Địa Tạng phân thân hợp lại làm một thân, đây cũng là một loại thần biến của như ý thông.

Ngoài ra, biến hóa thường gặp của như ý thông, chuyển biến vật chất một cách tự tại.

Lúc trước, khi cao tăng Tây Vực Phật Đồ Trừng đến đất Hán, thấy Thạch Lặc giết bữa bãi sa môn, bèn quyết định độ hóa họ Thạch. Do Thạch Lặc không thông hiểu lý lẽ gì, nên Phật Đồ Trừng dùng thần thông khiến ông ta tin tưởng. Khi Thạch Lặc và Phật Đồ Trừng gặp nhau, ông ta hỏi liền: “Đạo Phật có gì linh nghiệm?”.

Phật Đồ Trưng đáp: “Đạo lớn tuy thâm sâu, nhưng vẫn có thể dùng việc gần gũi cạnh bên thân nghiệm chứng được”.

Phật Đồ Trưng sai người đem đến bát nước trong, đốt hương trì chú, một lát sau, trong nước bỗng nảy ra đóa sen xanh, hào quang chói ngời. Thạch Lặc vô cùng tín phục. Loại thần lực từ nước không làm mọc lên hoa sen, cũng thuộc một trong những lớn rộng của như ý thông.

Quyển 177 bộ “Đại tỳ bà sa luận” chép việc Đế Sa Phật thời quá khứ, trong khảm thờ bằng phệ lưu ly, ngồi xếp bằng kiết già, nhập hỏa giới định, trải bảy ngày đêm thọ diệu hỷ lạc, uy quang chói rực. Từ xưa một số đại A La Hán và bậc đại thành tựu có như ý thông, khi sắp nhập Niết bàn, phần lớn đều thị hiện 18 loại thần biến, cuối cùng dùng hỏa giới tam muội, tự thiêu thành xá lợi và nhập Niết bàn.

Trong hàng đệ tử Phật có nhiều người đầy đủ như ý thông.

Chương II ở trên viết về nhân duyên của Phú Na Kỳ, bảy giờ Đức Phật kêu A Nan triệu tập những người đầy đủ như ý thần túc thông trong các đệ tử, đến thọ nhận cúng dường của Tiễn Na, người anh Phú Na Kỳ, trong có viết: “Lần lượt có 500 đệ tử thần túc, mỗi người mỗi biến hiện, không thể kể xiết”.

Trong kinh miêu tả lại tình cảnh dùng thần túc thông biến hóa của đại Ca Diếp và Xá Lợi Phất: Tôn giả đại Ca Diếp hóa hiện ba tòa bảo giảng đường trên hư không, dùng thất bảo trang nghiêm hiệu sức, hào quang chói sáng, rực rỡ bốn phương.

Tiếp theo, tôn giả đại Ca Diếp, là tôn giả Xá Lợi Phất, ông cười trên ngàn sư tử, xếp thành bảo tọa dưới

thân, đầu sư tử hướng ra bốn phía, miệng phun mưa xuống thất bảo, gấm thét như sấm, chấn động đất trời. Trên đó, trái đại bảo sàng, trang trí rực rỡ. Tôn giả Xá Lợi Phất ngồi trên giường, thân phóng hào quang, phổ chiếu bốn phương. Thân vọt trong hư không, bay lượn đến. Các loại biến hóa thần dị này, vẫn là một trong những biến hóa của như ý thông.

Từ các tác dụng biến hóa như ẩn hiện tự tại, nhiều hợp thành một, một hóa thành nhiều, càng chuyển biến vô ngại giữa vật chất kể trên mà xét, chúng ta thấy được như ý thông là loại hình thần thông biến hóa vô cùng phong phú.

LẬU TẬN THÔNG

Lậu tận thông (Phạn văn *àsravaksaya – jñānam*), “lậu” chỉ “phiền não”, tức thành phần tâm lý tạp nhiễm khiến chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử. “Lậu tận” tức phiền não đã dứt sạch, thành phần tạp ô trong nội tâm hoàn toàn tiêu trừ, chính là cảnh giới giải thoát trong Phật pháp. Chúng đắc cảnh giới này, không còn đọa vào sinh tử luân hồi, đây là thần thông quan trọng nhất của Phật pháp.

Bấy giờ, chư độc thâm, sân, si... trong nội tâm tận trừ, như gốc rễ của cây đã bị nhổ lên, mặc dù tạm thời cành lá vẫn tiếp tục sinh trưởng, rốt cuộc rồi sẽ khô héo. Bậc thánh thượng đắc lậu tận thông cũng như thế, tuy còn một số tạp khí chưa hoàn toàn trừ diệt được, nhưng phiền não căn bản của luân hồi đã đoạn trừ. Vả lại, tiền ngũ thông là thần thông phàm phu cũng có thể chứng đắc, còn lậu tận

thông là cảnh giới của bậc thánh. Trong “tam minh” của Phật pháp, cảnh giới này là một trong ba đỉnh cao gọi là “Lậu tận trí chứng minh”.

Trong kinh điển thường vẫn gặp bậc thánh giả khi khai ngộ giải thoát, sinh khởi lậu tận thông, thị giả của Phật, A Nan chính là một ví dụ nổi tiếng.

Sau khi Phật nhập diệt, vì muốn cho chính pháp lưu truyền lâu dài trên thế gian, nên Pháp Tạng kết tập do Ngài đại Ca Diếp triệu tập, gập rút được triển khai, đem giáo pháp của Như Lai, thông qua thẩm định của các thánh đệ tử, khiến chính pháp không sai sót, lưu truyền hậu thế, trách nhiệm đó hàng thánh đệ tử phải gánh vác.

Đại hội kết tập khai mở, quan trọng nhất là chọn lựa người tham dự kết tập. Bấy giờ, tôn giả Ca Diếp và 500 đại tỳ kheo tăng ngoài A Nan, đều đang ở Tỳ Xá Ly, những người kia đều là những đại A La Hán đã sạch lậu. Về người được chọn lựa để kết tập kinh luận, rất nhiều đệ tử cho rằng A Nan từng theo Phật lâu nhất, được nghe nhiều pháp nhất, nên phải để ông cùng tham dự kết tập. Nhưng đại Ca Diếp lại cho rằng, tuy A Nan đa văn, nhưng còn chưa dứt sạch lậu, chưa nhập dòng thánh, làm sao gánh vác trọng trách được? Ông phản đối không chịu liệt A Nan vào hàng tham dự kết tập. A Nan không biết tin, vẫn thuyết pháp với tín chúng.

Do A Nan là thị giả của Phật, nên sau khi Phật nhập diệt, rất nhiều thí chủ, tín chúng đem lòng ngưỡng mộ Phật chuyển sang A Nan, họ thỉnh cầu A Nan ngày đêm vì họ thuyết pháp. A Nan ứng theo lời thỉnh cầu liên tục thuyết bốn ngày bốn đêm, giữa đông đảo đại chúng, chẳng khác gì quang cảnh khi Đức Phật còn sống.



Lúc ấy có vị tỳ kheo tên Bạt Kỳ, đang ngồi trong tịnh xá, nhưng bị đông đảo đại chúng nghe pháp ồn ào không thể an tịnh. Ông khuyên A Nan nên tinh tấn siêng cầu khai ngộ, tăng trưởng định lực, nếu không giảng nhiều vô ích. Ông ta giảng thuyết bài kệ cho A Nan nghe:

“Tịnh xứ tọa thụ hạ, tâm thú vu nê hoàn,
Nhữ thiên mặc phóng dật, đa thuyết hà sở vi?”.

Tạm dịch:

Nơi gốc cây an tịnh, tâm hướng vào Niết bàn,
Thiền định không buông thả, nói nhiều ích nào hơn?

A Nan nghe xong buồn bã. Các tỳ kheo khác vội đến báo cho ông biết, tôn giả Ca Diếp không chấp nhận ông vào danh sách tham dự kết tập, ông càng bị kích thích.

A Nan, ngay trong đêm đó gắng sức dụng công tu trì, tinh cần tọa thiền, kinh hành, tư duy chính pháp, hy vọng có thể khai ngộ giải thoát, nhưng vẫn không cách nào ngộ nhập thánh đạo. Trải qua đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, ông vô cùng mỏi mệt, nghĩ bụng hãy ngủ một chút rồi dậy tiếp tục dụng công. Chính vào lúc buông xả hết thảy, đầu chưa chạm gối liền hoát nhiên đại ngộ, chứng đắc lậu tận thông, trở thành bậc A La Hán giác ngộ.

Hôm sau, ông đến gõ cửa nơi ở của tôn giả đại Ca Diếp. Tôn giả Ca Diếp nói với ông: “Ta không mở cửa, ông hãy chui lỗ khóa vào!”. Tôn giả A Nan dùng sức thần thông chui lỗ khóa tiến vào. Như vậy, dưới sự dẫn dắt của đại Ca Diếp, 500 vị đại A La Hán đem chính pháp Như Lai kết tập lại lưu truyền để lại cho chúng sinh hậu thế diệu pháp giải thoát.

Lậu tận thông được A Nan chứng đắc chính là thần thông mà các thánh giả đã giải thoát hết thấy chứng đắc được khi khai ngộ.

Ngoài ra, trong lục thông, tiền ngũ thông gồm thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mệnh thông, như ý thông là năng lực thần thông của những người thông thường ở thế gian, bất luận do tự lực hay tha lực đều có thể đạt được, nhưng lậu tận thông trong lục thông, là thần thông giải thoát tự tại, dùng trí huệ đoạn trừ triệt để hết thấy phiền não, tức thần thông dựa vào trí huệ thành tựu, chỉ có trong Phật giáo, thần thông bậc thánh đã giải thoát mới có được.

Nhưng, có phải tất cả các thánh giả đã giải thoát đều có đầy đủ sáu loại thần thông? Không nhất định như thế. Giải thoát của A La Hán, thông thường có thể chia làm hai loại là “Huệ giải thoát” và “Câu giải thoát”, A La Hán Huệ giải thoát thường là chưa đạt tới cảnh giới địa định hoặc sơ thiền, đã phát khởi đoạn trừ ngã kiến căn bản hết thấy phiền não, không còn sinh tử luân hồi, nhưng do vẫn chưa chứng nhập các bậc thiền định cao hơn, nên có định chướng, nên nhiều khi vẫn chưa phát khởi được tác dụng biến hóa lớn của tiền ngũ thông. Trong thiền pháp chưa chứng đắc diệt tận định, vẫn có thể phát khởi được tác dụng biến hóa lớn của tiền ngũ thông. Trong thiền pháp chưa chứng đắc diệt tận định, vẫn có thể phát khởi thiền định của Huệ giải thoát gọi là thất y xứ. Thất y xứ bao gồm cả sơ, nhị, tam, tứ thiền và không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, những người thất y xứ và người chưa đến địa định nói trên triệt ngộ giải thoát, gọi là Huệ giải thoát A La Hán.

Huệ giải thoát A La Hán, bất luận là đạt đến giải thoát trong cảnh giới thiên nào, đối với các định cảnh cao hơn cảnh giới giải thoát tự thân, vốn không thể đắc cảnh giới giải thoát đầy đủ cả định, huệ. Về lực lượng thần thông, cũng dựa vào việc có tu học hay không để đạt tới không như Câu giải thoát A La Hán có thể tự tại chúng đắc toàn bộ lực thông.

Có A La Hán nhập Huệ giải thoát trước, lúc đó tất nhiên đầy đủ lậu tận thông dứt sạch hết thủy phiền não, rồi chứng lên “Câu giải thoát”. Còn có vị ở trên trí huệ, thiên định đều đồng thời giải thoát, ngoại trừ lậu tận thông, đầy đủ thần thông biến hóa của tiền ngũ thông, đó chính là “Câu giải thoát”. Sự tích ngộ đạo của A Nan thuật trên, chính là loại hình Câu giải thoát.

Ngoài Huệ giải thoát và Câu giải thoát, nếu chỉ có năng lực thiên định, không thể gọi là giải thoát, mặc dù người có năng lực định này, có thể phát khởi quảng đại thần thông, đầy đủ tiền ngũ thông trong lực thông, nhưng vẫn không có pháp môn quan trọng nhất của thần thông trí huệ - Lậu tận thông vẫn không thể giải thoát phiền não, như người thông thường thế gian có thể đạt được. Vì vậy, trong Phật pháp, coi trọng nhất là thần thông trí huệ, chứ không phải năm loại thần thông trước. Rất nhiều A La Hán khi khai ngộ, vốn không đầy đủ tiền ngũ thông, chỉ cầu đầy đủ lậu tận thông trước, rồi mới tu học tiền ngũ thông.

Người vợ trước khi xuất gia của tôn giả đại Ca Diếp, tức Diệu Hiền tỷ kheo ni sau này, chính sau khi ngộ đạo mới học tập thần thông. Ban đầu khi Diệu Hiền tỷ kheo ni mới theo Phật xuất gia, có dung mạo vô cùng xinh đẹp, mỗi khi bà vào thành khát thực, luôn luôn có những lời chọc

gheo. Diệu Hiền vốn là con nhà tiểu thư khuê các, chịu không nổi những lời châm chọc, thà chịu đói chứ không ôm bát đi khát thực. Tôn giả đại Ca Diếp vô cùng thông cảm, vội đem thức ăn mình xin được chia cho bà một nửa.

Từ đó lại dẫn đến một lời đồn đãi khác trong tăng viện tỳ kheo ni, cho rằng vợ chồng đại Ca Diếp khi tại gia tuân thủ các giới hạnh thanh tịnh, không ngờ khi xuất gia lại lén lút yêu đương. Tôn giả đại Ca Diếp nghe được lời khinh nhạo, liền quyết định ngưng tiếp tế Diệu Hiền, để bà tự lực tinh tấn, chứng quả trong thời gian ngắn.

Diệu Hiền tỳ kheo ni bị kích thích, sinh khởi tâm hổ thẹn, dùng mãnh tinh tấn, rốt cuộc ngay đêm đó chứng được quả vị A La Hán, không còn sợ nghị luận của người khác, bình thần ôm bát vào thành khát thực.

Nhưng, do các ác nghiệp kiếp trước, dù chứng quả A La Hán, vẫn không tránh được quả báo hiện tiền.

Lúc bấy giờ, vua A Xà Thế tin theo lời của Đề Bà Đạt Đa, sau khi hại chết cha mình là vua Tần Bà Sa La, vô cùng hối hận và sầu não, vừa không xử lý quốc chính, cũng không tiếp kiến quần thần, một mình trong cung thất. Đại thần nghĩ hết mọi cách, muốn giúp ông ta quên bỏ u sầu, nhưng vua với bất kỳ vui chơi giải trí nào, bất kỳ ca vũ nào, bất kỳ mỹ nữ nào, đều tỏ ra không hứng thú.

Bấy giờ, đại thần của vua A Xà Thế vừa gặp Diệu Hiền tỳ kheo ni ôm bát vào thành khát thực, tưởng là thiên nữ hạ phàm. Hấn tin rằng người đẹp như vậy ắt có thể chiếm được lòng yêu của vua A Xà Thế, liền bắt Diệu Hiền tỳ kheo ni đem vào vương cung, ép bà thay cung trang, mang tóc giả, khoác vòng anh lạc, sức dầu thơm phấn thơm, đưa vào tắm cung vua A Xà Thế. Với mỹ nữ



tuyệt trần như vậy, dù vua A Xà Thế đang u sầu buồn bã cũng phải ngược nhìn.

Diệu Hiền tỳ kheo ni, vốn là bậc A La Hán ngộ đạo, không còn thọ lạc thú của ngũ dục, bà muốn đem thân phận của mình khuyến dụ vua A Xà Thế, nhưng do ác nghiệp hiện tiền, bà mất đi năng lực phản kháng, cũng khiến bà nói không được, để mặc vua A Xà Thế làm nhục.

Mãi đến sáng sớm hôm sau, các tỳ kheo ni phát hiện Diệu Hiền mất tích, Liên Hoa Sắc tỳ kheo ni dùng thần túc thông, bay lên trên lầu cao hoàng cung, dạy cho Diệu Hiền tỳ kheo ni phát khởi thần thông, thoát rời nguy hiểm. Đó là sự tích về Diệu Hiền tỳ kheo ni phát khởi lậu tận thông trước, sau mới tu học ngũ thông.

Đức Phật chiếu theo sáu loại thần thông Ngài phát khởi khi tu chứng khai ngộ dưới gốc bồ đề, đưa pháp môn thần thông cấu tạo nên hệ thống hoàn chỉnh.

Trong lục thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh, thần túc là thần thông thế gian đều có thể thông được, chỉ cần tu quán thiền pháp hoặc vận dụng phương tiện đặc thù, bất luận phạm phu thế gian hoặc bất kỳ người tu hành tôn giáo nào, cũng có thể chứng đắc. Nhưng đối với Phật pháp, trọng tâm nhất, quan trọng nhất của thần thông là thần thông thứ sáu: Lậu tận thông. Toàn bộ phiền não đau khổ hoàn toàn dứt sạch đạt đến trí huệ viên mãn, mới là thần thông siêu tuyệt nhất, cứu cánh nhất.

Sự phát triển của thần thông quan trọng trong Phật giáo, lấy thiền định làm căn bản, thăng hoa tới hoàn toàn dùng trí huệ làm trọng tâm, về mặt tu học giáo pháp và thần thông hoàn toàn hợp lý. Vả lại, chỉ khi đầy đủ thần

thông của trí huệ, dùng trí huệ phát khởi quảng đại thần thông, mới có thể khiến cuộc sống con người hoàn toàn quang minh, hạnh phúc, mang đến cho chúng sinh hỷ lạc vô tận và sự cứu cánh viên mãn.

THẦN BIẾN VÀ THẦN LỰC

Trong kinh điển, thường gọi thần thông biến hóa của Phật, Bồ Tát là “thần biến” (Phạn văn *vikurvana*), tức Phật, Bồ Tát vì muốn giáo hóa chúng sinh, dùng sức thần thông biến hóa, nên lại gọi là “thần biến hóa”, “thần”, “biến”.

Quyển 1 bộ “Trường A Hàm kinh” miêu tả: “Từ trong đại chúng vọt lên hư không, thân phóng ra nước lửa hiện chư thần biến, thuyết pháp vi diệu cho đại chúng”. Quyển 1 bộ “Bồ Tát Anh lạc kinh” cũng viết: “Như Lai phóng đại quang minh chiếu diệu khắp nơi, lại dùng thần biến cảm động mười phương”. Quyển 1 bộ “Đại nhật kinh số” nhắc đến Phật, Bồ Tát dùng thần biến gia trì chúng sinh, tức Phật, Bồ Tát vì muốn giáo hóa chúng sinh, nên thị hiện các loại biến dị bất khả tư nghị, dựa vào sức gia trì của thần biến này, giúp chúng sinh nhận được lợi ích.

Quyển 86 bộ “Đại bảo tích kinh” đưa ra Như Lai có ba loại thần biến: đó là ba loại thuyết pháp, khuyên giải, thần thông thần biến, phân biệt đối ứng với ba loại ý, ngữ, thân.

Ngoài ra, thần biến mọi người biết nhiều nhất, tức 18 loại thần biến. Thần tức thông có thể biến ra 18 loại: chấn động, cháy lan, truyền bá, thị hiện, chuyển biến, vắng lai, cuốn, đuổi, chúng tượng nhân thân, đồng loại vắng thú,



hiện, ẩn, sở tại tự tại, chế tha thần thông, năng thí biện tài, năng thí ức niệm, năng thí an lạc, phóng đại quang minh..., hay còn gọi 18 thần biến.

Trong các kinh điển khác nhau cũng có cách viết khác nhau về nội dung 18 thần biến.

18 loại thần biến trong “Pháp Hoa kinh – Diệu trang nghiêm vương bản sự phẩm” nói đến gồm: (1) Hữu lạc xuất thủy; (2) Tả lạc xuất thủy; (3) Tả lạc xuất hỏa; (4) Hữu lạc xuất hỏa; (5) Thân thượng xuất thủy; (6) Thân hạ xuất hỏa; (7) Thân hạ xuất thủy; (8) Thân thượng xuất hỏa; (9) Lý thủy như địa; (10) Lý địa như thủy; (11) Biến mất từ không trung và hiện ra trên đất; (12) Biến mất từ đất và hiện ra trên không trung; (13) Đi trên không; (14) Trụ trên không; (15) Ngồi trên không; (16) Nằm trên không; (17) Hiện thân to lớn đầy khắp hư không; (18) Hiện lớn thu nhỏ.

Còn 17 loại thần biến trong quyển 37 bộ “Du Già sư địa luận” gồm:

1. *Chấn động*: có thể rung động hết thấy thế giới.
2. *Chức nhiên*: thân trên phóng lửa, thân dưới phóng nước.
3. *Lưu bố*: hào quang rực chiếu khắp nơi.
4. *Thị hiện*: có thể tùy theo ý muốn, thị hiện đất Phật.
5. *Chuyển biến*: biến lửa thành nước, biến nước thành lửa.
6. *Vãng lai*: tức tới lui trên núi, đá, không hề chướng ngại.
7. *Quyển Thư*: tức có thể cuốn lại hoặc duỗi ra núi tuyết.
8. *Chứng tượng nhân thân*: nạp đại chúng, đại địa vào trong thân.
9. *Đồng loại vãng thú*: có thể đến cõi khác, hiện ra cùng chủng loại với cõi đó.

10. *Ẩn, hiện*: ẩn thân, hiện thân tự tại.
11. *Sở tác tự tại*: đi đến không trở ngại.
12. *Chế tha thần thông*: có thể chế phục hết thầy thần thông hiện khởi của những người có thần thông.
13. *Năng thí biện tài*: hết thầy vô tình biện tài, có thể cho họ biện tài.
14. *Năng thí ức niệm*: nếu hết thầy hữu tình mất hết chính niệm về pháp, giúp họ nhớ được chính niệm.
15. *Năng thí an lạc*: có thể khiến thân tâm người nghe pháp được an lạc vui vẻ.
16. *Phóng đại quang minh*: thân có thể phóng hào quang, làm các Phật sự.

Ngoại trừ thần thông, thần biến, thần lực cũng quan hệ mật thiết không thể tách rời thần thông.

Thần lực (Phạn ngữ: rddhi) trong Phật giáo, chỉ các loại lực lượng bất khả tư nghị, do Phật, Bồ Tát thị hiện. Quyển 10 bộ “Pháp Hoa kinh huyền tán” viết: “Diệu dụng vô phương gọi là thần, uy thế mạnh mẽ gọi là lực” giải thích ý nghĩa thần thông lực, “thần” chỉ diệu dụng quảng đại vô biên, “lực” chỉ sức mạnh to lớn phá tan hết thầy.

Ví dụ, trong “Pháp Hoa kinh - Như Lai thần lực phẩm” nói việc Như Lai thị hiện 10 loại thần biến bất khả tư nghị, giúp đại chúng sinh khởi lòng tin sâu sắc, khích lệ đại chúng nhất tâm thọ trì, đọc tụng, lưu truyền, tu hành như kinh dạy.

Quyển 21 “Pháp Hoa kinh - Như Lai thần lực phẩm” ghi chép: Bấy giờ Thế Tôn ở trước Văn Thù Sư Lợi và vô lượng

bách thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát cưu trú Ta Bà thế giới và chư tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, nhân, phi nhân... thị hiện đại thần lực, đưa lưới lớn rộng lên tới tận cõi Phạm Thiên, từ các lỗ chân lông phóng ra hào quang muôn màu, biến chiếu thập phương thế giới.

Chư Phật trên tòa sư tử dưới các bảo thọ cũng đều đưa lưới dài lớn, phóng vô lượng quang. Phật Thích Ca Mâu Ni và chư Phật dưới bảo thọ, thị hiện thần lực đầy trăm ngàn tuổi. Sau đó hoàn nhiếp thật tướng, cùng trò chuyện với nhau, búng tay cùng lúc, âm thanh rền khắp thập phương thế giới chư Phật, mặt đất thành sáu loại chấn động.

Chúng sinh thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, nhân, phi nhân... do thần lực của Phật, đều thấy được ở Ta Bà thế giới có vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật trên tòa sư tử dưới chúng bảo thọ, nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni và Đa Bảo Như Lai cùng ngồi trên tòa sư tử trong bảo tháp, lại thấy vô lượng vô biên bách thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát và chư tứ chúng, cung kính vòng quanh Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi thấy như vậy, đều được đại hoan hỉ chưa từng có.

Tức thời chư thiên trên hư không lớn tiếng ca tụng: “Qua vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A Tăng Kỳ thế giới này, có nước tên gọi Ta Bà, trong đó Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Nay vì chư Bồ Tát Ma Ha Tát thuyết kinh Đại thừa, tên Diệu pháp liên hoa dạy pháp Bồ Tát Phật hộ niệm. Các người nên khởi tâm tùy hỉ và nên lễ bái cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni”.

Chúng sinh thế giới sau khi nghe tiếng nói trong hư không liền chấp tay hướng về thế giới Ta Bà tụng rằng: “Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật! Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật!”.

Đồng thời dùng các loại hoa thơm, vòng anh lạc, tràng phan bảo cát và các dụng cụ trang nghiêm thân, trân bảo diệu vật, cúng rải về thế giới Ta Bà. Chư vật được rải đến từ mười phương, ví như mây tụ lại thành bảo trướng, phủ khắp phía trên chư Phật cõi này. Lúc đó mười phương thế giới liền mạch vô ngại, như cùng một đất Phật vậy.

Khi Như Lai thị hiện các thần thông nói trên, “Chúc lụy phẩm” chép: Bấy giờ Phật Thích Ca Mâu Ni từ pháp tọa đứng dậy, hiện đại thần lực, dùng tay phải sờ đỉnh đầu vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, mà nói: “Ta nơi vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A Tăng Kỳ kiếp, tu tập pháp khó được a nậu đa la tam muội tam bồ đề, nay phó chúc cho các người, các người phải nên hết lòng phổ biến pháp này, giúp được tăng ích rộng rãi”.

Mười loại thần biến của Đức Phật trong “Pháp Hoa kinh” gộp lại gọi là “Thập thần lực”:

1. Đưa ra lưới lớn rộng, lên tới cõi Phạm Thiên.
2. Từ các lỗ chân lông phóng ra hào quang muôn màu, chiếu khắp thập phương thế giới.
3. Nhiếp thiết tướng và đăng hắng (ho nhẹ một tiếng).
4. Búng ngón tay.
5. Từ tiếng đăng hắng và tiếng búng ngón tay, mặt đất sinh ra sáu loại chấn động.
6. Do chấn động, chúng sinh khắp mười phương thế giới đến tập hội.



7. Thiên long, dạ xoa... thấy trang nghiêm của hội lớn này. Bồ Tát và chư tứ chúng bách thiên vạn ức cung kính vây quanh Phật Thích Ca Mâu Ni, sinh tâm đại hoan hỉ, theo lời khuyên xướng trong hư không lễ bái, cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni.
8. Chư chúng sinh nghe tiếng trong hư không, chấp tay hướng về Ta Bà thế giới, quy mệnh xưng Phật danh.
9. Dùng các loại hoa thơm, anh lạc, phan cái... rải về phía Ta Bà thế giới.
10. Mười phương thế giới thông đạt vô ngại, như cùng đất Phật.

Thế Tôn ở trước mặt hết thấy nhân, thiên, đại chúng thị hiện thần lực to lớn, đưa ra lưới lớn rộng, lên tới cõi Phạm Thiên và từ các lỗ chân lông phóng ra hào quang muôn màu, biến chiếu thập phương thế giới.

Quyển 52 bộ “Pháp Hoa kinh sơ” thảo luận về sự khác biệt giữa thần thông và thần lực, tuy thần thông và thần lực có nhiều điểm giống, nhưng bộ sơ này lại cho rằng: có hai trọng điểm khác nhau. Thần thông chỉ tác dụng tự tại không chướng ngại ở bên ngoài của thần thông, còn thần lực nghiêng về thế năng nội tại của thần lực.

Những danh từ gần giống với thần thông, thêm một bước biểu hiện diện mạo phong phú của các loại thần thông biến hóa.

SỰ ĐẶC SẮC CỦA THẦN THÔNG PHẬT GIÁO

Thần thông Phật giáo, ngoại trừ phần tương cận với hiện tượng thần thông thế gian, điểm khác biệt căn bản, chính vì thần thông của Phật pháp lấy trí huệ làm thể tính. Trong kinh điển thường dùng chữ “minh” (sáng sủa, thấu suốt, rõ ràng) cường điệu thể tính trí huệ của thần thông.

Minh (Phạn ngữ *vidy*), dịch âm Phệ Đà, Tất Đà, tức thấu suốt rõ ràng, tức phá vỡ được mọi tối tăm của ngu si, ngộ đạt trí huệ thần thánh của chân lý. Theo ghi chép trong quyển hai bộ “Phật địa kinh luận”, *minh* có thể trừ ám (tối tăm), nên dùng huệ làm tự tính; do minh tương đối nghịch vô minh (tối tăm), nhập vào thiện căn của vô si làm tự tính. Theo ghi chép của bộ “Nguyên thủy Phật giáo kinh điển tam chuyển pháp luân kinh” tu bát thánh đạo, giải nghĩa tứ đế, thành tựu nhân, trí, minh, giác (đều là những từ chỉ trí huệ), thể đắc tới Niết bàn.

Trong Phật pháp, luôn luôn cho rằng thần thông cao nhất là trí huệ, do vậy trí huệ vượt hơn hẳn các thần thông bình thường, đặc trưng này chúng ta có thể từ lúc Đức Phật còn trụ thế, quan sát hai nhân vật lãnh đạo trong số các đệ tử Thanh Văn của Ngài là Xá Lợi Phất – vị có trí tuệ đệ nhất và Mục Kiền Liên – vị có thần thông đệ nhất.

Lần nọ, hai vị tôn giả vì muốn nghe pháp thị hiện thần thông, từ việc thị hiện thần thông này, ta có thể thấy rõ sự khác biệt giữa trí huệ và thần thông.

Ngày kia, Như Lai thuyết pháp cho chư tỳ kheo bên hồ A Nậu Đạt, bấy giờ Xá Lợi Phất không có mặt. Đức Phật bèn kêu Mục Kiền Liên đi mời Xá Lợi Phất đến.

Mục Kiền Liên liền dùng thần túc thông đến nơi ở của Xá Lợi Phất trong thành Xá Vệ, gặp lúc Xá Lợi Phất đang vá áo. Mục Kiền Liên nói:

“Xá Lợi Phất! Đức Phật kêu tôi đến mời ông đến chỗ Đức Phật đang thuyết pháp bên hồ A Nậu Đạt”.

“Cảm ơn ông, nhưng xin hãy chờ một chút, đợi tôi vá xong áo đã”. Xá Lợi Phất trả lời.

Do Mục Kiền Liên muốn Xá Lợi Phất đi nghe pháp nhanh, nên nói: “Nếu ông không đi ngay, ta sẽ dùng thần túc thông mang cả ông và thạch thất này đặt vào bàn tay, mang đến chỗ Đức Phật đang thuyết pháp đó”.

Xá Lợi Phất nhìn bộ dạng tự phụ thần thông của Mục Kiền Liên, liền bỏ đai áo xuống đất, đáp: “Vậy trước tiên ông hãy thử chuyển động sợi đai áo này xem sao”.

Mục Kiền Liên dùng tay cầm lấy nhưng không thể di động được mấy may, ông dùng hết sức thần thông nhấc lên, thậm chí đến đại địa đều chấn động, nhưng đai áo vẫn không nhúc nhích. Cả đến đại chúng nơi pháp hội bên hồ A Nậu Đạt cũng cảm nhận được chấn động của mặt đất, liền thỉnh vấn Đức Phật vì sao?

Đức Phật mỉm cười trả lời: “Đó vì Mục Kiền Liên đang cố sức lấy đai áo”.

Mục Kiền Liên thử cách nào cũng không thể nhúc nhích sợi đai áo, cuối cùng đành từ bỏ ý định. Ông thi triển thần túc thông bay về chỗ Phật thuyết pháp trước, không ngờ về đến nơi, đã thấy Xá Lợi Phất ngồi ở bên cạnh Đức Phật.

Từ đó, ta mới biết, đầy đủ thần thông của trí tuệ vượt hơn hẳn thần thông đơn thuần.

Sự khác biệt giữa thông và minh

Quyển 2 bộ “Đại trí độ luận” ghi chép sự khác nhau giữa “thông” và “minh”.

“Thần thông, minh có những khác biệt gì?”.

Đáp: “Biết thắng việc túc mệnh quá khứ, gọi là thông, biết được nhân duyên nghiệp hạnh quá khứ, gọi là minh, biết thắng việc chết nơi này sinh nơi kia, gọi là thông; biết hạnh nhân duyên tế hội không mất gọi là minh. Biết thắng cuối cùng nhiều kiếp sự không biết sự sống lại, gọi là thông; nếu biết lậu tận không còn sinh nữa, gọi là minh”.

Dùng “túc mệnh thông” và “túc mệnh minh” làm ví dụ, hai điều này có gì khác nhau? Nếu có thể hiểu biết hiện tượng túc mệnh của quá khứ, vậy gọi là “túc mệnh thông”; nếu tiến thêm một bước hiểu hết nhân duyên nghiệp của quá khứ, gọi là “túc mệnh minh”. Câu chuyện dưới đây có thể thuyết minh rõ sự khác biệt giữa “túc mệnh thông” và “túc mệnh minh”.

Thời kỳ Phật còn tại thế, một đồ tể trẻ tuổi, cầu kiến vua A Xà Thế, xin vua một nguyên vọng kỳ quái: “Đại vương, khi tế kỵ tiết hội, cần phải giết mổ vật nuôi, xin đại vương cứ cho tôi thoải mái giết mổ”.

Vua A Xà Thế lấy làm kỳ lạ, hỏi: “Việc giết mổ phần lớn mọi người không thích, vì sao ngươi lại thích làm việc này?”.

“Bởi vì trước kia do tôi giết dê mà được quả báo sinh lên cõi trời”.

Thì ra tên này bẩm sinh đã có túc mệnh thông, có thể thấy được kiếp trước: “Kiếp trước, tôi vốn là một kẻ nghèo, làm nghề mổ dê, do đó được sinh xuống nhân gian lại tiếp tục làm nghề mổ dê, khi chết lại sinh lên đệ nhị thiên, cứ thế liên tục sáu đời đều làm nghề mổ dê, sáu lần đều sinh cõi trời”.

Vua A Xà Thế cảm thấy hoài nghi, liền đến thỉnh vấn Phật.

Phật đáp: “Người đó đích thực không nói dối, bởi vì hẩn thật sự thấy vậy. Nhưng túc mệnh thông của hẩn chỉ vừa xem được sáu kiếp trước, không thể xem tới kiếp thứ bảy. Bảy kiếp trước đây hẩn từng gặp được vị Bích Chi Phật, tâm hoan hỷ, chí tâm quán tưởng chân lý, sinh khởi lòng lành. Do công đức nên sáu lần sinh lên cõi trời, có được túc mệnh thông bẩm sinh.

Phật dạy tiếp: “Phước báo do hẩn tạo tác đã chín muồi, nên thọ sinh cõi trời, còn ác nghiệp mổ dê chưa chín muồi, nên chưa bị quả báo, nhưng, thực tế khi thọ mạng kiếp này của hẩn hết, sẽ bị dọa địa ngục chịu mọi khổ độc. Do túc mệnh thông của hẩn rất nông cạn, chỉ có thể thấy được sáu kiếp trước, lầm tưởng rằng việc mổ dê là nhân được sinh cõi trời”.

Bảy ngày sau, tên đồ tể quả nhiên chết, dọa vào địa ngục chịu khổ báo.

Từ ví dụ trên, ta thấy “túc mệnh thông” khác với “túc mệnh minh”, túc mệnh thông chỉ có thể xem được hiện tượng sinh mệnh kiếp trước, nhưng không thể hiểu rõ được nhân duyên, còn túc mệnh minh ngoài việc có thể thấy được các hiện tượng, còn có thể hiểu được mà nhân duyên đằng sau hiện tượng đó.

Cũng vậy, có thể quan sát việc chết ở chỗ này, đầu thai chỗ kia, gọi là “thiên nhân thông”, còn có thể biết được vì sao có hội ngộ nhân duyên như vậy, không bị mất chính niệm, gọi là “thiên nhân minh”. Giống như thời cổ đại có hai người có thần thông, đồng thời dùng thiên nhân quan sát tương lai, một người nhìn thấy ô tô lưu thông trên đường, nhưng chỉ có thể nhìn thấy xe, không biết thứ đó dùng làm gì. Còn người kia có thiên nhân minh, không những nhìn được mà còn có thể hiểu hết đó là công cụ giao thông, vào thời xưa là xe bò, xe ngựa sau này diễn biến thành xe máy, ô tô v.v...

Cùng thế, nếu đoạn trừ được phiền não, gọi là “Lậu tận thông”, nhưng không biết còn sinh khởi trong tương lai hay không, nếu như hiểu hết sau khi tận trừ phiền não, chấm dứt sinh khởi, như thế gọi là “Lậu tận minh”.

Loại thần thông trí huệ này, những bậc đại A La Hán, đại Bích Chi Phật đã giải thoát mới có. Nhưng lại khác biệt với cảnh giới thần thông của Như Lai. A La Hán, Bích Chi Phật tuy có thể hiểu hết các loại nhân duyên quá khứ, hiện tại, vị lai nhưng còn chưa thể đạt khắp cả.

Kinh điển thường xếp chung các loại tam minh lục thông để hình dung các đại A La Hán đã chứng đắc giải thoát. Tam minh (Phạn ngữ *tri* – *vidya*) còn được gọi là tam đạt, tam chứng pháp, đạt đến quả vị vô học, tận trừ ngu ám, nơi tam sự thông đạt trí minh vô ngại. Tức là:

1. *Túc mệnh trí chứng minh*: còn được gọi là túc trụ tùy niệm trí tác chứng minh, túc trụ trí chứng minh, túc mệnh trí. Túc trí huệ hiểu hết rõ ràng tướng trạng từ một kiếp đến trăm ngàn vạn ức kiếp của bản thân và chúng sinh.

2. *Sinh tử trí chứng minh*: còn gọi là tử sinh trí chứng minh, thiên nhân minh, thiên nhân trí. Tức trí huệ hiểu hết tướng trạng khi sinh khi tử, sắc thiện sắc ác, chúng sinh, hoặc do nhân duyên tà pháp trở thành ác hạnh, khi chết sinh vào nẻo ác, hoặc do nhân duyên chính pháp thành tựu, thiện hạnh, khi chết sinh vào thiện đạo...
3. *Lậu tận trí chứng minh*: còn gọi là lậu tận trí minh, lậu tận minh, lậu tận trí. Đây là trí huệ hiểu biết như thật chứng đối lý tứ đế, giải thoát lậu tận, diệt trừ hết thấy phiền não.

Tam minh trên tương đương với túc mệnh thông, thiên nhân thông và lậu tận thông trong lục thông. Do ba loại này đều lấy trí huệ đối trị ngu si, nên còn gọi là tam minh. Quyển 27 bộ “Câu xá luận” gọi tam minh này là vô học minh, tức tam minh là cảnh giới do thánh giả A La Hán của bậc vô học sinh khởi. Trong đó tiền nhị minh có khi cũng sinh khởi nơi thánh giả của bậc hữu học ở ba quả vị trước, không bị hạn chế chỉ có ở A La Hán là quả vị thứ tư, nhưng minh thứ ba, lậu tận minh chỉ có bậc A La Hán mới chứng đắc được.

Ngoài ra, quyển 69 bộ “Du Già sư địa luận” chép, túc mệnh minh có thể lìa thường kiến, thiên nhân minh có thể lìa đoạn kiến, còn lậu tận minh có thể đắc trung đạo.

Quyển 102 bộ “Đại tỳ bà sa luận” ghi, túc mệnh minh do thấy việc quá khứ, sinh chán ghét xa lìa, thiên nhân minh thấy việc tương lai sinh chán ghét xa lìa, lậu tận minh đã lìa bỏ chán ghét, vui cảnh Niết bàn.

Trí minh của Bồ Tát

Trong “Hoa Nghiêm kinh” cũng ghi thập địa Bồ Tát có 10 loại thần thông trí minh:

1. *Thiện tri tha tâm trí minh* (tha tâm trí minh): hiểu biết như thật tâm niệm của hết thấy chúng sinh.
2. *Vô ngại thiên nhân trí minh* (thiên nhân trí minh): chỉ Bồ Tát có thể chiếu kiến các loại chúng sinh chết nơi này sinh nơi khác, các nẻo thiện, ác chúng sinh đầu thai, từ các loại đau khổ vui sướng mà họ phải gánh chịu, đến các loại ý muốn nghiệp hạnh.
3. *Thâm nhập quá khứ tế kiếp vô ngại túc mệnh trí minh* (túc mệnh trí minh): Bồ Tát chứng được cửu thế nhân, nên với bản sinh nhân duyên của bản thân và người khác trọng hết thấy thế giới quá khứ, đến nhân quả của chư Phật quá khứ... đều có thể nhớ được.
4. *Thâm nhập vị lai tế kiếp vô ngại trí minh* (vị lai tế trí minh): Bồ Tát có thể hiểu biết hiện tượng nghiệp báo của vô lượng chúng sinh trong hết thấy thế giới tương lai cũng như nhân quả của chư Phật vị lai.
5. *Vô ngại thanh tịnh thiên nhĩ trí minh* (thiên nhĩ trí minh): tức Bồ Tát thành tựu vô ngại thiên nhĩ, với âm thanh xa gần mười phương thế giới đều tùy ý nghe thấy, với giảng thuyết của Như Lai đều nghe nhớ không quên, giảng thuyết diệu pháp độ hóa chúng sinh.
6. *An trụ vô úy thần lực trí minh* (thần lực trí minh): Bồ Tát tự tại vô ngại tới lui thăm hỏi nơi ở của hiện tại chư Phật mười phương thế giới, tán thán cúng dường,

thường nghe chính pháp, thành mãn thắng nguyện, tu tập vô lượng điều hạnh.

7. *Phân biệt nhất thiết ngôn âm trí minh* (phân biệt ngôn âm trí minh): Bồ Tát hiểu được hết thấy ngôn ngữ và pháp nghĩa của vô lượng thế giới, bất luận nơi có Phật pháp, hoặc nơi phi nhân không có Phật pháp.
8. *Xuất sinh vô lượng a tăng kỳ sắc thân trang nghiêm trí minh* (sắc thân trang nghiêm trí minh): Bồ Tát khéo biết hết thấy sắc thân, thâm nhập pháp giới của vô sắc thân, theo nơi sở ứng trụ trì biến hiện sắc thân vô lượng vô biên, độ hóa chúng sinh.
9. *Nhất thiết chư pháp chân thật trí minh* (chân thật trí minh): Bồ Tát hiểu biết nghĩa chân thật hết thấy pháp, không chấp trước nghĩa lý của phương tiện thế gian, cũng không chấp trước nghĩa lý của cứu cánh giải thoát, không xa lìa bản nguyện, có thể nhiếp thụ chúng sinh, đầy đủ tác dụng trí huệ thành tựu vô ngại tự tại.
10. *Nhất thiết chư pháp diệt định trí minh* (diệt định trí minh): Bồ Tát nơi diệt tận định tịch nhiên bất động, không lìa bỏ đại từ đại bi, đầy đủ hết thấy Bồ Tát hạnh.

Ngoài ra, trong quyển 54 bộ “Hoa Nghiêm kinh” cũng nhắc về 10 loại thiện xảo trí minh của Bồ Tát.

1. *Tri chúng sinh nghiệp báo trí minh*: Bồ Tát dùng trí minh thiện xảo, hiểu rõ hết thấy chúng sinh tạo tác ác nghiệp chịu thọ khổ báo.
2. *Tri nhất thiết cảnh giới tịch diệt trí minh*: Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, hiểu rõ hết thấy cảnh giới thế gian là thanh tịnh tịch diệt, không có hết thấy tạp nhiễm.

3. *Tri nhất thiết sở duyên duy thị nhất tướng trí minh:* Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, hiểu rõ sở duyên chư pháp hết thấy chúng sinh, đều là lý của thật tướng duy nhất, vững bền như kim cương, không thể hủy hoại.
4. *Năng dĩ diệu âm phổ văn thập phương trí minh:* Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, hiểu rõ thể tính chúng sinh tuy là không, nhưng có thể dùng vô lượng diệu âm diễn thuyết hết thấy pháp, đầy khắp mười phương thế giới, không đâu không nghe biết.
5. *Phổ hoài niệm trước tâm trí minh:* Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, có thể diệt hoại hết thấy tâm ái dục niệm trước của chúng sinh.
6. *Năng dĩ phương tiện thọ sinh trí minh:* Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, có thể dùng các phương tiện trên, thị hiện thọ sinh, hóa đạo hữu tình, mười phương thế giới.
7. *Xả ly tướng thọ cảnh giới trí minh:* Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, ở chỗ hết thấy tướng niệm thọ dụng cảnh giới, đều xả lìa.
8. *Tri nhất thiết pháp vô tướng vô tính trí minh:* Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, hiểu rõ hết thấy chư pháp thế gian, biết rõ phi hướng phi vô tướng, nhất tính vô tính, là hết thấy phân biệt.
9. *Liễu tri chúng sinh duyên khởi bản vô hữu trí minh:* Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, hiểu rõ hết thấy pháp nhân duyên sinh khởi sự thọ sinh của hết thấy chúng sinh, đều là không tịch, bản lai vô sinh.
10. *Dĩ vô trước tâm tế độ chúng sinh trí minh:* Bồ Tát dùng thiện xảo trí minh, hiểu rõ hết thấy chúng sinh tuy đều không tịch, nhưng hằng khởi tâm vô trước, thuyết pháp

giáo hóa, khiến chúng sinh vượt qua biển khổ sinh tử, thành tựu vô thượng chính đẳng chính giác.

Quyển 28 bộ “Thập minh phẩm” chia ra và thuyết minh rõ sự tự tại diệu dụng vô cùng 10 loại trí huệ của Bồ Tát.

1. *Tha tâm trí minh*: tên đầy đủ thiện tri tha tâm trí minh, tức Bồ Tát đối với tâm niệm của hết thấy chúng sinh, như thật hiểu rõ.
2. *Thiên nhãn trí minh*: tên đầy đủ vô ngại thiên nhãn trí minh, tức Bồ Tát minh liễu chiếu kiến hết thấy sắc tướng một cách vô ngại.
3. *Túc mệnh trí minh*: tên đầy đủ thâm nhập vị lai tế kiếp vô ngại trí minh, tức Bồ Tát với việc xảy ra trong quá khứ bản thân hoặc người khác, đều có thể hiểu rõ như thật.
4. *Vị lai tế trí minh*: tên đầy đủ thâm nhập vị lai tế kiếp vô ngại trí minh, tức Bồ Tát như thật hiểu rõ hết thấy chúng sinh lưu chuyển sinh tử, hoặc ra hoặc vào đời vị lai.
5. *Thiên nhĩ trí minh*: tên đầy đủ vô ngại thanh tịnh thiên nhĩ trí minh, tức Bồ Tát tùy ý tự tại nghe hết thấy âm thanh mười phương thế giới.
6. *Thần lực trí minh*: tên đầy đủ an trụ vô úy thần lực trí minh, tức Bồ Tát đầy đủ vô lượng bất khả tư nghị đại thần thông 10 phương thế giới, hoặc hiện hoặc ẩn, tự tại vô ngại.
7. *Phân biệt ngôn âm trí minh*: tên đầy đủ phân biệt nhất thiết ngôn âm trí minh, tức Bồ Tát như thật hiểu rõ ngôn ngữ sai biệt của hết thấy chúng sinh.

8. *Sắc thân trang nghiêm trí minh*: tên đầy đủ xuất sinh vô lượng a tăng kỳ sắc thân trang nghiêm trí minh, tức Bồ Tát có thể hóa hiện các loại sắc tướng, độ hóa chúng sinh.
9. *Chân thật trí minh*: tên đầy đủ nhất thiết chư pháp chân thật trí minh, tức Bồ Tát như thật hiểu rõ hết thấy chư pháp.
10. *Diệt định trí minh*: tên đầy đủ nhất thiết chư pháp diệt định trí minh, tức Bồ Tát nhập vào chính thọ tịch diệt hết thấy chư pháp không xả lìa hết thấy sở hạnh.

Từ sự phân biệt thông và minh, chúng ta còn có thể quan sát đặc sắc thần thông của Phật pháp. Từ thiền nhiếp thần thông đến dùng minh nhiếp thần thông, Phật pháp với thăng hoa phát triển thần thông, có được hiểu biết và nắm vững hoàn chỉnh.



Chương 4

Nguyên lý của phép thần thông

Nhất thiết hữu vi pháp.
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện.
Ứng tác như thị quán
(Tất cả pháp hữu vi.
Như mộng huyễn bóng nổi,
Như sương móc như điện chớp.
Nên quán tưởng như thế).

"Kim Cang kinh"

Như Phật dùng thần thông biến ra hóa thân, hóa thân này lại biến ra hóa thân, như hóa thân vốn không thật nhưng mắt có thể nhìn thấy. Lại từ hóa thân khởi nghiệp thuyết pháp, thân nghiệp bố thí..., nghiệp này tuy không thật, nhưng mắt có thể thấy. Như vậy người và nghiệp của thân sinh tử, cũng là như thế.

"Trung Luận" quyển 3

Nền tảng lý luận của thần thông Phật giáo, được kiến lập từ thực tướng vũ trụ và sự nhận biết đối với thực tướng của không. Vì vậy, do duyên có từ sự không tịch của thể tính, tự nhiên có thể sản sinh các loại biến hóa thần dị, Phật, Bồ Tát càng do lòng bi rộng lớn với chúng sinh, từ thực tướng của không sinh khởi như huyền tam muội, thị hiện quảng đại thần biến.

Nguyên lý thần thông Phật giáo, có thể từ đại nguyên tố cấu thành vũ trụ, có mối quan hệ vừa độc lập đồng thời dung nhiếp lẫn nhau tìm ra đầu mối thần thông biến hóa. Từ nhân duyên của lưu chuyển sinh mệnh, có thể quan sát thứ tự thời gian của thiên nhân thông và túc mệnh thông, từ bi trí quảng đại của chư Phật, Bồ Tát, quán sát bất khả tư nghị như huyền thần biến. Kỳ thật sau khi đã thể ngộ được thật tướng pháp giới, sẽ phát giác các thần biến này, cũng như việc hô hấp của chúng ta, vừa tự nhiên vừa bình thường.

Từ ví dụ về việc Ngài Xá Lợi Phất giải thích nguyên lý thần thông cho các tỳ kheo, chúng ta có thể nắm được nguyên lý biến hóa thần thông.

Ánh nắng ban mai, phản chiếu lấp lánh những giọt sương trên thảm cỏ. Tôn giả Xá Lợi Phất uy nghi an tường bước đi chậm rãi, tay ôm bình bát khát thực, bắt đầu xuất phát từ núi Linh Thứu, chuẩn bị tiến vào thành Vương Xá. Đi được một đoạn đường, Ngài nhìn thấy một cây khô lớn bên đường, liền trải tọa cụ, đoan thân chính tọa, vì tỳ kheo đại chúng đi theo thuyết pháp.

Xá Lợi Phất nói với các tỳ kheo, nếu như có tỳ kheo nào tu tập thiền tư, chứng đắc thần thông, tâm được tự tại, nếu trong tâm muốn cây khô này thành đất, lập tức sẽ thành đất. Vì sao như vậy? Bởi vì trong cây khô này cũng có địa



giới, do đó, người tỳ kheo đã có thần thông, có thể biến cây khô thành đại địa. Cũng vậy, nếu như có tỳ kheo đắc thần thông, tự tại như ý, muốn cây biến thành các vật như nước, lửa, gió, vàng, bạc... đều được thành tựu không sai.

Tại sao? Nguyên nhân vì cây khô này cũng có nước...

Do đó, này các tỳ kheo! Nếu như thiên tư mà đắc thần thông tại như ý, muốn cây khô thành vàng, lập tức thành vàng không khác. Cho đến các loại vật khác còn lại, đều được thành tựu không sai. Tại sao? Vì cây khô có các loại giới vậy. Do đó, tỳ kheo thiên tư được thần thông, tức đắc tự tại như ý, có thể trở thành các loại vật thành tựu không sai.

THỰC TƯỚNG CẤU THÀNH VŨ TRỤ

Sáu đại nguyên tố cấu thành vũ trụ vạn tượng

Trong Phật pháp, các nguyên tố cấu thành của vũ trụ vạn tượng được tổng kết, thành lục đại nguyên tố, gồm địa, thủy, hỏa, phong, không, thức (đất, nước, lửa, gió, không khí, ý thức).

Địa đại (đất): thể tính của đất vững chắc bất động, có thể dùng trụ vạn vật, có tác dụng giữ gìn vạn vật, nên biểu hiện ra hình tượng vuông như điền địa, biểu thị màu sắc là màu vàng chữ chủng tử của đất, Phạn âm đọc là (A), biểu thị đất là căn nguyên có thể sinh ra vạn vật, nên bản thân nó mang ý nghĩa “bản bất sinh”, dùng chữ (A) chủng tử A tượng trưng cho nghĩa bất sinh.

Thủy đại (nước): thể tính của nước là thấm nhuần, có tác dụng nhiếp thọ vạn vật, hình tượng biểu hiện hình tròn, màu trắng, nước có thể thấm vào vạn vật, hình trạng không cách nào cố định, cho nên dùng chữ chủng tử (E) (Phước) tượng trưng cho tính lia xa của nước.

Hỏa đại (lửa): thể tính của lửa là ấm áp, có tác dụng làm vạn vật chín muồi, dùng hình tam giác làm hình tượng, màu đỏ là màu biểu thị, tính chất của lửa có nghĩa chín muồi, đồng thời cũng có tác dụng thiêu cháy vạn vật khiến được thanh tịnh, cho nên dùng chữ chủng tử “J” (La) đại diện, tượng trưng cho lửa cháy.

Phong đại (gió): thể tính của gió là động tính, có tác dụng nuôi lớn vạn vật, hình bán nguyệt là hình tượng, dùng màu đen làm sắc thái (biểu thị sự bất biến và có thể hàm hết thấy màu). Phong chuyển động tự tại, có thể hàm dưỡng vạn vật, nên dùng chữ chủng tử “Ha” tượng trưng cho sự lia xa nhân duyên.

Không đại (không khí): thể tính của không khí là vô ngại, có thể bao dung hết thấy, tác dụng không bị chướng ngại, tròn đầy bất nhị của hình tròn (hoặc gọi hình bảo châu) để biểu thị hình trạng, sắc xanh, đồng thời không có nghĩa bình đẳng vô sai biệt, có đức của vô ngại thu nhiếp vào, dùng chữ chủng tử “Kha” đại diện tượng trưng cho gió.

Thức đại (ý thức): “Thức” có tính chất của hiểu biết, có tác dụng phán đoán hoặc quyết đoán, có thể dùng các loại hình làm hình, các loại sắc làm sắc, đồng thời “Thức” có tác dụng phá vỡ phiền não chướng ngại nên dùng chữ chủng tử “Hum” đại biểu, tượng trưng cho ý thức.

Đặc tính của lục đại (sáu nguyên tố lớn) được thể hiện ở bảng đối chiếu sau:



Lục đại (Sáu nguyên tố)	Bản tính	Dùng	Hình sắc	Màu	Chữ (Chứng từ)	Nghĩa
Địa	Kiên cố	Trì giữ	Vuông	Vàng	A	Vốn không sinh
Thủy	Uớt	Thu nhiếp	Tròn	Trắng	Va	Lia lời nói
Hỏa	Mềm mại	Nhiệt	Tam giác	Đỏ	La	Không do bản
Phong	Động	Trưởng dưỡng	Bán nguyệt	Đen	Ha	Lia nhân duyên
Không	Vô ngại	Bất thường	Hình tròn	Xanh	Kha	Hư không như nhau
Thức	Hiếu biết phân biệt	Quyết đoán	Các loại hình tròn	Trắng	Hum	Liều nghĩa bất khả đặc

Thực ra, bất kỳ vật chất nào đồng thời cũng có đủ đặc tính bốn loại địa (đất), thủy (nước), hỏa (lửa), phong (gió), nếu không không thể tồn tại. Không là tính hư, có khắp mọi nơi, nếu không có sự tồn tại của không, vật chất sẽ không thể an lập, nên không giới mang đặc tính khác tứ đại. Thức là hiểu biết phân biệt, hiện tượng của ý thức, tồn tại liên tục không gián đoạn giữa quá khứ, hiện tại, vị lai, như thác nước, như ánh mặt trời, liên miên nối tiếp nhau.

Quan hệ qua lại của lục đại, có thể dùng khái niệm “dị loại vô ngại” và “đồng loại vô ngại” để thuyết minh.

“Dị loại vô ngại” chỉ thể tính lục đại (sáu nguyên tố) tuy khác nhau, nhưng mỗi đại (nguyên tố) mang năm đại (nguyên tố) khác, có mối quan hệ “có lẫn nhau” và “có riêng nhau”. Cái gọi là có lẫn nhau chỉ nghĩa lục đại đầy đủ lẫn nhau, tức trong địa ắt phải có năm đại còn lại là thủy, hỏa, phong, không, thức. Trong thủy cũng có đủ năm đại còn lại đại, hỏa, phong, không, thức... mỗi một đại đều có năm đại còn lại.

Tuy lục đại có đầy đủ lẫn nhau như vậy, nhưng đồng thời cũng độc lập, tức địa là địa đại, thủy là thủy đại, cho đến thức là thức đại... không hề mất đặc tính và nghiệp dụng riêng mình; vạn hữu mỗi tự có tự tính, không bao giờ

lẫn lộn nhau. Như vậy, lục đại là có lẫn nhau, có riêng nhau, không tách rời, cho nên, toàn bộ vũ trụ không nơi nào không là địa đại, thủy đại cho đến thức đại. Loại tình trạng nhiếp vào vô ngại này, giống như sáu ngọn đèn cùng sáng trong một phòng, mỗi ánh sáng của ngọn đèn đều soi sáng khắp phòng và ánh sáng của sáu ngọn đèn không thể tách rời từng bóng.

Lục giới, lục xứ cấu thành thân tâm bình đẳng bất nhị với thể tính của vũ trụ, là nguyên lý chủ yếu hình thành nên hiện tượng thân thông.

Tính thống nhất giữa nguyên tố nội tại và thế gian ngoại tại

Ngoài việc dùng lục đại để quan sát hiện tượng ngoại tại, cũng có thể quan sát tính thống nhất giữa sự cấu thành sinh mệnh của tự thân và ngoại giới.

Vào thời quá khứ cách nay hằng hà sa kiếp, có vị thủy thiên Phật xuất thế, Ngài dạy Bồ Tát thủy quán nhập tam ma địa. Trước tiên, phải quán sát thủy tính trong thân của mình, từ nước mắt tới nước bọt, tinh huyết, đại, tiểu tiện, thủy tính lưu chuyển trong thân đều đồng nhất, tiếp đến quán thấy trong thân và vô số hương thủy hải thế giới vũ trụ cũng giống nhau không sai biệt. Trong đó có vị Nguyệt quang đồng tử theo lời dạy tu tập được thành tựu.

Sau khi Nguyệt quang đồng tử tu thành thủy quán, chỉ thấy tự thân hóa thành nước, do đó nhận định nước là thân. Nhưng, do vẫn chưa đắc cảnh giới vô tướng, nên không thể vô thân. Ngày nọ, khi đang tu tập thủy quán, có

một vị đệ tử nhỏ tuổi, nhìn trộm thiên thất, thấy khắp nhà là nước, vô cùng thích thú, hiếu kỳ lấy một miếng ngói quăng vào nước. Chỉ nghe một tiếng “bùm”, hoảng sợ, vội trốn mất.

Nguyệt quang đồng tử khi xuất định, bỗng thấy đau ngực. Trong lòng nghĩ thầm: “Hiện nay ta đã đắc A La Hán, đã lìa bệnh duyên từ lâu, vì sao hôm nay đột nhiên lại bị đau ngực, phải chăng mất cảnh giới?”. Bấy giờ, vừa lúc đồng tử vào tự thú, nói rõ mọi việc.

Nguyệt quang đồng tử liền kêu nó khi thấy nước lần nữa, mở cửa vào lấy ngói ra, rồi đó, Nguyệt quang đồng tử liền nhập lại thủy quán tam muội, nước và ngói nghiêm nhiên xuất hiện, đồng tử làm theo lời dặn của Nguyệt quang đồng tử, lấy miếng ngói trong nước ra, đợi sau khi Nguyệt quang đồng tử xuất định, thân thể của ông vẫn không bị gì cả.

Sau này Nguyệt quang đồng tử tu hành trải qua vô lượng thời kiếp, tới thời sơn hải tự tại thông vương Như Lai, mới đắc tiêu dung chấp trước đối thân, tương hợp mười phương thế giới, hương thủy hải không tính, vô nhị vô biệt, ngộ nhập vào cảnh giới nhất vị lưu thông của thủy tính. Đó là sự tích về Nguyệt quang đồng tử thể ngộ thủy tính của thân và thủy tính của vũ trụ nhất vị, vô nhị vô biệt thành tựu.

Quyển 3 “Độ kinh” bộ “Trung A Hàm kinh” viết: “Thế nào là lục giới pháp? Ta sở dĩ tự tri tự giác, nay vì người thuyết giảng gọi là giới địa, thủy, hỏa, phong, không, thức tức lục giới pháp. Ta sở dĩ tự tri tự giác, nay vì người mà nói đó. Vì duyên cơ hợp lại của lục giới sinh vào mẫu thai”. Kinh nói: “Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức gọi là lục

giới pháp. Từ giới địa, thủy, hỏa, phong là đại chủng của năng tạo, là nơi chốn của hết thấy hiện tượng vật chất, không giới là then chốt trong ngoài, cũng có thể trở thành nhân của sinh trưởng. Lục giới này có thể nói là chỗ dựa của tương tục sống động của sinh mệnh.

Ngoại trừ lục giới, còn có cái gọi là lục giới tụ. Giới, có nghĩa giới phân; tụ, có nghĩa tu tập. Thân của chúng sinh vốn do lục đại tu tập, giả hợp mà thành, mỗi cái đều bị hạn chế. Căn cứ vào ghi chép trong “Thuyết xứ kinh” quyển 21 bộ “Trung A Hàm kinh”, Đức Phật kêu A Nan giảng thuyết cho các tỳ kheo nhỏ tuổi biết thân chúng sinh là lục đại giả hợp, khiến họ xả bỏ tham dục tu phạm hạnh, tức:

1. *Địa giới tụ*: đất có tính cứng cáp, chỉ thân người là do “Nội địa giới” thọ sinh thành hình, tức các thứ tóc, lông, móng, răng, làn da thô tế, xương, thịt, thận, tim, gan, ti, phổi... gọi là Địa giới tụ.
2. *Thủy giới tụ*: nước có tính thấm nhuần, chỉ thân người do “Nội thủy giới” thọ sinh thành hình, tức các thứ đờm tủy, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mủ, mỡ, chất béo, máu, nước bọt... gọi là Thủy giới tụ.
3. *Hỏa giới tụ*: lửa có tính nóng nẩy, chỉ thân người do “Nội hỏa giới” thọ sinh thành hình, tức các thứ thân nóng, thân ấm, thân phiền muộn, thân ôn tráng cùng tiêu giải đồ ăn thức uống.. gọi là Hỏa giới tụ.
4. *Phong giới tụ*: Gió có tính chuyển động, chỉ thân người do “Nội phong giới” thọ sinh thành hình, tức các thứ hơi thở ra, hơi hít vào, tiết túc phong (chuyển động của thân phàm, đều thuộc về phong), gọi là Phong giới tụ.
5. *Không giới tụ*: Không có tính vô ngại, chỉ thân người do “Phong phong giới” thọ sinh thành hình, tức các thứ

nhãn không, nhĩ không, tử không, khẩu không, yết hầu dao động, ăn vào tiêu xuống dưới... gọi là Không giới tự.

6. *Thức giới tự*: Thức, tức tâm thức. Thức có tính phân biệt, chỉ các thức trong thân như vui, khổ, mừng, buồn... là giả hợp của Thức đại, nên gọi là Thức giới tự.

Trong “Độ kinh” phá tam luận về túc mệnh của ngoại đạo, do thuyết nhãn, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý... lục xứ pháp và địa, thủy, hỏa, phong, không, thức lục giới pháp.

Tính thống nhất của lục đại nguyên tố cấu thành tự thân và ngoại giới, là nguyên lý căn bản của hiện tượng thần thông.

QUAN SÁT HIỆN TƯỢNG SINH MỆNH

Khi Đức Phật ngộ đạo dưới gốc bồ đề, vào đầu đêm đạt được túc trụ trí, giữa đêm đắc thiên nhãn trí minh, cuối đêm giám sát nhân duyên sinh mệnh lưu chuyển, triệt ngộ pháp nhân duyên.

Quyển 9 bộ “Phương quảng đại tạng nghiêm kinh” ghi, khi đức Thích Ca Mâu Ni chưa thành Phật, còn là thân Bồ Tát, đêm khi ngộ đạo, vào giữa đêm nhiếp trì nhất tâm, chứng đắc ức niệm quá khứ túc mệnh trí, thông quán việc thọ sinh của bản thân cũng như của người khác đời quá khứ, đều hiểu biết rõ ràng từ một kiếp, hai kiếp cho đến mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, trăm ức kiếp, ngàn ức kiếp, cho đến chiếu thấy vô lượng trăm ngàn vô số kiếp, cho đến thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng vô biên thành kiếp, hoại kiếp, đều có thể nhớ biết rõ ràng

mỗi trụ xứ về họ tên, sắc tướng, ẩm thực, khổ vui, thọ sinh, sống chết. Tất cả sắc tướng trụ xứ sự nghiệp của khổ tự thân và của người khác, đều được hiểu biết rõ ràng.

Bồ Tát nghĩ: “Hết thấy chúng sinh đều trụ trong nẻo hiểm ác của sinh lão bệnh tử, không thể giác ngộ, làm sao có thể biết được bờ bến của khổ uẩn, sinh, lão, bệnh, tử?”. Sau khi suy nghĩ, quan sát thế gian, nhìn thấy chúng sinh chìm nổi trong biển lớn sinh tử lực đạo luân hồi, sinh khởi tâm đại bi vô lượng. Chúng sinh trong lực đạo, suốt ngày trải qua đời sống hư giả không thật, có thanh tịnh, có không thanh tịnh, có thiện, có không thiện; đến lúc mệnh chung, tùy theo tạo tác của mỗi người, phải chịu các loại quả báo khổ vui khác nhau trong lực đạo.

“Chủ thể của lưu chuyển sinh mệnh này là gì?”. Bồ Tát tự duy. Thì ra chủ thể của sự lưu chuyển là khổ. Từ chủ thể đi ngược dòng, mà có hiện tượng sinh, lão, bệnh, tử.

Con người vì sao “già, chết”? Bởi vì có sinh nên mới có già, chết.

Sinh được khởi từ nơi nào? Đó là do kết quả nghiệp của hết thấy hành vi thiện, ác không phải do sức mạnh của thần mà sinh, sinh vốn không có tự thể. Cũng giống như cây tre bị mất một mắt đốt, các đốt còn lại đều có quan hệ, nguyên nhân của sự sinh tử chính là hành vi của nghiệp “hữu” do nghiệp hữu của hành vi, nên sinh ra “thủ”, giống như phải có lửa củi mới đốt cháy được, vậy “thủ” như củi này sinh từ đâu? Đó là do “ái” sinh ra, như tàn lửa, có thể cháy sém lan ra vậy.

“Ái” từ đâu mà có? Đó là do “thọ” sinh ra, giống như cảm thấy đau khổ liền hy vọng cầu mong an lạc, cảm thấy



đói khát muốn ăn uống, mong muốn cầu thọ được hết thấy, nên hết thấy sinh ra ái (yên mến).

“Thọ” là nguyên nhân của “ái”, “thọ” từ đâu sinh ra? Hết thấy đều từ “xúc” sinh ra, cảm thấy được hết thấy khổ, liền nghĩ đến hết thấy lạc (vui), có xúc mới biết được. Xúc là từ nơi nào sinh ra? Xúc do lục nhập gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý của bản thân chúng sinh sinh ra.

Lục nhập này lại từ nơi nào sinh ra? Chính từ “danh sắc” sinh ra, danh sắc được ví như mầm. Lục nhập ví như thân như lá, thân lá là do mầm từ từ sinh trưởng.

Căn nguyên của danh sắc này là gì? Đó là “thức”, thức cũng ví như hạt giống sinh ra mầm danh sắc. Nhưng, có khi, thức lại sinh từ danh sắc; cũng có khi, danh sắc được sinh từ thức, giống con người nhiều khi tiến về trước trên thuyền, nhiều khi kéo con thuyền tiến về trước, cũng có khi người và thuyền cùng đồng thời tiến.

Thức từ danh sắc sinh ra, danh sắc từ lục căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý triển khai. Giữa có một loại tác dụng tên “hành”, căn nguyên của hành là gì? Đó chính gọi là “vô minh”, căn bản của sinh tử.

Do vô minh khởi lên hành, do nơi đất đó có thức, do thức và triển khai danh sắc, do danh sắc sinh lục nhập, do lục nhập có cảm xúc, do cảm xúc có thọ, do thọ sinh ái, do ái mà chấp thủ, do thủ tạo nghiệp, do nghiệp nên có sinh, có sinh ắt phải có lão, tử, vì vậy hết thấy sinh mệnh luân hồi lưu chuyển, sinh sinh diệt diệt, không bao giờ ngừng nghỉ.

Trong “Tập A Hàm kinh” viết: “Ta luận nhân thuyết nhân.... Có nhân có duyên tập thế gian, có nhân có duyên thế gian tập; có nhân có duyên diệt thế gian, có nhân có

duyên thể gian duyên”. Nhân của tướng sinh tử nơi hữu tình, lưu chuyển không ngừng. Từ hiện tượng tự nhiên sinh mệnh của hữu tình mà xét, đó là tình trạng tự nhiên của các sinh mệnh thông thường mà chúng ta nhìn thấy được. Nhưng sinh đến từ đâu? Chết đi về đâu? Phần lớn con người không hiểu, đành chấp nhận sự thật của sinh mệnh.

Nhưng xét theo Đức Phật, không hẳn như vậy, thực tướng của vũ trụ, với Phật, không có việc gì là không thật hiểu rõ. Do đó, sinh mệnh sản sinh thế nào, lưu chuyển ra sao, hoại diệt ra sao, Đức Phật hoàn toàn thông hiểu, Ngài cho chúng ta biết rõ vũ trụ.

Đức Phật nhìn thấy biến thiên của vũ trụ, đều do điều kiện cấu thành, phàm cấu thành nên bản thân của hiện tượng, là điều kiện của hiện tượng đó, cũng chính do “nhân duyên”, nhân tức chủ nhân, duyên tức trợ duyên. Sinh diệt biến dị của hết thảy pháp tướng trong vũ trụ, không một loại nào có thể lìa xa nhân duyên, hết thảy hoàn toàn dựa vào nhân duyên.

Điều mà chúng ta có thể thú hưởng quang minh, có thể tu hành, có thể thành Phật, nằm trong vòng của nhân duyên sinh diệt này, căn cứ thực tướng vũ trụ, vào giáo hóa của Phật được thực hành, khử trừ tạp ô, đạt đến con đường trong sạch. Khổ nạn hiện hữu của nhân sinh, chúng ta truy cứu nguyên do khổ nạn, rồi sau đó tu tập phương pháp đối trị với khổ nạn, theo đó thực hành, đạt đến tiêu diệt khổ nạn. Chúng ta phải hiểu rõ điều kiện sinh khởi và tiêu diệt của hết thảy khổ nạn, khẳng khái cái cần sinh nên sinh, cái nên diệt cần tiêu diệt. Đó chính là nguyên do đức Thích Ca Mâu Ni khai thị tứ đế trong lần chuyển pháp luân đầu tiên.

Nhân duyên vừa có tạp nhiễm vừa có thanh tịnh, còn lưu chuyển sinh tử của hữu tình, Đức Phật dùng pháp duyên khởi giải thích. Định nghĩa về pháp duyên khởi “Đây có nên kia mới có, đây sinh nên đó mới sinh” thuyết minh pháp tắc hết thấy vạn vật dựa lẫn nhau tồn tại. Nội dung của Ngài là: “Vì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão bệnh tử”. Đức Phật cho đó là “thuần đại khổ tụ tập”.

Kết luận, Đức Phật quán sát vũ trụ nhân sinh có trong vũ trụ không hề có tuyệt đối, hết thấy đều dựa vào mối quan hệ tương đối để tồn tại. Do mờ mịt của u minh, nhiễm trước của ái, sinh tử thức thân không ngừng tiếp diễn, không ngừng trôi lăn trong biển khổ sinh tử. Khổ nhân, khổ quả, hết thấy cam chịu trong khổ nạn cấu thành “thuần đại khổ tập”, tất cả hữu tình, cũng là hiện thực vũ trụ do dòng thác sinh mệnh hiển hiện.

Theo quan sát của bậc thánh, toàn bộ sinh mệnh giới cũng giống như những đợt sóng ý thức, không ngừng trôi dạt lưu chuyển, sinh mệnh thức lưu chuyển trong tự chấp tức ngã của thế gian huyền hóa, sóng sau xô sóng trước, đợt sau xô đợt trước, dòng chảy vô tận cùng sinh mệnh dệt thành sự kỳ huyền chúng tượng nơi pháp giới, trong đó chấp trước tiếp diễn, lưu chuyển mãi không ngừng. Bậc thánh quan sát được dòng chảy sinh tử này không huyền và có thể quan sát được dòng chảy sinh tử này không huyền, quan sát được một cách rõ ràng, hết thấy nhân duyên sinh sinh diệt diệt, dựa vào đó sinh khởi trí huệ thâm thâm giải thoát.

THẦN BIẾN SẢN SINH TỪ NHƯ HUYỄN

Trống không là thực tướng của pháp giới, nhưng do lòng từ bi quảng đại khó nghĩ lường của Bồ Tát, từ không có thể sinh ra cảnh giới như huyễn, hiện khởi sự bất khả tư nghị thần thông biến hóa.

Trong Phật pháp Tiểu thừa lấy giải thoát làm trọng tâm, do đó khi một cá nhân tu chứng thành A La Hán hoặc Bích Chi Phật, liền giải thoát chứng nhập Niết bàn; đồng thời người đó không còn chịu sự tồn tại sinh mệnh vô minh tiếp diễn, chứng nhập vào cảnh giới tịch diệt.

Nhưng Bồ Tát do triển hiện đại bi tâm, nên có thể từ pháp giới hiện không, không vào Niết bàn, sinh khởi như huyễn tam muội, thị hiện vô biên thân huyễn hóa, cứu độ chúng sinh. Chúng ta có thể thấy sự tích thị hiện của Bồ Tát Địa Tạng trong bộ “Địa Tạng kinh”.

Khi Đức Phật đang thuyết pháp ở cõi trời Đao Lợi cho mẹ là Ma Gia hoàng hậu, hết thấy chư Phật và đại Bồ Tát Ma Ha Tát thập phương vô lượng thế giới nhiều không kể xiết, tụ tập đến đó, tán thán Phật Thích Ca Mâu Ni có thể ở trong ngũ trọc ác thế, thị hiện đại trí huệ thần thông lực lượng bất khả tư nghị, điều phục chúng sinh cương cường, khiến họ biết được khổ nạn của sinh mệnh, vui vẻ học tập Phật pháp.

Bấy giờ, trong bách thiên vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng A Tăng Kỳ thế giới, tất cả phân thân Địa Tạng Bồ Tát các nơi địa ngục, đến tập hội trên cõi trời Đao Lợi. Do uy thần của

Như Lai, ở mọi phương diện, đều chứng đắc giải thoát, những người đã xuất ly nghiệp đạo, mỗi mỗi đều có số lượng ngàn vạn ức na do tha, cùng nhau cầm hương hoa, đến cúng dường Phật.

Những chúng sinh cùng đến ấy, đều do sự giáo hóa của Địa Tạng Bồ Tát, trở thành người không bao giờ thoái chuyển a nậu đa tam miệu tam bồ đề. Những đại chúng từ nhiều kiếp xa xưa đến nay, vốn trôi lăn trong cõi sinh tử, chịu khổ đau nơi sáu nẻo, không lúc nào ngừng nghỉ, nay do lòng từ bi rộng lớn của Địa Tạng Bồ Tát, cùng với thệ nguyện thâm thâm của Ngài, nên đều được chứng quả. Sau khi tới cõi trời Đao Lợi, trong tâm họ đều sung sướng, chiêm ngưỡng đức Như Lai, không hề rời mắt khỏi Ngài.

Bấy giờ, đức Thế Tôn duỗi cánh tay vàng, rời lên đỉnh đầu bách thiên vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng A Tăng Kỳ thế giới, tất cả phân thân Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát và nói rằng: “Bồ này Địa Tạng! Ta ở nơi ngũ trọc ác thế, giáo hóa chúng sinh cương cường khiến họ điều phục được tâm, bỏ tà theo chính. Nhưng trong mười người cũng còn một, hai người vẫn tồn tại thói xấu, ta cũng hóa thành ngàn bách ức phân thân, để rộng đường phương tiện, cứu độ họ. Này Địa Tạng! Nếu như họ đọa vào nẻo ác, phải chịu đau khổ lớn, khi đó người hãy nhớ đến, ta ở nơi cõi trời Đao Lợi ân cần dẫn dắt người, Ta Bà thế giới này sau khi ta diệt độ, cho đến trước khi Phật Di Lặc ra đời, chúng sinh thế giới trong giai đoạn vô Phật này, hãy giúp họ được giải thoát, vĩnh viễn lìa xa đau khổ, nhận sự thọ ký nơi Đức Phật!”.

Dứt lời, hết thấy phân thân của Địa Tạng Bồ Tát trong thế giới, hoát nhiên cùng khôi phục lại thành một thân,

buồn bã khóc lóc hướng về đại hải cầu xin: “Thế Tôn! Con từ các kiếp xa xưa đến nay nhờ ơn Đức Phật tiếp dẫn, có được uy lực thần thông bất khả tư nghị, có được trí huệ quảng đại”.

“Thân hình con phân thân ra hiện nay, đầy khắp trăm ngàn vạn ức hằng hà sa thế giới, ở trong mỗi một thế giới, lại hóa hiện trăm ngàn vạn ức thân, mỗi một thân cứu độ trăm ngàn vạn ức người, khiến họ quy kính tam bảo, vĩnh viễn lìa bỏ đau khổ sinh tử, đạt đến hỷ lạc Niết bàn”.

“Chỉ cần họ ở trong Phật pháp làm được việc thiện, cho dù nhỏ như sợi lông sợi tơ, như hạt bụi hạt cát, cho đến chỉ như sợi tóc mà thôi, con cũng sẽ giúp dần dần độ thoát họ, khiến họ được lợi ích rộng lớn.

“Chỉ nguyện cho Thế Tôn không lo phiền vì ác nghiệp của chúng sinh hậu thế!”.

Địa Tạng Bồ Tát phát thệ nguyện rộng sâu, dùng thần thông rộng lớn, phân thân trăm ngàn ức, đầy khắp vô lượng thế giới, thọ nhận phước chúc của Như Lai, ở nơi thế giới không có Phật bảo vệ hết thân sinh mệnh.

Trong kinh điển có khái niệm như huyền tam muội, tức là tam muội căn bản của hết thầy Bồ Tát, là duyên khởi của chư Phật, Bồ Tát thị hiện vô biên diệu thân để cứu độ hết thầy chúng sinh.

Bồ Tát tu trì như huyền tam muội, tuy đã có thể tự tại ra vào cảnh giới Niết bàn, không còn chịu sự tồn hữu của sinh mệnh vô minh, nhưng, do duyên có tam đại bi, nên vẫn có thể lưu hoặc nhuận sinh, không an nghỉ không trong tịch tịnh Niết bàn, thị hiện quảng độ chúng sinh. Họ có

thể trong hết thấy pháp giới nhân duyên, tham dự cứu độ các loại huyễn hóa của sinh mệnh khác.

Đại bi Bồ Tát tu tập tam muội – không, vô tướng, vô nguyện tam muội, không chứng nhập thực tế Niết bàn, hiển hiện vô biên quảng đại sự nghiệp cứu tế, đó là nhân duyên hiện khởi của như huyễn tam muội.

Do vậy, quyển 105 *Thiện trụ ý thiên tử hội* “Thần thông chứng thuyết phẩm” của bộ “Đại thật tích kinh”, Thiện trụ ý thiên tử thỉnh vấn cảnh giới của như huyễn tam muội, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát vì ông thị hiện như huyễn tam muội:

“Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi theo lời hứa lập tức nhập như huyễn tam muội, ngay lúc đó hết thấy cảnh giới quốc thổ chư Phật ở thập phương nhiều như số cát sông Hằng, tự nhiên hiện tiền”.

Từ đó có thể thấy uy lực rộng lớn của như huyễn tam muội nơi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, cũng có thể hiểu rõ Như huyễn tam muội có thể tự nhiên hiển thị các việc vi diệu ở hết thấy quốc thổ chư Phật. Ngoài ra, trong quyển 50 bộ “Đại trí độ luận”, Long Thọ Bồ Tát còn nói rõ hơn nhân duyên nhập xuất của như huyễn tam muội:

“Người nhập như huyễn tam muội, như huyễn nhân nhất xứ trú, sở tác việc huyễn, đầy khắp thế giới, cái gọi là bốn loại binh chủng, thành quách cung điện, ăn uống ca múa, giết sống buồn khổ... Bồ Tát cũng như thế, trú trong tam muội, có thể biến hóa khắp mười phương thế giới, đầy khắp trong đó: trước tiên hành bố thí thỏa mãn chúng sinh; tiếp đến thuyết pháp giáo hóa, phá hoại tam ác đạo, sau cùng an lập chúng sinh nơi tam thừa với hết thấy việc có lợi ích, đều được thành tựu. Nhưng tâm của Bồ Tát vẫn bất động, cũng không thủ tướng của tâm”.

Như vậy, hiện khởi của như huyền tam muội, là Bồ Tát trong bát địa thuận nhập tâm chúng sinh, thuận quán sở thú của tâm hết thấy chúng sinh và thành tựu sau khi phát khởi đại bi. Vì Bồ Tát nếu trụ nơi thất địa, với 20 loại pháp kiến như không trước ngã, tận hành thập bát không, thành hiệu đầy đủ không, hết thấy bất khả đắc, muốn thủ Niết bàn. Bấy giờ, do tự đầy đủ các loại nhân duyên đại bi và được mười phương chư Phật ủng hộ, nên trở về độ hết thấy tâm chúng sinh, sinh khởi như huyền tam muội, thị hiện cảnh giới bất khả tư nghị. Nhưng do duyên có thể tính căn bản vốn vô trước, nên tâm tự bất động, cũng không giữ bất kỳ tướng của tâm; vì vậy như thế cứu độ hết thấy chúng sinh, nhưng không có một chúng sinh được độ.

Bồ Tát thường nhập như huyền tam muội, an trú đại bi, hiện quán hết thấy chúng sinh, pháp giới như huyền, có thể dùng sự cứu độ vô biên. Bấy giờ, do như huyền tam muội kiên cố như thật, nên dẫn sinh báo sinh tam muội, hiện khởi vô biên thân quảng độ chúng sinh; lúc ấy, chúng sinh cần dùng thân nào để được độ, sẽ hiện thân đó vì họ thuyết pháp, cũng như Quán Thế Âm Bồ Tát vậy, tùy xứ ứng hiện, đó là biến hóa bất khả tư nghị của như huyền tam muội Bồ Tát.

Theo quán sát của Phật pháp, pháp giới khác là hiện không như huyền, còn thể tính vốn nhất như. Do đó vạn tướng của vũ trụ giống như huyền sự huyền nhân sở tác vậy, huyền khởi huyền diệt, vốn không tồn tại tự thể bất biến, do đó nhất thiết giai không, chúng tướng nhất như, vì vậy các loại biến hóa của thần thông, chỉ cần thể ngộ thực tướng vũ trụ, đầy đủ điều kiện nhân duyên, tự nhiên nước đến đầu sông đến đấy, trăng đến trăng tròn vậy.

Chương 5

Thần biến của Phật, Bồ Tát

Bồ Tát là pháp tính thân, trụ trong Ba la mật đầy đủ thần thông, vì có cúng dường thập phật như chư Phật, dùng như tam thiên thế giới trên bảo cúng dường. Lại do thần thông của các báu vật này, nhẹ nhỏm vô ngại, như biến tịnh thiên của đệ tam thiên, 60 người ngồi trên đầu một mũi kim nghe pháp không phiền nhau, huống hồ đại Bồ Tát thâm nhập thần thông sở tác bảo vật?

"Đại trí độ luận" quyển 93.

Các hiện tượng thần thông biến hóa được ghi chép trong rất nhiều kinh điển Đại thừa, ta có thể phát hiện: thần thông bình thường nếu so với thần thông của Phật, Bồ Tát, cũng giống như đốm sáng đom đóm so với ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, dứt khoát không cách nào so sánh nổi.

Thần biến quảng đại do Phật, Bồ Tát thị hiện, không chỉ về mặt thời gian đi qua cả tam thế quá khứ, hiện tại, vị

lai, về mặt không gian cũng luôn vượt khỏi địa cầu, quảng đạt đến hơn vài ức thế giới, còn khi vi mật đến trong một lỗ chân lông đồng thời có thể chứa được vô hạn quốc thổ chư Phật. Trong những miêu tả về thần biến quảng đại Bồ Tát, đặc sắc nhất là “Hoa Nghiêm kinh”.

Trong “Hoa Nghiêm kinh”, thường xuyên miêu tả thần biến quảng đại do Đức Phật thị hiện khi thành chính đẳng chính giác.

Kinh miêu tả như sau:

Bấy giờ, Đức Phật đang ngồi trong đạo tràng A lan nhược chánh pháp bồ đề ở nước Ma Kiệt Đà, Ngài vừa thành tựu vô thượng chính đẳng chính giác, viên mãn bồ đề đạo trở thành Phật.

Tòa chính pháp đạo tràng bồ đề này có Kim Cang tạo thành nền mặt đất, vô cùng kiên cố, không bao giờ hủy hoại. Những bảo luân mỹ diệu và vô số bảo hoa, các ma ni bảo châu thanh tịnh, trang trí đại địa, hết sức trang nghiêm.

Cảnh tượng như vậy, giống như sự sâu rộng mỹ diệu của biển lớn, không bờ bến, hiển hiện trang nghiêm không gì sánh được.

Trên trời có thiên tràng do các hạt ma ni bảo châu xuyên lại với nhau, luôn phóng ra hào quang vô bờ bến, thường hằng phát ra âm thanh mỹ diệu. Xung quanh cả vùng đất trang nghiêm này, có những lưới đan bằng các loại bảo vật rủ xuống và những hoa Mạn anh lạc do diệu hương chế thành. Ở nơi này tất cả đều có ma ni bảo vương biến hóa hiển hiện tự tại.

Trên trời vô số bảo vật rải xuống như mưa, vi diệu bảo hoa trải khắp mặt đất; toàn bộ mặt đất trang nghiêm bố

trí thành từng hàng từng dãy ma ni bảo thọ, cành lá của các ma ni bảo thọ rất tươi tốt phóng hào quang rực rỡ, dưới sự gia trì của sức uy thần Phật, cảnh tượng trang nghiêm toàn bộ đạo tràng giống như ánh phản chiếu trong biển hiển hiện.

Cây bồ đề nơi mặt đất này, cho thấy sự trang nghiêm và cao lớn tươi tốt khác thường, thân cây bằng kim cương, cành cây bằng lưu ly, rất nhiều vi diệu bảo vật trang trí thành nhánh cành lá. Những lá cây do diệu bảo hình thành, đan xen lẫn nhau, tàn cây rũ ngang như mây màu, với các bảo hoa muôn màu muôn vẻ phân biệt bố trí rực rỡ, vô cùng trang nghiêm phi phạm.

Cây bồ đề đó có quả ma ni bảo châu, chứa đựng ánh sáng, phóng hào quang sáng rực, cùng dần bày với nhiều loại bảo hoa khác. Chung quanh bồ đề bảo thọ, phóng ra ánh sáng vô biên, trong ánh hào quang mưa xuống vô số ma ni bảo châu. Trong ma ni bảo châu, đồng thời xuất hiện vô số Bồ Tát như mây trên trời. Bấy giờ, do sức gia trì của sức uy thần Như Lai, các bồ đề bảo thọ không ngừng phát ra âm thanh vi diệu trang nghiêm, diễn thuyết vô tận diệu pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn đoan tọa trên sư tử bảo tòa, nơi nhất thiết pháp thành tựu vô thượng chính đẳng chính giác. Trí huệ Ngài trong tam thế, nhất thiết bình đẳng. Sắc thân Ngài tràn đầy nhất thiết thế giới, âm thanh vi diệu đầy khắp hết thấy quốc thổ một cách thông suốt. Cũng giống như hư không, có thể hàm chứa tất cả ảnh tượng, nhưng vẫn ở trong hết thấy cảnh giới hoàn toàn không có phân biệt. Cũng giống như hư không, tràn đầy khắp nơi, có thể bình đẳng tiến vào hết thấy quốc thổ

một cách bình thuận tự nhiên. Thân thể của Ngài phổ biến khắp trong hết thấy đạo tràng, ở trong tất cả các Bồ Tát chúng, uy đức quang minh của Ngài càng hiển hách trang nghiêm vô biên, giống như khi mặt trời xuất hiện, phổ chiếu thế gian. Những việc Ngài làm trong tam thế, đầy đủ phúc đức của biển lớn vô biên, thật sự viên mãn quang minh, đầy khắp hết thấy pháp giới, bình đẳng và không có bất kỳ sai biệt.

Phật diễn thuyết hết thấy diệu pháp một cách thông suốt, như mây bay khắp trên trời. Mỗi đầu sợi lông của Ngài, đều có thể dung chứa hết thấy thế giới không có bất kỳ chương ngại, mỗi mỗi tự hiển hiện uy lực vô lượng thần thông giáo hóa, điều phục hết thấy chúng sinh. Thân tướng Ngài đầy khắp pháp giới mười phương, nhưng vẫn không nhìn thấy bất kỳ mảy may tới lui nào. Trí huệ của Ngài phổ biến tiến vào hết thấy hiện tượng, có thể hiểu rõ không tịch của chư pháp. Tất cả thần thông biến hóa của chư Phật tam thế, trong ánh quang minh đều có thể nhìn thấy rõ ràng; và tất cả trang nghiêm của quốc thổ chư Phật từ bất khả tư nghị kiếp đến nay, cũng phổ biến hiển hiện quang minh.

Đó là thần biến quảng đại đức Tỳ Lô Giá Na Phật hiển hiện khi mới thành chính giác trong đạo tràng bồ đề.

Vì sao chư Phật Bồ Tát có năng lực thần biến khó lường như vậy? Vì sao Phật, Bồ Tát phải thị hiện thần thông? Sau đây chúng ta sẽ đi vào biển thần thông trí huệ khó nghĩ khó lường của Phật, Bồ Tát, để tìm hiểu sự thâm thúy ấy.



THẦN THÔNG CỦA NHƯ LAI

Mọi kinh điển gần như đều có ghi chép về Như Lai thị hiện thân biến, Đức Phật thị hiện thần thông, do muốn hóa độ chúng sinh nhập Phật trí, trong “ba loại thị đạo” hóa độ chúng sinh của Bồ Tát, loại thứ nhất chính là thần biến thị đạo. Tam thị đạo là Phật, Bồ Tát vì muốn hóa độ chúng sinh thị hiện đức dụng của tam nghiệp thân, khẩu, ý.

Nếu chúng ta dùng tam mật thân, ngữ, ý của Như Lai để xem xét thần biến của Như Lai, như trong “Hoa Nghiêm kinh” viết ở trên, có thể phát hiện tác dụng quảng đại của tam mật Như Lai được.

Trong kinh, “Trí nhập tam thế tức đều bình đẳng”, tức trí huệ Như Lai khắp cả tam thế quá khứ, hiện tại, vị lai, siêu việt hết thấy thế gian, nhất thiết hiện tiền bình đẳng, phá trừ hết thấy chướng ngại của âm thanh trên thế gian, đó là tác dụng của ý mật.

“Thân Ngài đầy khắp nhất thiết thế gian”, thân thể Như Lai đầy khắp nhất thiết thế gian, đó là tác dụng của thân mật.

“Âm thanh phổ thuận thập phương quốc thổ”, tức âm thanh của Phật phổ biến thuận khắp quốc thổ mười phương, là tác dụng của ngữ mật. Đó là tác dụng tam mật thân, ngữ, ý của Như Lai.

“Vĩ như hư không có thể hàm chứa mọi hiện tượng, ở mọi cảnh giới không gì phân biệt”. Thân Phật giống như hư không có thể bao hàm mọi hiện tượng, có thể hiển hiện

cảnh giới của mọi hiện tượng, nhưng không phân biệt đối với hết thấy cảnh giới.

“Lại như hư không phổ biến nhất thiết, nơi chư quốc thổ bình đẳng tùy nhập”. Điều này đại biểu cho tác dụng của thân Phật, không chỉ giống với hư không “có thể hàm chứa mọi hiện tượng, nơi các cảnh giới không gì phân biệt” của thể tính, mà còn có tác dụng giống hư không “phổ biến nhất thiết, nơi các quốc thổ bình đẳng tùy nhập”.

“Thân hằng biến toạ nhất thiết đạo tràng”, thân Phật Tỳ Lô Giá Na đầy khắp hết thấy thế giới, lại có thể từ trong thân đầy khắp hết thấy thế giới đó, thị hiện ngồi khắp hết thấy đạo tràng. Nên viết Phật dùng tự thân an toạ nơi tự thân, dùng tự thân thị hiện nơi tự thân, đó là tình cảnh tương ánh tương nhiếp bất khả tư nghị.

Chúng ta hãy xem tiếp, khi tương ứng trong Bồ Tát chúng, Phật hiển thị ra: “Trong Bồ Tát chúng uy quang hiển hách, như mặt trời mọc chiếu sáng thế giới”. Phật như mặt trời mọc, chiếu sáng thế giới, tương ứng với Bồ Tát chúng; trong Bồ Tát chúng thù thắng nhất, quang minh nhất, có thể soi sáng hết thấy thế giới. Bản thân của thế giới tức tự thân Phật, Ngài ở trong thế giới thị hiện chiếu sáng tự thân.

“Tam thế sở hành, chúng phúc đại hải tất dĩ thanh tịnh”, Phật an trú nơi bình đẳng vô chương ngại của Hoa Nghiêm pháp giới hải, lại trở xuống nơi tam thế; vốn đã siêu việt tam thế, lại trở xuống nơi tam thế, ở trong tam thế thị hiện cảnh giới thù thắng nhất, vì thế gọi là “chúng phúc đại hải tất dĩ thanh tịnh”.

“Nhi hằng thị sinh chư Phật quốc thổ vô biên sắc tướng viên mãn quang minh, biến khắp các pháp giới vô sai biệt”.

Trong vốn bình đẳng vô sai biệt, hằng thường thị hiện xuất sinh nơi quốc thổ chư Phật, đầy đủ 32 tướng chính, 80 vẻ đẹp, viên mãn quang minh.

Kinh lại viết: Chư Phật Như Lai “mỗi đầu sợi lông đều có thể dung chứa hết thủy thế giới không chướng ngại, mỗi hiện sức thần thông vô lượng, giáo hóa điều phục nhất thiết chúng sinh”. Đó là chúng ta quán sát thần biến bất khả tư nghị của thân Như Lai, ở mỗi một sợi lông đều có thể dung chứa hết thủy thế giới không hề chướng ngại, còn hiện khởi vô lượng thần thông, giáo hóa chúng sinh.

Thật ra, điều này với chúng ta, nói là thần thông bất khả tư nghị, nhưng đối với chư Phật, đều là thực tướng như thật. Mỗi chân lông của chư Phật, đều trong sự gia trì của thần thông bất khả tư nghị của chư Phật, từ xưa đến nay chư Phật chưa từng lìa bỏ chúng ta. Các Ngài luôn hiện tiền, không lúc nào ngừng gia trì chúng sinh, gia trì chúng ta tới cảnh giới của Phật. Nếu thể ngộ như thế, có thể “gia trì thành Phật”.

“Thân khắp thập phương vẫn không tới lui”. Đó là cảnh giới không gian của Đức Phật. “Trí nhập chư tướng liễu pháp không tịch” tức thời gian và tâm lượng, nếu hiện khởi toàn bộ pháp giới, có thể nói đó là phức hợp thể của tâm, ý thức và không gian. Tâm tạo tác hình thành ý thức, ý thức chính là thể của thời gian, ý thức giao ứng lẫn nhau, giao dung lẫn nhau, sản sinh lẫn nhau ý tưởng sai biệt. Từ đó rút ra không gian, sự giao thiệp lẫn nhau của mỗi một không gian và không gian, sản sinh khoảng cách, sản sinh phương hướng vị trí, sản sinh toàn bộ hình tượng phức hợp của vũ trụ.

“Thân khắp thập phương vẫn không tới lui, trí nhập chư tướng liễu pháp không tịch” tức Đức Phật đã phá trừ chướng ngại về không gian, phá trừ chướng ngại về thời gian, ý thức và tâm, lại có thể kéo dài vô hạn trong thời gian, không gian.

“Tất cả thần biến của tam thế chư Phật, trong quang minh không nơi nào là không nhìn thấy”, thần biến có sự tác dụng, tương tục của thời gian gồm cả không gian, vì thế tất cả tác dụng trong thời gian, không gian, đều thị hiện toàn bộ trong quang minh. Quang minh này như ảnh chiếu của biển, như huyễn như hóa lại như thật, đó chính là thập phương tam thế đồng thời hiện ra rõ ràng.

“Nhất thiết Phật thổ từ bất khả nghị kiếp, đều hiện hiển hết thấy trang nghiêm”. Chúng ta nếu có thể an trụ nơi trí huệ cảnh giới hải Tỳ Lô Giá Na Như Lai, cũng chính là ở Hoa Nghiêm thế giới hải.

Trong “Câu xá luận” có nói về ba loại thị đạo là: Thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo, giáo giới thị đạo. Ba loại thị đạo này phối với tam thông trong lục thông: thần biến thị đạo tương đương thần túc thông, ký tâm thị đạo tương đương tha tâm thông, giáo giới thị đạo tương đương lậu tận thông. Kinh còn viết: “thần biến, ký tâm chuyên để hóa độ ngoại đạo, khiến họ quy phục, tín thọ; giáo giới dùng để họ phát tâm tu hành”.

Quyển 469 bộ “Đại Bát nhã kinh” ghi chép ba loại thị đạo của Bồ Tát, tức:

1. *Thần biến thị đạo*: Bồ Tát thương xót đau khổ dưới địa ngục, thị hiện thần thông, diệt trừ các loại hình cụ như dầu sôi, lửa bỏng, đao, kiếm... giúp hết thấy chúng sinh

mượn thần biến này ra khỏi địa ngục, sinh lên cõi trời, người thọ mọi điều vui sướng.

2. *Ký thuyết thị đạo*: Bồ Tát thương xót đau khổ dưới địa ngục, theo niệm trong tâm chúng sinh vì họ thuyết pháp giúp mọi chúng sinh, nhờ sức của pháp, ra khỏi địa ngục, sinh cõi trời người, thọ mọi vui sướng.
3. *Giáo giới thị đạo*: Bồ Tát thương xót đau khổ dưới địa ngục, phát tâm từ bi hỷ xả, thuyết pháp răn dạy, giúp chúng sinh nghe lời răn dạy này, ra khỏi địa ngục sinh cõi trời, người, thọ mọi vui sướng.

Trong các bộ “Du Già sư địa luận”, “Đại bảo tích kinh”, “Trung A Hàm kinh”, “Trường A Hàm kinh”, “Tạp A Hàm kinh” cũng đều có ba loại thị đạo, tam thị hiện, tam thần túc. Có thể thấy việc dùng thần thông để giáo hóa chúng sinh là một trong những phương thức quan trọng trong giáo hóa của Phật Bồ Tát.

Quyển 4 bộ “Quá khứ, hiện tại nhân quả kinh” chép, Như Lai có ba việc kỳ đặc, trong đó loại thứ nhất chính là thần biến quảng đại khó lường. Ba việc kỳ đặc gồm:

1. *Thần thông kỳ đặc*: Tức Phật diệu ứng các cơ xảo, hiện đại thần biến, bất khả tư nghị, khiến hết thấy chúng sinh và chư tà ma ngoại đạo quay về nẻo chính.
2. *Huệ tâm kỳ đặc*: Tức trí huệ, tâm quang Đức Phật vắng lặng sâu sắc, chiếu biết hết thấy chư pháp, thành tựu nhất thiết chủng trí.
3. *Nhiếp thọ kỳ đặc*: Tức Phật khéo biết căn lành lợi hay chậm chạp của chúng sinh, tùy cơ nhiếp thọ, khai thị giáo hóa, giúp họ nghe hiểu pháp yếu, tiến tu diệu hạnh, lìa khỏi sinh tử.

Trọng tâm thần biến của như lai

Đằng sau sự quảng đại về thần thông Đức Phật, tượng trưng cho viên mãn vô thượng bi tâm và trí huệ. Thế nào là Phật? Chúng ta có thể từ vài danh hiệu của Như Lai để xem xét như sau:

Đức Phật có mười loại danh hiệu, căn cứ vào quyển 2 bộ “Đại trí độ luận” và quyển 20 bộ “Đại thừa nghĩa chương” đưa ra 11 loại danh hiệu của Như Lai, gồm *Như Lai*, *Ứng Cúng*, *Chính Biến Tri*, *Minh Hạnh Túc*, *Thiện Thệ*, *Thế Gian Giải*, *Vô Thượng Sĩ*, *Điều Ngự Trượng Phu*, *Thiên Nhân Sư*, *Phật*, *Thế Tôn*.

- *Như Lai*, tức Đức Phật đến từ chân như, hoàn thành chính giác.
- *Ứng Cúng*, tức Như Lai đầy đủ đại bi đại trí, đáng được trời, người cúng dường.
- *Chính Biến Tri*, tức Như Lai có thể hiểu rõ chính xác hết thầy pháp phổ biến.
- *Minh Hạnh Túc*, tức Đức Phật đầy đủ ba loại trí minh gồm: Thiên nhãn, túc mệnh, lậu tận và cũng đầy đủ viên mãn hạnh nghiệp thân, khẩu.
- *Thiện Thệ*, tức Đức Phật dùng nhất thiết trí làm xe lớn, thực hành bát chính đạo nhập Niết bàn.
- *Thế Gian Giải*, tức Như Lai hiểu rõ đạo thế gian và xuất thế gian.
- *Vô Thượng Sĩ*, tức Như Lai tối thắng vô thượng trong hết thầy chúng sinh.
- *Điều Ngự Trượng Phu*, tức Đức Phật đại trí đại bi, có khi dùng lời đẹp để mềm mại, có khi lại dùng lời bi

thiết, các loại ngôn ngữ... dùng mọi phương tiện điều ngự người tu hành giúp họ được an trú Niết bàn.

- *Thiên Nhân Sư*, tức Như Lai có thể chỉ dạy chúng sinh việc gì nên làm, việc gì không nên làm, cái gì thiện, cái gì bất thiện, giúp họ được giải thoát phiền não.
- *Phật*, là người vô thượng giác, có thể tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, tri kiến tam thế nhất thiết chư pháp.
- *Thế Tôn*, tức Như Lai có đầy đủ các đức được người đời tôn trọng, cung kính.

Trong mười loại danh hiệu Như Lai, danh hiệu thứ tư “Minh Hạnh Túc”, chính chỉ Như Lai đầy đủ thiên nhân minh, túc mệnh minh, lậu tận minh và thân nghiệp, khẩu nghiệp đều viên mãn vô khuyết. Trong 18 loại bất cộng pháp đặc đức ở Phật, trong đó có chư Phật “Không mất thân”, “Khẩu vô thất”, “Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành”, “Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành”, nên Như Lai được gọi là “Minh Hạnh Túc”.

Căn bản đặc đức của Như Lai có nguồn gốc từ đại bi và đại trí. Đức Phật là người giác ngộ vĩ đại, một mặt tự giác, mặt khác giác tha. Quá trình để thành tựu viên mãn đại trí, đại bi này, cũng chính là quá trình tự giác, giác tha với trung tâm chính là bồ đề tâm.

Khi Phật, Bồ Tát phát khởi bồ đề tâm, dùng đại bi tâm làm động lực, dùng trí huệ tạo ra các loại phương tiện để khử trừ đau khổ cho các sinh mệnh khác, sau đó nhờ trí bi hành viên mãn trí bi quả, tức quả bồ đề, cũng là a nậu đa la tam miệu tam bồ đề - tức vô thượng chính đẳng chính giác, cũng tức Phật, Phật viên mãn tự giác và giác tha, cũng viên mãn bi, trí.

Phật là người thành tựu viên mãn trí huệ và bi tâm, còn Bồ Tát là người hướng về thực tiễn viên mãn vô thượng trí huệ bi tâm. Bậc thánh Tiểu thừa viên thành trí huệ, nhưng chưa viên mãn bi tâm. Trí huệ bậc thánh Tiểu thừa và trí huệ bậc thánh Đại thừa, về cơ bản như nhau, nhưng trong trí huệ Bồ Tát Đại thừa, bao hàm đại bi, giao dung hàm chứa giữa bi, trí này là điều bậc thánh Tiểu thừa chưa đầy đủ. Đức Phật càng viên mãn chứng thành đại bi, đại trí. Bi, trí giao dung, thành tựu nhất thiết trí huệ. Nhất thiết trí, đại chủng trí, nhất thiết chủng trí, phân biệt giữa ba loại trí này chính do từ điều này. Nhất thiết trí tức trí huệ của Thanh Văn, Duyên Giác; đại chủng trí tức trí huệ Bồ Tát đầy đủ; nhất thiết chủng trí tức chỉ có Phật đầy đủ, bao hàm cả hai loại trước.

Phật và Bồ Tát khác nhau ở điểm nào? Phật viên mãn hết thấy, đôi khi do nhu cầu đặc biệt của chúng sinh nào đó mà giáo hóa, đó là duyên khởi dẫn đến khác biệt. Mỗi vị Bồ Tát trong quá trình hành đạo, do khác nhau giữa đặc tính của mỗi người, hiển hiện giáo hóa khác nhau. Ví dụ: có Bồ Tát dựa vào bi, có vị lại dựa vào trí, có vị lại dựa vào tín nguyện để hành. Những Bồ Tát dựa vào bi thực hành bi nhiều hơn so với trí; còn Bồ Tát dựa vào trí thực hành trí sâu hơn bi; có vị cả hai đều quân bình. Các loại hình như vậy, thêm vào do hoàn cảnh mỗi vị, nên có khác biệt của hạnh Bồ Tát. Do vậy, các Bồ Tát hạnh ấy không thể gọi là viên mãn về trí huệ, nhiều khi vì muốn hiển lộ đức tính họ tu hành, nên sản sinh ra đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, đại trí Bồ Tát, đại nguyện Địa Tạng vương Bồ Tát, đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát...

Chỉ có Phật mới thật sự đầy đủ đại từ đại bi, còn Bồ Tát là người thực hành trí, bi, là người hành bồ đề tâm, là

người hướng về trí, bi và đó cũng là căn nguyên thần biến quảng đại của Phật, Bồ Tát.

Các loại trí huệ thần lực của Như Lai

Trong thần biến của Phật, Bồ Tát, có rất nhiều năng lực thần thông viên mãn, chỉ riêng Như Lai mới có, gọi là 10 loại thần lực của Như Lai.

Đức Phật đầy đủ 10 loại trí huệ lực, hay còn gọi là 10 thần lực. Đó là trí chứng đắc thực tướng của Như Lai, sức mạnh liễu đạt hết thấy, vô năng hoại, vô năng thắng cho nên gọi là “lực”.

1. *Xú phi xú trí lực*: (xú, tức đạo lý): Tức Như Lai có thể biết rõ như thật hết thấy nhân duyên quả, nếu chúng sinh làm thiện nghiệp, tức hiểu rõ ắt được lạc báo, gọi là “trí thị xú”; nếu chúng sinh tạo ác nghiệp, vẫn thọ lạc báo, vô hữu thị xú, là không thể, gọi là “trí phi xú”. Các loại như thế, nhân duyên quả báo đều có thể hiểu rõ đầy đủ xác thật. Các bậc thánh Tiểu thừa như Duyên Giác và A La Hán, không thể đầy đủ năng lực này, vì họ chỉ đầy đủ nhất thiết trí, không có nhất thiết trí trí, nhất thiết trí phải có trí huệ làm nền tảng. Muốn tham dự hiện tượng duyên sinh ấy, cần phải hoàn toàn hiểu rõ thích đáng một người khi đã đạt bậc thánh, phải hiểu rõ thích đáng; thực tiễn thích đáng ở mỗi nơi, nhờ sự thúc đẩy từ sau của bi tâm. Kỳ thật, 10 loại trí huệ này, đằng sau luôn bao hàm bi và trí.
2. *Nghiệp dị thực trí lực*: Hay còn gọi “trí nghiệp báo trí lực”, “trí tam thế nghiệp trí lực”, “nghiệp báo tập trí

lực”, “nghiệp lực”. Tức Như Lai nơi nghiệp duyên quả báo tam thế quá khứ, hiện tại, vị lai của hết thảy chúng sinh, đều biết rõ ràng đầy đủ. Lúc này tức lực lượng hiểu rõ nghiệp thiện, ác quả báo.

Đức Phật có thể hiểu rõ thật sự hết thảy nhân duyên quả báo, cũng chính “Tạo như thị nghiệp, năng kết như thị quả”, không hề ba hoa sáo rỗng “tạo nghiệp thiện, đắc thiện quả; tạo nghiệp ác, đắc ác quả”. Trí huệ của Đức Phật như thật hiểu rõ một cách thích đáng với mỗi nhân duyên, tức chúng ta gieo trồng nhân này, trong điều kiện nhân duyên hiện có, nếu tương lai điều kiện này không thay đổi quá lớn, ắt sẽ thành kết quả như dự định. Cũng tức nếu như các điều kiện khác không đổi, mới hiện khởi nên hiện tượng chúng ta đã dự định. Trái lại, nếu như các điều kiện tương lai thay đổi, làm sao sinh khởi hiện tượng ban đầu được.

3. *Tinh lự giải thoát đẳng chí trí lực*: Tức Như Lai trong hết thảy thiên định đều tự tại vô ngại, biết khắp như thật nông sâu, thứ tự. Đức Phật hoàn toàn hiểu rõ hết thảy thiên định, hết thảy tu hành, hết thảy lực lượng, thậm chí thiên định của động vật, do ngôn ngữ của nhân gian không cần ghi chép nhiều như vậy, Phật dựa vào thứ lớp duyên khởi của nhân gian, dùng các điều kiện của nhân gian giải thích phân tích, bởi vì Phật dùng thân người chứng đạo, thành Phật, nên Đức Phật dùng kinh nghiệm thay đổi thân tâm khách quan nơi người khác chứng thành quả Phật giảng đạo cho chúng sinh.
4. *Căn thượng hạ trí lực*: Tức Như Lai đối với thù thắng hoặc thấp kém về căn tính, quả báo lớn hay nhỏ của hết thảy chúng sinh đều có thể hiểu rõ như thật. Tuy



Đức Phật biết rõ sai biệt đẳng cấp căn bản chúng sinh, nhưng Ngài không bị sai khác này hạn chế, hoặc trong tâm không bình đẳng.

5. *Chủng chủng thắng giải trí lực*: Tức Như Lai với mọi mong cầu, yêu thích, thiện ác khác nhau của hết thấy chúng sinh, đều biết khắp như thật.
6. *Chủng chủng giới trí lực*: Tức Như Lai ở nơi khác nhau về các loại giới phân của chúng sinh thế gian, đều biết rõ khắp như thật. Chỉ các loại đẳng biệt của chúng sinh trên thế giới. Đó là lực lượng mà Phật vì sự giáo hóa cần phải triển hiện.
7. *Biến thú hành trí lực*: Tức Như Lai ở nơi lục đạo có phiền não, nơi niết bàn vô lậu hành sở đều biết rõ như thật.
8. *Túc mệnh trí lực*: Hay còn gọi là túc trụ tùy niệm trí lực, tức khả năng hiểu rõ như thật các việc quá khứ; Như Lai đối với các loại túc mệnh của chúng sinh, từ một kiếp đến trăm ngàn vạn kiếp, từ một đời đến trăm ngàn vạn đời, chết ở nơi này, sinh ra nơi khác, tên họ ăn uống, thọ mệnh vui khổ, đều hiểu rõ như thật.
9. *Thiên nhân lực*: Còn gọi là “Tri thiên nhân vô ngại trí lực”, “Sinh tử trí lực”. Tức Như Lai dùng thiên nhãn thông hiểu rõ như thật thời gian sinh tử của chúng sinh từ nẻo thiện ác sinh trong vị lai, đến các nghiệp duyên thiện ác, xấu, đẹp, giàu nghèo...
10. *Lậu tận trí lực*: còn gọi là “Trí vĩnh đoạn tập khí trí lực”. Tức Như Lai đối với hết thấy những tập khí mê lầm đã vĩnh viễn đoạn trừ không sinh nữa, có thể biết rõ như thật.

Trong 10 loại thần lực kể trên, “Túc mệnh trí lực”, “Thiên nhãn lực”, “Lậu tận trí lực”, tức túc mệnh thông, thiên nhãn thông, lậu tận thông của đại Bồ Tát, đại A La Hán không thể so sánh được, túc thần thông viên mãn chỉ có ở Phật.

Khi Đức Phật còn tại thế, khích lệ đệ tử tu tập thần thông độ hóa chúng sinh, Phật A Di Đà trong quá khứ khi còn là Pháp Tạng tỷ kheo, trong 48 đại nguyện Ngài phát khởi, có sáu nguyện liên quan về thần thông:

1. *Túc mệnh trí thông nguyện*: túc nguyện người, trời trong nước Phật đều đắc túc mệnh thông, hiểu rõ nhân duyên quá khứ.
2. *Thiên nhãn trí thông nguyện*: túc nguyện người, trời trong nước Phật đều đắc thiên nhãn thông, có thể thấy được thập phương vô lượng Phật quốc không bị chướng ngại.
3. *Thiên nhĩ trí thông nguyện*: túc nguyện người, trời trong nước Phật đều đắc thiên nhĩ thông, có thể nghe pháp âm mười phương chư Phật rồi thọ trì.
4. *Tha tâm trí thông nguyện*: túc nguyện người, trời trong nước Phật đều đắc tha tâm thông, có thể biết khắp tâm niệm chúng sinh.
5. *Thần cảnh trí thông nguyện*: túc nguyện người, trời trong nước Phật đều đắc thần túc thông, trong một niệm liền có thể tới mười phương Phật quốc.
6. *Vô hữu ngã tướng niệm*, còn gọi là lậu tận thông trí thông nguyện: túc nguyện người, trời trong nước Phật đều không khởi tướng niệm tham, ái thân mình.

Chư Phật Như Lai đều dùng trí huệ vô thượng bồ đề làm thể tính, đầy đủ đại từ, đại bi, đại trí, đại định và 18

pháp bất cộng đẳng, các pháp bất cộng này, có thể gọi là công đức pháp thân Như Lai. Cảnh giới thần thông bất khả tư nghị Đức Phật thị hiện, vốn dựa vào đại trí, đại bi, đại định và công đức Ngài thành tựu, sức mạnh thần thông bất khả tư nghị này, cũng vì cứu độ chúng sinh, giúp chúng sinh được giải thoát tự tại, đến thành tựu vô thượng bồ đề, viên mãn Phật quả.

THẦN THÔNG CỦA BỒ TÁT

Trong nhiều kinh điển Đại thừa chỉ chép thần biến của Phật Bồ Tát, cảnh tượng thường xuyên siêu việt địa cầu, đi qua mấy thái dương hệ, thậm chí tự tại du hý trong quá khứ, hiện tại, vị lai, khiến ta thực sự tán thán bất khả tư nghị! Quyển 94 bộ “Đại trí độ luận” viết: “Cũng như chim không có cánh không thể bay lượn, Bồ Tát cũng vậy, không có thần thông Ba la mật không thể giáo hóa chúng sinh”. Chỉ thẳng tông chỉ lập trường Bồ Tát tu học thần thông.

Do Bồ Tát muốn độ hóa chúng sinh, khử trừ đau khổ, giúp chúng sinh an trú nơi an lạc Niết bàn ở bờ bên kia, do nơi đại bi tâm tinh cần tu học các loại phương tiện độ hóa chúng sinh. Ngoài ra, Bồ Tát không những hiểu rõ đạo lý không tính, còn tiến thêm một bước có thể từ trong không mà sinh khởi, tác dụng như huyễn quảng đại phương tiện, dùng Bát nhã Ba la mật dẫn đường, nên có thể đầy đủ thần thông bất khả tư nghị.

Thần thông của Bồ Tát, dựa vào Bát nhã Ba la mật sinh khởi, gọi là “thần thông Ba la mật”, biểu thị Bồ Tát

có thể dùng thần thông độ thoát hết thấy chúng sinh tới Niết bàn, ở bờ bên kia. Vì thế, quyển 40 bộ “Đại trí độ luận” viết: “Khi Bồ Tát Ma Ha Tát hành Bát nhã Ba la mật, đầy đủ thần thông Ba la mật. Khi đó đầy đủ thần thông Ba la mật, tăng ích a nậu đa la tam miệu tam bồ đề, là nguyên nhân vì sao thần thông của Bồ Tát quảng đại hơn bậc thánh hai thừa Thanh Văn, Duyên Giác.

Trong “Đại thụ khẩn na la vương sở vấn kinh”, ghi chép sự tích Đại thụ khẩn na la vương Bồ Tát, dùng tiếng đàn diễn tấu, khiến Ngài đại Ca Diếp tôn giả, nổi tiếng trong các đệ tử Thanh Văn về khổ hạnh, chịu không nổi phải đứng lên nhảy múa. Đại thụ khẩn na la vương, nổi tiếng nhất trong các vị Khẩn na la vương, cũng là Bồ Tát hóa hiện thân, lãnh đạo Khẩn na la.

Một lần, Đại thụ khẩn na la vương suất lĩnh quảng đại quyền thuộc chúng tới gặp Đức Phật, thị hiện các loại tướng tốt. Trước tiên đầy khắp hư không tam thiên đại thiên thế giới này có các thiên tử, không hiện hình, vẫn đánh trống tấu nhạc, nghe âm nhạc này, tất cả chư thiên trọng Tuyết sơn vương, Hương sơn vương, đều phóng ra nhiều diệu hương hơn, khiến tam thiên đại thiên thế giới tràn ngập quảng đại diệu hương. Hương sơn vương rải xuống như mưa nhiều diệu hoa, tất cả đều bay về nơi Phật, đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới. Các loại cây cũng rụng hoa bay như mưa.

Trên không trung, có một bảo cái (lọng báu), che phủ một vạn do tuần, bảo cái lớn này, trên châu rủ xuống trang trí, dùng chuông làm lưới đan mắc trang nghiêm, trong các lưới chuông phát ra âm nhạc vui tai nhẹ nhàng, diễn tấu đại diệu âm, khiến khắp nơi trên tam thiên đại thiên thế giới đều được nghe.



Tiếp theo, Đại thụ khấn na la vương và vô lượng Khẩn na la chúng, Càn thất bà chúng, Thiên chúng, Ma hầu la già chúng từ Hương sơn đến nơi Phật đàn tấu đàn lưu ly. Tiếng đàn tuyệt diệu này khắp cả tam thiên đại thiên thế giới đều nghe, khiến hết thấy âm nhạc của hết thấy cõi trời, cõi Dục giới... đều im bật.

Lúc đó, tất cả thiên nhân Dục giới, nghe âm nhạc của Đại thụ khấn na la vương đều bỏ âm nhạc đang diễn tấu bay đến chỗ Phật.

Khi Đại thụ khấn na la vương đàn, tất cả rừng núi chư sơn tam thiên đại thiên thế giới như Tu Di sơn, Tuyết sơn, Mục chân lân đà sơn, Ma ha mục chân lân đà sơn, Hắc sơn cùng các loại cỏ lá, cây cối, rừng núi bay vọt lên, vọt xuống mặt đất, như người uống rượu quá say vậy, nghiêng ngả lão đảo, không thể tự chủ.

Bấy giờ, đại chúng ở trước Đức Phật, ngoại trừ bậc Bồ Tát, bất thối chuyển, các chúng chư thiên... còn lại, nghe tiếng đàn và nhạc âm như vậy, đều không tự kiềm chế, từ chỗ ngồi nhảy múa, còn đại chúng Thanh Văn bình thường vốn đầy đủ uy nghi, lặng lẽ, nghe thấy tiếng đàn, mỗi người từ chỗ ngồi, vui vẻ theo tiếng đàn nhảy múa, như đứa trẻ khi chơi quá hưng phấn không tự kiềm chế được, nhất là từ trước đến nay vốn thụ trì giới luật, ít nói ít cười. Đại Ca Diếp tôn giả, cũng gia nhập hàng ngũ nhảy múa, khiến đại chúng thêm kinh ngạc.

Đại Ca Diếp thở một hơi dài: “Đấy cũng giống cuồng phong gió lớn thổi động hết thấy cây cối, cỏ lá, tùng lâm, cây cối không cách nào chống đỡ trận gió mạnh, nhưng bản tâm nó vốn không như vậy, chỉ do kiềm chế không được, không thể tự chủ. Nay vì Đại thụ khấn na la vương

đánh đàn, tiếng ca kỳ diệu hòa thuận, tiếng sáo tiếng tiêu lay động tâm, cũng giống cuồng phong thổi rạp cây cối, không thể tự chủ.

Bên cạnh một vị Thiên quán Bồ Tát, khuyên tôn giả đại Ca Diếp, hãy nên phát khởi đạo tâm vô thường chân chính bồ đề, được thế, dù nghe âm thanh vẫn không dao động kinh ngạc. Đại thụ khẩn na la vương liền dừng đàn thuyết diệu kệ, trả lời câu hỏi của Thiên quán Bồ Tát, rằng hết thấy âm thanh từ hư không sinh, thuyết về pháp nghĩa thậm thâm của không, vô tướng, vô nghĩa tam giải thoát môn và vô sinh pháp nhẫn.

Thần thông Ba la mật của Bồ Tát

Thần thông Bát nhã Ba la mật là phương tiện thiện xảo của Bồ Tát độ hóa chúng sinh tới bờ bên kia, có quan hệ mật thiết với Bát nhã Ba la mật. Vì sao Bồ Tát an trú trong nhất thiết pháp không của Bát nhã Ba la mật, lại có thể sinh khởi thần thông Ba la mật?

Theo quyển 94 bộ “Đại trí độ luận”, tôn giả Tu Bồ Đề nổi tiếng hiểu rõ tính không, thỉnh vấn Như Lai: “Vì sao Bồ Tát an trú nơi nhất thiết pháp không của Bát nhã Ba la mật, có thể sinh khởi thần thông Ba la mật, tới được quốc thổ mười phương nhiều như số lượng cát sông Hằng, cúng dường hiện tại chư Phật, nghe Như Lai thuyết pháp?”.

Đức Phật trả lời: “Đó bởi vì khi Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, quan sát quốc thổ mười phương như cát sông Hằng đều không, chư Phật trong quốc thổ cũng tính không,



chỉ là giả danh tồn tại, nên thân các Ngài sở hiện, danh tự các Ngài sở hiện đều là tính không cả”.

“Nếu như chỉ tự thân không, mà cho rằng quốc thổ chư Phật, thật có bất không, cái không đó đã có nghiêng lệch, vì không vốn chầy chảng phải như thế, không nghiêng lệch. Do đó có thể biết, tướng của hết thấy pháp là không, nên Bồ Tát Ma Ha Tát hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện sinh ra thân thông Ba la mật, có thể an trụ trong thân thông Ba la mật, khởi thiên nhãn, thiên nhĩ, như ý, tha tâm trí, túc mệnh trí, hiểu rõ sinh tử của chúng sinh”.

Tuy Bồ Tát có được cảnh giới thân thông quảng đại như vậy, nhưng cũng không thể chấp trước. Trong quyển 94 bộ “Đại trí độ luận” viết: “Nếu Bồ Tát là thân thông Ba la mật, không thể giúp lợi ích cho chúng sinh, cũng không thể đắc A nậu đa tam miệu tam bồ đề, thân thông Ba la mật của Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng tức đạo A nậu đa tam miệu tam bồ đề.

“Vì sao? Khi dùng là thiên nhãn tự thấy chư thiện pháp dạy người khác được chư thiện pháp, nhưng không dính mắc nơi thiện pháp, tự tính thiện pháp không nên không vô sở trước (không dính mắc), nếu dính mắc ắt thọ vị, nhưng không là chẳng có vị. Lại khi Bồ Tát Ma Ha Tát hành Bát nhã Ba la mật có thể sinh khởi thiên nhãn, dùng mắt này quán nhất thiết pháp không, thấy pháp không nên không thủ tướng không tạo nghiệp, cũng vì người nói là pháp, nhưng không thấy tướng chúng sinh, không có tên chúng sinh, vì Bồ Tát Ma Ha Tát dùng pháp vô sở đắc như thế, khởi thân thông Ba la mật”.

Trong kinh viết thân thông Ba la mật là “Đạo A nậu đa tam miệu tam bồ đề”, nghĩa tức “thành tựu vô thượng chính

đẳng chính giác” Phật đạo, là bỏ thần thông Ba la mật, không thể giúp lợi ích cho chúng sinh. Tại sao? Bồ Tát dùng thiên nhãn thông tự thân có thể thấy hết thấy thiện pháp, dạy người chứng được thiện pháp, đối với thiện pháp không chấp trước. Vì hết thấy pháp thiện, ác đều có tự tính không, không chỗ chấp trước.

Khi Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, có thể sinh khởi thiên nhãn, quán nhất thiết pháp là không, do thấy được tướng của pháp không, nên hiểu rõ không có kể thuyết pháp cũng không có chúng sinh nghe pháp. Bồ Tát chính dùng pháp vô sở đắc, có thể sinh khởi thần thông Ba la mật, như trong “Tâm kinh” viết: “Dùng vô sắc đắc nên đắc A nậu đa tam miệu tam bồ đề”.

Thần thông tự tại của Bồ Tát

Bồ Tát có những cảnh giới thần thông bất khả tư nghị nào?

Quyển 38 bộ “Hoa Nghiêm kinh”, đưa ra 10 loại thần thông Bồ Tát có được: “Gọi là xuất sinh niệm túc mệnh phương tiện trí thông, xuất sinh vô ngại thiên nhĩ trí thông, xuất sinh tri nhất thiết chúng sinh bất khả tư nghị tâm tâm sơ pháp phương tiện trí thông, xuất sinh vô ngại thiên nhãn quán sát chúng sinh phương tiện trí thông, xuất sinh bất khả tư nghị tự tại thần lực thị hiện chúng sinh phương tiện trí thông, xuất sinh nhất thân thị hiện bất khả tư nghị thế giới phương tiện trí thông, xuất sinh vu nhất niệm trung vắng chỉ bất khả thuyết thế giới phương tiện trí thông, xuất sinh bất khả tư nghị trang nghiêm cụ trang

nghiêm nhất thiết thời phương tiện trí thông, xuất sinh bất khả thuyết bất khả thuyết hóa thân thị hiện chúng sinh phương tiện trí thông, xuất sinh bất khả thuyết thể giới thành a nậu đa tam miệu tam bồ đề bất khả tư nghị thị hiện chúng sinh phương tiện trí thông”.

Trong 10 loại thần thông trên, tiến thêm một bước hiển hiện tông chỉ (mục đích chính) thần thông của Bồ Tát, tức mỗi một loại thần thông đều trở thành “phương tiện trí thông” hóa độ chúng sinh.

Quyển 6 bộ “Hoa Nghiêm kinh sơ” ghi về hai loại tự tại của Bồ Tát:

1. *Quán cảnh tự tại*, tức Bồ Tát dùng trí huệ chính xác chiếu cảnh chân như, thông đạt hết thấy chư pháp viên dung tự tại.
2. *Tác dụng tự tại*, tức Bồ Tát dùng trí huệ chính xác chiếu rõ cảnh chân như, có thể từ thể khởi dụng tự tại hiện thân thuyết pháp, dạy dỗ chúng sinh.

Ngoài ra, Bồ Tát từ bậc bát địa trở lên, có bốn thứ tự tại, căn cứ vào ghi chép trong quyển thượng bộ “Biện trung biện luận”, quyển 5 bộ “Đại thừa tạng nghiêm kinh luận”, bốn thứ tự này phân biệt gồm:

1. *Vô phân biệt tự tại*, tức xả bỏ hạnh hết thấy công dụng đặc vô công dụng pháp, nhất thiết pháp lìa bỏ tâm tưởng phân biệt nên được tự tại.
2. *Sát thổ tự tại*, hay còn tên Tịnh thổ tự tại, tức Bồ Tát có thể tự do sinh vào một quốc thổ, khiến quốc thổ chư Phật thanh tịnh.
3. *Trí tự tại*, tức Cửu địa thiện huệ Bồ Tát đặc vô ngại trí, khi thuyết pháp giáo hóa tùy ý vận dụng tự tại.

4. *Nghiệp tự tại*, tức Bồ Tát bậc thập địa pháp vân địa không bị trói buộc của nghiệp phiền não, càng những chướng ngại.

Quyển thượng bộ “Tự tại vương Bồ Tát kinh” cũng ghi bốn thứ tự tại:

1. *Giới tự tại*, tức tu hành giới đầy đủ các giới, sở nguyện viên mãn thành tựu.
2. *Thần thông tự tại*, tức đầy đủ ngũ thông như thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông... sở dục cầu vô ngại.
3. *Trí tự tại*, tức đầy đủ ngũ trí, âm trí, tánh trí... không bị trì trệ nên tự tại.
4. *Huệ tự tại*, tức tu đắc nghĩa vô ngại trí, pháp vô ngại trí... bốn loại vô ngại trí, có thể thông hiểu chư pháp, chú dịch chương cú kinh điển.

Theo ghi chép trong “Biến tịnh thiên thọ ký phẩm” quyển 68 bộ “Đại bảo tích kinh”, Bồ Tát có năm loại tự tại:

1. *Thọ mệnh tự tại*, tuy Bồ Tát đã thành tựu huệ mạng pháp thân, không còn các tướng sinh, tử, chết yếu, trường thọ... nhưng vì độ thoát hữu tình, nên dùng các phương tiện tùy cơ thị hiện tướng dài, ngắn thọ mạng, không hề chướng ngại.
2. *Sinh tự tại*, Bồ Tát vì độ thoát hữu tình, dùng tâm đại bi tùy loại mà thọ sinh trong sáu nẻo như nhân gian, trời, súc sinh..., làm lợi ích cho hết thấy hữu tình, nên đi, tới không trở ngại.
3. *Nghiệp tự tại*, Bồ Tát vạn hạnh đầy đủ bi trí song vận hoặc hiện thần thông, hoặc thuyết diệu pháp, hoặc nhập thiền định hoặc tu khổ hạnh, hết thấy sự nghiệp lợi tha đã làm đều có thể gánh vác vô ngại.

4. *Giác quán tự tại*, Bồ Tát dạy dỗ hữu tình, tuy có suy nghĩ, nhưng đối với lìa xa tán loạn, tùy nguyện độ thoát đều bình đẳng vô ngại.

Trong “Thập địa phẩm”, quyển 26 bộ “Tứ thập Hoa Nghiêm kinh” ghi Bồ Tát có 10 thứ tự tại:

1. *Mệnh tự tại*, hay gọi thọ mệnh tự tại, thọ tự tại, tức Bồ Tát trong trường kiếp trụ trì thọ mạng, hóa ích chúng sinh vô cùng.
2. *Tâm tự tại*, tức Bồ Tát có thể xuất sinh A Tăng Kỳ tam muội, nhập vào tâm trí.
3. *Tài tự tại*, còn gọi tư cụ tự tại, chúng tự tự tại, trang nghiêm tự tại, vật tự tại, tức Bồ Tát dùng công cụ trang nghiêm quảng đại để trang nghiêm hết thủy quốc thổ.
4. *Nghiệp tự tại*, tức Bồ Tát nơi chư hạnh nghiệp được đại tự tại tùy thời thọ báo.
5. *Sinh tự tại*, hay gọi là thọ sinh tự tại, tức Bồ Tát tự tại thọ sinh hết thủy quốc thổ.
6. *Nguyện tự tại*, tức Bồ Tát tùy theo sở nguyện, tùy thời tùy xứ thành tựu bồ đề.
7. *Tín giải tự tại*, hay gọi giải thoát tự tại, tín tự tại, thắng giải tự tại, tức Bồ Tát nơi hết thủy thế giới đều có thể gặp tràn đầy chư Phật.
8. *Như ý tự tại*, hay còn gọi thần lực tự tại, thần biến tự tại, tức Bồ Tát có thể thị hiện hết thủy đại thần biến.
9. *Trí tự tại*, tức Bồ Tát trong mỗi niệm, thị hiện thập lực vô sở úy của giác ngộ Như Lai.
10. *Pháp tự tại*, tức Bồ Tát thị hiện pháp môn vô lượng vô biên.

Bồ Tát hành sáu Bát nhã Ba la mật, có thể thành tựu 10 thứ tự tại, tức hành pháp thí, vô úy thí, tài thí, có thể thành tựu viên mãn nghiệp tự tại, tài tự tại; trì giới hạnh có thể thành tựu viên mãn nghiệp tự tại, sinh tự tại; tinh tấn hạnh có thể thành tựu viên mãn nghiệp tự tại; tam hạnh nhẫn nhục, an thọ, thông đạt có thể thành tựu viên mãn tín giải tự tại; tinh lực hạnh có thể thành tựu viên mãn như ý tự tại; hạnh Bát nhã có thể thành tựu viên mãn trí tự tại, pháp tự tại.

10 thứ tự tại này trong “Hoa Nghiêm kinh – Ly thế gian phẩm”, liệt cử chúng sinh tự tại, sát tự tại, pháp tự tại, thân tự tại, nguyện tự tại, cảnh giới tự tại, trí tự tại, thông tự tại, thần lực tự tại, lực tự tại..., mỗi loại trong đó lại chia thành 10 loại tự tại, biến thành hàng trăm loại tự tại.

“Hoa Nghiêm kinh” viết: Bồ Tát có 10 loại tự tại:

1. *Chúng sinh lực tự tại*: không xa lìa chúng sinh, giáo hóa điều phục họ.
2. *Phật sát lực tự tại*: dùng vô số dụng cụ trang nghiêm để hiển hiện trang nghiêm chư Phật sát.
3. *Pháp lực tự tại*: có thể khiến hết thấy thân vào vô thân.
4. *Kiếp lực tự tại*: không đoạn dứt hết thấy Bồ Tát hạnh.
5. *Phật lực tự tại*: giác ngộ chúng sinh khỏi giấc ngủ dài sinh tử.
6. *Hạnh lực tự tại*: nhiếp thủ hết thấy Bồ Tát hạnh.
7. *Như Lai lực tự tại*: thoát hết thấy chúng sinh.
8. *Vô sự tri lực tự tại*: tự nhiên giác ngộ hết thấy pháp.
9. *Nhất thiết trí lực tự tại*: hết thấy trí nhập vào trí giác ngộ.



10 Đại bi lực tự tại: không lừa dối hết thảy chúng sinh.

Trong kinh còn viết, nếu như Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu 10 loại lực tự tại này, muốn thành tựu vô thượng bồ đề hoặc không muốn thành tựu vô thượng bồ đề, đều có thể tùy ý tự tại, hoặc tuy thành tựu bồ đề, nhưng không dứt chư Bồ Tát hạnh. Đó là do Bồ Tát Ma Ha Tát có thể xuất sinh hết thảy đại nguyện, có thể dùng phương tiện thiện xảo thị hiện vô lượng tự tại pháp môn.

Trong “Hoa Nghiêm kinh” viết Bồ Tát Ma Ha Tát có 10 loại thông tự tại (thực tế chỉ đưa ra 9 loại):

1. Nhất thiết thế giới thị hiện thân – Cảnh giới thông tự tại.
2. Nơi đại chúng của hết thảy Như Lai nghe thọ chính pháp và đều có thể thọ trì – Nhất thiết chư Phật đại chúng hội pháp thông tự tại.
3. Nơi cảnh giới nhất niệm của chúng sinh thành bất khả thuyết vô thượng bồ đề, nhất thiết chúng sinh vô bất tri giả thông tự tại.
4. Nói ra một diệu âm đều có thể đầy khắp hết thảy thế giới, sinh ra hết thảy âm thanh khác nhau, nhất thiết chúng sinh đều khai giải thông tự tại.
5. Ở nơi một niệm thị hiện hết vô biên tế kiếp, nhất thiết chúng sinh chư nghiệp quả vô bất tri giả thông tự tại.
6. Khiến hết thảy thế giới đều được trang nghiêm thông tự tại.
7. Quán sát tam thế bình đẳng thông tự tại.
8. Xuất sinh nhất thiết chư Phật Bồ Tát và chúng sinh nguyện phóng đại pháp quang minh thông tự tại, hết

thấy thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu a, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, đế thích, phạm vương và hết thấy Thanh Văn, Duyên Giác, chư Bồ Tát đều cung kính tôn trọng.

9. Khéo léo hộ trì chư Như Lai lực hết thấy thiện căn thông tự tại.

Trong quyển đó còn nói, Bồ Tát có 10 loại thần lực tự tại:

1. Dĩ bất khả thuyết thế giới nhập nhất vi trần thần lực tự tại (đem vô số thế giới vào một hạt bụi).
2. Thần lực tự tại nơi một hạt bụi biến hiện hết thấy Phật sát, hết thấy pháp giới.
3. Thần lực tự tại nơi chân lông có thể dung chứa hết thấy đại hải, có thể du hành hết thấy thế giới không làm chúng sinh sợ hãi.
4. Thần lực tự tại đem hết thấy thế giới vào trong thân mình, hiển hiện mọi sự việc trong đó.
5. Thần lực tự tại dùng sợi lông treo Kim Cang vi sơn bất khả tư nghị, du hành hết thấy thế giới, không khiến chúng sinh sợ hãi.
6. Thần lực tự tại thị hiện vô số kiếp thành một kiếp, từ một kiếp thị hiện vô số thành bại kiếp, không khiến họ sinh tâm sợ hãi.
7. Thần lực tự tại thị hiện thủy, hỏa, phong, tai nạn thành bại nơi hết thấy thế giới không khiến chúng sinh sợ hãi.
8. Thần lực tự tại khi hết thấy thế giới bị hủy bởi thủy, hỏa, phong, tai nạn giữ được công cụ tài sản của hết thấy chúng sinh.

9. Thần lực tự tại đặt bất khả tư nghị thế giới trong lòng bàn tay, rồi ném qua phương khác vô số thế giới không khiến chúng sinh sợ hãi.
10. Thần lực tự tại khiến hết thấy chúng sinh thấu hiểu hết thấy Phật sát, cũng như hư không.

Những loại tự tại này đều biểu hiện việc Bồ Tát đầy đủ quảng đại thần lực trong mọi cảnh giới đều tự tại vô ngại, đại biểu Bồ Tát đầy đủ lực lượng rộng lớn.

Quảng đại thần thông của Bồ Tát chủ yếu thể ngộ thật tướng của pháp giới hiện không như huyễn. Như huyễn tam muội làm trung tâm hiện khởi, hoặc tiếp tục tu tập tăng lên thành tự. Bồ Tát dùng thượng cầu vô thượng bồ đề hạ hóa vô biên chúng sinh làm trọng tâm, do đó, dùng trí huệ làm thể tính hiện khởi sự vô biên lực lượng thần thông, để trang nghiêm các thần thông rộng lớn thì dùng trí huệ và bi tâm làm trọng tâm vận dụng cảnh giới tam muội thành tựu, từ bi, trí huệ và thiền định tam muội dung hòa viên mãn lẫn nhau, hiển thị sự vô biên diệu dụng thần thông của Bồ Tát.



Chương 6

Cảnh giới bất khả tư nghị của thần thông

Lại có bốn pháp thành tựu thần thông, bởi rằng là bốn pháp nào? Một, không tiếc thân mệnh vô luyến ái; hai, hiểu rõ nhất thiết pháp như huyền hóa; ba, khởi tôn trọng đối với mọi chúng sinh; bốn, tu Xa Ma Tha vô tán loạn.

“Đại bảo tích kinh” quyển 85

PHẬT THỊ HIỆN THẦN BIẾN TÁM TƯỚNG THÀNH ĐẠO

Cuộc đời của Đức Phật, thông thường hay dùng “Bát tướng thành đạo” để biểu hiện sự việc giáo hóa trong cuộc đời Phật, cũng là sự tích trọng đại trong lịch trình của đời sống kiếp này của Phật.

Tám tướng này gồm tám cột mốc quan trọng: hạ thiên, thác thai, xuất sinh, xuất gia, hàng ma, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết bàn.

Thích Ca Mâu Ni Phật, vị Phật chứng quả nơi thế gian của chúng ta, vào khoảng hơn 500 T.CN, ra đời nơi thành Ca Tỳ La Vệ bắc Ấn Độ, thái tử của vua Tịnh Phạn, tên Tất Đạt Đa. Phật dần sinh nơi nhân gian thành tựu vô thượng viên mãn đại giác, vì chúng ta dựng lập nên điển phạm vĩ đại tự giác - giác tha.

Thần biến của Phật từ trên trời giáng sinh nhân gian

Tướng thứ nhất trong tám tướng thành đạo từ Đâu Suất thiên giáng sinh nhân gian. Tức khi Đức Phật khi chưa thành Phật, là thân Bồ Tát cuối cùng, từ Đâu Suất thiên sắp giáng thần đầu thai, quán sát mười phương thế giới đương thời, thấy nơi thích hợp nhất để giáng sinh là thành Ca Tỳ La Vệ, vì thế Bồ Tát liền hiện ra năm điềm lành: (1) Phóng đại quang minh; (2) Đất đai chấn động; (3) Cung điện chư ma bị che lấp không hiện; (4) nhật, nguyệt, tinh tú không còn sáng; (5) Các chúng như thiên, long... đều sợ hãi. Sau khi thị hiện những điềm lành này, liền hạ sinh.

“Hoa Nghiêm kinh” chép rằng, khi Bồ Tát từ trên trời giáng sinh nhân gian, có đủ loại thần biến trang nghiêm. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát ở cõi trời Đâu Suất sắp hạ sinh nhân gian, từng thị hiện ra 10 loại trang nghiêm thần biến.

1. Bồ Tát Ma Ha Tát từ dưới chân phóng ra hào quang lớn tên An lạc trang nghiêm, phổ chiếu hết thấy chúng sinh thânọa khổ nạn nơi nẻo ác của tam thiên đại thiên thế giới. Phàm người nào tiếp xúc với ánh hào quang này, đều được lìa khỏi đau khổ được an lạc. Chúng

sinh sau khi được an lạc, biết rằng sẽ có vĩ nhân kỳ đặc xuất sinh nơi thế gian.

2. Bồ Tát Ma Ha Tát từ trong tướng bạch hào giữa hai chân mày, phóng ra hào quang lớn tên Giác ngộ, phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới, chiếu diệu chư vị Bồ Tát cùng Ngài tu hành trong đời quá khứ. Những vị Bồ Tát đó bị ánh hào quang chiếu diệu, đều biết rằng Bồ Tát sắp hạ sinh, mỗi vị đều đưa ra vô lượng khí cụ cúng dường, đến nơi ở của Bồ Tát, cúng dường Bồ Tát.
3. Bồ Tát Ma Ha Tát từ trong lòng bàn tay phải phóng ra hào quang lớn tên là thanh tịnh cảnh giới, trang nghiêm thanh tịnh tam thiên đại thiên thế giới. Trong đó nếu có Bích Chi Phật đã chứng đắc vô lậu trí huệ, cảm nhận được ánh hào quang, liền lập tức nhập Niết bàn; nếu người không phát hiện, cũng sẽ do thần lực của ánh hào quang dời đến nơi khác. Chư ma và ngoại đạo các thế giới còn lại, ngoại trừ những người thọ gia trì của thần lực chư Phật, và những chúng sinh sẽ được độ hóa, còn lại nếu như nhìn thấy hào quang cũng đều dời đến thế giới khác.
4. Bồ Tát Ma Ha Tát từ hai gối, phóng hào quang lớn tên là thanh tịnh trang nghiêm, phổ chiếu cung điện chư thiên, dưới từ hộ thế tứ thiên vương, trên đến tịnh cư thiên, nơi nào cũng chiếu diệu đầy khắp. Và các thiên nhân của các cõi trời, đều biết rằng Bồ Tát sẽ từ Đâu Suất thiên hạ sinh nhân gian. Không ai là không lưu luyến ngưỡng mộ, vui buồn sầu não, mỗi người tự đem các thứ hoa tràng, y phục, hương thơm, hương bột, lọng dù, âm nhạc đến nơi ở của Bồ Tát, cung kính cúng



dường Bồ Tát, theo Ngài hạ sinh nhân gian cho đến khi Ngài nhập Niết bàn.

5. Bồ Tát Ma Ha Tát từ chữ Vạn Kim Cang trang nghiêm trước ngực, phóng hào quang lớn tên là Vô năng thắng tràng, phổ chiếu Kim Cang lực sĩ mười phương thế giới. Bảy giờ, trăm ức vị Kim Cang lực sĩ tu tập, theo bên cạnh Bồ Tát làm thị vệ, từ khi Bồ Tát hạ sinh nhân gian đến khi nhập Niết bàn.
6. Bồ Tát Ma Ha Tát từ tất cả chân lông trên thân, phóng hào quang lớn tên là phân biệt chúng sinh, phổ chiếu đại thiên thế giới, chiếu khắp tất cả Bồ Tát thân, rồi chiếu khắp tất cả thiên nhân. Trong lòng các vị Bồ Tát nghĩ: “Ta nên an trú ở nơi này, cúng dường Như Lai, giáo hóa chúng sinh”.
7. Bồ Tát Ma Ha Tát từ trong đại Ma ni bảo tạng điện, phóng hào quang lớn tên là Thiện trụ quán sát, chiếu diệu vương cung của vị Bồ Tát sắp đầu thai. Khi ánh hào quang chiếu diệu, các Bồ Tát còn lại đều theo Ngài hạ sinh ở Diêm Phù Đề châu. Có vị hạ sinh trong gia tộc của Ngài, có vị đầu thai trong bộ lạc của Ngài, hoặc có vị cùng một thành ấp với Bồ Tát, đó đều vì giáo hóa chúng sinh thị hiện.
8. Bồ Tát Ma Ha Tát từ cung điện trên cõi trời cùng trong lầu các trang nghiêm quảng đại, phóng hào quang lớn tên Nhất thiết cung điện thanh tịnh trang nghiêm, chiếu diệu trong bụng của người mẹ Ngài sắp giáng sinh. Khi hào quang chiếu diệu mẫu thân của Bồ Tát sẽ an ổn vui vẻ, đầy đủ thành tựu hết thảy công đức. Trong bụng mẫu thân Ngài tự nhiên sẽ có quảng đại

lầu các của đại Ma ni bảo trang nghiêm, đều vì an trí thân của Bồ Tát thị hiện.

9. Bồ Tát Ma Ha Tát từ dưới hai chân phóng hào quang lớn tên là Thiện trụ. Nếu như sinh mệnh của chư vị thiên tử và chư vị Phạm Thiên sắp dứt, người được hào quang chiếu tới, đều có thể kéo dài thọ mệnh, cúng dường Bồ Tát, từ khi Ngài hạ sinh thế gian, đến khi nhập Niết bàn.
10. Bồ Tát Ma Ha Tát từ hảo hình tượng phóng hào quang lớn tên là Nhân trang nghiêm, thị hiện các loại nghiệp của Bồ Tát.

Bấy giờ, chư vị nhân thiên, có vị nhìn thấy Bồ Tát an trú ở Đâu Suất thiên, có vị nhìn thấy Bồ Tát nhập thai; có vị nhìn thấy Ngài thành đạo; có vị nhìn thấy Ngài xuất gia; có vị nhìn thấy Ngài chuyển pháp luân; có vị nhìn thấy Bồ Tát nhập Niết bàn. Bồ Tát Ma Ha Tát từ trên thân, từ bảo tọa, từ cung điện hoặc từ trong lầu các, phóng trăm vạn A Tăng Kỳ hào quang như thế, đều thị hiện mọi loại nghiệp lực Bồ Tát. Sau khi thị hiện, Bồ Tát liền từ Đâu Suất thiên hạ sinh nhân gian.

Thần biến khi Phật an trú trong thai mẹ

Tức Bồ Tát khi sắp nhập vào thai mẹ, quán sát Tịnh Phạn vương tính hạnh nhân hiền, Ma Gia hoàng hậu 500 kiếp trước cũng từng là mẹ Bồ Tát, bèn đầu thai vào đó. Bấy giờ, những người có căn khí lớn, đều nhìn thấy Bồ Tát ở trong lầu các chiên đàn; người có căn khí nhỏ thấy Ngài cười voi trắng sáu ngà, cùng với vô lượng chư thiên trỗi các



loại nhạc, vào từ hông bên phải của Ma Gia hoàng hậu, thân ảnh ở ngoài, và ở trong lưu ly.

Căn cứ ghi chép trong “Hoa Nghiêm kinh”, khi Phật Thích Ca Mâu Ni đang ở giai đoạn thân Bồ Tát cuối cùng, Ngài thị hiện nhập diệt nơi Đâu Suất thiên, đầu thai xuống nhân gian. Khi Bồ Tát ở trong thai mẹ, đã bắt đầu thị hiện thần biến. Trong quyển 59 “Hoa Nghiêm kinh” viết: “Khi Bồ Tát Ma Ha Tát thị hiện thân ở nơi thai mẹ, có một loại thần biến trang nghiêm.

1. Bồ Tát Ma Ha Tát vì muốn thành tựu cho những chúng sinh phát tâm nhỏ hẹp, tín giải thấp kém, không để họ phát khởi cách nghĩ như vậy: “Vị Bồ Tát hiện tại tự nhiên hóa sinh, cho nên ông ta vốn không cần tu học liền chứng đắc trí huệ và thiện căn”. Vì vậy Bồ Tát mới thị hiện vào thai mẹ.
2. Bồ Tát Ma Ha Tát vì muốn làm cho thiện căn của cha mẹ, cũng như chư vị quyến thuộc và chúng sinh cùng tu hành trong kiếp trước được chín muồi, mới thị hiện nơi thai mẹ. Họ đều do nhìn thấy Bồ Tát nơi thai mẹ, thành tựu tất cả thiện căn.
3. Bồ Tát Ma Ha Tát tiến vào thai mẹ, nhưng vẫn có thể chính niệm, chính tri, không mê hoặc. Sau khi trụ nhập thai mẹ, tâm vẫn hằng chính niệm, không sai loạn.
4. Bồ Tát Ma Ha Tát tiến vào thai mẹ, thường diễn thuyết Phật pháp, rất nhiều Bồ Tát, để thích, Tứ Đại Thiên Vương mười phương thế giới đến tụ hội, Bồ Tát có thể giúp họ đạt được thần lực vô lượng, trí huệ vô biên, đó là Bồ Tát trong thai mẹ thành tựu biện tài vô ngại, thù thắng diệu dụng.

5. Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong thai mẹ, có thể tu tập đại chúng, dùng lực lượng của quyết nguyện giáo hóa chư vị Bồ Tát.
6. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong thai mẹ, chúng sinh nơi tam thiên đại thiên thế giới đều nhìn thấy Bồ Tát, như nhìn thấy dung mạo Ngài từ trong gương sáng vậy. Lúc ấy, đại tâm thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, nhân, phi nhân... đều đến bái kiến Bồ Tát, cung kính cúng dường.
7. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong thai mẹ, hết thấy Bồ Tát đều sinh mẫu thai lần cuối ở thế giới khác, đến tụ hội, diễn thuyết đại tập pháp môn tên “Quảng đại trí huệ tạng”.
8. Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong thai mẹ, có thể tiến vào “Ly cấu tạng tam muội” dùng sức mạnh bản nguyện giáo hóa chư vị Bồ Tát, dùng sức mạnh tam muội này, tuy thân ở thai mẹ nhưng vẫn thị hiện đại cung điện. Các loại trang sức trang nghiêm vô cùng mỹ hảo, ngay cả Đâu Suất thiên cung cũng không sánh được. Và Bồ Tát còn có thể khiến thân tâm của mẹ an ổn không lo buồn.
9. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong thai mẹ, có thể dùng đại nguyện lực tên “Khai đại phúc đức ly cấu tạng”, hưng khởi hết thấy cúng dường, cúng dường chư Phật của thập phương thế giới. Các vị Phật đều đến nơi vì Ngài diễn thuyết pháp giới tạng nơi vô biên Bồ Tát sở trụ.

Chín loại thần biến trang nghiêm kể trên là thần biến của Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni ở trong thai mẹ.

Mười loại thần biến điểm lành nơi Đức Phật đản sinh

Khi Phật đản sinh, nơi Phật ra đời – vườn Lâm Tỳ Ni, xuất hiện tướng thần thông biến hóa mười điểm lành.

1. Mặt đất trong vườn bằng vô cùng bằng phẳng, hố hang, ụ đất nhỏ biến mất hết.
2. Mặt đất trong vườn được trải bằng kim cương, đủ loại vật báu trang nghiêm, không còn mảnh sành sứ, gai góc cây khô nào cả.
3. Cây bảo đao la bày xung quanh, rễ cây vươn thẳng tới nước.
4. Trên mặt đất mọc các loại mầm thơm, xuất hiện các loại hương tạng, có bảo hương làm cây, chỗ che bóng mát, mùi hương thơm hơn cả các loại hương cõi trời.
5. Hết thấy diệu hoa mạn, bảo trang nghiêm cụ đều phân bố theo hàng ngũ, tràn đầy mọi nơi.
6. Toàn bộ cây cối trong vườn, đều tự nhiên nở ra Ma ni bảo hoa.
7. Hết thấy ao hồ đều tự nhiên từ dưới đáy mọc lên hoa báu, đầy khắp mặt nước.
8. Vườn cây Lâm Tỳ Ni thế giới Ta Bà, có hết thấy các vua Dục giới, Sắc giới, Thiên vương, Long vương, Dạ xoa vương, Càn thất bà vương, A tu la vương, Ca lâu la vương, Khẩn na la vương, Ma hầu la già vương đến tập hội, chấp tay an trú.
9. Hết thấy từ thiên nữ, đến Ma hầu la già nữ (sinh vật đầu rắn, mình người) ở thế giới Ta Bà, đều sinh tâm



Vườn Lâm Tỳ Ni nơi Phật đản sinh.

- hoan hỉ, phân biệt bưng các loại khí cụ cúng dường, cung kính đứng quay mặt về phía cây Tất Lạc Xoa.
10. Rốn thập phương chư Phật đều phóng ánh quang đại quang minh ngọn đèn Bồ Tát xuất Bồ Tát thọ sinh tự tại, phổ biến chiếu diệu toàn bộ vườn cây Lâm Tỳ Ni. Mỗi đạo hào quang đều thị hiện tất cả thần thông biến hóa về chư Phật thọ sinh, đản sinh... và hết thảy công đức của Bồ Tát thọ sinh, lại truyền ra các loại pháp âm của chư Phật.

Đại chúng nhìn thấy mười loại thần thông biến hóa này, ai nấy hoan hỉ chấp tay cung kính, biết rằng sẽ có Bồ Tát hạ sinh thế gian.

Cảnh giới thần biến khi Đức Phật sắp ra đời

Khi Phật mẫu Ma Gia hoàng hậu ngồi dưới gốc cây Vô Ưu, trong vườn xuất hiện cảnh giới mười loại thần thông biến hóa về việc Bồ Tát sắp ra đời. Mười loại thần biến ra sao?

1. Khi Thế Tôn sắp dẫn sinh, chư thiên, thiên tử, thiên nữ, Dục giới, cùng hết thấy chư thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già và quyến thuộc của họ ở Sắc giới, vì muốn cúng dường vị Bồ Tát sắp ra đời (Thích Ca Mâu Ni Phật) nên đều vân tập trong vườn cây Lâm Tỳ Ni. Do uy đức thù thắng của Ma Gia hoàng hậu, hết thấy chân lông trên toàn thân phóng hào quang phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới một cách vô ngại, trừ diệt phiền não và đau khổ nơi tam ác đạo hết thấy chúng sinh, toàn bộ ánh sáng của thế gian đều bị ánh hào quang lớn này che phủ không còn thấy được nữa, đó là thần thông biến hóa đầu tiên khi Bồ Tát sắp dẫn sinh.
2. Trong bụng của Ma Gia hoàng hậu lại xuất hiện hết thấy hình tượng tam thiên thế giới, trong đó có bách ức cõi Diêm Phù Đề. Mỗi một Diêm Phù Đề có vô số đô thành, mỗi đô thành có những vườn cây tên gọi khác nhau, trong đó đều có Ma Gia hoàng hậu an trú, trùng trùng thiên chúng vây quanh, vì muốn hiển hiện đoan tượng của thần biến bất khả tư nghị khi Bồ Tát sắp sinh, đó là thần biến hóa thứ hai khi Bồ Tát sắp dẫn sinh.

3. Toàn bộ chân lông trên thân Ma Gia hoàng hậu, lại thị hiện ra đời quá khứ Như Lai khi tu hành Bồ Tát đạo, cung kính cúng dường chư Phật, cùng nghe âm thanh tuyên thuyết Phật pháp của chư Phật. Giống như tấm gương sáng, dòng nước trong phản chiếu rõ ràng hết thấy hình tượng nhật nguyệt, tinh tú, mây, sấm chớp... của hư không. Các chân lông trên thân Ma Gia hoàng hậu cũng như thế, có thể thị hiện các loại nhân duyên Như Lai trong quá khứ; đó là thần biến hóa thứ ba khi Bồ Tát sắp đản sinh.
4. Mỗi chân lông trên thân Ma Gia hoàng hậu, nhất nhất thị hiện thời quá khứ khi Như Lai tu tập Bồ Tát hạnh an trú nơi thế giới, thành thị, bộ lạc, sơn lâm, hồ biển, có thời gian dài như số kiếp của chúng sinh, đến khi Phật ra đời nơi thế gian, thú nhập thanh tịnh quốc thổ, tùy sở thọ sinh, thọ mệnh hoặc dài hoặc ngắn, y chỉ thiện tri tu hành thiện pháp, bất luận Như Lai thọ sinh trong sát thổ nào, Ma Gia hoàng hậu đều là mẫu thân Ngài, hết thấy cảnh giới, đều hoàn toàn hiển hiện trong chân lông Ma Gia hoàng hậu; đó là thần biến hóa thứ tư khi Bồ Tát sắp đản sinh.
5. Trong mỗi chân lông trên thân Ma Gia hoàng hậu, nhất nhất thị hiện thời quá khứ khi Như Lai tu tập Bồ Tát hạnh, tùy theo nơi sinh ra, sắc tướng, hình dáng, y phục, ẩm thực, khổ cùi mọi việc Ngài, đều phổ hiện minh bạch, rõ ràng phân biệt; đó là thần biến hóa thứ năm khi Bồ Tát sắp đản sinh.
6. Mỗi chân lông trên thân Ma Gia hoàng hậu, nhất nhất thị hiện thời quá khứ khi Như Lai tu tập bố thí, thí xả hết thấy mọi thứ tài vật trong thân mà người thường



khó có thể thí xả như đầu mắt, tai mũi, miệng, lưỡi, răng, cơ thể, tay chân, máu, gân cốt... cùng các tài vật ngoài thân như con trai con gái, thê thiếp, thành ấp, cung điện, y phục, anh lạc, vàng bạc, hàng quý... hết thấy mọi thứ trong thân thể nhìn thấy hình mạo, âm thanh và nơi ở của người tiếp nhận bố thí; đó là thần biến hóa thứ sáu khi Bồ Tát sắp dẫn sinh.

7. Khi Ma Gia hoàng hậu tiến vào vườn cây Lâm Tỳ Ni, trong vườn xuất hiện cảnh giới khi chư Phật đầu sinh vào thai mẹ, có các loại bảo vật trang nghiêm nơi các quốc thổ, vườn cây, y phục, hoa mạn, hương thơm, hương bột, lông dù, tràng cái... lại có âm nhạc ca vịnh... những âm thanh diệu hảo tối thượng, khiến chúng sinh phổ biến đắc được kiến giải; đó là thần biến hóa thứ bảy khi Bồ Tát sắp dẫn sinh.
8. Khi Ma Gia hoàng hậu tiến vào vườn cây Lâm Tỳ Ni, từ chân lông trên thân xuất hiện cung điện Ma ni bảo vương, lầu các của Bồ Tát an trú, các loại kiến trúc này vượt xa nơi an trú của hết thấy chư thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già và chư vương. Bên trên cung điện, lầu các che phủ các loại lưới báu, phổ biến hun đốt các loại diệu hương, cùng các loại bảo vật trang nghiêm trong ngoài vô cùng thanh tịnh. Mặc dù các loại đều khác nhau, nhưng không tạp loạn, và đầy khắp xung quanh toàn bộ vườn Lâm Tỳ Ni; đó là thần biến hóa thứ tám khi Bồ Tát sắp dẫn sinh.
9. Khi Ma Gia hoàng hậu tiến vào vườn cây Lâm Tỳ Ni, trên thân của bà hiện ra Bồ Tát mười loại bất khả thuyết trăm ngàn ức na do tha sát vi trần số, thân hình, tướng mạo các vị Bồ Tát này vô cùng rực rỡ, đẹp đẽ, cử chỉ uy nghi, thần thông, quyền thuộc, đều tương



Khi Phật dẫn sinh, có các loại thần biến bất khả tư nghị.

đồng với Tỳ Lô Giá Na Bồ Tát không hề sai biệt, họ đồng thời tán thán Thế Tôn; đó là thần biến hóa thứ chín khi Bồ Tát sắp dẫn sinh.

10. Khi Ma Gia hoàng hậu sắp sinh ra Bồ Tát, đột nhiên ở nơi đại địa như Kim Cang, trước mặt bà hiện ra một đóa sen lớn tên là Nhất thiết bảo trang nghiêm tạng. Hoa này thân bằng kim cương, tua hoa bằng các báu, đài hoa bằng như ý bảo vương, có lá mười Phật sát vi trần số, hết thấy đều dùng ma ni bảo châu cấu thành. Lại có lưới báu, bảo cái phủ trên, đóa hoa sen lớn do tất cả các thiên vương đỡ lấy, Long vương giáng xuống mưa thơm, tất cả Dạ xoa vương đều cung kính vây quanh đóa sen, rải các loại thiên hoa.

Tất cả Càn Thát Bà đều phát ra âm thanh vi diệu vui tai, ca vịnh tán thán công đức cúng dường chư Phật của Bồ Tát vào đời quá khứ. A Tu La vương xả lìa tâm kiêu mạn, dập đầu kính lễ. Ca Lô La vương giữ bảo tăng phan xuống, đầy khắp trong hư không. Khẩn Na La vương hoan hỉ chiêm ngưỡng, ca vịnh tán thán công đức của Bồ Tát. Ma Hầu La Già vương sinh tâm hoan hỉ, ca vịnh tán thán, rải xuống như mưa các loại bảo trang nghiêm vân; đó là thần biến hóa thứ mười khi Bồ Tát sắp dẫn sinh.

Sự dẫn sinh của Ngài cũng giống như mặt trời hiện ra trong hư không, giống mây màu tường thoai xuất hiện trên đỉnh núi.

Giống như ánh sấm sét chớp sáng trong mây đen; giống như trong đêm tối đốt lên ngọn đuốc sáng. Bấy giờ, Bồ Tát từ hông bên phải của Ma Gia hoàng hậu giáng sinh, hào quang thân tướng giống như cảnh tượng kể trên. Bấy giờ, tuy Bồ Tát thị hiện tướng mạo của trẻ sơ sinh, nhưng Ngài sớm đã liễu đạt cảnh giới chư pháp như mộng, như huyễn, như ảnh, như tượng, vô khứ, bất sinh, bất diệt.

Căn cứ ghi chép trong “Vị tạng hữu pháp kinh” quyển 8 bộ “Trung A Hàm kinh”, Bồ Tát là thánh thai từ thăng trong cõi trời Đâu Suất, hạ thiên đầu sinh nơi Ma Gia hoàng hậu. Khi Đức Phật ra khỏi thai, đất trời chấn động, hào quang phổ chiếu thế gian. Bấy giờ, đột nhiên xuất hiện một hồ lớn, Ma Gia hoàng hậu dùng nước rửa sạch thân, từ trên hư không, vọt xuống hai luồng nước ấm, lạnh, rưới lên thân Bồ Tát. Có bốn vị thiên thần, tay nâng y phục cấp tế, tới trước Ma Gia hoàng hậu tán thán đứa trẻ mới sinh. Khi Ngài bước đi bảy bước, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất và nói: “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã vi tôn, tam giới đều khổ, ta nên an ổn”. Nhân gian mở ra ánh sáng giải thoát giác ngộ đại đạo.

Thần dị biến hóa khi Phật tham phỏng đạo tràng bồ đề

Khi đức Thế Tôn còn là thái tử, từng tự hành xuất du bốn cửa thành, gặp người già, bệnh, tử, và sa môn, nhìn thấy còn trùng điều thú ăn thịt lẫn nhau, Ngài cảm thấy thế gian vô thường, không thể dựa sống, nên thường xuyên an tọa thiền định. Sau này Ngài sinh ra vương tử La Hầu La, lòng nghĩ vương thất đã có người kế tự, nên quyết định xuất gia tu hành. Khi 19 tuổi, Ngài lén rời khỏi vương cung, cởi bỏ mũ áo, trở thành sa môn xuất gia.

Đức Phật khi xuất gia, đi khắp nơi tham phỏng cầu đạo, nhưng những thuyết pháp của họ, đều không khế hợp tâm ý Ngài, Ngài lại đi qua phía nam của sông Hằng, đến thăm họ A La La Già Lam vùng phụ cận thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà (có thuyết cho là

thành Tỳ Xá Ly) cũng như các tiền nhân như Ưu Đà La La Ma Tử... và tiếp thu sự dạy dỗ của họ. Nhưng đức Thế Tôn hiểu rõ đó không phải là con đường đưa đến giải thoát, Ngài bèn đi sang phía tây nam nơi sông Ni Liên Thiên, tiến vào khu rừng gần vùng Già Gia, tự thân tư duy tu hành, quyết tâm dựa vào sức mình, đạt đến cứu cánh giải thoát. Trải qua sáu năm tu khổ hạnh, Bồ Tát tỉnh ngộ không phải con đường giải thoát, Ngài đến dưới gốc cây bồ đề nơi Bồ Đề Ca Gia.

“Hoa Nghiêm kinh” chép, khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, có mười loại hiện tượng thần dị phát sinh, gồm:

1. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, Phật quang chiếu diệu hết thấy thế giới.
2. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, thần uy chấn động hết thấy thế giới.
3. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, có thể thị hiện hóa thân ở hết thấy thế giới.
4. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, có thể giác ngộ tất cả Bồ Tát, hết thấy chúng sinh cùng Ngài tu hành trong đời quá khứ.
5. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, có thể thị hiện hết thấy trang nghiêm đạo tràng.
6. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, có thể tùy thuận hy vọng của chúng sinh, vì họ thị hiện các loại uy nghi của thân tướng cùng hết thấy trang nghiêm của gốc bồ đề.
7. khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, lập tức được chứng diện kiến thập phương chư Phật.



Khi Đức Phật thành đạo, Tứ Đại Thiên Vương dâng bình bát bằng đá, Đức Phật dùng thần lực hợp bốn cái bát thành một.

8. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, giờ tay nhấc chân, nhất cử nhất động đều thường hằng chứng nhập tam muội, niệm niệm thành Phật, không có bất kỳ ngăn trở cách ngại.
9. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, hết thấy vua của tất cả cõi thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, đế thích, thiên vương, hộ thế... thấy đều biết rõ, làm đủ loại thượng hảo vi diệu để cúng dường.
10. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tham học đạo tràng bồ đề, có thể dùng trí huệ không chương ngại, phổ biến quán sát

chư Phật ở tất cả thế giới tu trì hạnh Bồ Tát mà thành tựu chính đẳng chính giác.

Đó là mười việc sản sinh khi Bồ Tát Ma Ha Tát học đạo tràng bồ đề, Bồ Tát có thể mượn nhân duyên này giáo hóa chúng sinh.

Những điểm lành kỳ lạ khi Phật tu hành nơi đạo tràng bồ đề

Sau này, đức Thế Tôn tự mình tới dưới cây bồ đề, trái cỏ kiết tường lên tòa Kim Cang, ngồi xuống hướng mặt về phía đông, hạ quyết tâm nếu không thành chứng vô thượng chính giác, không rời khỏi chỗ ngồi.

Bồ Tát an thân đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề, có mười loại điểm lành thần dị phát sinh, gồm:

1. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, có đủ loại chấn động, rung động hết thấy thế giới.
2. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, Phật quang chiếu diệu bình đẳng hết thấy thế giới.
3. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, có thể trừ khử tiêu diệt tất cả quả ác, đau khổ.
4. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, có thể khiến hết thấy thế giới biến thành thế giới dùng Kim Cang bảo tọa trang nghiêm tu sức.
5. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, có thể phổ biến thị hiện khắp mười phương sư tử bảo tọa chư Phật Như Lai.

6. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, tâm như hư không, không phân biệt.
7. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, có thể tùy theo thân ứng hóa, thị hiện các loại thân tướng uy nghi.
8. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, có thể tùy thuận an trú trong Kim Cang tam muội.
9. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, có thể thọ nhận sự gia trì sức uy thần của chư Phật, đầy đủ hết thấy thanh tịnh thắng diệu.
10. Khi Ngài đoan tọa tu hành ở đạo tràng bồ đề tu hành, uy lực thiện căn bản thân có thể hằng thường gia trì mọi chúng sinh.

Đó là mười loại tướng tốt lành sản sinh khi Bồ Tát Ma Ha Tát đoan tọa nơi đạo tràng bồ đề tu hành.

Bồ Tát ngồi một mình dưới cây bồ đề, trải qua bảy ngày (có thuyết 49 ngày) tinh tấn tu hành, đúng lúc rạng sáng, khi nhìn thấy ngôi sao mai lấp lánh nơi phương đông, Ngài hoát nhiên đại ngộ, chứng đắc giác ngộ hoàn toàn viên mãn, tức A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Lúc đó, Ngài 35 tuổi (có thuyết 30 tuổi). Sau có danh hiệu “Phật Đà” (người giác ngộ), “Thế Tôn” như cả thế giới đều biết.

Căn cứ lời thuật trong kinh điển, khi Bồ Tát dưới cội bồ đề sắp thành đạo, bỗng nhiên đại địa chấn động, phóng ra quang đại quang minh, khiến ma cung bị khuất lấp không hiện được, Ma vương Ba Tuần, lập tức gọi ba cô con gái yêu mị của ông ta, mưu đồ rối loạn tịnh hạnh của Bồ Tát. Bồ Tát liền dùng thần thông, khiến ma nữ đều biến thành già lão.

Ma vương giận dữ, triệu tập ma quân, tung sấm sét, hiện ra đủ loại vũ khí như đao, luân, khí, trượng... vạn mũi tên đồng thời bắn ra, nhằm vào Bồ Tát. Bồ Tát dùng thần lực khiến tên đứng ở trên không, biến thành hoa sen, không thể hãm hại. Quân ma vô cùng ưu sầu, hoàn toàn tan rã. Còn Bồ Tát không hề lay chuyển, dùng định lực tứ thiên, quán sát thập nhị nhân duyên, cuối cùng chứng đắc đạo căn bản giải thoát hết thấy đau khổ của sinh mệnh. Lúc đó, Bồ Tát thị hiện các sự việc trang nghiêm hàng phục Ma vương, ma quân, được gọi là Hàng ma tướng.

Sau khi Phật thành đạo, vẫn tạm thời ở lại dưới cây bồ đề, thọ dụng niềm vui giải thoát. Sau đó Ngài suy nghĩ, có nên tuyên thuyết thắng pháp mà Ngài giác ngộ cho người khác nghe. Bấy giờ chủ tế của Ta Bà thế giới, đại Phạm Thiên vương, tiến đến khuyến thỉnh Ngài thuyết pháp. Đức Phật nghe lời cầu thỉnh, trải qua quán sát, trước tiên đến vườn Lộc Dã, vì bọn Kiều Trần Như năm người thuyết pháp, giúp họ chứng đắc đạo giải thoát, đó là lần sơ chuyển pháp luân.

Căn cứ ghi chép trong Phật điển, khi sơ chuyển pháp luân, Đức Phật diễn thuyết pháp yếu về tứ thánh đế và bát chính đạo, chỉ dẫn cách quán sát thật tướng của sinh mệnh và vũ trụ, phải lìa bỏ nhị biên ái dục và khổ hạnh, thực hành trung đạo.

Cuộc đời hoàng pháp của Phật, vào khoảng hơn 40 năm, cuối cùng năm Ngài 80 tuổi, nhập Niết bàn ở Câu Thi Na La.

Khi Đức Phật nhập diệt, nằm trên giường thất bảo giữa hai cây Sa La ở thành Câu Thi Na La, rừng cây Sa La



Trước khi thành đạo, Phật hàng phục chúng ma.

bỗng biến thành màu trắng, giống như hạc trắng. Đương thời Đức Phật thọ sự cúng dường cuối cùng của trưởng giả Thuần Đà, rồi thị hiện tướng bệnh và nhập Niết bàn.

Cảnh giới thần biến của vô thượng Phật trí

Tam muội (Phạn văn *samadhi*), dịch âm Tam Ma Địa, Tam Ma Đề; dịch nghĩa định, chính định... Chính định là giữ tâm bình đẳng, khiến nội tâm bảo trì trạng thái bình hằng bất động. Trong “Đại tỳ bà sa luận” viết: “Bình đẳng trì tâm khiến tập trung vào một cảnh, có sự thành biện, nên tên là Đăng Trì”. Quyển 23 bộ “Đại trí độ luận” viết:

“Hết thấy thiên định nhiếp tâm, đều tên Tam Ma Đề, lời này tức chính tâm hạnh xứ. Tâm này từ vô thủy thế giới đến nay, thường không đoan chính, đắc được chính tâm hạnh xứ, tâm sẽ ngay thẳng, ví như rắn thường uốn cong khi bò, nhưng vào ống trúc sẽ thẳng”.

Thiền pháp của Phật giáo, vô cùng thâm diệu quảng đại, từ Phật giáo nguyên thủy, dùng thiền quán làm đối trị với trung tâm là sự giải thoát, tới Phật giáo Đại thừa, dùng đại bi và như huyễn làm kiến địa, các Bồ Tát Tam muội vô biên quảng đại được khai triển, đều có thể khiến con người siêu việt chướng ngại của phiền não sinh tử, đạt đến cảnh giới tự tại quảng đại của pháp môn thù thắng khai triển cảnh giới quảng đại thần thông.

Thiền pháp Tam muội của Đại thừa Bồ Tát càng dựa vào thể ngộ của Bồ Tát đối với không, vô thường, vô ngã, không trụ nơi Niết bàn giải thoát, dùng tâm đại bi phát khởi gốc bồ đề, dùng bồ đề Tam muội thiền pháp sản sinh lực lượng quảng đại vĩnh viễn không gián đoạn, vĩnh viễn không thoái chuyển, như huyễn cứu độ chúng sinh, đó cũng chính là nguyên nhân các loại Đại thừa Tam muội có thể xuất sinh thần biến hóa bất khả tư nghị. Sau đây, chúng ta hãy xem xét tác dụng quảng đại mỗi Tam muội của Phật, Bồ Tát.

Thần biến của Như Lai trí ấn tam ma địa

Như Lai trí ấn Tam Ma Địa, tức trí huệ vô ngại vô biên của tất cả Bồ Tát, có thể hoàn toàn thỏa mãn hết thấy thế giới mười phương, có thể nhanh chóng thấy được hết thấy

Phật, Bồ Tát mười phương. Khi Đức Phật nhập vào Tam muội này, những người như Xá Lợi Phất... dùng tất cả thần lực quán sát suy cầu, cũng không thể thấy được thân tướng và trụ xứ Như Lai. Sau đây chúng ta xem thần biến quảng đại của Như Lai trí ấn Tam Ma Địa.

Khi Phật còn trụ thế, một lần nọ ở Trúc Lâm tịnh xá, số đại tỳ kheo chúng và các vị Bồ Tát đang hoan hỷ vây quanh Như Lai, tham dự pháp hội thù thắng.

Đại chúng này đều đã chứng đắc cảnh giới Đà La Ni bình đẳng vô ngại, tâm đã liễu ngộ đạt được tổng trì, chứng nhập Tam Ma Địa, an trú nơi tính không, vô tướng, vô nguyện của ba loại pháp môn giải thoát, đầy đủ vô lượng công đức thù thắng đều không nói được đủ bàn tới.

Các bậc thánh này lặng lẽ an trú trong thù thắng của pháp môn này, đối với tất cả cảnh giới phân biệt, đều có thể dùng tâm niệm bình đẳng, đối đãi không theo tục sự của đại chúng thế gian yêu thích vui khoái khiến động tâm, hiểu rõ thể tính tâm thức sai biệt của mọi chúng sinh, trong mọi thời gian đều có thể hiểu rõ chân thật của thiện, ác lìa xa các loại sân ái, an trú trong nhất muội bình đẳng.

Đột nhiên từ bạch hào giữa chân mày của Đức Phật phóng ra hào quang rộng lớn. Hào quang quá rực rỡ, nên đại chúng pháp hội đều hoảng sợ, vội vàng chấp tay cung kính nghiêm trang, chiêm ngưỡng Đức Như Lai, không chớp mắt.

Thế Tôn hướng về đại chúng nói rằng:

“Các người nên buộc tâm chặt chẽ chuyên chú, an trú trong cảnh giới hiểu biết của Như Lai đối với ngã và ngã sở của phân biệt tốt xấu hữu đẳng, nên lìa xa, không nên có chút chấp trước nào”.



“Nếu có thể bình đẳng quan sát hết thấy khen chê tự thân, không nhiễm trước với hết thấy việc khổ vui, càng nên thương xót thật tình với hết thấy hữu tình, cứu độ họ. Và với tình cảnh của hết thấy chúng sinh hữu tình, dùng sức mạnh của Như Lai Trí Ấn Tam Ma Địa, có thể hoàn toàn hiểu rõ”.

Sau khi được Thế Tôn khai thị, liền chứng nhập đại định Như Lai Trí Ấn Tam Ma Địa. Bấy giờ, đại chúng nghe lời khai thị của Phật, đều tán thán sức mạnh của Như Lai thù thắng thiền định, có thể hiểu rõ sai biệt của chúng sinh.

Khi đại chúng đích thân nhìn thấy Đức Phật chứng nhập cảnh giới định thù thắng, bỗng phát hiện thân tướng của Đức Phật cũng như các loại chúng tướng, toàn bộ đã biến mất, hoàn toàn không thể đoán biết, không thể hiểu rõ Đức Phật ở nơi đâu nữa.

Thậm chí pháp y Như Lai mặc cùng các y phục gần nơi của Ngài, cũng đều không còn nhìn thấy.

Tất cả hành trụ chuyển động đi, đứng, nằm, ngồi của Như Lai, hoàn toàn không tài nào nhìn thấy được, hết thấy âm thanh của Như lai cũng hoàn toàn không nghe thấy, không thể biết được.

Trong chốc lát đại chúng bàn tán xôn xao, không biết vì sao xảy ra như thế.

Sau một hồi kinh ngạc, đại chúng mới hiểu nguyên nhân vì sao không nhìn thấy được Phật, đó là do uy lực của Như Lai Trí Ấn Tam Ma Địa, họ hiểu ra tán thán công đức của thắng định. Dưới sự gia trì của uy lực Đức Phật, phát khởi thâm tâm vô cầu, viễn ly hết thấy sợ hãi.

Tiếp theo, Như Lai lại từ trong định phóng đại quang minh, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Hết thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú trong vũ trụ đều bị che phủ hết. Trong định phát ra hương thơm lạ, mùi hương vô cùng vi diệu, cho dù là các loại hương diệu nhất trên thế gian như chiên đàn, trầm thủy..., cũng không thể sánh nổi.

Bấy giờ, thiên thần, Đại Phạm Thiên vương, Đế Thích Thiên và vô số thiên nhân của Sắc giới, Vô Sắc giới; hết thấy chúng sinh hữu tình các nơi vương thần, đất nước, u ám ở các núi như Đại Thiết Vi sơn, Tiểu Thiết Vi sơn, Tu Di sơn ..., đều nhìn thấy hào quang này, mỗi mỗi đều bị hào quang hấp dẫn, cuốn bay đến Trúc Lâm tịnh xá, mỗi người đều tự đem hương hoa, y phục, bảo quán, anh lạc... của mình cúng dường lên.

Họ nhìn thấy các đại Bồ Tát và Thanh Văn thánh chúng trong Pháp hội, giống như hoa sen nở rộ trên mặt nước hồ, mùi hương lạ ngào ngạt, tụ tập trong hội chúng.

Tất cả người, trời khi ngửi được mùi hương này, đều đạt được giác thọ minh liễu của trí huệ. Tiếp đến trong hư không lại mưa xuống từng chuỗi anh lạc quý thượng diệu y phục... nơi nơi rũ xuống diệu sức trang nghiêm cúng dường.

Hóa thân của vô số Phật Thích Ca Mâu Ni trong thập phương thế giới, lúc này do Đức Phật thị hiện Như Lai Trí Ấn Tam Ma Địa, liền an trụ trong thiền định, dùng sức thần thông, nhiếp trì các vị Bồ Tát trong quốc thổ bay đến Ta Bà thế giới, thị hiện cùng một thân tướng tiến vào Trúc Lâm tịnh xá thành Vương Xá.

Phật Thích Ca Mâu Ni, sau khi nhìn thấy phân thân của hết thấy chư Phật Như Lai tập hội, trong tâm vô cùng vui

về, cảnh giới này cũng chỉ giữa Phật với Phật mới có thể được tương kiến. Chư Phật Như Lai đồng thời cũng nhập Trí Ấn Tam Ma Địa, các Ngài tịnh lự an tường, diệt tất hết thấy loạn động, dùng bất động tâm mình chiếu chư pháp, không hai không khác, thân tướng chư Phật không còn hiện ra nữa.

Nhân, thiên đại chúng trong đại hội, nhìn thấy thập phương vô số chư Phật đến tập hội, dùng sức tam muội thù thắng khiến thân tướng không hiện, cảm thấy vô cùng kinh ngạc, mừng vui liên chính lý y phục, chấp hai tay, nhiễu quanh Phật ba vòng về bên phải, dùng hoa sen báu và các diệp hoa đầy đủ muôn màu cúng dường lên.

Bấy giờ, tôn giả đại Mục Kiều Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Phú Lâu Na Di Đà La Ni Tử, Ma Ha Tu Bồ Đề... hiểu rõ đại chúng nhân, thiên này tuy thân ở trong đại hội, nhưng không hề nhìn thấy thân tướng của Như Lai đang an trú ở đâu.

Tôn Giả Xá Lợi Phất liền từ tòa ngồi đứng dậy, bước đến trước mặt Diệu Cát Tường Văn Thù Bồ Tát, thỉnh vấn rằng:

“Nhân giả! Hiện tại Thế Tôn nhập nơi Như Lai Trí Ấn Tam Ma Địa, đại chúng chúng tôi vì sao không thể nhìn được thân tướng và trụ xứ của Như Lai vậy?”.

Văn Thù Bồ Tát trả lời Xá Lợi Phất:

“Tôn Giả! Thanh Văn thánh chúng các ông đều có đại trí huệ, chứng đắc giải thoát, thường tu các phạm hạnh thanh tịnh, viễn ly mọi sợ hãi, hết thấy trời, người đều cung kính. Các ông mỗi người nên tự căn cứ pháp môn Tam Ma Địa bản thân chứng đắc, dùng trí huệ quán sát thân tướng và trụ xứ của Như Lai.”

Thế rồi, nhóm Xá Lợi Phất lập tức tự chứng nhập vào pháp môn Tam Ma Địa bản thân sở đắc, dùng trí huệ quán sát truy cầu sắc thân và trụ xứ của Như Lai.

Nhưng khắp hết trong tam thiên đại thế giới, hết thấy vi trần sát thổ, họ đã dùng hết tất cả thần lực, vẫn không nhìn thấy thân tướng của Như Lai.

Vì thế Xá lợi Phất nói với Văn Thù Bồ Tát:

“Chúng tôi dựa vào pháp môn Tam Ma Địa bản thân sở chứng đắc, dùng trí huệ quán sát truy cầu thân tướng và trụ xứ Như Lai, nhưng vẫn không thấy được. Hy vọng nhân giả vì chúng tôi phân biệt chỉ dạy, khiến chúng tôi thấy được Như Lai”.

“Thanh Văn thánh chúng các ông, tuy có trí huệ và thần thông, nhưng đối với pháp môn Như Lai Trí Ấn Tam Ma Địa, cảnh giới quá tinh vi, không cách nào suy nghĩ hiện quán, cho nên đối với Phật thân và Như Lai trụ xứ đều không thể thấy được”.

Thì ra, vì mọi người dùng tâm sai biệt để quán sát thân tướng và trụ xứ của Như Lai, do tâm niệm phân biệt này, mà sản sinh ra chướng ngại của bản thân.

Làm sao vượt qua các chướng ngại ấy?

Trước tiên phải liễu ngộ thân tướng của Như Lai, vốn không phải tâm niệm phân biệt có thể quán thấy, nếu như có thể liễu ngộ tự thân tức Như Lai thân, cảnh giới tự thân an trú tức nơi Như Lai an trú, nơi hết thấy hữu tình an trú tức Như Lai trú xứ, vốn là một tướng không bình đẳng, tự nó vốn không hai không khác, không xả bỏ vạn tướng hữu vi, chứng đạt cảnh giới vô vi, không lìa vô vi, liễu ngộ hữu vi.



Nếu dùng tâm như thế quán sát thân và trụ xứ Như Lai, mới có thể thấy Như Lai. Nếu như dùng tâm phân biệt muốn thấy được cảnh giới vô tướng của Như Lai, dù trải thời gian dài như vô lượng trần sa kiếp số, tuyệt đối không cách nào thấy được.

Những điều kể trên là cảnh giới thần biến của Như Lai Trí Ấn Tam Ma Tam Địa.

Thần biến của biến tịnh sắc thân tam muội

Sau khi Phật thành đạo, do sự mời đón của phụ vương Tịnh Phạn, Ngài trở về nước, an trú ở ngoài thành Ca Tỳ La, nơi Ni Câu Lưu tịnh xá, vườn Ni Câu Luật.

Do phụ thân của Đức Phật là Tịnh Phạn vương, nhìn thấy sắc thân Như Lai vô cùng trang nghiêm, tướng hảo vi diệu, xin thỉnh vấn Đức Phật, làm sao quán sát diệu tướng nội cụ và ngoại tại của thân Phật? Đức Phật hoan hỷ vì Tịnh Phạn vương tuyên thuyết “Biến Tịnh Sắc thân Tam Muội”.

Đức Phật dặn A Nan trước hết thông báo khắp tỳ kheo tăng chúng vào rừng sâu mệnh cho đại Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Chiên Diên, A Na Luật... và 16 vị hiền sĩ như Di Lạc Bồ Tát, Hiền Hộ Bồ Tát... về nơi tập hội.

Phạm vương, Dạ Xoa vương, Càn Thác Bà vương, A Tu La chủ, Ca Câu La chủ, Khẩn Na La chủ, Ma Hầu La Già chủ, Long chúa, tất cả Thiên Long Bát Bộ và chư quyến thuộc cũng đều đến tập hội.

Bấy giờ, Tịnh Phạn vương và người trong dòng họ Thích Ca, cũng tìm đến nơi tịnh xá của Phật. Khi họ vừa vào,

nhìn thấy tịnh xá Phật trang nghiêm như Lưu Ly bảo sơn, họ liền đánh lễ Đức Phật. Chưa ngẩng đầu lên, liền thấy trước thân Đức Phật hiện khởi đại bảo Liên Hoa, hoa này do các báu tạo thành, trên hoa sen có đài sáng rực rỡ.

Vua nhìn thấy, tâm sinh hoan hỷ, tán thán thật là cảnh giới chưa từng thấy, vua nhiễu quanh Phật ba vòng, an tọa một bên.

Tiếp đến vua từ chỗ ngồi đứng lên, hỏi Phật rằng:

“Thế Tôn! Phật là con trai của ta, ta là phụ thân của Phật, hiện nay ta ở thế gian nhìn thấy sắc thân Phật, nhưng chỉ nhìn thấy bên ngoài mà không thể chính mắt nhìn thấy bên trong.

Trước kia, khi Tất Đạt Đa còn ở trong cung, các tướng sư đều đã thấy 32 tướng, nay sau khi thành Phật, hào quang lại càng rực rỡ hơn trước, sáng hơn trước kia trăm ngàn vạn lần. Sau khi Phật Niết bàn, chúng sinh hậu thế, phải quán sát diệu tướng thân Phật như thế nào? Nay xin Thế Tôn vì ta và chúng sinh hậu thế, giải thích phân biệt!”.

Bấy giờ, Thế Tôn liền chứng nhập Biến Tịnh Sắc Thân Tam Muội, từ Tam muội khởi định lập tức mỉm cười. Lúc ấy chỉ thấy hào quang ngũ sắc hóa thành 500 loại diệu sắc, từ miệng Đức Phật phóng ra, chiếu lên trên đỉnh đầu của vua, và từ đỉnh đầu vua hồi chiếu quang minh bảo đài, chiếu khắp tịnh xá, tiếp đến chiếu khắp thế giới Ta Bà, liền thu vào đỉnh của Phật.

Thế Tôn nói với phụ vương: “Hãy nghe! Hãy nghe! Phụ vương nên khéo suy nghĩ! Nay Như Lai thuyết diệu pháp để chúng sinh đời vị lai có thể thấy Phật”.

“Xin vâng! Bạch Thế Tôn! Ta nay đang nguyện được nghe!”.

“Trên thế gian có một loại sư tử vương, tên gọi Tỳ Ma La, loại sư tử này phải 40 năm mới giao hội thư hùng. Và sau khi giao hội, sư tử vương nhảy nhót gặm thết, nhẹ nhàng tự đánh mình, nhưng thân thể không hề tổn thương. Khi sư tử vương ở trong thai mẹ, cũng giống hệt, không khác vua sư tử cha vậy.

“Phụ Vương! Cha nên biết rằng, muốn khiến sư tử vương khi còn trong thai đã có thể gặm thết, nhảy nhót, chạy nhảy là điều không thể. Mặc dù thế, nhưng con của vua thú khi còn trong bụng mẹ, mặt mũi nanh vuốt của nó có giống như tướng của cha mình không?”.

“Đúng vậy! Thế Tôn! Con trai của vua loài thú không khác cha, nhưng sức mạnh của nó, không bằng một phần trăm ngàn vạn cha mình”.

Phật nói với Tịnh Phạn vương, trong đời vị lai, các thiện nam tử, thiện nữ nhân và hết thấy chúng sinh, nếu như có thể chí tâm buộc niệm, doan tọa chính thọ tụ tập thiền quán, quán tưởng diệu thân của Phật, nên biết tâm của người đồng như tâm Phật, cùng Phật không khác. Mặc dù ở trong phiền não, nhưng không bị cái ác che phủ, có thể vào đời vị lai đổ xuống cơn mưa Pháp lớn. Đó là chỗ bất khả tư nghị của Biến Tịnh Sắc Thân Tam Muội.

Thần biến quảng đại của sư tử tần thân tam muội

Sư tử tần thân tam muội, chính gọi là “Sư tử phấn tấn tam muội”, tức Tam muội thị hiện trong “Hoa Nghiêm kinh - Nhập pháp giới phẩm” do uy thế Tam muội này

giống như thế chồm lên dưng mãnh mau lẹ của sư tử vương nên có tên này. Quyển 18 “Hoa Nghiêm kinh – Thám Huyền ký” viết giống như khi sư tử phẩn tấn, các căn mở ra lông trên thân dựng đứng, thị hiện tướng uy thế, gầm thét, khiến các loại thú khác sợ hãi, chạy trốn, sư tử con tăng thêm uy hùng, thân vươn lớn lên. Đức Phật cũng thế, phẩn khởi thân của đại bi pháp giới, rộng mở căn môn từ bi, dựng đứng lòng từ bi, thị hiện uy đức ứng cơ độ hóa chúng sinh, tuyên bố pháp môn pháp giới, khi các chúng nhị thừa ẩn nấp chấn động Bồ Tát Phật tử tăng trưởng trăm ngàn chư Tam muội hải và Đà La Ni hải, do nhân duyên tương ứng này nên dùng hình ảnh sư tử phẩn tấn để ví dụ.

Trong hội thứ 9 “Hoa Nghiêm kinh - Pháp giới thứ đệ”, Đức Phật ở vườn Thệ Đa cùng 500 vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền..., các đại Thanh Văn và vô lượng thế chủ tụ hội. Phật dùng đại bi nhập vào Sư Tử Tấn Thân Tam Muội chiếu khắp trang nghiêm thập phương thế giới mỗi bất khả thuyết sát trần số Bồ Tát đến hội, mỗi vị hiện cảnh giới thần biến cúng dường. Các đại Thanh Văn không biết không thấy. Thập đại Bồ Tát liền thuyết tụng tán thán Phật. Phổ Hiền Bồ Tát diễn thuyết mười loại pháp cú về Sư Tử Tấn Thân Tam Muội. Phật lại hiển hiện tướng các loại thần biến, các loại pháp môn, các loại tam muội..., Văn Thù Bồ Tát đặc được vô số đại bi pháp môn, lợi lạc hết thảy chúng sinh mười phương.

Sau đây, thông qua miêu tả trong “Hoa Nghiêm Kinh” tiến vào cảnh giới thần biến quảng đại khó lường của Sư Tử Tấn Thân Tam Muội:

Bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát nhờ sự gia trì của uy thần Phật, dùng kệ tụng thuyết minh cảnh giới bất khả tư nghị Sư Tử Tân Thân Tam Muội:

*Nhất nhất mao khổng chí trung, vi trần số sát thổ hải,
Tất hữu Như Lai đoan tọa, giai cụ Bồ Tát đại chúng.*

*Nhất nhất mao khổng chí trung, vô lượng chư sát thổ hải,
Phật xử bồ đề tọa thượng, như thị biến châu pháp giới.
Nhất nhất mao khổng chí trung, nhất thiết sát ứng số
Phật,*

*Bồ Tát đại chúng vi nhiều, vi thuyết Phổ Hiền thắng
hạnh.*

*Phật tọa nhất quốc sát thổ, xung mãn thập phương thế
giới,*

Vô Lượng Bồ Tát vân tập, hàm lai tập hội kỳ sở.

*Ức sát vi trần thổ số, Bồ Tát đại công đức hải,
Cụ chúng hội trung nhi khởi, biến mãn thập phương
thế giới.*

*Tất trụ phổ hiền thắng hạnh, giai du pháp giới đại hải,
Phổ Hiền nhất thiết sát thổ, thỉnh văn nhất thiết diệu pháp.
Nhất nhất quốc thổ chí trung, ức kiếp cần tu chư hạnh,
Bồ Tát sở hữu tu hành, phổ minh pháp hải diệu hạnh,
Thập vu đại nguyện chí hải, an trú Phật cảnh giới địa,
Liễu đạt Phổ Hiền thắng hạnh, xuất sinh chư Phật đại
hải,*

*Cụ túc Phật công đức hải, quảng hiện chư thân thông sự.
Thân vân đẳng trần số lượng, xung mãn nhất thiết sát
thổ,*

Phổ vũ Cam Lộ diệu pháp, lệnh chúng an trú Phật đạo.

Tạm Dịch:

*Hết thấy trong các chân lông, nhiều như bụi cát biển lớn,
Tất có Như Lai ngồi nghiêm, đều đủ Bồ Tát đại chúng,
Hết thấy trong các chân lông, vô cùng bụi cát biển lớn,
Phật ngồi dưới gốc bồ đề, như thật vòng đầy pháp giới,
Hết thấy trong các chân lông, toàn thể sở ứng số Phật,
Bồ Đề đại chúng vòng quanh, để giảng thắng hạnh Phổ
Hiên,*

*Phật ngồi ở nước đất mình, đầy đủ mười phương thế giới,
Biết bao Bồ Tát tụ tập, mang tới đại hội sở cầu,
Ưc vạn bụi cát vô số, công lớn Bồ Tát như biển,
Đại chúng trong hội đứng lên, đầy khắp mười phương
thế giới,*

*Gồm ở thắng hạnh Phổ Hiên, đều vui biển lớn pháp giới,
An trú hết thấy pháp thổ, nghe rõ hết thấy diệu pháp,
Hiện khắp toàn bộ pháp thổ, đi vào tập hội chư Phật,
Toàn bộ trong đất nước mình, muốn kiếp tập tu các
hạnh,*

*Tu hành Bồ Tát vốn có, rọi soi diệu hạnh biển pháp,
Vào cõi biển lớn đại nguyện, an trú nơi đất cảnh Phật,
Hiếu tận thắng hạnh Phổ Hiên, sinh ra biển lớn chư
Phật,*

*Đầy đủ biển công Đức Phật, hiện lớn các sự thần thông,
Thâu nhiều số lượng bụi trần, đầy đủ hết thấy pháp
thổ,*



Mưa tràn diệu pháp cam lộ, khiến chúng an trú Phật đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn vì muốn giúp chư vị Bồ Tát an trú nơi cảnh giới quảng đại Như Lai Sư tử tần thân tam muội, nên từ tướng bạch hào giữa chân mày phóng hào quang lớn tên gọi Phổ chiếu tam thế pháp giới môn. Hào quang này có ánh sáng bất khả thuyết Phật sát vi trần số làm quyến thuộc cùng đến, phổ chiếu chư Phật quốc thổ thập phương nhất thiết thế giới hải.

Các Bồ Tát trong rừng Thệ Đa, nhìn thấy toàn bộ cùng tận thế giới, hư không giới, hết thấy Phật quốc sát thổ, mỗi một vi trần lại mỗi mỗi có chư Phật quốc thổ nhất thiết Phật sát vi trần số và các loại danh hiệu, các loại sắc tướng, các loại thanh tịnh, các loại trụ xứ, các loại hình tướng của họ. Tất cả các quốc thổ này, lại có Bồ Tát Ma Ha Tát ngồi trên tòa sư tử đạo tràng, thành tựu đẳng chính giác. Mỗi vị Bồ Tát có đại chúng vây quanh ở trước sau, mỗi một vương chủ thế gian đều đến cúng dường. Hoặc là thị hiện trong đại chúng hội bất khả thuyết Phật sát vi trần số, phát ra âm thanh mỹ diệu, đầy khắp Pháp giới, chuyển động chính pháp luân. Hoặc xuất hiện nơi các cung điện của Thiên cung điện, Long cung điện, Càn thác bà, A tu la, Ca lâu la, khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân, Phi nhân... Hoặc nơi thôn ấp làng xóm, vương đô... nhân gian, thị hiện các loại tên họ, các loại danh hiệu, các loại thân, các loại tướng tốt, các loại quang minh. An trú trong các loại uy nghi, chứng nhập các loại cảnh giới tam muội, thị hiện các loại thần thông biến hóa, đó là cảnh giới thần thông bất khả tư nghị của Sư tử tần thân tam muội.

TAM MUỘI THẦN BIẾN CỦA BỒ TÁT

Về cơ bản, sự tu chứng thần thông biến hóa, chủ yếu tu trì bằng thiền quán. Tới thần thông có cảnh giới cao hơn lấy trí huệ làm trung tâm. Vì thế cảnh giới thần thông đại A La Hán chứng đắc, thường gọi là Tam Minh Lục Thông.

Rất nhiều cảnh giới bí mật của Bồ Tát, Tam Minh Lục Thông không thể bao hàm hết, vì cảnh giới Bồ Tát dùng từ bí trí huệ dung hợp với thiền quán, hình thành triển hiện các loại tam muội bất khả tư nghị, nên Bồ Tát tam muội trở thành nguồn gốc uy lực Bồ Tát triển hiện cảnh giới bất khả tư nghị cứu độ chúng sinh, trở thành đại diện cho cảnh giới tu chứng Bồ Tát.

Thần pháp giới tạng của Phổ Hiền Bồ Tát

Trong “Thập Định Phẩm” quyển 40 bộ “Hoa Nghiêm kinh” viết: Bồ Tát trong pháp hội, khi nghe thấy danh hiệu Phổ Hiền Bồ Tát, lập tức chứng đắc vô lượng tam muội bất khả tư nghị. Tâm niệm của họ không chướng ngại, tịch tịnh bất động, trí huệ quảng đại khó đo lường, cảnh giới tam muội cũng vô cùng thậm thâm. Họ có thể thấy vô số chư Phật thị hiện trước mắt, do đó cũng được chứng uy lực Như Lai, khiến thể tính bản thân đồng với Như Lai. Họ có thể ở trong tam thế tán phát đại quang minh, sở hữu phúc đức vô cùng vô tận, đầy đủ tất cả sức mạnh thần thông.

Các vị Bồ Tát này đối với Phổ Hiền Bồ Tát sinh tâm tôn trọng, khát vọng có thể gặp Ngài, nhưng họ dời mắt tứ phía, vẫn không cách nào nhìn thấy thân ảnh Phổ Hiền Bồ Tát, cũng không nhìn thấy bảo tọa Bồ Tát ngồi. Thật ra đó đều do gia trì sức uy thần Như Lai, kết quả vận dụng thần thông tự tại của Phổ Hiền Bồ Tát.

Bấy giờ Phổ Nhân Bồ Tát hỏi Phật rằng:

“Thế Tôn! Thật ra Bồ Tát Phổ Hiền ở đâu?”.

Đức Phật trả lời:

“Phổ Nhân Bồ Tát! Phổ Hiền Bồ Tát sớm đã ở pháp hội này, ngay bên cạnh ta, từ khi bắt đầu đến giờ không hề di động chút nào”.

Bấy giờ Phổ Nhân Bồ Tát cùng tất cả các vị Bồ Tát lại quán sát tỉ mỉ đạo tràng nơi pháp hội, tìm kiếm bốn phía. Phổ Nhân Bồ Tát lại hỏi Phật:

“Thế Tôn! Chúng con vẫn là không thấy thân ảnh của Phổ Hiền Bồ Tát cũng như bảo tọa của Ngài”.

Đức Phật trả lời rằng:

“Thiện nam tử! Các người vì sao không thể chính mắt nhìn thấy? Thiện nam tử! Vì Phổ Hiền Bồ Tát an trú ở nơi vô cùng thâm áo bất khả thuyết. Phổ Hiền Bồ Tát cũng đã chứng đắc vô biên pháp môn trí huệ, chứng nhập cảnh giới tam muội Sư Tử Phấn Tấn Định, chứng đắc lực dụng tự tại vô thượng, lại chứng nhập phân tế thanh tịnh vô chướng ngại. Xuất sinh mười loại sức dụng Như Lai, dùng bảo tạng pháp giới làm thân, vì hết thấy Như Lai đều cùng hộ trì ức niệm, có thể trong một niệm chứng nhập trí huệ vô sở sai biệt tam thế Như Lai, vì thế các người không cách nào thấy được Phổ Hiền Bồ Tát”.



Cảnh giới quảng đại thần biến của Bồ Tát Phổ Hiền.

Bấy giờ Phổ Nhân Bồ Tát nghe Đức Phật tuyên thuyết công đức thanh tịnh của Bồ Tát Phổ Hiền, lập tức chứng đắc Thập Thiên A Tăng Kỳ Tam Muội. Ngài dùng sức mạnh tam muội này phổ biến quán sát, mong muốn gặp được Bồ Tát Phổ Hiền, nhưng vẫn không cách nào nhìn thấy được.

Phổ Nhân Bồ Tát xuất định khỏi tam muội, hỏi Đức Phật:

“Thế Tôn! Con đã chứng nhập tam muội Thập Thiên A Tăng Kỳ nhưng vẫn không nhìn thấy được Bồ Tát Phổ Hiền, nhìn không thấy thân hình cũng như thân nghiệp, ngôn ngữ và ngữ nghiệp, ý niệm và ý nghiệp, bảo tọa cũng như trụ xứ của ngài ấy”.

Phật đáp:

“Chính thế! Chính thế! Thiện nam tử! Người phải biết rằng, thật ra đây là Bồ Tát Phổ Hiền an trú nơi sức giải thoát bất khả tư nghị, nên người vốn không thể thấy được. Phổ Nhân Bồ Tát! Người cho rằng là sao? Có người nào có thể nói ra nơi an trú của các loại tướng huyền trong huyền thuật không?”.

Phổ Nhân Bồ Tát trả lời:

“Không thể”.

Đức Phật nói:

“Phổ Nhân Bồ Tát! Tướng huyền trong huyền thuật còn bất khả thuyết, huống hồ muốn đích thân gặp được cảnh giới thân bí mật, cảnh giới ngữ bí mật, cảnh giới ý bí mật của Bồ Tát Phổ Hiền vô cùng thâm áo, bất khả tư nghị, cũng không thể nghĩ lường, vì sớm đã vượt qua bất kỳ cảnh giới có thể đo lường. Đơn giản mà nói, Phổ Hiền Bồ Tát dùng trí huệ Kim Cang phổ biến tiến vào pháp giới, trong bất kỳ thế giới đều không có cái gọi là tới lui hoặc an trú có thể nói

được. Vì ông ta hiểu rõ thân chúng sinh đều không thật là thân, không có cái gọi là Lai (đến) và Khứ (đi), do đó chúng được thần thông tự tại Vô Đoạn Tận, Vô Sai Biệt, không dừng lại, không có tạo tác, không chuyển động, cho đến cả cứu cánh biên tế của pháp giới cũng không.

“Thiện nam tử! Nếu như có người thấy được Bồ Tát Phổ Hiền, hoặc nhận cúng dường, hoặc nghe thấy danh hiệu, hoặc trong tâm tư duy ức niệm, hoặc sinh khởi tín giải, hoặc siêng năng quán sát, hoặc bắt đầu hướng về, hoặc thật sự tìm cầu, hoặc hưng khởi thệ nguyện, chỉ cần liên tục không dứt, đều có thể có lợi ích không uống phí”.

Bấy giờ, Phổ Nhân Bồ Tát cùng chúng Bồ Tát, trong tâm đều khát vọng chiêm ngưỡng Bồ Tát Phổ Hiền, liền đồng thanh nói:

“Nam mô nhất thiết chư Phật! Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát!”.

Xưng danh ba lần, rồi cúi đầu đánh lễ kính bái.

Đức Phật nói với Bồ Tát Phổ Nhân và đại chúng pháp hội rằng:

“Này chư Phật tử! Các người phải càng lễ bái kính Bồ Tát Phổ Hiền, càng thêm khẩn thiết thỉnh cầu, lại phải nên chuyên tâm quán sát thập phương thế giới, quán tưởng thân hình của Phổ Hiền Bồ Tát thị hiện trước mặt. Như vậy tư duy đầy khắp pháp giới, thâm tâm tín giải, chán lìa hết thấy, phát nguyện cùng Phổ Hiền Bồ Tát tu tập đồng một hạnh nguyện, tức: Chứng nhập pháp môn chân thật không hai, thân hình phổ biến thị hiện thế gian, hoàn toàn hiểu rõ sai biệt căn khí chúng sinh, bất kỳ nơi nào đều có thể tích tập đạo nghiệp của Bồ Tát Phổ Hiền. Nếu như các

người có thể phát khởi đại nguyện như thế, tức có thể gặp được Bồ Tát Phổ Hiền”.

Bồ Tát Phổ Nhãn nghe lời Đức Phật nói, liền cùng tất cả Bồ Tát đồng thời đánh lễ, thỉnh cầu thân kiến Đại Sĩ Phổ Hiền.

Bồ Tát Phổ Hiền lập tức dùng sức mạnh thần thông giải thoát, hồi ứng cầu nguyện của Bồ Tát Phổ Nhãn và tất cả Bồ Tát, vì họ thị hiện sắc thân, khiến họ nhìn thấy Phổ Hiền Bồ Tát xuất hiện bên cạnh Như Lai, ở trong đại chúng Bồ Tát đoan tọa trên Liên Hoa bảo tọa; cũng để họ nhìn thấy Bồ Tát Phổ Hiền liên tục xuất hiện nơi hết thảy Phật sở của hết thảy thế giới khác; cũng nhìn thấy Bồ Tát Phổ Hiền ở hết thảy Phật sở nơi khác, diễn thuyết hết thảy Bồ Tát hạnh nguyện, khai thị nhất thiết trí, xiển minh hết thảy Bồ Tát thần thông, phân biệt hết thảy Bồ Tát uy đức, thị hiện hết thảy tam thế chư Phật.

Bồ Tát Phổ Nhãn và tất cả Bồ Tát nhìn thấy thần thông biến hóa của Bồ Tát Phổ Hiền, tâm vô cùng hoan hỷ, vô cùng tôn trọng hướng về Bồ Tát Phổ Hiền đánh lễ, giống như nhìn thấy thập phương chư Phật vậy.

Bấy giờ, do sức uy thần quảng đại của Phật, thêm vào sức mạnh toàn bộ tín ngưỡng giải ngộ của Bồ Tát, cùng bản nguyện lực của Bồ Tát Phổ Hiền, trên trời tự nhiên mưa xuống mười ngàn loại mây, chính là: Các loại hoa vân, các loại mạn vân, các loại hương vân, các loại mật hương vân, các loại cái vân, các loại y vân, các loại nghiêm cụ vân, các loại trân bảo vân, các loại thiên hương vân, các loại hội thái vân. Lại có vô số thế giới đồng thời phát sinh sáu loại chấn động. Lại diễn tấu âm nhạc của cõi trời, âm thanh vang xa

tới thế giới bất khả thuyết số. Lại phóng ra đại quang minh, đại quang minh này phổ biến chiếu diệu bất khả thuyết số thế giới, diệt trừ tất cả tam ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, khiến bất khả thuyết số thế giới trang nghiêm thanh tịnh; càng khiến bất khả thuyết số Bồ Tát thú nhập Phổ Hiền hạnh nguyện, bất khả thuyết số Bồ Tát do viên mãn Phổ Hiền hạnh nguyện mà thành tựu vô thượng chính đẳng chính giác.

Hải Tràng tỳ kheo từ trên thân lưu xuất pháp giới

Trong “Hoa Nghiêm Kinh” nói về 53 loại tham gia của Thiện Tài đồng tử, trong đó chư Thiện Tri Thức đều là đại Bồ Tát hóa hiện, thị hiện các loại thần thông biến hóa bất khả tư nghị. Ví dụ Hải Tràng tỳ kheo nhập định tam muội, các bộ vị của thân thể đều lộ các loại thần biến bất khả tư nghị.

Theo miêu tả trong kinh điển, dọc đường tham học Thiện Tri Thức, Thiện Tài đồng tử suy nghĩ về sự dạy dỗ của bậc Thiện Tri Thức, ngày kia tới xóm Ma Lợi côi Diêm Phù Đề, tham học cầu kiến Hải Tràng tỳ kheo. Khi Thiện Tài tới trú sở của tỳ kheo Hải Tràng, vừa gặp tỳ kheo đang ngồi xếp bằng kiết già tại nơi kinh hành, thâm nhập tam muội, hô hấp định đốn, lìa hơi thở ra vào, không có tư giác khác, thân thể an trú bất động, nhưng phát ra cảnh giới thần biến quảng đại khó lường.

Dưới chân của tỳ kheo Hải Tràng lưu xuất lộ ra vô số trăm ngàn ức trưởng giả cư sĩ, Bà La Môn chúng, dùng các

loại bảo cụ trang nghiêm thân mình. Bọn họ đầu đội mũ báu, trên đeo minh châu, phổ biến đi đến thập phương thế giới, mưa xuống các loại trân bảo, các loại anh lạc, các loại y phục, các loại ẩm thực thượng diệu mỹ vị như pháp. Các loại hương hoa, các loại hoa mạn, các loại hương thơm, các loại huân hương, các loại dục lạc, các loại vật cụ cần cho sinh hoạt, ở khắp mọi nơi cứu hộ nhiếp thọ chúng sinh nghèo khổ. An ủi các chúng sinh khổ não, khiến họ đều tâm sinh hoan hỷ, tâm ý thanh tịnh, thành tựu vô thượng bồ đề.

Hai gối của ông lưu xuất lộ ra vô số trăm ngàn ức Sát Đế Lợi thông tuệ Bà La Môn. Các loại sắc tướng, các hình mạo, các loại y phục, thượng diệu trang nghiêm đầy khắp mười phương thế giới. Các Bà La Môn này đều có giọng nói thân ái dịu dàng, cùng cộng sự với chúng sinh, nhiếp thọ tất cả chúng sinh, bất luận giàu có hoặc bần cùng; trị khỏi chứng bệnh tật; cứu độ chúng sinh nguy nan; bình an dùng trụ chúng sinh thân rơi vào vòng khủng bố; giúp chúng sinh sầu khổ được vui vẻ, rồi dùng phương tiện khuyên dạy họ, khiến họ từ bỏ tội ác, an trú thiện pháp.

Từ eo lưng của ông lưu xuất số lượng chúng sinh bằng nhau, vô số lượng tiên nhân tay cầm bình nước tắm, người mặc áo cỏ, người mặc áo vỏ cây. Uy nghi của họ tịch tịnh, tới lui đi về xoay vòng mười phương thế giới; có thể ở nơi hư không, dùng âm thanh mỹ diệu của chư Phật xưng tụng Như Lai, diễn thuyết các pháp môn. Hoặc diễn thuyết thanh tịnh phạm hạnh, khiến chúng sinh tụ tập, điều phục các căn; hoặc diễn thuyết tất cả pháp đều không tự tính, khiến chúng sinh quán sát, nảy sinh trí huệ; hoặc diễn thuyết ngôn luận quy tắc thế gian; hành hoặc ly khai khai thị xuất

ly pháp yếu phương tiện nhất thiết trí trí, giúp chúng sinh đều tùy theo thứ lớp tự mỗi người tu tập.

Hai bên hông của ông lưu xuất bất khả tư nghị long, long nữ, thị hiện các loại thần thông biến hóa bất khả tư nghị. Giống như mưa xuống hương vân bất khả tư nghị, hoa vân bất khả tư nghị, mạn vân bất khả tư nghị, bảo cái vân bất khả tư nghị, bảo phan vân bất khả tư nghị, diêu bảo trang nghiêm cụ vân bất khả tư nghị, bảo tọa đại ma ni bảo vân bất khả tư nghị, bảo anh lạc vân bất khả tư nghị, bảo tọa vân bất khả tư nghị, bảo cung điện vân bất khả tư nghị, bảo liên hoa vân bất khả tư nghị, bảo quán vân bất khả tư nghị, thiên thân vân bất khả tư nghị, thái nữ vân bất khả tư nghị, đầy khắp trang nghiêm hư không, tràn khắp thập phương thế giới, cúng dường đạo tràng chư Phật, khiến tất cả chúng sinh tâm sinh hoan hỉ.

Chữ vạn trước ngực của ông càng lưu xuất vô số trăm ngàn ức A Tu La vương, các A Tu La vương này, toàn bộ thị hiện tự tại huyền hóa lực bất khả tư nghị, chấn động cả trăm thế giới. Hết thấy nước biển tự nhiên cuộn cuộn dâng trào, hết thấy sơn vương xung kích lẫn nhau, tất cả thiên cung điện dao động, tất cả quang minh ma chúng bị che phủ, tất cả ma giới đều qui phục.

Ông giúp chúng sinh xả bỏ tâm kiêu mạn, tâm giận dữ, phá trừ núi phiền não rộng lớn cho họ, dập tắt tất cả ác pháp, không có đấu tranh lâu dài, vĩnh viễn đối xử hòa thiện. Ông lại dùng huyền hóa lực khai thị chúng sinh, khiến tội ác của họ đều tiêu diệt, sợ hãi sinh tử, quyết định lìa bỏ các loại sinh thú, viễn ly tạp trước, an trú trong tâm bồ đề vô thượng, khiến họ đều có thể tu tập tất cả Bồ Tát hạnh, an trú trong các loại Bà La Môn, chứng nhập

cảnh giới Bồ Tát, quán sát nhất thiết vi diệu pháp môn, hiểu rõ hết thấy phương tiện chư Phật, những việc làm như thế đều đầy khắp tất cả thế giới.

Đó là cảnh giới thần thông tam muội bất khả tư nghị của tỳ kheo Hải Tràng.

Thân giải thoát trưởng lão hiển hiện vô lượng quốc thổ

Trong “Hoa Nghiêm kinh” thiện tri thức được Thiện Tài tìm học là trưởng lão Giải Thoát, pháp môn tam muội phổ biến nhiếp thọ nhất thiết Phật sát vô biên toàn đà la ni ông chứng nhập, có thể từ thân mình hiển hiện thập phương vô lượng chư Phật quốc thổ.

Sau khi chứng nhập tam muội này, thân hình của trưởng lão Giải Thoát thanh tịnh, thân lại hiển hiện Đức Phật của mỗi mỗi thập Phật sát vi trần số mười phương, cùng các loại quang minh, các loại việc trang nghiêm đại chúng tập hội trong Phật quốc sát thổ. Còn hiển thị các loại thần thông biến hóa, hết thấy đại nguyện, phương pháp trợ đạo, các loại xuất ly hạnh, thanh tịnh trang nghiêm quá khứ của chư Phật, thị hiện chư Phật thành tựu chính đẳng chính giác, chuyển động diệu pháp luân, giáo hóa chúng sinh.

Hết thấy như thế, đều hiển hiện trong thân trưởng lão Giải Thoát không hề chướng ngại. Các loại hình tượng, các lớp thứ tự, đều như bản tính của nó an trụ, không hề tạp loạn. Giống như cái gọi là: Các loại quốc thổ, các loại chúng hội, các loại đạo tràng, các loại trang

sức, trong đó chư Phật thị hiện các loại thần thông, lập các loại thừa đạo, thị hiện các loại nguyên môn. Hoặc ở trong một thế giới làm Phật sự nơi Đâu Suất cung, hoặc ở trong một thế giới thị hiện từ Đâu Suất cung Niết bàn làm Phật sự. Cũng như vậy, hoặc khi trụ thai; hoặc dẫn sinh; hoặc thân ở trong cung; hoặc xuất gia; đi đến đạo tràng; hoặc đánh bại ma quân; hoặc được chư chúng thiên, long cung kính nhiễu quanh; hoặc có thể vô biên khuyến thỉnh thuyết pháp, chuyển động pháp luân; hoặc bát Niết bàn, hoặc chia xá lợi, hoặc kiến khởi tháp miếu, đều hiển hiện rõ ràng.

Những điều đó ở các loại tụ hội, các loại thế gian, các loại thú sinh, các loại gia tộc, các loại dục lạc, các loại nghiệp hạnh, các loại ngôn ngữ, các loại căn tính, các loại phiền não, tất cả chúng sinh ngu quên trong tập khí, hoặc thân ở nơi đạo tràng vi tế, hoặc thân ở nơi đạo tràng quảng đại, hoặc thân ở nơi đạo tràng một do tuần, hoặc thân ở nơi đạo tràng mười do tuần, hoặc thân ở nơi đạo tràng bất khả thuyết Phật sát vi trần do tuần của chư Phật nơi thế giới khác, ông đều có thể dùng các loại thần thông, các loại ngôn từ, các loại âm thanh, các loại pháp môn, các loại tổng trì pháp môn, các loại biện tài pháp môn, dùng các loại thánh đế hải, các loại vô úy đại sư tử hống, diễn thuyết các loại thiện căn, các loại ức niệm của chúng sinh, thọ các loại Bồ Tát ký, diễn thuyết các loại Phật pháp.

Đó là cảnh giới thần thông biến hóa bất khả tư nghị, được hiển hiện khi trưởng lão Giải Thoát chứng nhập “Tam muội phổ biến nhiếp thọ nhất thiết Phật sát vô biên toàn đà la ni”.

Cù Ba đồng nữ nhìn thấy pháp giới trong chân lông

Trong “Hoa Nghiêm kinh” thiện tri thức được Thiện Tài tìm học là Cù Ba đồng nữ, vào quá khứ bà thấy Bồ Tát, ngưỡng mộ tướng tốt của Bồ Tát, cùng Ngài kết làm phu thê, do đó sau cùng Cù Ba đồng nữ chứng đắc quán sát Bồ Tát tam muội hải.

Cù Ba đồng nữ, trong thời kiếp của Phật sát vi trần số, quán sát thân hình Bồ Tát, không lúc nào chán. Cũng như các nam nữ đa dục tập hội, tâm sinh ái nhiễm, sinh khởi vô lượng vọng tưởng tư giác. Bà cũng thế, quán sát trên thân Bồ Tát mỗi một chân lông trong niệm niệm có thể thấy vô lượng vô biên quảng đại thế giới, các loại an trụ, các loại trang nghiêm, các loại hình trạng. Có các loại danh hiệu, các Phật Đà hưng khởi, các loại đạo tràng, các loại tụ hội. Diễn thuyết các loại pháp Tu Đa La, các loại pháp quán dẫn, các loại pháp các thừa, các loại pháp phương tiện, các loại pháp thanh tịnh.

Bà thậm chí quán sát mỗi một chân lông, trong mỗi một niệm đầu của Bồ Tát đều có thể nhìn thấy vô biên Phật hải, an tọa trong các loại đạo tràng, thị hiện các loại thần biến, chuyển động các loại pháp luân, tuyên thuyết các loại Tu Đa La pháp, thường hằng bất gián đoạn. Ở mỗi một chân lông của Bồ Tát, nhìn thấy vô biên chúng sinh hải, có các loại hình mạo, có các loại tác nghiệp, có các loại căn tính. Ở mỗi một chân lông của Bồ Tát, nhìn thấy vô biên hạnh môn tam thế chư Bồ Tát, tức vô biên quảng đại thế nguyện, vô biên sai biệt cảnh địa, vô biên Ba la mật, vô biên chuyện quá khứ, vô biên đại bi pháp môn, vô

biên đại bi pháp vân, vô biên tâm đại hỷ, vô biên phương tiện nhiếp thọ chúng sinh.

Trong thời kiếp của Phật sát vi trần số, bà mỗi niệm như vậy quán sát mỗi mỗi chân lông của Bồ Tát, những nơi đã đi qua không lập lại, theo vậy suy diễn, tưởng cầu đắc biên tế trên thân Bồ Tát, cứu cánh bất khả đắc.

Đó là cảnh giới thần biến quảng đại của “Quán sát Bồ Tát tam muội hải” được Cù Ba đồng nữ chứng đắc.

THẦN THÔNG CỦA BẠC THÁNH

Bạc thánh đã khai ngộ, ngoại trừ thần thông chủ yếu được phát khởi do thiền quán, còn đầy đủ thần thông dùng trí huệ làm trung tâm - lậu tận thông, như tam minh gồm thiên nhãn minh, túc mệnh minh, lậu tận minh và sáu loại thần thông, thâm độ và quảng độ của thần thông siêu việt cảnh giới thần thông bình thường của thế gian.

Xá Lợi Phất hàng phục ngoại đạo xích nhãn

Quyển 8 bộ “Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ nại gia phá tăng sự” chép, ban đầu khi trưởng giả Cấp Cô Độc muốn xây dựng Kỳ Viên tịnh xá cúng dường Phật, các ngoại đạo trong thành đổ kị, cùng kéo đến kháng nghị, yêu cầu trưởng giả không được xây tịnh xá cho Phật. Nhưng tâm ý của trưởng giả rất kiên định, ngoại đạo thấy vậy, đành nhượng bộ, yêu cầu điều tiếp theo, được cùng biện

luận với đệ tử của Phật, nếu đệ tử Phật thắng, họ sẽ không can thiệp vào việc xây dựng tịnh xá nữa.

Vì đó, trưởng giả báo với Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất dùng thiên nhân quán sát các ngoại đạo này cùng nhân dân Thất La, phải thực có thiện căn không? Sau khi quán sát, ông hiểu rõ họ thật sự có thiện căn. Tiếp đến, Xá Lợi Phất lại quán sát xem ai là người thích hợp điều phục họ? Bao giờ là thời cơ tốt? Sau đó quán sát thấy mình có thể điều phục, bảy ngày sau là ngày thích hợp. Do đó liền ấn định sau bảy ngày, sẽ ước hẹn tổ chức biện luận.

Bảy ngày sau, ngoại đạo cử một vị “Xích nhãn” (mắt đỏ) ngoại đạo làm đại biểu tranh biện với Xá Lợi Phất.

Vị Xích nhãn ngoại đạo này rất giỏi phương thuật biến hóa, trước tiên ông ta hóa thành cây Đại Yểm Mạt La, khai hoa kết trái. Xá Lợi Phất liền hóa thành mưa lớn đánh đổ cây bật gốc, chóc lát cây lớn tàn diệt. Xích nhãn ngoại đạo lại hóa thành hoa sen lớn, Xá Lợi Phất liền hóa làm con voi nhỏ đạp trong hồ nước dẫm nát đóa hoa thành bình địa. Ngoại đạo hóa thành Long vương bảy đầu, Xá Lợi Phất hóa thành đại Kim Xí điểu, từ trên không vút xuống, nuốt mất con rồng. Ngoại đạo biến thành ác quỷ đến hãm hại Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất dùng chú ngữ ếm, khiến quỷ quay ngược lại hãm hại ngoại đạo. Ngoại đạo hoảng sợ vội xuống tòa ngai, gieo năm vóc xuống đất lễ kính Xá Lợi Phất, hoảng hốt nói: “Xin cứu mạng tôi! Xin cứu mạng tôi!”. Bấy giờ, Xá Lợi Phất nhiếp trụ chú lực, con quỷ lập tức bị tiêu diệt.

Xá Lợi Phất liền thuyết pháp cho Xích nhãn ngoại đạo. Sau khi Xích nhãn ngoại đạo nghe pháp, liền xin xuất gia với Xá Lợi Phất tinh cần tu tập, không lâu sau đó, chứng

nhập quả thánh, đầy đủ bát giải thoát tam minh lục thông, đắc như thật trí.

Đó là sự tích Xá Lợi Phất thị hiện thần thông hàng phục ngoại đạo.

Mục Kiền Liên hàng phục Long vương

Một lần, đức Thích Ca ứng theo thỉnh cầu của Đạo Lợi thiên chủ Thích Đề Hoàn, dẫn đệ tử lên Đạo Lợi thiên thuyết pháp cho linh hồn mẹ Ma Ya hoàng hậu. Từ quá trình phi hành tới cõi Đạo Lợi thiên, xuyên qua trên không là trú xá của Long vương, gây ra nổi giận dữ của hai vị Long vương hung bạo. Bọn họ trách mắng người xuất gia là “Lũ sa môn đầu trọc” và vận dụng thần thông đốt lửa to ở trên không, ngăn cản đoàn người của đức Thế Tôn đang bay lên Đạo Lợi thiên.

Trong tăng đoàn có các đệ tử có thần thông, như đại Ca Diếp, A Na Luật, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề... xao động thỉnh cầu đức Thế Tôn, xin Thế Tôn chấp thuận cho họ dùng thần thông giao chiến với Long vương. Nhưng, đức Thích Ca biết thần thông của họ không đủ hàng phục Long vương, nên chưa chấp thuận lời cầu xin. Cuối cùng, Mục Kiền Liên xin đức Thế Tôn được xuất chiến, đức Thế Tôn hỏi qua chiến thuật của Mục Kiền Liên, an tâm cho ông đảm nhận nhiệm vụ gian nan, nguy hiểm. Mục Kiền Liên cùng hai vị Long vương đấu xong, không phụ lòng mọi người, hàng phục được hai Long vương, dẫn họ tới quy y đức Thế Tôn, thọ trì ngũ giới, giúp họ trở thành Phật giáo đồ chính thức.

Trong kinh ghi chép sự tích thần thông biến hóa bất khả tư nghị như sau:

Bấy giờ, Đức Phật đang ở thiên cung của tầng trời 33 vì Ma Ya hoàng hậu thuyết pháp, quốc vương, nhân dân cõi Diêm Phù Đề đều vân tập, rất nhiều đại tỳ kheo tăng đầy đủ thần thông, liền dùng thần túc thông bay lên cõi trời 33, trong một lúc hư không trở nên vô cùng náo nhiệt ồn ào.

Trên đường bay, họ đi qua phía trên không trụ xứ của Ưu Bà Nan Đà Long vương và anh là Nan Đà Long vương. Anh em Long vương nhìn thấy có rất nhiều sa môn bay qua bay lại ở trên đầu, lòng rất không vui vẻ nghĩ rằng: “Lũ sa môn đầu trọc này bay qua bay lại trên đầu ta, như chỗ không người, thật là quá đáng!”.

Hai anh em Long vương liền phóng gió và lửa dữ dội, khiến cõi Diêm Phù Đề bốc cháy. Ý đồ ngăn cản các tỳ kheo không thể bay qua được.

Đại đệ tử của Phật, tôn giả đại Ca Diếp lập tức từ chỗ ngồi đứng dậy, bấm cáo Thế Tôn:

“Thế Tôn! Xin hãy cho con hàng phục hai con ác quỷ long này!”.

Thế Tôn không đáp ứng thỉnh cầu của tôn giả.

Tôn giả A Na Luật, tôn giả Ly Việt, tôn giả Ca Chiên Diên... đều thỉnh mệnh Đức Phật, tự nguyện đi hàng phục ác long. Thế Tôn vẫn không chấp nhận.

Tôn giả Mục Kiền Liên liền đứng dậy, bấm cáo Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn! hãy để con đi hàng phục bọn họ!”.

Phật hỏi cặn kẽ rõ ràng chiến thuật của Mục Kiền Liên và cho đi.

Mục Kiền Liên lập tức biến mất trong hội chúng, xuất hiện nơi núi Tu Di, nhìn thấy Nan Đà và Ưu Bà Nan Đà Long vương đang dùng thân rồng to lớn quấn bảy vòng quanh núi Tu Di, miệng phun ra khói lửa dữ dội phần nộ.

Lập tức, Mục Kiền Liên biến thành đại Long vương 14 đầu, quấn quanh núi Tu Di 14 vòng, phóng ra lửa lớn, an trú trên đầu hai vị Long vương.

Nan Đà và Ưu Bà Nan Đà Long vương đột nhiên nhìn thấy vị Long vương 14 đầu, cả hai hoảng sợ kêu lên:

“Hai ta hợp sức thử xem tên Long vương này có thắng được chúng ta không?”.

Nan Đà và Ưu Bà Nan Đà Long vương liền dùng đuôi quật xuống biển lớn, đẩy nước biển dâng cao đến cõi trời thứ 33, nhưng vẫn chưa đụng đến được thân rồng do Mục Kiền Liên biến hóa. Lúc ấy, tôn giả Mục Kiền Liên cũng dùng đuôi đập xuống biển lớn, nước biển trào dâng lên cõi trời cao hơn cả tầng trời 33, xối vào thân hai Long vương.

Hai Long vương hoảng sợ kêu:

“Chúng ta sử dụng hết lực mới khiến cho nước biển lên tới tầng trời 33, nay đại Long vương này có sức mạnh còn hơn cả chúng ta, dâng nước lên cao hơn. Chúng ta chỉ có bảy đầu, Long vương kia lại có 14 đầu; chúng ta chỉ có thể quấn quanh núi Tu Di bảy vòng, Long vương kia có thể quấn quanh núi Tu Di 14 vòng. Xem ra, hai chúng ta phải hợp lực liều mạng!”.

Hai Long vương tiến lên nổi dùng đuôi sấm giăng chớp giạt, phóng đại hỏa diệm. Tôn giả Mục Kiền Liên nghĩ thầm: “Nếu như ta cũng phóng ra sấm sét, hỏa diệm càng to hơn, nhất định sẽ làm hại đến chúng sinh trên thường

và nhân gian, ta phải thay đổi chiến thuật mới được". Ông liền biến thành thân hình cực nhỏ, tiến vào trong miệng ác long, rồi đi ra mũi họ, lại từ mũi tiến vào, đi ra tai; lại từ lỗ tai chui vào, rồi từ mắt đi ra; rồi từ mắt đi qua lại trên lông mày họ.

Bấy giờ, hai Long vương lại càng hoảng sợ, nghĩ thầm:

"Tên đại Long vương này cực kỳ uy lực, không những có thể tự tại biến hóa lớn nhỏ, lại có thể từ miệng chúng ta vào, ra mũi; từ mũi đi vào, ra bằng mắt. Hôm nay, chúng ta thua một cách tâm phục khẩu phục. Trong Long tộc không có Long vương nào có thể thắng nổi chúng ta, nay Long vương kia uy lực mạnh lớn như vậy, tính mạng anh em ta e rằng khó giữ rồi!" rồi hoảng sợ rùng mình.

Mục Kiền Liên biết Long vương đã quá sợ hãi, liền biến trở về hình mạo sa môn bình thường, đi lại trên mí mắt hai Long vương. Bấy giờ, hai vị Long vương nhìn thấy đại Mục Kiền Liên liền nói với nhau rằng:

"Thì ra là sa môn Mục Kiền Liên, thật là kỳ lạ! Ông ta lại có thể có đại uy lực như thế, cùng chiến đấu với chúng ta".

Hai vị Long vương liền hỏi:

"Vì sao tôn giả lại đến nhiều loạn? Ngài có gì muốn dạy bảo chúng ta chăng?".

Mục Kiền Liên trả lời:

"Hôm qua, các người từng nghĩ thầm: Vì sao lũ sa môn đầu trọc này bay qua bay lại trên đầu ta? Ta phải nghĩ cách ngăn cản. Rồi phóng đại hỏa thiêu đốt hư không, cản trở đại chúng phi hành".

Long vương đáp:

“Đúng vậy, tôn giả! Chúng tôi đúng có suy nghĩ vậy”.

Mục Kiền Liên nói:

“Long vương, các người phải biết, núi Tu Di là đường chung của chư thiên, không phải nơi cư trú của riêng các người”.

Long vương trả lời:

“Xin tôn giả tha thứ cho chúng tôi, đừng trách mắng nữa. Từ nay về sau, hai anh em chúng tôi sẽ không còn dám nhiễu loạn chúng sinh, khởi ác niệm loạn tướng, xin nguyện nghe theo lời Ngài dạy bảo, xin được làm đệ tử Ngài”.

Hai Long vương Nan Đà và Ưu Bà Nan Đà biến hóa thành hình người, theo tôn giả Mục Kiền Liên tới thành Xá Vệ quy y Thế Tôn.

Châu Lợi Bàn Đà Gia giáo hóa chúng sinh có tâm kiêu mạn

Trong hàng đệ tử Phật, Châu Lợi Bàn Đà Gia nổi tiếng có tư chất khù khờ chậm chạp (*Ngu lộ tôn giả*), được sự dạy dỗ nhẫn nại của Thế Tôn, sau chứng đắc quả vị A La Hán, mỗi khi thuyết pháp cho người khác thường chỉ đọc một bài kệ mà thôi. Nếu người nghe bài kệ này cảm thấy không thỏa mãn, ông liền thị hiện thần thông để cảnh tỉnh người nghe pháp. Quyển 12 bộ “Tứ phần luật” chép, ông từng vì các tỳ kheo ni do chỉ thị hiện thần biến. Các giáo hóa từ việc thị hiện thần thông, thường dùng để đối trị những chúng sinh có tâm ngạo mạn. Châu Lợi Bàn Đà Gia là một ví dụ tốt nhất.

Trước khi Châu Lợi Bàn Đà Gia khai ngộ, ông hết sức ngu độn. Một lần, Như Lai ở cổng tịnh xá, nhìn thấy ông khóc lóc thảm thiết. Đức Phật liền hỏi ông thân thiết:

“Người có khó khăn gì, cần ta giúp đỡ không?”.

Châu Lợi Bàn Đà Gia đang bị anh là tôn giả Đại Lộ đuổi đi nên đau đớn khóc lóc. Vì ông ta quả thật quá ngu độn. Ba tháng trời tụng không thuộc một câu kệ, nên bị thầy dạy là tôn giả Đại Lộ đuổi đi, không cho ông xuất gia nữa, ông buồn khổ khóc lóc thê thảm.

“Không sao cả, nếu thế, để ta dạy con vậy!”.

Đức Phật dạy ông hai câu pháp ngữ: “Ta quét bụi, ta trừ cái ghét”. Nhưng, Châu Lợi Bàn Đà Gia quá ngu độn, tuy Đức Phật đích thân dạy dỗ, ông vẫn không thể nhớ. Phật biết nghiệp chướng của ông ta quá nặng, không cách nào khai mở trí huệ, nên kêu ông ta giúp đại chúng tỳ kheo chùi lau bụi bẩn bám trên giày.

Mỗi ngày, ông vừa trì tụng “Ta quét bụi, ta trừ cái ghét”, vừa lau chùi bụi bẩn bám trên giày. Vừa tụng, vừa chùi, trải qua một thời gian, cuối cùng có thể thuộc hai câu pháp ngữ này, tâm cảnh khai mở, trí huệ hiện rõ.

Một đêm, ông suy nghĩ:

“Thế Tôn dạy ta đọc tụng hai câu pháp ngữ “Ta quét bụi, ta trừ cái ghét”, thật có ý nghĩa gì? Cái ghét phân biệt có hai loại trong và ngoài, vậy cái ghét Thế Tôn dạy ta thật là cái ghét của phiền não nội tâm, hay cái ghét ở đất đai đây?”.

Thì ra cái ghét này là do tham dục của loài người, không phải là cái ghét của đất đai.

Cầu ghét này là do sân giận của loài người, không phải là cầu ghét của đất đai.

Cầu ghét này là do tà kiến của loài người, không phải là cầu ghét của đất đai.

Người có đại trí huệ, phải lìa xa tham dục, sân giận, và tà kiến.

“Ôi! ta biết rồi, chỉ có người lìa bỏ tham dục, sân giận và tà kiến mới thật sự là người có thể quét bụi trừ cầu ghét”.

Chính trong quá trình tư duy như vậy, ông hoát nhiên liễu ngộ thật tướng của bụi bần, đoạn trừ hết thấy phiền não, chứng nhập thánh quả A La Hán.

Châu Lợi Bàn Đà Gia chứng đạo rồi, ngồi im bất động cho đến ngày hôm sau, khi anh của ông là tôn giả Đại Lộ đi qua trước mặt, còn tưởng rằng ông ta ngồi đó trốn việc, ông anh đi tới, kéo tay ông và gọi lớn:

“Người mau đứng dậy học đọc tụng đi chứ!”. Học đọc tụng rồi hãy tĩnh tọa tư duy!”.

Ngu Lộ tôn giả vào lúc này đã có thần thông, tôn giả Đại Lộ kéo tay ông đi một đoạn rất dài, ông vươn cánh tay đuổi ra vô hạn, dù vẫn ngồi nguyên tại chỗ như cũ. Khi tôn giả Đại Lộ cảm thấy lạ lùng, quay đầu lại nhìn, mới lộ ra một nụ cười mỉm yên lòng vui sướng, hiểu rằng đứa em ngu độn đã chứng đắc quả vị thánh.

Đó là một kỳ tích bất khả tư nghị, mức độ ngu độn của Ngu Lộ tôn giả ai ai cũng biết, người như vậy, lại cũng có thể chứng đắc quả vị A La Hán, người thường rất khó lý giải. Nhất là các ngoại đạo, không những không tin mà còn lợi dụng cơ hội để phá hoại Phật giáo, phỉ báng Đức Phật, họ bảo:



“Mọi người hãy xem! Phật giáo có gì ghê gớm đâu? Có gì cao thượng vĩ đại đâu? Thánh quả thánh vị của Phật giáo, ngay cả một người ngu đến mức không thể ngu hơn cũng chứng đắc được, vậy có gì lạ lùng?”.

Ngày nọ, Đức Phật kêu tôn giả A Nan Đà sai tôn giả Ngu Lộ đi giáo hóa tỳ kheo ni.

Tin ấy trước khi loan truyền ra, trong tỳ kheo ni có 12 người trẻ tuổi ngoan cố, cho rằng như vậy là xem thường tỳ kheo ni. Trong các tỳ kheo trưởng lão, biết bao nhiêu vị tỳ kheo đại đức có trí huệ, khéo ăn khéo nói, tại sao không phái họ đến giáo hóa mà phái một người như Ngu Lộ tôn giả ba tháng trời không tụng thuộc nổi một câu kệ đến giáo hóa?

Bọn họ liền bàn luận với nhau một âm mưu:

“Nếu đã như vậy, chúng ta hãy cho ông ta nếm mùi đồ sống dở chết”.

Bọn họ bàn luận kế hoạch chia ra hành động. Một nửa số người bố trí giảng đường, giảng đài và giảng tọa, bố trí đặc biệt trang nghiêm hoa lệ, pháp tòa bày biện cao lớn, để thính chúng đều có thể nhìn thấy rõ người thuyết pháp. Một nửa số người còn lại chia nhau vào thành tuyên truyền, bất luận đường to hẻm nhỏ, đều đến mỗi nhà mỗi hộ tuyên truyền:

“Ngày mai trong chùa của chúng tôi có một vị đại pháp sư đến thuyết pháp, chỉ dạy chúng tôi. Vị pháp sư này là một thượng tọa tỳ kheo trí tuệ nhất, biện tài giỏi nhất, thuyết pháp hay nhất, phàm người nào sau khi nghe Ngài thuyết pháp, đều kiến đạo đắc đạo, không còn luân hồi sinh tử, đắc Niết bàn thanh tịnh, vì vậy, khuyến thỉnh mọi người không nên bỏ qua cơ hội tốt như vậy”.

Qua hôm sau, tôn giả Ngu Lộ còn chưa đến, nhưng thiện nam tín nữ toàn thành, đã tụ tập trong tự của tỳ kheo ni, đông không kể xiết. Mọi người chờ đợi sự quang lâm của đại pháp sư, 12 tỳ kheo ni trẻ tuổi và ngoan cố, lại lén núp vào một bên, chờ xem vở kịch sắp mở màn.

Cuối cùng, tôn giả Ngu Lộ dẫn theo một tỳ kheo cũng đến. Mọi người lấy làm hoài nghi, trong hai tỳ kheo cùng đến, thật sự ai là đại pháp sư? Nếu như là tôn giả Ngu Lộ quả khó tin, còn nếu như là tỳ kheo còn lại, hiển nhiên là tỳ kheo này quá trẻ, không thể là thượng tọa đại pháp sư.

Chính lúc mọi người đang hoài nghi, tôn giả Ngu Lộ đã đi vào giảng đường, bước lên giảng đài. Ông dùng thần thông quán sát biết rằng pháp tòa cao to này, không phải xây lên cung kính, mà do muốn chế nhạo, nên ông đưa tay ấn một cái, pháp tòa to lớn lập tức thu nhỏ lại. Nhưng, khi ông an tường ngồi lên pháp tòa, những tỳ kheo ni lớn tuổi chứng quả tin rằng tôn giả Ngu Lộ sẽ tuyên thuyết đại pháp cúng dường, còn phần lớn phạm phu, cả thấy thất vọng, thậm chí cảm thấy như bị lừa dối. Mọi người bàn tán ồn ào xôn xao.

Tôn giả Ngu Lộ không hề phân biện, ông ngồi xuống, lập tức nhập định, thị hiện thần thông, từ trên tòa bỗng ẩn thân biến mất, bay trên không trung. Ra nơi phía đông mà vào núi phía tây, ra phía tây vào phía đông, ra phía nam vào từ phía bắc, ra phía bắc vào từ phía nam; ngồi trên không trung, nằm trên không trung; thân trên phóng ra nước, thân dưới phóng ra lửa, thân trên phóng lửa, thân dưới phóng nước; đi trên nước như trên đất bằng, đi vào đất như trong hư không. Tổng cộng sau khi thị hiện 18 loại thần thông biến hóa, liền trở về tòa ngồi như cũ.



Mọi người nhìn thấy thần thông biến hóa lập tức sinh khởi tâm cung kính, nhận biết hết sức hy hữu, đều gieo năm vóc xuống đất đánh lễ tôn giả. Mọi người cung cung kính kính lặng im phăng phắc, đến nỗi cả tiếng chim chóc cũng im bật. Tôn giả Ngu Lộ bắt đầu vì các tỳ kheo thuyết pháp, mọi người mới hiểu ra quả thật tôn giả Ngu Lộ đã nhập vào dòng bậc thánh.

Mục Kiền Liên dời núi

Khi Phật còn tại thế, ở biên giới của Ấn Độ, có một nước lớn, quốc vương và bá tánh không theo Phật pháp, chỉ tin thờ ngoại đạo Phạm Chí. Phạm Chí này, cũng có thần thông, có thể dời chuyển núi lớn, dừng dòng sông chảy, phân thân biến hóa. Vì thế, Đức Phật liền sai đệ nhất thần thông Mục Kiền Liên, vận dụng sức uy thần đức, khiến họ quay về Phật pháp.

Căn cứ ghi chép trong kinh điển, khi Mục Kiền Liên được chỉ thị của Phật, lập tức bay vọt lên không đến nơi, vừa lúc có đám đông ngoại đạo ngồi vây quanh núi, muốn dùng pháp lực di động núi lớn.

Mục Kiền Liên liền an trú trên đỉnh núi lớn, treo lơ lửng trên không, núi lớn không hề nhúc nhích. Bấy giờ, các ngoại đạo kinh ngạc, thốt lên:

“Núi này đã được nâng lên, ai có uy lực khiến nó không nhúc nhích? Chẳng lẽ trong bọn chúng ta, đã có người nào bất tịnh, khiến pháp thuật trở nên vô hiệu?”.

Bọn họ dáo dác tìm quanh, đột nhiên nhìn thấy trên đỉnh núi Mục Kiền Liên nằm ngang nơi hư không, họ nạt lớn:

“Người là người nào? Dám ở đây vô lễ! Tòa núi này trở ngại giao thông, quốc vương lệnh bọn ta dời núi đi, vì dân trừ hại, vì sao người lại cản trở?”.

Mục Kiền Liên cười đáp:

“Rõ ràng ta treo người trên hư không, sao lại bảo ta dời núi của người?”.

Bọn Phạm Chí ngoại đạo phát động đạo lực lần nữa, ba lần muốn dời núi đi, nhưng ngọn núi cao lớn vẫn không động đây.

Đang lúc các ngoại đạo hết cách và cảm thấy kinh hoảng, Mục Kiền Liên cao giọng:

“Các người hãy tập trung chú ý, các người xem núi đi đây này”.

Khi Mục Kiền Liên dứt lời, ngọn núi lớn cao vợi vợi, trong chớp mắt thành bình địa.

Bọn Phạm Chí ngoại đạo dập đầu tán thán:

“Đại đức, Ngài từ nơi nào đến? Nếu không có trí huệ minh đạt, đạo đức thâm hậu, nhất định không thể làm điều này, xin thu nhận chúng tôi làm đệ tử dưới tòa”.

Mục Kiền Liên dẫn họ bái kiến Phật, quy y Phật pháp.

Thánh Thiên đồng tử bố thí mắt

Xưa có một nước tên Chấp Sư Tử, phần lớn nhân dân mê tín vào việc cát hung họa phúc, chú trọng thờ phụng Thiên Thần, không thể thâm nhập trí huệ Phật pháp để được giải thoát. Nước Chấp Sư Tử có một vị vương tử tên

Thánh Thiên đồng tử, kiến thức quảng bác, biện tài tuyệt luân, được đại chúng tôn sùng.

Bấy giờ, trong đô thành có một đền thờ trời, thờ tế thiên thần Đại Tự Tại, cũng là nơi nhang đèn thịnh nhất nước. Tòa đền Đại Thiên Thần là dùng vàng ròng đúc thành, cao khoảng hai trượng, có thể tự tại dự biết họa phúc của con người. Nếu có người cầu xin, thường mãn nguyện như ý, do đó dân chúng cả nước rất sùng ngưỡng.

Thánh Thiên đồng tử nghĩ thầm:

“Phải làm cách nào phá trừ mê tín nhân dân trong thành”.

Chàng nảy ra mưu kế, đến xin cầu được vào đền bái kiến Thiên Thần. Đền chủ là ngoại đạo tu trì Đại Tự Tại thiên pháp, làm khó dễ nói với Thánh Thiên đồng tử:

“Pho tượng Đại Thiên Thần này thật sự rất thần diệu, giống như thần thật, nếu như người thông thường nhìn thấy ngài, không ai dám nhìn thẳng. Cho dù là sau khi gặp được, nhưng do uy lực quá lớn, quá linh nghiệm, thường khiến người trong trăm ngày, giống như bị mất hồn phách vậy, ngơ ngác ngác. Nếu như chỉ vì cầu xin điều gì đó mà đến, xin tham kiến làm gì? Không nên gặp thì tốt hơn!”.

“Chủ trì đại sư! Nếu như Thiên Thần giống như lời ông linh nghiệm đến vậy, tôi càng muốn đích thân gặp Thiên Thần, dù có tổn thương, đâu có can hệ gì? Nếu không phải như thế, thì không còn là người tôi muốn gặp nữa! Ông cứ cho tôi vào đi!”.

Vương tử vẫn kiên trì xin gặp tượng thần.

Sau khi miếu chủ nghe xong, cảm thấy vô cùng kinh ngạc bởi vì phần lớn người sau khi nghe nói xong, biết được

sự linh nghiệm của thần, đều vì giữ mạng sống của mình, tuyệt đối không yêu cầu nữa, còn vương tử vì sao lại kỳ đặc như vậy? Liền tỉ mỉ xem xét một lần nữa vị vương tử này, tuy là trẻ tuổi nhưng tâm chí kiên cường, cao xa, vả lại hai mắt sáng trong, khắp mặt chính khí quang minh, ắt phải là người phi thường, liền chấp nhận theo lời xin của vương tử. Tin tức trong phút chốc gây chấn động lớn, ngàn vạn người vội vàng tìm tới miếu, xem người nào can đảm như vậy, dám thân gặp tượng Đại Tự Tại Thiên, bởi vì từ xưa đến nay, đã không có người có lòng can đảm ấy.

Thánh Thiên đồng tử tiến vào đền đặt tượng Thiên Thân. Tượng Thân bỗng dao động cặp mắt được gắn bằng bảo châu, trừng trừng nhìn Thánh Thiên đồng tử, hy vọng có thể dọa cho chàng bỏ chạy. Trong tâm Thánh Thiên đồng tử không hề sợ hãi, hơi mỉm cười, nói với Đại Thiên Thân:

“Này Đại Tự Tại Thiên Thân! Nếu như nói về thần diệu, thì ông thật sự quá thần kỳ, nhưng sao ông lại ích kỷ như vậy? Một vị Thiên Thân vĩ đại phải nên dùng uy đức linh nghiệm cảm hóa người, dùng trí huệ đạo đức hàng phục vạn vật mới phải. Như ông hiện nay, dựa mượn vàng ròng để thị hiện trang nghiêm bản thân, dao động cặp mắt pha lê mê hoặc chúng sinh, thật sự quá làm tôi thất vọng”.

Nói xong, Thánh Thiên đồng tử leo lên thang, trèo tới trước ngực Đại Tự Tại Thiên, thò tay móc mắt trái tượng thần.

Bấy giờ, dân chúng đứng chung quanh kinh hoảng buột miệng kêu lên: “Ồ”, nhưng nhìn thấy dáng vẻ tự tại vô úy của Thánh Thiên đồng tử, không người nào dám ra ngăn cản. Khi mắt trái Đại Thiên Thân bị móc ra xong, mọi người càng nghi hoặc bàn tán xôn xao:



“Trong chư thiên lớn lao nhất, mạnh mẽ nhất là Đại Tự Tại Thiên Thần, sao lại bị một phàm nhân trẻ tuổi làm khổ như thế? Trước kia nghe rằng ông ta linh nghiệm lắm lắm, phải chăng quá lời?”.

Thánh Thiên đồng tử hiểu rõ suy nghĩ trong lòng đại chúng, vì mục đích cũng đã đạt được, không muốn lòng tin đại chúng hoàn toàn sụp đổ, liền khai thị mọi người rằng:

“Thần minh vô cùng viển đại, vì vậy, nên dùng nhân duyên này để thử xem ta có hiểu được chân ý của Thiên Thần hay không. Hiện nay do ta đã thể ngộ tâm ý của Ngài, nên leo lên pho tượng này bằng vàng do các miếng vàng tụ lại, móc trong vàng ra pha lê mà thôi. Đó không phải là bất kính với Thiên Thần mà vì muốn mọi người thật sự hiểu rõ chân tướng của Thiên Thần, không cần nhờ vào bất kỳ vật phẩm tinh xảo quý trọng nào nặn tạo nên, cũng không cần nhờ bất kỳ ngoại hình nào. Nên ta chỉ là y theo chân ý của Thiên Thần, không phải kiêu mạn với Thiên Thần, cũng không hạ nhục Thiên Thần, xin mọi người chớ nên hiểu lầm”.

Nói dứt, liền rời khỏi đền Đại Tự Tại Thiên, tuyên bố sáng sớm hôm sau sẽ tới miếu thần tế bái Đại Tự Tại Thiên.

Do Thánh Thiên đồng tử vốn rất nổi tiếng, thêm đó trí huệ chàng được xem là diệu thông thiên tâm. Vì vậy, lời chàng nói, đại chúng rất hưởng ứng, mọi người đều cúng dường vô số các thức ăn thịnh soạn, vật phẩm trân diệu, vô cùng phong phú, đến cung phụng Đại Tự Tại Thiên.

Hôm sau, chỉ thấy thân tượng của Đại Tự Tại Thiên cao hơn vài mươi trượng, từ trên trời bay xuống, vô cùng trang nghiêm, nhưng, mắt trái bị mất. Thân hình Đại Tự

Tại Thiên thị hiện y như tượng gốc ngồi trên bảo tọa, nhìn khắp cúng phẩm thịnh soạn, than rằng chưa từng có, quay sang hỏi Thánh Thiên đồng tử:

“Thật sự do công đức của người thành tựu sự cúng dường này!”.

Tiếp đến lại bảo:

“Người đã đắc được chân tâm của ta, còn phần lớn người ta chỉ được ngoại hình của ta. Người dùng tâm đến cúng dường, còn phần lớn người ta chỉ dùng vật chất dâng tặng. Dùng trí huệ để tôn kính ta là người, dùng sự kính sợ xu nịnh là phần lớn mọi người! Cúng dường của người thật sự tận thiện tận mỹ! Nhưng nếu như có thể cúng dường vật phẩm đối phương không có, mới thật sự là bố thí tối thượng”.

“Đại Thiên Thần, Ngài có thể tới theo tâm của tôi, tôi sẽ vâng theo lời Ngài”.

“Hiện nay cái ta không có chính là mắt trái, nếu như người thực sự bố thí, hãy đưa trả cho ta!”.

“Xin kính nghe mệnh Thiên Thần”.

Thánh Thiên đồng tử không chút ngần ngại, dùng tay trái móc mắt trái ra bố thí cho Đại Tự Tại Thiên. Đại Tự Tại Thiên dùng sức thần thông khiến mắt trái của vương tử phục sinh, rồi liền đòi vương tử cho mắt trái và Thánh Thiên đồng tử lập tức lại móc mắt trái ra. Từ sáng sớm tới đêm tối, trong một ngày tổng cộng móc ra vài vạn cặp mắt trái.

Khi Đại Tự Tại Thiên thấy vậy, vô cùng tán thán:

“Thiện tai! Thiện tai! Đây thực sự là bố thí vô thượng. Tương lai người có nguyện vọng gì, ta ắt giúp người toại nguyện”.

Vương tử Thánh Thiên đồng tử trả lời:

“Tôi liễu ngộ tự tâm không ở bên ngoài, nên vốn không có bất kỳ nguyện vọng ngoại cầu nào, nhưng đáng tiếc, những thế nhân ngu muội thông thường, không thể tin thọ liễu ngộ giáo pháp như tôi, quả thật đáng buồn. Thiên Thần, nếu Ngài muốn hộ trì tôi, xin Ngài khiến cho hết thầy lời nói của tôi không bao giờ giả tạo, chúng sinh có thể tự nhiên tín phục, để được giải thoát, ngoại trừ điều này, tôi không tâm nguyện gì khác”.

Đại Tự Tại Thiên đáp:

“Ắt có thể theo nguyện của người”.

Dứt lời, bay lên trời đi mất biệt.

Huyền hóa của Liên Hoa Sinh đại sĩ

Thủy tổ Tạng truyền Mật pháp Liên Hoa Sinh đại sĩ thị hiện vô số thần thông biến hóa bất khả tư nghị, khiến đại chúng sinh khởi tín tâm lớn với Phật pháp. Theo ghi chép, khi đại sĩ giáo hóa ở biên giới phía đông bắc Ấn Độ, Ngài từng thị hiện thần thông quảng đại khiến vị Nhật Lực vương vốn là ngoại đạo quy tín Phật pháp.

Con trai của Thiên Lực vương là Nhật Lực vương tử, không chỉ có một mắt mà làn da còn có màu xanh lam rất đáng sợ, nách trái bị hôi rất nặng, mùi hôi nồng nặc, thậm chí còn khó ngửi hơn da trâu thúi, chân trái của ông ta còn bị què. Mặc dù là con trai của mình, quốc vương rất sợ để vương tử ra ngoài, sợ bị mất mặt, đành nhốt Nhật Lực vương tử trong cung, cấm không cho ra ngoài. Khi vương tử trưởng thành, đòi xin cưới vương phi, nếu không dọa tự sát.

Rất khó khăn, Thiên Lực vương mới cưới được cho vương tử một công chúa xinh đẹp thuộc một nước nhỏ, tên nàng là A Đàn Mộc, vương tử sợ công chúa quá xinh đẹp sẽ bỏ trốn, nên ngày đêm canh giữ, công chúa không cách nào chịu đựng nổi dung mạo xấu xí và mùi cơ thể hôi hám của chồng, muốn tự sát nhưng bị canh giữ rất nghiêm mật, hai vợ chồng sống trong cảnh dây dưa như vậy miễn cưỡng qua ngày.

Liên Hoa Sinh đại sĩ quán sát nhân duyên đã chín muồi, bèn cải trang thành một huyền thuật sư đến độ hóa vợ chồng Nhật Lực vương tử, nhưng Thiên Lực vương hoài nghi Liên Hoa Sinh đại sĩ đến lừa gạt vương tử, vương phi, phá hoại quốc gia, vội phái người bắt giữ Liên Hoa Sinh đại sĩ, hạ lệnh dùng gạch ngói xây một căn phòng để đặc biệt giam cầm Ngài. Tòa nhà ngục bằng gạch ngói được xây chắc chắn, chung quanh chất đầy củi gỗ và dầu. Khi Liên Hoa Sinh đại sĩ bị bắt dẫn đến, quốc vương ra lệnh vệ sĩ đốt cháy củi chất xung quanh nhà, chốc lát lửa cháy rất lớn ngọn lửa bay cao lên, thiêu cháy toàn bộ căn phòng bằng gạch ngói thành một hầm lửa. Liên Hoa Sinh đại sĩ ngồi trong hầm lửa, giống như ngồi trên tòa sen nơi Cực Lạc thế giới, tràn đầy vẻ ung dung mát mẻ.

Lửa lớn thiêu đốt vô cùng mãnh liệt, khói đen dày đặc phủ lấp tòa nhà gạch ngói. Đột nhiên, toàn bộ tòa nhà huyền hóa thành một tòa bảo tháp dát vàng nguy nga như một tòa lầu cao ba tầng. Trên tòa kim tháp này, có vô số lồng hoa, luân bảo trang trí. Đại kim tháp phóng hào quang ngũ sắc trang nghiêm bất khả tư nghị.

Mọi người bấy giờ mới hiểu rõ Liên Hoa Sinh đại sĩ đích thực là vị có đại thành tựu thù thắng liên quy y Phật pháp.

Thiên nhĩ thông của tôn giả A Gia Mạn

Trong Nam truyền Phật giáo thời gần đây, có tôn giả A Gia Mạn nổi tiếng, vị tu hành đạt được thiên nhĩ thông.

Một lần, trong lúc ngài du hành, tôn giả A Gia Mạn và bạn bè tới một bộ lạc sơn địa. Cư dân nơi đó, gần như đều chưa từng thấy qua tỳ kheo tu hạnh đầu đà, nên tỏ ra e ngại để phòng.

Vào một đêm nọ, tù trưởng triệu tập thần dân, báo cho họ biết hiện nay có hai con cọp nguy trang thành người, đang ở một nơi cách nơi này không xa. Từ ngày đó, phụ nữ và trẻ con bị nghiêm cấm đến gần chốn đó, thậm chí yêu cầu thôn dân cần phải có vài người kết thành đoàn mới được đi. Ngoài ra, tù trưởng còn cảnh cáo thôn dân cần phải cẩn thận, đề phòng chống cự lại hai con cọp dữ.

Khi tù trưởng cảnh cáo thôn dân, tôn giả A Gia Mạn đang trong thiền định, do ngài đầy đủ thiên nhĩ thông, nên nghe thấy tù trưởng đang bịa tin tức giả dối. Ngài kinh ngạc với tội danh không hề nghĩ tới này và sinh khởi lòng xót thương cực lớn những thôn dân ngu si, ngài biết rằng có nhiều thôn dân tin lời tù trưởng, đó là nghiệp chướng rất lớn đối với thôn dân, do duyên cớ phỉ báng bậc thánh, nếu như họ không thay đổi cách suy nghĩ, sau khi chết họ sẽ bị đầu thai thành cọp dữ.

Hôm sau, tôn giả nói với bạn rằng họ đã bị vu khống giả dạng hình người, là cọp muốn sát hại thôn dân. “Nếu như chúng ta hiện nay rời khỏi nơi này” tôn giả A Gia Mạn nói, “sau khi dân chết sẽ bị đầu thai thành cọp. Vì cứu giúp thôn dân, chúng ta phải ở đây thời gian dài để độ hóa thôn dân”.

Từ đó, luôn có từng nhóm người đến rình rập, lén tới chung quanh trú xứ của tôn giả A Gia Mạn và những tỳ kheo khác.

Nhưng tôn giả A Gia Mạn và các bạn của Ngài muốn độ hóa thôn dân, nên vẫn nhẫn nại tiếp tục sống trong hoàn cảnh phù nghịch, họ cần phải nhẫn nại đến khi thái độ của thôn dân trở nên dịu dàng, khôi phục lý tính.

Đêm khuya, vùng địa khu gần với nơi ở của tôn giả A Gia Mạn có tiếng cộp cộp. Chúng là những con cộp to lớn, hung dữ, mặc dù đi tới lui ở nơi không xa, nhưng gần như không hề tiếp cận nơi của tôn giả A Gia Mạn và tỳ kheo.

Lòng hiếu kỳ và tâm sợ hãi của thôn dân vẫn còn nhiều. Bọn họ mỗi ngày tùm năm tùm ba lén đến quan sát.

Dem nọ, khi tôn giả A Gia Mạn đang nhập thiền, dùng thần thông thiên nhĩ thông nghe tù trưởng đang hỏi đoàn quan sát của ông ta, rằng hai tỳ kheo có gì sai sót, thôn dân trả lời, bọn họ không thể tìm thấy bất kỳ sai sót nào của hai “con cộp”.

Các thôn dân quyết định nói chuyện với hai vị tỳ kheo. Một buổi trưa nọ, rất đông thôn dân đến bái phỏng tôn giả A Gia Mạn. Trong đó có một người hỏi Ngài vì sao tình tọa? Khi Ngài đi tới đi lui là đang tìm kiếm gì?

“Phật đức của ta bị rơi mất” tôn giả A Gia Mạn đáp, “Ta ngồi hay đi đều vì muốn tìm kiếm Phật đức”.

“Thật ra cái gì là Phật đức?”, họ hỏi lại. “Chúng tôi có thể giúp Ngài không?”

“Ồ, đúng đấy, các người đều giúp ta được”, tôn giả A Gia Mạn trả lời, “Phật đức quý báu vô giá, duy nhất trong toàn thế giới (tam giới) chỉ có Phật đức toàn tri. Nay quá tốt rồi,

nếu như các người tình nguyện giúp ta tìm kiếm Phật đức, vậy chúng ta có thể rất nhanh tìm thấy Phật đức đấy”.

“Ngài đánh mất Phật đức bao lâu rồi?”.

“Trước đây không lâu. Có được sự giúp đỡ của các người, chúng ta sẽ nhanh chóng tìm ra”.

Đoàn dân thôn dưới sự giáo hóa thiện xảo của tôn giả A Gia Mạn, không những chấm dứt hoài nghi tôn giả mà từ từ đều hướng theo con đường thành Phật.

THẦN THÔNG CỦA SINH TỬ TỰ TẠI

Bậc thánh khai ngộ, thể ngộ thật tướng sinh tử, do đó, khi đối mặt với cảnh giới sinh tử, thường thị hiện thần thông bất khả tư nghị, khiến mọi người tán thán, và sinh khởi sâu sắc tấm lòng hướng về “Hữu vi giả, phải như thế”. Những chuyện giới thiệu dưới đây đều là cảnh giới được những bậc thánh khai ngộ triển hiện khi đối diện với sinh tử:

Kiều Phạm Bát Đế hóa thành nước

Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, do đại đệ tử của Ngài là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đều đã nhập diệt trước thế nên tôn giả đại Ca Diếp chủ trì việc kết tập. Đương thời các đại A La Hán phụ trách kết tập thảo luận:

“Tỳ Ni Pháp Tạng nên do ai kết tập tốt nhất?”.

Trưởng giả A Nê Lô nói:

“Thành tựu của tôn giả Xá Lợi Phất giống như vị Phật thứ hai, tuy ngài đã nhập diệt, nhưng vẫn còn một đệ tử ưu tú là Kiều Phạm Bát Đề. Vị này có tâm địa dịu dàng hòa nhã, thường ở nơi thanh tịnh, khéo hiểu biết Tỳ Ni Pháp Tạng. Hiện nay ngài an trú trong vườn cây Thi Lợi Sa trên trời, sao chúng ta không mời ngài xuống đây?”.

Kiều Phạm Bát Đề lại còn được gọi là “Ngưu Tướng tỳ kheo”, vì vào thời quá khứ, ngài từng ngắt một nhánh lúa có vài hạt thóc rơi xuống đất, trong 500 kiếp phải thọ sinh làm thân trâu, nên còn lưu lại tập tính của trâu, sau bữa cơm thường giống như trâu nhóp nhép nhai lại, nên có tên gọi “Ngưu Tướng tỳ kheo”. Tuy bị người khác chế nhạo, nhưng Kiều Phạm Bát Đề không hề để bụng, điềm đạm không tranh cãi với người khác. Đức Thế Tôn thương xót ngài thường bị người khác châm chọc phỉ báng, liền sai ngài tới vườn Thi Lợi Sa cõi trời Đao Lợi tu tập thiền định.

Đại Ca Diếp liền phái một vị tỳ kheo của Hạ tọa bộ lên trên trời mời Kiều Phạm Bát Đề tôn giả đến tụ hội. Vị tỳ kheo này lập tức như Kim Xí điều bay vọt lên trời đi mất.

Tối trú sở của Kiều Phạm Bát Đề, tỳ kheo hỏi thăm Ngài:

“Hỡi đại đức nhu nhuyển tuyệt diệu! Ngài thật thiếu dục tri túc, thường trụ thiền định. Đại Ca Diếp sai tôi đến thăm hỏi ngài, và nói rằng hiện nay tăng đoàn có đại pháp sự, thỉnh ngài về gấp”.

Kiều Phạm Bát Đề lấy làm kỳ lạ:

“Tăng đoàn của Như Lai không có đấu tranh, sao lại tìm ta?” Có người nào phá hoại hòa hợp tăng đoàn chăng? Hay là Đức Phật đã nhập diệt?”.



Tỳ kheo trả lời:

“Đúng như lời ngài nói, Đức Phật đã nhập diệt”.

Kiều Phạm Bát Đề xúc động than:

“Đức Phật sao lại nhập diệt nhanh vậy, cặp mắt của thế gian đã diệt mất rồi! Vậy, thầy của ta là Xá Lợi Phất ra sao?”.

“Ngài cũng đã nhập Niết bàn trước rồi”, tỳ kheo trả lời, “không chỉ Xá Lợi Phất đã nhập diệt, Mục Kiền Liên cũng thế”.

“Phật pháp sắp tán diệt, nên những bậc đại thành tựu này đều đi trước rồi, chúng sinh thật đáng xót thương!”, Kiều Phạm Bát Đề càng cảm khái.

“Nếu những bậc thầy của ta đều đã đi, ta ở nơi này cũng không còn ý nghĩa, chỉ bằng nhập Niết bàn ở đây!”.

Kiều Phạm Bát Đề lập tức nhập vào thiền định, nhảy vào không trung, thân phóng hào quang, bắn ra nước, lửa, tay sờ nhật, nguyệt, hiện ra các loại thần biến, từ tâm luân phóng lửa thiêu cháy, từ trong thân chảy ra bốn dòng nước, từ trên trời chảy đến nơi ở của đại Ca Diếp.

Sinh mệnh ở trong nước này lên tiếng:

Kiều Phạm Bát Đề thủ lễ, diệu chúng đệ nhất đại đức tăng.

Văn Phật diệt độ ngã tùy khứ, như đại tượng khứ tượng tử tùy.

Nghĩa là:

Kiều Phạm Bát Đề dập đầu lạy,

Đứng đầu diệu chúng đại đức tăng,

Nghe Phật diệt độ ta theo đi,

(Như) voi lớn đi rồi voi con theo.

Ý nói: Ta Kiều Phạm Bát Đề dập đầu kính lễ đại Ca Diếp, do đại Ca Diếp là vị tăng đầy đủ diệu đức trong đại chúng. Bởi vì Đức Phật đã diệt độ, ta cũng muốn đi theo Ngài, cũng giống như voi chúa đi rồi, voi con theo sau vậy.

Kiều Phạm Bát Đề tự tại thị hiện các loại thần biến như vậy rồi nhập diệt.

A Nan tôn giả nhập diệt trên không nơi sông hằng

Tôn giả A Nan được khen là Đa Văn đệ nhất trong các đệ tử Phật, ngài là em họ của Phật, từ khi bắt đầu xuất gia tới khi Thế Tôn nhập diệt, tôn giả A Nan đều đảm nhiệm vai trò thị giả của Phật. Sau khi Như Lai diệt độ, kinh điển pháp tập lần thứ nhất, pháp tập kinh tạng chính do A Nan tụng đọc.

Khi Đức Phật nhập diệt, tuy A Nan đa văn, nhưng vẫn chưa chứng đắc quả A La Hán, nên bị đại Ca Diếp gạt ra ngoài hàng ngũ những người kết tập kinh điển. Trải qua rất nhiều kích thích, ngài càng thêm nỗ lực, cuối cùng ngài cũng chứng nhập vào bậc thánh, thị hiện thần thông, từ lỗ khóa ngoài cửa tiến vào nơi kết tập. Sau đó, ngài du hóa các nơi, tuyên dương diệu pháp, độ hóa chúng sinh.

Một ngày nọ, A Nan đi qua trong rừng trúc, nghe thấy một tỳ kheo đang tụng kệ pháp cú:

*Nhược nhân sinh bách tuế, bất kiến Thủy Lão Hạc,
Bất như sinh nhất nhật, nhi đắc đồ kiến chi.*

(Con người nếu như sống trăm tuổi, chưa thấy qua loại chim “Thủy Lão Hạc”, không bằng sống một ngày, thấy qua loài chim này)

A Nan nghe thấy cảm giác kỳ quái nói thầm: Đức Phật vốn đâu có nói như vậy! Ngài tiến tới nói với tỳ kheo ấy rằng:

“Bài kệ người vừa tụng không phải lời dạy của Phật. Có hai loại người, một là phỉ báng Phật; hai là người đa văn sinh tà kiến, một loại không hiểu nghĩa lý sâu sắc Phật sở thuyết diên đảo vọng thuyết pháp. Cả hai loại người sẽ chỉ làm hại bản thân, không thể khiến người lìa xa tam ác đạo. Bài kệ người vừa tụng không đúng, Đức Phật dạy như thế này:

*Nhược nhân sinh bách tuế, bất giải sinh diệt pháp,
Bất như sinh nhất nhật, nhi đắc liễu giải chi
(Nếu người sống trăm năm, không hiểu pháp sinh diệt,
Không bằng sống một ngày, nhưng rõ hiểu đó vậy)*

Tỳ kheo nghe xong, bán tín bán nghi, trở về hỏi thầy mình. Thì ra, trong Phạn văn chữ của hai bài kệ rất giống nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn khác. Thầy của vị tỳ kheo cứ khẳng khẳng mình đúng và nói:

“A Nan nay đã lớn tuổi, nói năng cũng hồ đồ mất rồi. Người mặc kệ ông ta, cứ theo lời ta dạy tiếp tục trì tụng”.

Lần sau, A Nan lại đi ngang rừng trúc, vẫn nghe tỳ kheo nọ đọc tụng sai, rất kỳ lạ hỏi hẩn, tỳ kheo này liền đem lời thầy mình phê bình A Nan thuật lại.

A Nan kinh ngạc:

“Vị tỳ kheo kia không tiếp thu chỉ dạy của ta, mà cam chịu tiếp thu giáo pháp sai lầm.

Ngài liền nhập tam muội quán sát, phát hiện bất luận là vị đại đức, thánh giả nào đến chỉ dạy tỳ kheo này, ông ta cũng không tiếp thu. A Nan bất giác cảm thán sau khi Đức Phật nhập diệt, chính pháp nhanh chóng bị hoại tán, tà kiến thế gian ngày một thịnh, bất thiện tăng trưởng, phủ bóng Như Lai, đoạn tuyệt chính giáo, vĩnh viễn chìm đắm vào biển lớn sinh tử.

“Nếu đã không cách nào tiếp tục làm lợi ích cho chúng sinh ta tiếp tục lưu lại thế gian này cũng không còn ý nghĩa gì” A Nan nghĩ thầm, dự định nhập Niết bàn, ngài liền đến cáo biệt vua A Xà Thế.

Gặp lúc vua A Xà Thế đang ngủ, A Nan nhờ môn nhân chuyển lời việc ngài sẽ nhập Niết bàn và đi qua Tỳ Xá Ly. Vua A Xà Thế mơ thấy bảo cái trên ngôi vua bị gãy giập mình tỉnh giấc, môn nhân báo có A Nan đến từ biệt, vua A Xà Thế vội vàng mang theo quân đội đuổi theo A Nan.

Bấy giờ A Nan đã lên thuyền tới giữa sông Hằng, đi về hướng Tỳ Xá Ly. Quốc vương ở hai bờ sông Hằng vì tranh chấp việc muốn Ngài A Nan nhập Niết bàn trong cảnh giới mình, nên phát động chiến tranh không ngừng. A Nan đành phi thân bay lên trên không ở giữa sông Hằng, thị hiện 18 loại thần thông biến hóa, nhập Phụng Phấn Tấn tam muội, đem xá lợi toàn thân chia làm bốn phần, một phần cho đại hải Sa Ca Long vương, một phần cho Thích Đề Hoàn Nhân cõi trời Đao Lợi, một phần cho vua A Xà Thế, một phần cho nhân dân Tỳ Xá Ly, rồi ngài nhập diệt tại nơi đó.

Phổ Hóa thiên sư tiêu tan trên không trung

Phổ Hóa thiên sư là sư thúc của thiên sư Lâm Tế Nghĩa Huyền, hai người tình nghĩa thâm hậu, Phổ Hóa giúp đỡ Nghĩa Huyền mở ra tông Lâm Tế.

Năm đầu niên hiệu Hàm Thông đời Đường Ý Tông (860 – 873), nhân duyên trụ thế của Phổ Hóa đã hết, ông tìm tới chợ trong thành, giống như mỗi ngày, gặp ai cũng xin người đó một đồng tiền, nhưng lần này ông không xin tiền, chỉ nói với mọi người:

“Xin cho tôi một cái áo”.

Mọi người nghe Phổ Hóa thiên sư muốn áo dài, nghĩ rằng ông bị lạnh, có người cho áo choàng, có người cho áo vải. Nhưng, ông đều không lấy, cứ chống tích trượng mà đi.

Lâm Tế nghe nói, sai người mang đến cho Phổ Hóa một cỗ áo quan. Phổ Hóa mới hoan hỉ cười nói rằng:

“Cái thằng Lâm Tế này, sao lắm mồm lắm miệng thế”.

Rồi vui vẻ nhận.

Ngày nọ, Phổ Hóa từ biệt đại chúng, ông bảo:

“Phổ Hóa ngày mai sẽ đi đến cửa đông mà chết”.

Người trong quận, dân trong chợ thông báo lẫn nhau, mọi người đều muốn xem Phổ Hóa thiên sư chết như thế nào, đám đông kéo nhau theo Phổ Hóa ra thành, xem cách ông chết như thế nào.

Không ngờ, Phổ Hóa không chịu chết. Ông làm như không có việc gì xảy ra nói:

“Hôm nay là ngày không tốt, không thích hợp đi”.

Khiến mọi người bàn tán xôn xao, rất cụt hứng.

Tiếp đến, ông tuyên bố:

“Ngày mai, Phổ Hóa muốn tới cửa nam hóa diệt”.

Tuy đại chúng bị hờ một lần, nhưng vẫn cảm hứng thích xem nên náo nhiệt vẫn nguyên vẹn. Hôm sau, mọi người lại đi theo ông ra cửa nam.

Không ngờ, ra tới cửa nam, ông lại nói:

“Ngày mai ra cửa tây chết, mới được may mắn”.

Kết quả, lại làm mọi người cụt hứng. Hôm sau, khi ra cửa tây, ông lại nói ngày mai ra cửa bắc mới chết, lúc ấy mọi người chán nản bỏ bê ông.

Ngày thứ tư, ông tự khiêng cỗ áo quan ra ngoài cửa bắc. Chống tích trượng, tự mình bò vào trong áo quan, chết, không hề phiền tới người nào khác.

Người trong quận, người ngoài chợ nghe tin Phổ Hóa đã chết thật, thoáng chốc đều ngơ ngác. Rồi đột nhiên, toàn bộ mọi người cuống cuống chạy đi, công việc đang làm bỏ hết, họ tranh nhau chạy ra cửa bắc xem Phổ Hóa chết ra sao.

Khi họ kéo đến trước áo quan, dỡ nắp quan tài lên, chỉ thấy trống rỗng, không thấy Phổ Hóa đâu.

Đột nhiên từ không trung truyền đến tiếng tích trượng quen thuộc, Phổ Hóa ẩn hiện trên không biến mất.

Ẩn Phong thiên sư đứng lộn ngược nhập diệt

Ẩn Phong thiên sư ở Ngũ Đài sơn, là thiên tăng vào thời Đường, người Thiệu quận, Phúc Kiến, tục tính họ Đặng,

do đó người đời gọi là Đặng Ấn Phong. Khi còn bé, ông dẫn độn không trí huệ, không nghe lời dạy của cha mẹ, sau này cha mẹ liền cho ông xuất gia. Ban đầu Ngài tham vấn thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất, sau đó tham học Thạch Đầu thiền sư, khi ngộ nhập, lại trở về với Mã Tổ.

Sau Đặng Ấn Phong thường ở Nam Nhạc Hằng sơn vào mùa đông và ở Thanh Lương Ngũ Đài sơn vào mùa hè. Vào những năm Nguyên Hòa của Đường Hiến Tông (806 – 820), ông lên Ngũ Đài sơn, trên đường từ Hoài Tây xuất phát, gặp phải quân Ngô Nguyên Tế làm phản, bị họ cản đường.

Ngô Nguyên Tế là con trai của Hoài Tây tiết độ sứ Ngô Thiếu Dương, Thiếu Dương khi chết vào năm thứ 9 niên hiệu Nguyên Hòa (814), Nguyên Tế không phát tang, tự lãnh quân vụ. Năm sau, Nguyên Tế thả quân cướp bóc, xâm phạm Đông đô Lạc Dương, do đó Đường Hiến Tông, năm thứ 10 niên hiệu Nguyên Hòa (815 – 817), tiến hành thảo phạt loạn Hoài Tây, đó là cuộc chiến gian khổ nhất đối với các phiên trấn của Đường Hiến Tông.

Khi Ấn Phong tới Hoài Tây, quan quân và giặc cướp đang giao phong, chưa phân thắng bại. Bấy giờ, Ấn Phong nổi lòng từ bi, nói:

“Ta phải tới trước giải quyết trận chém giết này”.

Liền quảng tích trượng lên không trung, phi thân bay lên, từ giữa hai cánh quân bay qua. Tướng sĩ của hai bên ngẩng đầu nhìn thấy vị tăng kỳ dị bay trên không trung, lòng tranh đấu bỗng dứt, bỏ đao kiếm không đánh nữa. Trong thiên môn Trung Quốc, cấm không cho hiển lộ thần thông, Ấn Phong thiền sư đã hiển lộ cảnh giới thần dị, sợ làm mê hoặc mọi người, vì thế quyết định vào Ngũ Đài sơn, nơi Kim Cang động bắc đài thị tịch.

Thiền sư Đặng Ấn Phong suy tính nên nhập diệt cách nào, vô cùng phiền não. Vì ông muốn chết kiểu kỳ đặc lạ lùng, nên hỏi mọi người:

“Các nơi người tu hành khi nhập diệt, có vị ngồi mà đi, có vị nằm mà đi, những kiểu này ta đều đã thấy qua. Nhưng có vị nào đứng mà hóa chưa?”.

Không ngờ, có người trả lời rằng: “Có”.

Ông lại hỏi:

“Vậy có người nào lộn ngược nhập diệt chưa?”.

Đại chúng bàn tán rất lâu, sau kết luận:

“Chưa từng gặp ai lộn ngược mà hóa diệt!”.

Ấn Phong thiền sư lập tức lộn ngược nhập hóa, chốc lát đã nhập diệt. Y phục vẫn ngay ngắn, xuôi theo cơ thể, cũng cùng lộn ngược. Đại chúng cùng bàn định, muốn khiêng ông hỏa thiêu, nhưng làm cách nào cũng không làm ông nhúc nhích được. Việc Ấn Phong lộn ngược chết trở nên cảnh tượng lạ ở Ngũ Đài sơn. Đại chúng xa gần Ngũ Đài sơn kéo đến chiêm ngưỡng cảnh tượng kỳ lạ lộn ngược mà vẫn bất động, kinh ngạc tán thán không xiết!

Ấn Phong thiền sư có một em gái xuất gia làm ni, bấy giờ cũng đang ở gần đó, nghe chuyện quái dị về anh mình, vội vàng đến trước động Kim Cang. Ni sư vừa nhìn thấy huynh trưởng suốt đời làm việc kỳ quái, ngay lúc chết cũng chết một cách quái gở, giận tức run người. Bà đưa tay vịn vào xác của anh, trách:

“Anh ơi, xưa kia còn sống, anh không giữ luật nghi nhà Phật thì thôi, sao lúc chết vẫn còn mê hoặc mọi người thế?”.

Rồi xô mạnh xác của Ấn Phong. Đặng Ấn Phong bị em mình điểm đúng chỗ nhược, ngã đổ xuống, bà em của ông

liền cùng mọi người đem đi hỏa thiêu, thu lấy xá lợi, lập tháp an trí. Đó chính là Ấn Phong tháp nổi tiếng ở Bắc Đài sơn.

Tha tâm thông của Mật Lặc Nhật Ba tôn giả

Trong “Mật Lặc Nhật Ba Ca tập”, ghi chép về sự tích Tha Tâm thông của đại sư Mật Lặc Nhật Ba, người tu hành Mật pháp thành tựu. Đương thời, đại sư rất được cư dân sùng ngưỡng, khiến một người tên Tháo Phổ rất đố kỵ, quyết định đầu độc hãm hại tôn giả.

Tên Tháo Phổ này có tình nhân trong thôn. Hắn liền kêu người đàn bà này bỏ thuốc độc vào trong bát bơ sữa, đem cúng dường cho tôn giả Mật Lặc Nhật Ba, chuẩn bị hại độc chết Ngài. Tháo Phổ hứa với người đàn bà nếu làm tốt việc này, nhất định sẽ tặng cho bà ta một miếng ngọc bích lớn. Người đàn bà tưởng ông ta thật lòng, liền bỏ thuốc độc vào trong sữa bơ dâng cúng cho tôn giả. Do tôn giả đầy đủ tha tâm thông, nên sớm đã biết hết toàn bộ âm mưu.

Tôn giả quán sát nhân duyên, biết rõ những chúng sinh có duyên với Ngài đều đã hóa độ xong, tuy thuốc độc không thể làm hại Ngài, nhưng ngày Ngài nhập niết bàn cũng sắp đến, vì thế liền chuẩn bị thọ cúng dường độc dược. Nhưng tôn giả biết rằng, nếu trước khi cúng dường sữa độc, người đàn bà không nhận được ngọc thạch, bà ta sẽ không bao giờ nhận được. Bởi vì Tháo Phổ vốn có ý lừa dối. Do đó, tôn giả liền nói với người đàn bà kia:

“Nay ta không muốn ăn, ngày mai hãy mang đến, lúc đó ta sẽ ăn”.

Bà ta nghe tôn giả nói, trong lòng vừa nghi hoặc vừa sợ hãi, nghĩ rằng tôn giả chắc đã biết trong sữa có độc, lo lắng bất an quay trở về.

Bà gặp Tháo Phổ đem chuyện đã xảy ra kể cho hần nghe và tin rằng nhất định tôn giả có thần thông, biết Tháo Phổ muốn hạ độc chết ngài, nên không chịu nhận sự cúng dường.

Tháo Phổ nói:

“Hừ! Ông ta nếu có thần thông, vì sao không bắt bà tự ăn hết sữa độc? Lại kêu bà ngày mai mang tới, chứng tỏ ông ta không có thần thông. Trước tiên, bà hãy cầm lấy miếng ngọc này, rồi đem sữa bơ cho ông ta, lần đi này bà nhất định phải bắt ông ta ăn!”.

Sau đó hần liền đưa ngọc cho bà.

Bà ta nói:

“Mọi người tin nhất định là ông ta có thần thông, do ông ta có thần thông nên hôm qua mới không ăn. Dù hôm nay tôi có mang đi, ông ta quyết sẽ không ăn. Tôi sợ lắm, không dám đi, chẳng thà không lấy miếng ngọc này. Xin hãy buông tha tôi, đừng bắt tôi làm việc này cho ông nữa”.

Tháo Phổ đáp:

“Chỉ có người ngu mới tin ông ta có thần thông, bởi họ không đọc kinh sách, không hiểu đạo lý nên mới bị lời nói ngông cuồng của ông ta lừa gạt. Ta xem trong kinh sách, người có thần thông, không như bộ dạng của ông ta! Ta bảo đảm ông ta không có thần thông”.

Ông lại giả như dịu dàng mà rằng:

“Nay bà lại đem bơ sữa có độc này tới cho ông ta ăn, nếu như đạt được mục đích của chúng ta, ta nhất định không phụ lòng bà đâu. Chúng ta yêu thương lâu rồi, không còn sợ ai đàm tiếu nữa, nếu bà làm thành công việc này, ta cùng bà kết hôn, không những miếng ngọc này là của bà, tài sản ngoài và tài sản trong nhà của ta, đều giao hết cho bà quản lý. Hai ta cùng chung họa phúc, đầu bạc răng long, bà có chịu vậy không?”.

Người đàn bà này tin là thật, lại đem thuốc độc bỏ vào trong sữa, mang đến cúng dường tôn giả. Lần này tôn giả mỉm cười vui vẻ tiếp nhận. Lòng người đàn bà nghĩ: “Lời của Tháo Phổ quả không sai, ông ta thật sự không có thần thông gì cả”.

Tôn giả mỉm cười với bà ta:

“Cái giá của người khi làm việc này – miếng ngọc đó, người lấy được chưa?”.

Người đàn bà nghe xong, hoảng hồn thất sắc, kinh ngạc đến nỗi không thốt được lời nào. Nhất thời xấu hổ sợ hãi trộn lẫn, toàn thân run rẩy, mặt mũi xanh lè. Vừa lễ bái, vừa khóc mà run giọng:

“Ngọc đã lấy được rồi ạ, nhưng xin Ngài đừng ăn bát sữa này, đưa nó cho con!”.

Tôn giả nói:

“Bà muốn bát sữa này làm gì?”.

Bà ta khóc nói:

“Để người tạo tác ác nghiệp con đây ăn hết!”.

Tôn giả nói:

“Một là ta không nhẫn tâm để bà ăn, vì bà thật đáng thương; hai là nếu ta không tiếp nhận cúng phẩm của bà, ta đã làm ngược Bồ Tát học xứ, phạm căn bản đạo. Đặc biệt sự nghiệp tự, tha, độ sinh cả đời ta đã viên mãn, thời điểm đến thế giới khác cũng đã điểm.

“Thật ra, cúng phẩm của bà vốn không hại ta được, uống và không uống vốn không chút quan hệ. Nếu lần trước ta uống bát sữa bà đem tới, viên ngọc e rằng không tới tay bà đâu, nên ta không uống. Nay, bà đã có được ngọc trong tay, ta có thể an tâm uống, đồng thời ông ta cũng có thể thỏa mãn nguyện vọng. Lại nữa, ông ta tuy hứa với bà sau khi làm xong việc, cho bà cái này cái kia, nhưng lời ấy không đáng tin. Những lời ông ta nói về ta, một câu thật cũng không đúng”.

“Hai người các ngươi thường quên hạnh phúc của mình, tự tìm đau khổ, tội nghiệt các ngươi tạo ra lần này, ta phát nguyện thay các ngươi thành tịnh thiên trụ. Vì sự an toàn của các ngươi, việc làm lần này, mặc dù sớm muộn mọi người đều biết, nhưng trước khi ta chưa chết, nhớ kỹ đừng nói với người khác”.

Nói xong, tôn giả liền uống hết sữa độc.

Sau khi tôn giả uống sữa độc do người đàn bà cúng dường liền ngã bệnh, thị hiện nhân duyên nhập diệt.

Mật Lặc Nhật Ba đại sư, sinh tử tự tại, trước khi nhập diệt còn đùa một chút với các đệ tử.

Mật Lặc Nhật Ba thượng sư do uống sữa độc bị bệnh, trước khi nhập diệt, Ngài nói với các đệ tử:

“Bổn lai người đại tu hành viên tịch nơi thôn trấn, cũng giống như hoàng đế chết ở trong nhà bình dân vậy, nên ta muốn tới Khúc Ba tìm nơi để chết”.

Do hai nơi này có chút khoảng cách, đệ tử là Sắc Vân Nhạ Ba nói:

“Thượng sư ơi! Ngài bệnh nặng như vậy, đi đến đó rất cực khổ, chúng con sẽ tìm một cỗ kiệu khiêng thầy đi!”.

Tôn giả nói:

“Ta không thật sự bệnh, ta chết không phải chết thật, chỉ thị hiện tướng bệnh, tướng chết mà thôi! Không cần dùng kiệu nào cả. Hỡi các đồ đệ trẻ tuổi, các con hãy tới Khúc Ba trước đi”.

Không ngờ khi các đồ đệ trẻ tuổi đến Khúc Ba, tôn giả sớm đã ở nơi động nhai Tích Kết đợi họ. Rất nhiều đồ đệ lớn tuổi nói:

“Là chúng ta cùng đi với tôn giả đến đây”.

Lại người khác nói:

“Tôn giả ở trên Độc Long đỉnh dưỡng bệnh”.

Các thí chủ tới thôn Khúc Ba sau liền nói:

“Chúng tôi nhìn thấy tôn giả thuyết pháp ở Ca đỉnh quật”.

Lại có một số thí chủ nói:

“Chúng tôi cùng tới tôn giả”.

Còn rất nhiều người lại nói:

“Chúng tôi mỗi người tự ở trong nhà mình, đều có một vị tôn giả đến thọ sự cúng dường”.

Còn những người đến Khúc Ba trước nhất nói:

“Tôn giả tới Khúc Ba trước! Chúng tôi hầu hạ tôn giả cùng tới đây!”.

Những người đến sau, người nhìn thấy tôn giả thuyết pháp và người cúng dường tôn giả, ai nấy đều cho mình là

đúng, tranh biện với nhau, không biết ai đúng ai sai. Tôn giả nghe thấy cười nói:

“Mọi người các người đều đúng. Ta làm như thế, chẳng qua là đùa với mọi người một chút thôi!”.

Đó là thần thông hóa thân vô số của Mật Lạc Nhật Ba tôn giả.

Nhập diệt khi đi kinh hành

Trong kinh điển Nam truyền “Thanh tịnh đạo luận - Thuyết tùy niệm nghiệp xứ phẩm”, có một sự tích về việc tỳ kheo do tu học thiền quán hô hấp, dự biết thời gian sinh tử tự tại.

Một đêm trăng sáng tròn vằng vặc, tỳ kheo trưởng lão khi đi kinh hành chăm chú nhìn ánh trăng sáng trên trời, quán sát được thọ mạng bản thân sắp hết, ông quyết định trước khi chết thị hiện một phép nhỏ.

Ông hỏi các tỳ kheo khác:

“Các người trước đây xem qua các tỳ kheo nhập Niết bàn ra sao?”.

Có người đáp: “Có người ngồi mà hóa”.

Có người thưa: “Có người ngồi xếp bằng kiết già trên không trung nhập diệt”.

Trưởng lão tỳ kheo liền đáp:

“Hiện nay ta cho các người thấy ví dụ về việc nhập diệt khi đi kinh hành”.

Trưởng lão liền vẽ một đường nơi kinh hành.

“Hiện nay ta từ đầu này đi kinh hành, tới nơi vẽ đường chỉ, sẽ nhập Niết bàn”. Thế rồi khi kinh hành ngài đập lên đường vẽ đó rồi nhập Niết bàn.

Kim Sơn hoạt Phật thị hiện hành vi điên khùng

Phật sống Kim Sơn là một người tu hạng điên khùng thời cận đại. Phật sống Kim Sơn bình thường ăn mặc lôi thôi lếch thếch, khi gặp tín đồ lễ bái, ông bò trên đất mà dập đầu lia lịa. Vừa dập đầu, trong miệng không ngừng niệm:

“Phật a! Quán Thế Âm Bồ Tát a!”.

Vì sao mọi người xưng Ngài là “Phật sống Kim Sơn”?

Ngài vốn là tỳ kheo xuất gia nơi chùa Kim Sơn, pháp danh Diệu Thiện. Tôn hiệu “Phật sống” có rất nhiều truyền thuyết, trong đó có thuyết vì trước đây Ngài ở chùa Kim Sơn sung vào chức vụ nhang đèn nơi Tầng Kinh Các, không thích thuyết pháp, chỉ thích tọa thiền, thường ngồi tịnh tọa nơi cửa sổ, mọi người sợ là quá nguy hiểm, Ngài lại muốn hàng phục ma quỷ.

Ngày nọ, khi đang tịnh tọa, bỗng bị hôn trầm, té từ trên cửa sổ xuống, mọi người dưới đất đều kêu lên hoảng hốt, bởi vì Tầng Kinh Các cao cách mặt đất mười mấy trượng, dưới đất đều có đá tảng, dù không chết cũng khó sống. Đại chúng vội chạy ủa lên trên, nhưng chợt nhìn thấy sư phụ Diệu Thiện vẫn ngồi ngay ngắn trên đất, chân vẫn xếp bằng tròn kiết già như đang tịnh tọa, tăng tục đều kinh dị, danh hiệu Phật sống liền được tuyên dương.

Khi Diệu Thiện thiền sư ăn cơm, thường thích trộn gỏi sắt và nhọ nôi trên chảo sắt vào cơm, lại thêm vào nước mũi nước miếng của mình trộn nhào lên rồi ăn. Đi trên đường nhìn thấy vỏ dưa, vỏ đậu phộng, vỏ trái cây, giấy có chữ, giấy súc... đều quơ ráo vào miệng nuốt sạch. Những đệ tử đi chung chê những đồ này dơ dáy không cho ngài ăn, ngài mặc kệ, vẫn làm như vậy, và còn hỏi ngược lại đệ tử:

“Thế nào là dơ dáy? Dơ và sạch có gì phân biệt?”.

Có người đem tiền cúng dường ngài, ngài liền vò lại nuốt ngay vào bụng. Người ta cúng dường ngài hai chén ba chén cũng ăn, tám chén mười chén cũng ăn, không nói đủ, cũng không nói thiếu.

Sau này Diệu Thiện thiền sư tới Ngưỡng Quang hoàng hóa, để lại rất nhiều giai thoại. Sau này chùa nơi ngài ở bị chính phủ Miến Điện (Mianmar) đóng cửa, ngài liền ở trên Đại Xá tháp bắt đầu nhịn ăn cơm, mỗi ngày ra đường lượm vỏ trái cây, rác, sắt vụn... lột dĩa. Thêm đó mỗi ngày ngài ở trên các phiến đá nóng lạy Phật, nên bị nhiệt độc, hai mu bàn chân mọc ghẻ độc, ngài vẫn lễ bái như cũ. Các tục gia đệ tử thấy ngài bị bệnh, không ai chăm sóc, liền đón ngài về nhà, mời thầy thuốc đến khám bệnh cho ngài nhưng ngài không chịu, mụn ghẻ ở chân bị lở loét và có dòi, ngài cũng không chịu cho khám bệnh, đem mỗi một con dòi cắn thận bắt ra, kêu người đem phóng sinh nơi bãi cỏ.

Sau đệ tử của ngài nhìn thấy mụn ghẻ càng ngày càng lở loét, máu và mủ tuôn đầm, xin ngài đi khám chữa, ngài than một hơi dài:

“Đệ tử tuy có tiền, có tâm xả, nhưng làm sao chuyển biến được nghiệp lực của ta!”.



Bất luận khuyên cách nào, Diệu Thiện thiền sư trước sau đều không chịu chữa, vì thái độ ngài kiên quyết, các đệ tử hết cách khuyên can.

Sau các đệ tử đoán bệnh của ngài hoàn toàn do ngài không chịu tắm, bị nhiễm nhiệt độc gây ra, nếu tắm nước lạnh hoặc có thể đỡ bệnh; họ xin ngài đi tắm, pháp sư đồng ý và nói:

“Con muốn ta đi tắm, rất tốt! Ta xem hôm nay cũng là ngày ta phải tắm rồi”.

Dứt lời, liền bò xuống giường, mọi người đỡ ngài vào phòng tắm, dẫn Phật sống đứng dưới vòi sen chỉ cho ngài cách mở nước, và nói:

“Thầy rất lâu đã không tắm, phải tắm nhiều một chút, mới có thể trừ khí nóng”.

Diệu Thiện pháp sư cười hề hề:

“Ta biết rồi, nhất định phải tắm lâu, chỉ tắm lần này, khỏi phải tắm nữa”.

Sau khi các đệ tử đi ra ngoài, đóng cửa phòng tắm lại. Qua một lúc lâu, không thấy ngài ra, mọi người tưởng ngài muốn tắm thêm, đành đợi, đồng hồ trên tường điểm 9 tiếng, tắm đã hai tiếng đồng hồ, vẫn không thấy ra, chạy tới cửa nghe ngóng, chỉ nghe tiếng nước chảy ào ào, bọn họ trong lòng buồn cười, cảm thấy Phật sống quả là kỳ lạ, mấy năm trời không tắm, tắm một lần quá lâu. Lại qua lâu lắm, mọi người cảm thấy không ổn, gọi ngài cũng không nghe trả lời, đẩy cửa vào, thấy nước vẫn đang chảy, Diệu Thiện thiền sư đứng ngay dưới vòi hoa sen đã nhập diệt từ lúc nào rồi.



Mục lục

Lời nói đầu	5
Dẫn nhập	6
Thần thông là gì?	9
Quan niệm của Phật giáo về thần thông	60
Đặc tính của thần thông trong Phật pháp	94
Nguyên lý của phép thần thông	155
Thần biến của Phật, Bồ Tát	173
Cảnh giới bất khả tư nghị của thần thông	202

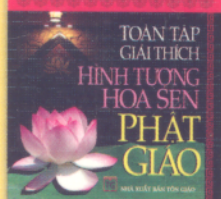
TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

PHÉP THẦN THÔNG PHẬT GIÁO



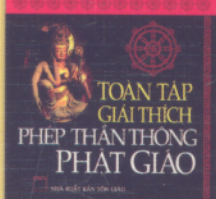
TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN VĂN LANG
Biên soạn



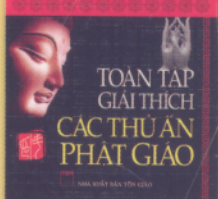
TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN VĂN LANG
Biên soạn



TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN VĂN LANG
Biên soạn



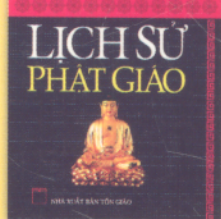
TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN VĂN LANG
Biên soạn



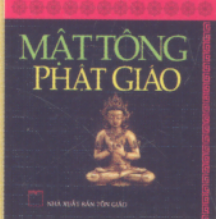
TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN VĂN LANG
Biên soạn



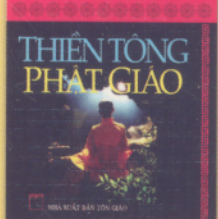
TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN VĂN LANG
Biên soạn



TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

NGUYỄN VĂN LANG
Biên soạn



CTY CP VH VĂN LANG

Thư viện
VĂN LANG

VP: 88-40-42 Ng.T.M.Khai, Q.1 * ĐT: 8242157 - 8233022 * Fax: 8235079
6T.88-01 Q.Trung, Q.GV * ĐT: 9894923 - 9894924 * Fax: 9894922
NS - 9 Phán Đình Lưu, Q.ĐT * ĐT: 2437584 - 8413306 * Fax: 8413306
Email: vanlangvt@yahoo.com * Website: www.vanlangbooks.com



8 935073 051647

Giá: 46.000đ